Tích Truyện Pháp Cú - 1 [Buddhist Legends] (Eugène Watson Burlingame; Thiền viện Viên Chiếu dịch)

Kinh Pháp Cú [Dhammapada Sutta - The Path of Truth]

TÍCH TRUYỆN PHÁP CÚ
Thiền Viện Viên Chiếu
Nguyên Tác: "Buddhist Legends",
Eugène Watson Burlingame

Mục Lục Toàn Bộ
Lời nói đầu
Dẫn nhập
Phẩm I: Song Yếu
1. Nếu con mắt ngươi làm hại ngươi, hãy móc bỏ nó đi
2. Khóc đòi những chuyện trên trời
3. Chàng mập Tissa
4. Không lấy oán trả oán
5. Những vị Tỳ-kheo hay cãi cọ xứ
Câu-thâm (Kosambi)
6. Kala anh và Kala em
7. Đề-bà-đạt-đa đắp y không tương xứng.
8. Những đại đệ tử
9. Trưởng lão Nan-đà
10. Cunda - đồ tể mổ heo
11. Cư sĩ hiền thiện
12. Nghiệp của Đề-bà-đạt-đa
13. Bà Sumanà
14. Chuyện hai huynh đệ
Phẩm II: Không Phóng Dật
1. Những chuyện luân hồi quanh vua
Udena
2. Tiếng nói của một người giàu
3. Châu-lợi-bàn-đặc
4. Ngày lễ của kẻ ngu
5. Đại Ca-diếp
6. Hai huynh đệ
7. Magha trở thành trời Sakka
8. Một Tỳ-kheo chứng A-la-hán
9. Tissa ở phố chợ

Phẩm III: Tâm

1. Trưởng lão Meghiya
2. Người đọc được tâm
3. Một Tỳ-kheo bất mãn
4. Tăng hộ cháu
5. Trưởng lão tâm được điều phục
6. Tỳ-kheo và thần cây
7. Vì bạo ác nổi mụn nhọt 8. Nanda chăn bò 9. Vừa là mẹ vừa là cha

Phẩm IV: Hoa

1. Đất của tâm
2. Một Tỳ-kheo chứng A-la-hán
3. Vua Vidùdabha trả thù họ Thích-ca
4. Người tôn vinh chồng
5. Kosiya keo kiệt
6. Ẩn sĩ lõa thể Pàthika
7. Vua và vua các vua.
8. Đám cưới bà Tỳ-xá-khư
9. Câu hỏi của trưởng lão A-nan
10. Đế Thích cúng dường Đại Ca-diếp
11. Godhica chứng Niết-bàn
12. Sirigutta và Garahadinna

Phẩm V: Ngu

1. Nhà vua và người nghèo có vợ đẹp
2. Một tăng sinh khó dạy
3. Kẻ vận rủi trong nhà
4. Kẻ móc túi
5. Trí ngu
6. Từ trụy lạc tới đức hạnh
7. Một người cùi bị thử thách phủ nhận niềm tin
8. Một nông dân bị kết tội oan
9. Sumana - người làm vườn
10. Uppalavannà bị cưỡng bức
11. Đạo sĩ lõa thể Jambuka
12. Quỷ rắn và quỷ quạ
13. Quỷ búa tạ
14. Citta và Sudhamma
15. Sa-di bảy tuổi được lòng mọi người

Phẩm VI: Hiền Trí

1. Một người được kho báu tinh thần

2. Những Tỳ-kheo ương ngạnh
3. Trưởng lão Xa-nặc
4. Trưởng lão đại Kappina
5. Sa-di Pandita
6. Vững vàng như đá tảng
7. Yên lặng sau cơn bão
8. Một lũ lang thang
9. Chồng và vợ
10. Ít người đến bờ kia
11. Từ bỏ đen tối.

Phẩm VII: A La Hán
1. Đấng Như Lai không đau khổ
2. Thoát khỏi trói buộc
3. Một Tỳ-kheo trữ thức ăn
4. Tỳ-kheo và nữ thần
5. Đế Thích lễ kính một Tỳ-kheo
6. Tưởng mình bị khi dễ
7. Mất một mắt
8. Không tin vào ai khác
9. Trưởng lão Revata trong rừng keo
10. Một kỹ nữ cám dỗ một Tỳ-kheo
Phẩm VIII: Ngàn
1. Tên đao phủ
2. Sự chuyển hóa của Bàhiya
Dàruciriya
3. Cô gái lấy tên cướp
4. Được và mất
5. Chú của Xá-lợi-phất
6. Cháu của Xá-lợi-phất
7. Bạn của Xá-lợi-phất
8. Chàng trai tăng tuổi thọ
9. Sa-di Samkicca
10. Tỳ-kheo và kẻ cướp
11. Lưỡi dao cạo
12. Patacara bị mất cả gia đình
13. Kisà Gotami tìm hạt cải trị bệnh cho đứa con đã chết
14. Góa phụ Bazhuputtikà và những đứa con bất hiếu
Phẩm IX: Ác
1. Bà-la-môn tiểu nhất y

2. Một Tỳ-kheo bất mãn
3. Thiên nữ với Tỳ-kheo
4. Cấp Cô Độc và nữ thần
5. Tỳ-kheo không giữ gìn tốt đồ dùng
6. Chưởng khố chân mèo
7. Thương gia đại phú
8. Người thợ săn bắn mê muội
9. Thợ săn bị bầy chó của mình nuốt sống
10. Thợ kim hoàn, Tỳ-kheo và con ngỗng
11. Ba nhóm Tỳ-kheo
12. Suppabuddha lăng nhục đạo sư
Phẩm X: Hình Phạt
1. Lục quần Tỳ-kheo
2. Lục quần Tỳ-kheo
3. Một bầy trẻ
4. Tỳ-kheo và con ma
5. Tỳ-xá-khư và quyến thuộc giữ bát quan trai
6. Ngạ quỷ hình trăn
7. Cái chết của Đại Mục-kiền-liên
8. Tỳ-kheo lắm của
9. Santati, quan đại thần của vua
10. Tỳ-kheo và bộ đồ rách
11. Sa-di Sukha
Phẩm XI: Già
1. Bạn của Tỳ-xá-khư say rượu
2. Đức Phật chữa trị một Tỳ-kheo lụy tình
3. Bà ni già
4. Nhóm Tỳ-kheo cả tin
5. Ni cô và bóng sắc
6. Hoàng hậu Millikà và con chó
7. Một Tỳ-kheo thường nói không
đúng chỗ 8. Kệ của Trưởng lão A-nan 9. Đại phú, con của chưởng khố.

Phẩm XII: Tự Ngã
1. Hoàng tử Bồ-đề và con chim thần
2. Một Tỳ-kheo tham lam
3. Hãy hành động theo lời nói
4. Đừng ghét bỏ cha mẹ
5. Mahà Kàla bị giết
6. Đề-bà-đạt-đa tìm cách giết Phật

7. Đề-bà-đạt-đa gây chia rẽ trong
Tăng đoàn
8. Vị Tỳ-kheo đố kỵ
9. Cô gái giang hồ cứu mạng một cư sĩ
10. Tu tập chân chánh để tôn quý
Thế Tôn
Phẩm XIII: Thế Gian
1. Một thiếu nữ chế giễu thầy Tỳkheo trẻ
2. Đức Phật về thăm Ca-tỳ-la-vệ
3. Năm trăm Tỳ-kheo chứng quả
4. Hoàng tử Vô úy (Abhaya) mất hầu thiếp
5. Thầy Tỳ-kheo và cây chổi
6. Câu chuyện của Chỉ Man
7. Cô bé dệt vải
8. Ba mươi vị Tỳ-kheo
9. Chiến Già vu khống Phật
10. Phẩm vật không thể nào so sánh
11. Đức hạnh được trả giả
Phẩm XIV: Phật
1. Đấng toàn giác
2. Thần thông song hành
3. Long vương và ái nữ
4. Phương cách giáo giới trong ngày bố-tát của bảy đời đức Phật
5. Phật trị bệnh bất mãn cho thầy
Tỳ-kheo
6. Sa-môn và Long vương
7. Người cao quý sinh ra ở đâu?
8. Điều gì hạnh phúc nhất trên đời
9. Tôn kính những bậc đáng tôn kính
Phẩm XV: Hạnh Phúc
1. Mối tranh chấp giữa hai lân bang
2. Ma vương chế ngự thôn dân
3. Vua Ba-tư-nặc bại trận
4. Đừng nhìn say đắm nữ nhân
5. Phận ban thức ăn cho người đói
6. Ăn uống tiết độ
7. Sống chân chánh là tôn kính Phật
8. Đế Thích săn sóc Thế Tôn
Phẩm XVI: Hỷ Ái

1. Cha mẹ và con
2. Phật an ủi người phiền muộn
3. Phật an ủi kẻ ưu sầu
4. Các hoàng tử Lệ-xá và kỹ nữ
5. Cô nương tử kim
6. Đừng để tâm vào của cải thế gian
7. Ngài Ca-diếp được cúng bánh
8. Tôn giả chứng quả A-na-hàm
9. Nandiya được sanh thiên

Phẩm XVII: Sân Hận

1. Sân hận tàn phá dung nhan
2. Thọ thần và thầy Tỳ-kheo
3. Người nghèo và cô con gái
4. Việc thiện nhỏ đưa đến thiên giới
5. Bà-la-môn đón Phật như con
6. Có phải người tặng quà làm nên quà tặng
7. Không có gì quá nhiều, quá ít
8. Lục quần Tỳ-kheo.

Phẩm XVIII: Cấu Uế

1. Người đồ tể và đứa con trai
2. Dần dà từng chút
3. Con rận tiếc của
4. Thầy Tỳ-kheo kiêu ngạo
5. Tà hạnh của nữ nhân
6. Lịch sự và thô lỗ
7. Tất cả giới cấm đều khó giữ
8. Kẻ bới lỗi người khác
9. Những người lơ đễnh
10. Trưởng giả Ram
11. Tỳ-kheo bới lỗi
12. Hư không có dấu chân?

Phẩm XIX: Công Bình Pháp Trụ 1. Quan tòa bất công 2. Lục quần Tỳ-kheo

3. Không phải vì nói nhiều mà được ca tụng
4. Người trẻ có thể là trưởng lão?
5. Thế nào là người hoàn toàn?
6. Đầu trọc không làm nên Tỳ-kheo
7. Điều gì làm nên Sa-môn
8. Không phải im lặng làm nên bậc thánh
9. Cao quí là hành động cao quí

10. Đừng tự mãn
Phẩm XX: Đạo
1. Bát chánh đạo là đường tối thượng
2. Vô thường
3. Khổ
4. Vô ngã
5. Chớ hẹn ngày mai
6. Con quỉ đầu heo
7. Pothila, ông sư rỗng
8. Các lão Tỳ-kheo và lão bà
9. Cỏ úa, hoa phai
10. Chắc chắn sẽ chết
11. Người mẹ mất con và những hạt cải
12. Người đàn bà mất hết thân quyến
Phẩm XXI: Tạp Lục
1. Sông Hằng dâng nước
2. Không lấy oán báo oán
3. Các Tỳ-kheo phù hoa
4. Sa-môn giết cha mẹ
5. Cậu bé và quỉ dữ
6. Hoàng tử Bạt-kỳ làm sa-môn
7. Cư sĩ Tâm - người thành tín
8. Cô gái đức hạnh
9. Vị sa-môn độc cư
Phẩm XXII: Địa Ngục
1. Cái chết của Tôn-đà-ly
2. Con quỷ xương khô
3. Xảo thuật tìm thức ăn
4. Kẻ đào hoa
5. Thầy sa-môn tự phụ
6. Người vợ ghen tuông
7. Tự canh phòng như giữ thành
8. Các đạo sĩ lõa thể
9. Trẻ con quy y Phật
Phẩm XXIII: Voi
1. Phật bị lăng nhục
2. Thầy sa-môn luyện voi
3. Lão Bà-la-môn và các con
4. Ăn uống điều độ

5. Chú tiểu và dạ xoa
6. Con voi sa lầy
7. Voi làm thị giả Phật
8. Ma vương cám dỗ Phật

Phẩm XXIV:Tham Ái

1. Con cá vàng
2. Con heo nái tơ
3. Thầy Tỳ-kheo bỏ đạo
4. Ngôi nhà tù
5. Sắc đẹp phù du
6. Chàng trai có cô vợ diễn viên nhào lộn
7. Xạ thủ trẻ tài ba
8. Ma vương chẳng nhát được Lahầu-la
9. Nhà tu khổ hạnh hoài nghi
10. Pháp thí thắng mọi thí
11. Quan chưởng khố không con
12. Bố thí nhiều và bố thí ít

Phẩm XXV: Tỳ Kheo

1. Giữ gìn ngũ căn
2. Thầy Tỳ-kheo giết ngỗng
3. Thầy Tỳ-kheo không giữ gìn mồm miệng
4. Bằng sự tinh tấn làm vinh dự cho
Phật
5. Thầy Tỳ-kheo lạc bầy
6. Người Bà-la-môn cúng dường năm lần thành quả đầu tiên
7. Đảng cướp đi tu
8. Cỏ úa, hoa phai
9. Vị sa-môn nhàn tịnh
10. Vị sa-môn và chiếc khố rách
11. Người thầy chánh pháp là thầy ta
12. Vị sa-môn và long vương

Phẩm XXVI: Bà La Môn

1. Bà-la-môn đại hỉ
2. Thế nào là "hai trạng thái"?
3. Thế nào là bờ kia?
4. Thế nào là Bà-la-môn?
5. Đức Phật sáng ngời
6. Thế nào là Tỳ-kheo?
7. Đức nhẫn nại chinh phục sự tàn ác

8. Ngài di mẫu thọ giới
9. Tôn kính người đáng tôn kính
10. Thế nào là Bà-la-môn?
11. Người Bà-la-môn gian xảo
12. Bà Kisa Gotami, vị Tỳ-kheo ni tu hạnh đầu đà
13. Thế nào là Bà-la-môn?
14. Diễn viên xiếc Uggasena
15. Tranh cãi về sức kéo
16. Đức Thế Tôn chế ngự kẻ sân giận
17. Tôn giả Xá-lợi-phất bị mẹ mắng
18. A-la-hán có phàm thân hay không?
19. Người nô lệ trút gánh nặng
20. Khemà trí tuệ
21. Vị sa-môn và thiên thần
22. Vị sa-môn và người đàn bà
23. Bốn vị sa-di 24. Tôn giả Đại-bàn-đặc có còn sân giận không?
25. Sức mạnh tập khí
26. Thầy Tỳ-kheo bị kết tội trộm cắp
27. Tôn giả Xá-lợi-phất bị hiểu lầm
28. Tôn giả Mục-kiền-liên bị hiểu lầm
29. Bỏ cả tốt lẫn xấu
30. Tôn giả Nguyệt Quang
31. Bảy năm trong bụng mẹ
32. Cô gái giang hồ quyến rũ thầy
Tỳ-kheo Sundarasamudda
33. Jotika và Jatila
34. Vua A-xà-thế đánh chiếm lâu đài
Jotika
35. Người diễn kịch câm xuất gia làm sa-môn
36. Người diễn kịch câm xuất gia làm sa-môn
37. Người gõ đầu lâu
38. Ông bà Visàkha
39. Angulimàla, Vô não
40. Phạm hạnh của thí chủ quyết định phước báo của cúng dường
41. Phần Kết

Lời Nói Đầu

Tập "Tích Truyện Pháp Cú" này được dịch theo bản Anh ngữ "Buddhist Legends" của học giả Eugène Watson Burlingame. Nhà học giả này đã căn cứ trên nguyên tác Pháp Cú Sớ Giải

(Dhammapada Commentary) bằng tiếng
Pàli. Tương truyền Pháp Cú Sớ Giải là công trình của ngài Buddhaghosa (Phật
Âm), sống khoảng thế kỷ thứ V Tây lịch.
Nhận thấy sự lợi ích rộng lớn của nó, chúng tôi phụng dịch để đóng góp vào nền Phật học nước nhà. Tuy cố gắng hết sức, nhưng không sao tránh khỏi những thiếu sót, kính mong chư vị Cao Túc thương tình tha thứ cho.

Chúng con cũng xin tri ân Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh đã

giúp đỡ cho việc in ấn dịch phẩm.

Kính ghi,
Thiền viện Viên Chiếu
Cuối năm Ất Hợi, 1995.
Dẫn Nhập
Kính lạy đức Thế Tôn Phật Đà, đấng
Toàn Thiện Toàn Giác.
Con xin cúi đầu đảnh lễ Phật, đảnh lễ Pháp, đảnh lễ Tăng.

Cả thế gian chìm trong đêm tối dày đặc của vô minh phiền não. Ngài cũng ở thế gian mà quét sạch được nó. Với năng lực siêu phàm chứng đạt được, Ngài đã thắp sáng ngọn đèn Chánh pháp.

Ngài là bậc Toàn Trí, phân biệt rành mạch chơn ngụy trong mọi vấn đề. Đấng Đạo sư đã thuyết nói chánh pháp, vì lòng

từ vô lượng đã giảng giải giáo pháp theo căn cứ, khiến trời người đều được an vui, mãn nguyện.

"Một bản chú giải thật sinh động được lưu truyền qua bao thế hệ trên đảo Tích Lan. Nhưng vì tác phẩm viết bằng thổ ngữ địa phương nên sự lợi lạc chẳng đến được các xứ xa xôi. Không chừng tác phẩm sẽ góp phần đắc lực trong việc mang lại an lạc cho hết thảy nhân loại".

Đấy là ước nguyện của Trưởng lão Kumàra Kassapa đã thổ lộ với tôi, vị Trưởng lão đã khéo tự điều phục được mình, hằng sống với tâm an tịnh, chí nguyện luôn kiên trì. Ngài chân tình khuyến thỉnh tôi, do lòng mong muốn Chánh pháp được trường tồn.

Vì vậy, tôi sẽ thay thế thổ ngữ đầy những

lối diễn đạt dài dòng này, phiên dịch tác phẩm qua thứ tiếng thông dụng, êm ái, dễ nghe của kinh điển. Những điểm nào khó hiểu, chưa rõ nghĩa trong các câu kệ, dù chữ hay lời, tôi xin sẽ làm sáng tỏ. Phần còn lại, tôi sẽ trình bày bằng tiếng Pàli, phù hợp với tinh thần các câu kệ. Như thế, tôi mong sẽ đem đến an vui, mãn nguyện cho tâm bậc hiền trí về cả hai mặt đạo và đời.

Tác giả bản Pàli

I. Phẩm Song Yếu 1. Nếu Con Mắt Ngươi Làm Hại Ngươi, Hãy Móc Bỏ Nó Đi

Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo. Nếu với ý ô nhiễm,

Nói lên hay hành động, Khổ não bước theo sau Như xe, chân vật kéo.

Phật dạy Pháp Cú này tại đâu?

- Tại Xá-vệ.

- Cho ai?

- Cho Trưởng lão Cakkhupàla.

Tôi nghe như vầy: Tại Xá-vệ có một Trưởng giả tên là Đại Phú (Mahà Suvanna). Ông ta rất giàu, có nhiều của cải và đủ trò vui chơi giải trí, nhưng lại chẳng có con.

Ngày nọ trên đường đi tắm trở về nhà, ông trông thấy bên vệ đường một cây rừng thật lớn, tán lá to rộng. Nghĩ rằng

đây chắc là chỗ ở của một vị thần đầy uy lực, Trưởng giả ra lệnh cho dọn sạch miếng đất dưới gốc cây, rào tường chung quanh và rải cát bên trong, rồi cho trang hoàng đủ loại cờ xí và nguyện: "Nếu có một đứa con, ta sẽ tạ ơn thần xứng đáng".

Chẳng bao lâu vợ ông mang thai. Bà lập tức báo tin cho chồng. Ông liền tổ chức lễ Bảo thai cho bà. Sau mười tháng bà hạ sinh một bé trai, và ông đặt tên con là Pàla, có nghĩa là người Bảo Trợ, vì nhờ sự bảo vệ và chăm sóc cội cây mới sinh được đứa bé. Ít lâu sau, ông có thêm đứa con nữa, bèn đặt tên là Culla Pàla (Bảo Trợ em), đứa lớn là Mahà Pàla (Bảo Trợ anh). Đến tuổi trưởng thành ông bà cưới vợ cho hai con. Thời gian sau, cả hai ông bà đều qua đời, để lại cho hai anh em toàn bộ gia sản.

Lúc bấy giờ đứcPhật đang chuyển Pháp Luân. Sau khi du hành từ nơi này đến nơi nọ, Ngài trú tại Tinh Xá Kỳ Viên do Trưởng Giả Cấp Cô Độc xây cất, trị gía năm trăm bốn chục triệu đồng.

Suốt thời gian ngụ tại Kỳ Viên , đức Phật dạy về pháp sanh thiên, pháp giải thoát (Đức Thế Tôn chỉ ở lại một mùa an cư tại ngôi tịnh xá do hai nhánh thân tộc Ngài xây dựng, một nhánh gồm tám vạn gia đình bên ngoại và một nhánh gồm tám vạn gia đình bên nội. Ngài trú tạiKỳ Viên suốt mười chín hạ, và sáu hạ tại Pubbàràma, một tịnh xá do bà Tỳ-xákhư, một nữ cư sĩ lỗi lạc xây cất, trị giá hai trăm bảy chục triệu đồng. Do công đức lớn lao của hai gia đình Cấp Cô Độc và Tỳ-xá-khư, đức Phật đã an cư gần Xávệ trong suốt hai mươi lăm hạ).

Ông Cấp Cô Độc và bà Tỳ-xá-khư mỗi ngày đều đặn đi đến Thế Tôn hai lần. Họ không bao giờ đi tay không vì biết rằng các thầy Sa-di trẻ đang chờ họ để bát. Trước ngọ, họ dâng thức ăn loại cứng và loại mềm. Sau ngọ, họ cúng năm thứ dược liệu và tám thức uống. Ngoài ra họ luôn dành sẵn chỗ tại nhà cho hai ngàn Tỳ kheo. Bất cứ vị nào cần thức ăn, nước uống hay thuốc men liền được cung cấp như ý muốn.

Trưởng gỉa Cấp Cô Độc không hề thưa hỏi Phật. Người ta nói rằng sở dĩ ông không dám thưa hỏi vì Quá kính mến Phật. Ông nghĩ rằng đức Thế Tôn là một vị Phật cao qúy và là một thái tử phong nhã. Sở dĩ Thế Tôn thuyết pháp cho ai vì nghĩ đó là thí chủ của Ngài.

Nếu bây giờ phải thuyết pháp cho ta, Ngài sẽ nhọc mệt thêm. Vì lý do đó, Trưởng giả Cấp

Cô Độc không hề thưa hỏi Phật. Nhưng khi ông vừa ngồi xuống, đức Phật đã nghĩ: "Trưởng giả này bảo trợ cho Ta khi Ta không cần bảo trợ. Ta đã trải qua bốn a-tăng-kỳ và trăm ngàn kiếp để thành tựu đạo quả. Mái tóc đeo đầy trang sức Ta đã cắt bỏ, đôi mắt Ta đã vứt đi, máu thịt tim Ta cũng nhổ bỏ tận gốc. Con Ta, vợ Ta thân thiết như chính mạng sống, Ta cũng từ bỏ, chỉ vì muốn đem chánh pháp đến cho chúng sanh. Người này bảo trợ cho Ta khi Ta không cần bảo trợ". Rồi đức Phật thuyết một bài pháp.

Lúc ấy có năm mươi triệu trong số bảy mươi triệu cư dân thành Xá-vệ nghe xong liền xin làm đệ tử tại gia của Phật. Còn lại hai mươi triệu chưa tin đạo. Các cư sĩ đệ tử của Phật có hai nhiệm vụ: trước ngọ để bát cho chư Tăng, sau ngọ cầm hương hoa và cùng với tôi tớ mang

y phục, thuốc men, thức uống đi đến đức Phật nghe pháp.

Một ngày nọ, Mahà Pàla trông thấy các cư sĩ đi đến tịnh xá với hương hoa trên tay, anh ta bèn hỏi:

- Các vị đi đâu vậy?

Và được trả lời:

- Đi nghe pháp.

- Cho tôi đi với.

Rồi anh ta đi theo họ đến đảnh lễ đức Phật và ngồi bên ngoài vòng pháp hội.

Khi chư Phật thuyết pháp, các Ngài luôn tùy theo căn cơ của thính chúng từng người một, xem người nào thích hợp để

quy y, để thọ giới hoặc xuất gia. Ngày hôm ấy, đức Phật để ý đến căn cơ Mahà Pàla và thuyết pháp cho anh ta. Ngài giải thích rành rẽ, theo thứ lớp từng vấn đề về trí tuệ, bố thí, giới luật, sự sanh thiên, nghiệp báo, sự ngu si và uế trược của dục lạc, và về phước lành của hạnh xuất gia.

Gia chủ Mahà Pàla chú tâm lắng nghe. Anh nhận định khi con người từ giã cõi đời sang bên kia thế giới, chẳng có thể đem theo con cái hay tài sản; hơn nữa, cả thân này cũng chẳng đi theo được, vậy sống đời tục gia có lợi gì? Và anh định xuất gia. Vì thế cuối thời pháp, Mahà Pàla đến bên đức Phật xin gia nhập Tăng đoàn.

Đức Phật hỏi:

- Con còn thân nhân nào không, để việc

xuất gia được đúng pháp?

- Bạch Thế Tôn! Con còn một em trai.

- Vậy thì hãy báo tin cho em con.

Mahà Pàlahoan hỷ thưa:

- Xin vâng.

Rồi chào Phật trở về nhà, gọi em đến bảo:

- Này chú! Mọi tài sản trong nhà, động sản và bất động sản, anh giao hết cho chú, hãy bảo quản.

Người em ngạc nhiên hỏi:

- Còn anh thì sao?

- Anh sẽ theo Phật, gia nhập Tăng đoàn.

- Anh nói gì vậy, anh thân yêu? Khi mẹ mất anh chăm lo cho em như mẹ, đến cha mất anh lại thay cha. Nhà anh đầy của cải, chắc chắn anh sẽ làm được việc thiện dù sống đời tại gia. Xin anh đừng xuất gia.

- Này chú, sau khi nghe Phật thuyết pháp, anh không muốn sống đời tại gia nữa. Đức Phật đã giảng rất hay trong phần đầu, phần giữa và phần cuối. Ngài đã nêu lên một cách chính xác và đúng đắn ba tính chất của các pháp: vô thường, khổ và vô ngã. Anh không thể hành trì trọn vẹn giáo pháp nếu còn bận bịu việc nhà. Anh phải xuất gia em à!

- Anh ơi! Anh còn trẻ lắm, để lúc già hãy đi tu.

- Đợi đến già để thành lão khọm à! Tay

chân lụm khụm, không làm gì được theo ý mình, lại thêm con cháu đùm đề. Không, anh không thể nghe lời chú được. Anh sẽ làm tròn bổn phận Tỳ-kheo.

Tuổi già tay yếu run chân Tu sao được nữa khi thân mỏi mòn?

Anh sẽ đi tu, dù chú cản trở cách gì.

Mặc người em than khóc, Mahà Pàla đi đến gặp Phật và xin xuất gia vào Tăng đoàn. Được thu nhận và tu học, Mahà Pàla trải qua năm mùa hạ với thầy Tế độ và Giáo thọ. Mãn hạ thứ năm và làm lễ giải hạ xong, thấy đến chỗ Phật, đảnh lễ và thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Nương theo Thế Tôn con có bao nhiêu bổn phận tu tập phải thọ trì?

- Này Tỳ-kheo! Chỉ có hai là Pháp học và Pháp thiền.

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Pháp học? Và thế nào là Pháp thiền?

- Pháp học là hiểu biết Phật ngôn tùy theo căn cơ mỗi người, phải thông suốt một hoặc hai bộ A Hàm, hay toàn bộ Tam Tạng kinh điển, thuộc lòng, đọc tụng và giảng dạy. Còn Pháp thiền sẽ dẫn đến quả vị A-la-hán. Thiền định đòi hỏi một đời sống đạm bạc, ưa thích ở nơi vắng, luôn chuyên niệm về lão và tử, và khai triển Minh sát tuệ bằng sự nỗ lực bền bỉ.

- Bạch Thế Tôn! Vì con đã lớn tuổi mới xuất gia, con không thể làm tròn bổn phận đối với Pháp học, nhưng con có thể làm tròn bổn phận đối với Pháp thiền. Xin dạy cho con

thiền định.

Phật dạy cho thầy pháp tu dẫn đến quả vị A-la-hán. Thầy đảnh lễ đức Phật và tìm được sáu mươi vị Tỳ-kheo cùng đi với mình. Thầy đi khoảng hai mươi dặm (tám mươi cây số), đến một làng rộng lớn gần biên giới, và cả đoàn vào làng khất thực. Dân làng thấy các vị oai nghi chỉnh tề, làm tròn bổn phận tăng sĩ và lại dễ thân cận nên sanh lòng quý kính. Họ mời các thầy ngồi, dâng những thức ăn ngon.

Rồi họ hỏi:

- Thưa chư Tôn giả, các vị đi đâu?

- Này chư thiên tín, chúng ta đi đến một chỗ ẩn cư thích hợp.

Dân làng khôn ngoan tự hiểu rằng những vị Tỳ-kheo đáng kính đang tìm chỗ an cư

trong mùa hạ. Họ thỉnh cầu:

- Nếu chư Tôn giả bằng lòng ở đây suốt ba tháng hạ, chúng con xin quy y và thọ giới.

Nghĩ rằng nhờ những thí chủ này trợ giúp để tu ra khỏi sanh tử luân hồi, các thầy ưng thuận ở lại. Dân làng dựng ngay một tịnh xá, xây khu vực ban đêm và khu vực ban ngày, dâng cúng lên chư Tăng. Các Tỳ-kheo chỉ có việc đều đặn vào làng khất thực. Có một y sĩ phát tâm đến tịnh xá chữa bệnh, ông đã trình lên chư Tăng nguyện vọng của mình:

- Chư Tôn giả! Chỗ nào đông người đều không tránh khỏi bệnh tật. Nếu có người bệnh, xin nhắn tôi đến chữa trị.

Ngày đầu hạ, Trưởng lão Mahà Pàla đã

gọi tất cả Tỳ-kheo lại hỏi:

- Các huynh đệ, suốt ba tháng hạ các vị sẽ tu trong mấy oai nghi?

- Trong bốn oai nghi, bạch Đại đức.

- Nhưng có thích hợp không, các huynh đệ?

Chúng ta phải thật chánh niệm, chính vì đức Phật chỉ dạy Pháp thiền mà chúng ta đến đây hành trì. Sở dĩ chúng ta được chư Phật gia hộ chẳng do nhờ dối trá hai mặt, mà chính do hạnh tinh tấn tu tập. Bốn thứ khổ sanh, lão, bệnh, tử đang chờ người giải đải tán tâm, đó là cảnh giới họ ra vào quen thuộc như nhà riêng của mình. Vì thế, các huynh đệ hãy chánh niệm.

- Còn Ngài, thưa Đại đức?

- Tôi chỉ dùng ba oai nghi. Tôi sẽ không đặt lưng nằm.

- Tốt lắm! Thưa Đại đức, hãy chánh niệm!

Sau tháng thứ nhất Trưởng lão Mahà Pàla, người tự nguyện không ngủ, bắt đầu thấy nhức mắt. Nước mắt chảy ra từ mắt thầy giống như từ chiếc bình bể. Suốt đêm dài, thầy dốc hết thân tâm ngồi thiền, và chỉ đến sáng thầy mới vào liêu ngồi nghỉ. Đến giờ

đi bát, chư Tăng đến chỗ Trưởng lão thưa:

- Bạch Trưởng lão! Đã đến giờ đi khất thực.

- Tốt lắm, huynh đệ, hãy lấy y và bát.

Bảo họ lấy y bát rồi, chính thầy cũng lên đường. Các Tỳ-kheo thấy thầy chảy nước mắt, hỏi:

- Có việc gì vậy, thưa Đại đức?

- Gió làm xốn mắt tôi.

- Sao ta chẳng mời y sĩ, thưa Đại đức? Chúng ta sẽ nhắn ông ta đến.

- Tốt lắm.

Các Tỳ-kheo báo tin cho y sĩ. Ông chế một thứ thuốc gởi đến. Trưởng lão thoa thuốc mỡ vào mũi và vẫn ngồi như thường lệ. Rồi Ngài vào làng. Y sĩ gặp Ngài hỏi thăm:

- Thưa Tôn giả, con nghe nói gió làm Ngài bị đau mắt?

- Đúng thế, thiện tín ạ.

- Thưa Tôn giả, Ngài có thoa vào mũi thuốc con đã chế và gởi đến không?

- Có, thiện tín ạ.

- Bây giờ Tôn giả thấy thế nào?

- Vẫn đau nhức như trước.

Y sĩ bán tín bán nghi, thuốc mình gởi đến chỉ thoa một lần là khỏi bệnh, vì sao Tôn giả không hết đau? Ông bèn hỏi tiếp:

- Khi thoa thuốc Ngài ngồi hay nằm?

Trưởng lão im lặng. Mặc cho y sĩ hỏi đôi ba phen, Ngài vẫn không nói một lời. Y sĩ không biết làm sao để giải quyết, chỉ còn cách chào Ngài và đến tịnh xá xem

xét chỗ ở.

Liêu của Trưởng lão chỉ có lối kinh hành và một chỗ ngồi, không có chỗ nằm. Y sĩ thắc mắc:

- Thưa Tôn giả, khi thoa thuốc Ngài đã ngồi hay nằm?

Trưởng lão vẫn im lặng.

- Thưa Tôn giả, xin Ngài đừng làm vậy. Việc tu tập chỉ có thể tiến hành khi nào thân thể được chăm sóc cẩn thận. Ngài có nằm khi thoa thuốc không?

Y sĩ hỏi đôi ba lần, Trưởng lão mới trả lời:

- Hãy về đi, Y sĩ. Tôi sẽ hội ý lại và quyết định việc này.

Trưởng lão không có ai thân thích ở đó cả, vậy thì Ngài hội ý với ai? Ngài chỉ bàn với chính mình: "Này Pàlita, thầy quí con mắt hay quí Phật đạo? Trong vòng luân hồi không manh mối, biết bao lần thầy không được sáng mắt. Trong vô số muôn ngàn đức Phật đã ra đời, thầy đã không gặp được một vị nào. Giờ đây trong mùa hạ này, thầy đã quyết không nằm suốt ba tháng. Vậy cứ để cho đôi mắt bị hư. Chỉ lo giữ giới luật, đừng giữ con mắt".

Và để khiển trách thân, Ngài đọc bài kệ sau:

Mắt tai nay đã hỏng rồi, Cả thân này nữa cũng thôi không còn. Đó là chuyện mỏi mòn thân ấy, Pàlita, sao vẫn tán tâm?

Mắt tai này đã hết mong, Cả thân này nữa chẳng trông lâu dài. Đó là chuyện hoại hư thân ấy, Pàlita, sao vẫn tán tâm? Mắt tai nay đã tiêu tan, Cả thân này nữa tan hoang còn nào! Đó là chuyện hư hao thân ấy, Pàlita, sao vẫn tán tâm?

Tự khiển trách mình với ba câu kệ xong, Trưởng lão thoa thuốc lên mũi, lại tiếp tục ngồi như trước, rồi Ngài vào làng khất thực. Y sĩ trông thấy hỏi:

- Thưa Tôn giả, Ngài có thoa thuốc vào mũi?

- Có.

- Ngài thấy thế nào?

- Vẫn đau như trước.

- Thưa Tôn giả, Ngài có ngồi khi thoa thuốc hay nằm xuống?

Trưởng lão im lặng. Y sĩ hỏi lại mấy lần, Trưởng lão vẫn không nói một lời. Y sĩ bảo:

- Ngài không chịu làm điều phải làm để lành bệnh. Vì vậy Ngài không nên xin thuốc, và tôi cũng sẽ không chế thuốc cho Ngài. Tôi không còn cách nào hơn.

Bị y sĩ từ chối chữa bệnh, Trưởng lão trở về tịnh xá, tự dặn dò: "Tỳ-kheo, dầu cho thầy bị y sĩ từ bỏ, chớ từ bỏ tư thế ngồi của mình".

Như con bệnh nan y, Y sĩ thôi chữa trị, Chắc chắn gặp tử

thần, Pàlita, sao còn tán tâm?

Tự khiển trách mình với bài kệ trên, Trưởng lão lại tiếp tục thiền định. Vào cuối đêm đôi mắt Ngài mù hẳn, các lậu đồng thời hết sạch. Ngài chứng A-la-hán an trú trong an lạc của Minh sát tuệ. Rồi Ngài vào liêu ngồi nghỉ. Đến giờ khất thực, các Tỳ-kheo đến bên Trưởng lão thưa:

- Bạch Tôn giả, đã đến giờ chúng ta đi bát.

- Đến giờ rồi ư, chư hiền hữu?

- Thưa vâng.

- Thế thì các thầy hãy đi.

- Còn Ngài, thưa Tôn giả?

- Mắt tôi đã mù.

Họ nhìn vào mắt Ngài và mắt họ đẫm lệ:

- Đừng lo ngại, chúng con sẽ săn sóc Ngài.

Họ an ủi Trưởng lão, và sau khi xong bổn phận hành thiền, họ vào làng khất thực.

Không thấy Trưởng lão, dân làng hỏi thăm:

- Bạch quý thầy, Tôn giả Trưởng lão của chúng con đâu?

Khi rõ sự việc, họ gởi cháo về cúng dường Ngài. Sau đó, từng người một đem thức ăn đến đảnh lễ Trưởng lão, lăn mình dưới chân Ngài, không ngớt than

khóc. Rồi họ an ủi Ngài:

- Thưa Tôn giả, xin đừng lo lắng, chúng con sẽ săn sóc Ngài.

Từ đó, dân làng đều đặn gởi cháo đến tịnh xá. Trưởng lão thường răn nhắc sáu mươi Tỳ-kheo, và các Tỳ-kheo đều tuân hành theo lời Ngài, nghiêm chỉnh đến nỗi vào ngày giải hạ tất cả đều chứng A-lahán và đắc thần thông.

Cuối mùa an cư, vì muốn gặp Phật, các Tỳ-kheo thưa với Trưởng lão xin đi. Trưởng lão không tránh khỏi đăm chiêu: "Ta nay sức yếu, trên đường về lại đi qua khu rừng có nhiều ma quỷ. Nếu ta cùng đi, các thầy sẽ nhọc công và không thể khất thực. Ta sẽ để họ đi trước".

Và Ngài bảo:

- Các thầy hãy đi trước.

Các Tỳ-kheo thắc mắc:

- Nhưng còn Tôn giả?

- Tôi ốm yếu, đường đi phải băng qua khu rừng có nhiều ma quỷ, nếu tôi cùng đi các thầy sẽ nhọc công. Các thầy hãy đi trước.

- Không được, thưa Tôn giả. Chúng con chỉ đi cùng Ngài.

- Xin các thầy đừng làm thế, tôi chẳng vui lòng. Nếu em tôi gặp các thầy và hỏi thăm tôi, hãy bảo là tôi mù mắt, nó sẽ gởi người đến và dẫn tôi về. Hãy nhân danh tôi chào mừng đấng Thập Lực và tám mươi vị Đại Trưởng lão.

Nói xong, Tôn giả bảo họ ra đi. Bắt buộc phải lên đường, các Tỳ-kheo đành xin phép Trưởng lão vào làng khất thực rồi lên đường.

Dân làng mời ngồi, dâng thức ăn, năn nỉ ở lại; nhưng biết các Tỳ-kheo phải về gặp Phật, họ đành khóc lóc tiễn đưa. Du hành một thời gian, các thầy đến Kỳ Viên và nhân danh Trưởng lão chào mừng Đạo sư cùng tám mươi vị Đại Trưởng lão. Xong các thầy đi khất thực, qua nhà gia chủ em của Trưởng lão. Gia chủ nhận ra các thầy ngay, thân mật đón

tiếp, mời ngồi và hỏi thăm Trưởng lão.

Các Tỳ-kheo kể lại những gì đã xảy ra. Người em lăn mình trên đất, than khóc mếu máo, không biết phải làm sao bây giờ.

Các Tỳ-kheo vỗ về:

- Trưởng lão muốn có ai đến đưa Ngài về.

- Thưa, đây là Pàlita, con của chị con. Xin gởi nó đi!.

- Để nó đi không ổn vì đường nhiều nguy hiểm. Nếu cho nó xuất gia thì an toàn hơn.

Người em bằng lòng.

Thế là các thầy làm lễ xuất gia cho chàng trai, dạy anh ta cách thức đắp y v.v.. trong vòng hai tuần, rồi chỉ đường cho anh ta đi.

Băng qua nhiều làng mạc, một hôm thầy Sa-di trẻ gặp một cụ già tại cổng làng đó

và hỏi thăm:

- Chào cụ, cụ có biết một tu viện ẩn cư nào gần đây không?

- Thưa Tôn giả, có.

- Ai sống ở đó?

- Có một Trưởng lão tên Pàlita.

- Hãy chỉ cho tôi đường đến đó.

- Tôn giả là ai?

- Tôi là con của em gái vị ấy.

Cụ già liền dẫn thầy đến nơi ẩn cư. Thầy tới đảnh lễ Trưởng lão, và trong hai tuần làm đủ bổn phận từ việc lớn đến việc nhỏ đối với Trưởng lão, chăm sóc Ngài thật tận tụy. Rồi thầy đề nghị với Trưởng lão:

- Thưa Tôn giả, cậu của con mong được gặp Ngài.

Chúng ta hãy trở về.

- Tốt lắm, hãy nắm lấy gậy của ta.

Và như thế tay không rời gậy, cả hai người một già một trẻ đi vào làng. Dân làng tìm hết cách thuyết phục Trưởng lão ở lại nhưng vô hiệu, họ đành khóc lóc đưa đi một đoạn đường. Họ đi đến ngôi làng kế cận ở ven rừng tên là Katthanagara, và lần bước ra khỏi làng.

Bỗng từ xa cất tiếng hát của một cô gái đang gom củi. Thầy Sa-di chợt cảm thấy yêu mến ngay tiếng hát trong trẻo (Đức Thế Tôn đã từng dạy: "Này các Tỳ-kheo! Chưa từng có âm thanh nào khác thâu

nhiếp con tim người nam bằng tiếng người nữ"). Và quá xao xuyến thầy liền buông đầu gậy ra thưa với Trưởng lão:

- Thưa Tôn giả, chờ con một lát. Con bận một chút việc.

Nói xong thầy tất tả đi về hướng cô gái. Trông thấy thầy, nàng ngừng hát và thầy phạm giới tà hạnh với cô gái. Trưởng lão đợi thầy Sa-di hồi lâu chưa thấy trở lại, đoán ngay có điều bất thường, có tiếng hát phụ nữ và chú Sa-di lại đi lâu quá, chắc đã phạm giới rồi.

Thầy Sa-di sau đó trở về bên Trưởng lão, hối hả giục Ngài tiếp tục lên đường:

- Thôi ta đi, thưa Tôn giả.

Trưởng lão nghiêm giọng:

- Này Sa-di, con đã phạm tội phải không?

Thầy im lặng, và dù được hỏi lần nữa thầy vẫn nín khe. Trưởng lão răn tiếp:

- Một kẻ tội lỗi như chú không bao giờ được nắm đầu gậy của ta.

Thầy Sa-di quá ăn năn, cởi chiếc y vàng, khoác áo thế tục, cúi đầu nhận lỗi:

- Thưa Tôn giả, trước đây con là thầy tu, nay trở lại làm cư sĩ. Con đi tu chẳng phải do tín tâm, chỉ vì sợ những bất trắc dọc đường. Giờ thì chúng ta đi thôi.

Trưởng lão vẫn không đổi ý:

- Một kẻ xấu ác, dù là bậc xuất gia hay tại gia vẫn là kẻ xấu ác. Khi là Sa-di chú

không giữ được phạm hạnh, thì liệu chú có là người tốt khi làm cư sĩ không ? Một kẻ tội lỗi như chú không bao giờ được nắm đầu gậy của ta.

-Tôn giả ! Đường đầy ma qủy, Ngài lại mù, làm sao Ngài lại ở đây được ?

- Chú đừng lo việc ấy. Ta có nằm chết ở đây hay đi đâu chăng nữa, cũng không có gì quan trọng. Ta không đi với chú.

Nói xong, Trưởng lão ngâm đoạn kệ sau:

Ôi ánh sáng mắt ta đã mất! Con đường dài mệt mỏi xiết chi. Đi cùng với kẻ ngu si, Thà rằng nằm xuống chẳng đi, không màng. Ôi ánh sáng mắt ta đã mất! Con đường dài mệt mỏi

xiết chi. Đi cùng với kẻ ngu si, Thà rằng phải chết, chẳng đi, không màng.

Chú nghe những lời này, hối hận, nghẹn ngào, cất tiếng than:

- Con đã phạm một tội ghê gớm, một lỗi lầm kinh khủng.

Rồi khóc lóc vặn vẹo đôi tay, chú lao vào rừng mất dạng.

Đức hạnh của Trưởng lão làm cho ngai vàng Đế Thích dài sáu mươi dặm, rộng năm mươi dặm, dày mười lăm dặm, rực rỡ màu hoa hồng đỏ, tự động hạ thấp khi Đế Thích ngồi, vương cao khi Đế Thích đứng, bỗng nhiên nóng bỏng lên. Đế Thích giật mình

không hiểu ai có thể hắt ngài ra khỏi ngai như thế này, và quan

sát thế gian, với thiên Nhản Ngài thấy Trưởng lão. Người xưa kể rằng:

Đế Thích có ngàn mắt, Làm thanh tịnh mắt thần. Pàla ghét tội lỗi, Làm thanh tịnh tâm thân.

Đế Thích có ngàn mắt, Làm thanh tịnh mắt thần. Pàla sùng giới luật, An lạc trong đạo tâm.

Đế Thích tự nhủ: "Nếu ta không đến giúp một Trưởng lão ghê tởm tội lỗi và tôn sùng giới luật như vậy, thì đầu ta sẽ bể làm bảy mảnh. Ta sẽ đến giúp Ngài".

Vậy là:

Đế Thích có ngàn mắt, Thống lãnh hết chư thiên, Đến ngay

trong khoảnh khắc, Bên Cakkhupàla.

Và Đế Thích bay đến Trưởng lão. Khi đến gần, Ngài kéo lê chân.. Trưởng lão bèn hỏi:

- Ai đó?

- Tôi, một bộ hành.

- Này thiện tín, ngươi đi đâu vậy?

- Đến Xá-vệ, thưa Tôn giả.

- Hãy tiếp tục lộ trình.

- Nhưng thưa Tôn giả, Ngài đi đâu?

- Tôi cũng đến đó.

- Tốt quá, vậy thì chúng ta cùng đi.

- Này bạn, tôi ốm yếu, đi với tôi bạn sẽ chậm trễ.

- Tôi không có việc gì gấp. Hơn nữa nếu đi với Ngài, tôi sẽ được công đức vì đã làm một trong mười điều thiện. Ta hãy cùng đi, thưa Tôn giả!

Nghĩ rằng đây là một người ngoan đạo, Trưởng lão bằng lòng:

- Tốt lắm, hãy nắm lấy đầu gậy của tôi.

Đế Thích y lời và làm phép thâu ngắn đoạn đường để họ đến Kỳ Viên kịp trong chiều ấy. Và rồi tiếng kèn, trống và những nhạc cụ khác nổi lên bên tai, Trưởng lão ngạc nhiên:

- Tiếng ấy ở đâu?

- Ở Xá-vệ.

- Này thiện tín, lần trước tôi đi lâu lắm mới đến, sao kỳ này nhanh vậy?

- Thưa Tôn giả, tôi biết một lối đi tắt.

Trưởng lão hiểu ngay đây không phải là người thường mà là một vị trời.

Phạm thiên có ngàn mắt, Thống lãnh hết chư thiên, Thâu ngắn đi khoảng cách, Đến Xá-vệ thật nhanh.

Rồi Đế Thích dẫn Trưởng lão đến một túp lều bằng lá và cỏ, nơi người em của Trưởng lão dựng riêng cho anh mình ở tạm, để Trưởng lão ngồi trên giường, và hóa thành anh bạn đến thăm người em. Anh bạn này kêu lên khi đến nhà:

- Bạn Pàla!

Pàla chào bạn:

- Gì vậy bạn?

- Anh có biết Trưởng lão đã về chưa?

- Chưa! Ngài về thật sao?

- Quả vậy, tôi vừa từ nơi ẩn cư về, thấy Trưởng lão đang ngồi trong lều của anh.

Nói xong anh bạn ra đi.

Vị gia chủ bèn đi đến lều cỏ. Vừa trông thấy Trưởng lão, anh gieo mình xuống chân Ngài, lăn trên đất khóc lóc:

- Con biết mà, Trưởng lão! Vì thế con không muốn để người đi tu.

Hàn huyên thăm hỏi xong, gia chủ bèn trả tự do cho hai nô lệ, cho chúng xuất gia làm đệ tử Trưởng lão để trông nom Ngài. Anh dặn dò:

- Nhớ về làng lấy cháo và thức ăn, chăm lo săn sóc Trưởng lão.

Hai tân Sa-di chăm sóc Trưởng lão hết sức tận tụy, làm đủ các bổn phận từ việc lớn đến việc nhỏ.

Ngày nọ, một nhóm thầy Tỳ-kheo ở xứ khác đến kính viếng Phật. Sau khi lễ Phật và thăm tám mươi Đại Trưởng lão, họ đi tham quan tịnh xá. Đến thất của Trưởng lão Cakkhupàla họ bàn nhau đến vấn an Ngài. Chiều hôm đó họ định vào thăm, nhưng một cơn bão dữ dội nổi lên, họ đành quay về và hẹn sáng hôm sau trở lại. Cơn mưa lớn kéo dài suốt canh một,

đến canh hai thì dứt. Trưởng lão, một con người giàu nghị lực đã quen kinh hành, lần xuống hàng hiên vào canh năm, và vô tình giẫm chết rất nhiều côn trùng bò lổn ngổn trên nền đất ẩm. Các thầy Tỳ-kheo ngụ tại đó không quét dọn sớm, nên khi các thầy Tỳ-kheo ở xa đến thăm Trưởng lão, thấy đủ loại côn trùng nằm chết rải rác ngoài hàng hiên. Họ kinh ngạc lên tiếng:

- Ai đã bước đi trên lối này?

Và được trả lời:

- Thưa Tôn giả, Thầy chúng tôi.

Họ bực bội nói:

- Xem một Tỳ-kheo kìa! Khi ông ấy sáng mắt thì nằm ngủ và không tạo tội. Còn

bây giờ mù mắt lại nghĩ: "Tôi sẽ kinh hành". Và đã giết chừng ấy côn trùng. Ông ấy nghĩ mình làm đúng, nhưng thật chẳng đúng tí nào.

Rồi họ bỏ đi và bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Trưởng lão Cakkhupàla nghĩ "Tôi sẽ kinh hành", và đã giết hại nhiều côn trùng.

Thế Tôn gạn hỏi lại:

- Nhưng các ông có thấy ông ấy giết không?

- Thưa không thấy.

- Thực sự các ông không thấy ông ấy giết, cũng vậy, ông ấy không thấy côn trùng. Này Tỳ-kheo! Người giải thoát các

lậu hoặc, không còn ý sát sanh.

- Bạch Thế Tôn, vị ấy chắc chứng A-la- hán, vậy do đâu mà bị mù?

- Này các Tỳ-kheo, đó là vì lỗi lầm trong một kiếp quá khứ.

- Sao thế, bạch Thế Tôn, vị ấy đã làm gì?

- Các ông hãy lắng nghe!

Chuyện quá khứ

1-A. Người Đàn Bà Và Ông Thầy Thuốc Độc Ác.

Thuở xưa, khi vua Kàsi lên ngôi ở Ba-lanại, có một thầy thuốc đi dạo xóm làng chữa bệnh. Gặp một người đàn bà đau mắt, ông hỏi:

- Bà sao vậy?

- Tôi không thấy rõ.

- Tôi sẽ chữa cho bà.

- Xin thầy làm ơn chữa giùm.

- Bà sẽ trả công cho tôi thế nào?

- Nếu thầy chữa được cho tôi mắt sáng và khỏe mạnh lại như xưa, tôi và luôn cả con trai con gái tôi sẽ hầu hạ thầy.

- Tốt lắm.

Rồi ông kê toa cho thuốc. Chỉ sau một lần dùng thuốc, đôi mắt của người đàn bà sáng lại. Hạnh phúc vừa đến nhưng lại kèm theo nỗi lo âu mãi lởn vởn trong đầu: "Mình hứa làm nô lệ cho ông thầy,

cả các con mình cũng phải làm. Nhưng xem ra lão ấy chẳng tử tế đâu. Chà! Làm sao bây giờ đây? Phải tìm cách để gạt lão mới được". Kịp đến lúc thầy thuốc trở lại hỏi thăm bệnh tình, bà làm ra vẻ khổ sở:

- Trước đây mắt tôi đau ít, nay lại đau dữ dội hơn bao giờ.

Ông thầy đoán ngay là bà ta muốn lừa mình để quỵt tiền công chữa bệnh. Ông tức giận lầm bầm: "Được rồi, ta chẳng cần mụ trả công, ta sẽ cho mụ mù luôn". Và ông bỏ đi ngay không nói một lời, trước cặp mắt ngơ ngác của người đàn bà thất hứa.

Ông thầy thuốc về nhà, kể lại cho bà vợ nghe cho hả tức. Vợ ông lặng thinh, còn ông thì tức tốc bào chế một thứ thuốc mỡ khác, mang đến cho người đàn bà và dặn

thoa vào mắt. Người đàn bà làm theo chẳng chút nghi ngờ và ánh sáng đôi mắt vụt tắt.

Ông thầy thuốc đó chính là Cakkhupàla.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

- Này các Tỳ-kheo! Đệ tử ta làm ác nên bị ác nghiệp theo đuổi mãi mãi, vì việc ác đi theo người làm ác như bánh xe lăn theo chân con bò kéo xe.

Kể chuyện xong, đấng Pháp Vương, như một vị vua đóng dấu ấn bằng con triện hoàng gia lên sắc dụ đã được niêm phong, tuyên đọc bài kệ sau:

(1) Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo. Nếu với ý ô nhiễm, Nói lên hay hành động, Khổ

não bước theo sau Như xe, chân vật kéo.

2. Khóc Đòi Những Chuyện Trên Trời

Pháp cú thứ hai cũng bắt đầu bằng câu:

Ý dẫn đầu các pháp, Ý làm chủ, ý tạo. Nếu với ý thanh tịnh, Nói lên hay hành động, An lạc bước theo sau, Như bóng không rời hình.

Do Phật dạy tại thành Xá-vệ, từ câu chuyện Matthakunddali.

Tôi nghe như vầy: Tại Xá-vệ có một Bà- la-môn tên là Adinnapubbaka, có nghĩa là "không cho", vì ông ta không hề cho ai

vật gì. Ông có một đứa con trai duy nhất hết sức cưng quí. Ông muốn cho con một món đồ trang sức, nhưng biết rằng hễ giao thợ bạc chạm trổ thì phải trả tiền công, nên ông tự tay đập mỏng miếng vàng, gò thành một đôi hoa tai sáng bóng đeo cho con. Do đây mà con ông có tên là Matthakundali, nghĩa là Hoa Tai Sáng Bóng.

Lên mười sáu tuổi, con ông bị bệnh vàng da. Bà mẹ trông thấy nóng ruột, hối ông mời thầy thuốc đến chữa bệnh. Tuy thương con ông vẫn lừng khừng, không muốn đi, nên tìm cách thối thác với bà vợ:

- Bà à! Nếu gọi thầy thuốc đến, tôi phải trả công bằng lúa gạo, kho lẫm sẽ hao hụt. Bà sao không để ý đến việc bảo quản tài sản cho tôi chút nào!

Bà mẹ vẫn một mực lo lắng cho con:

- Vậy thì phải làm sao? Ông phải tính sao cho con tôi chớ?

- Yên chí! Tôi sẽ sắp xếp sao cho chẳng tốn xu nào.

Thế là ông đi đến từng thầy thuốc, tìm cách hỏi đon hỏi ren cho ra phương thuốc trị bệnh cho con ông:

- Này ông anh, nếu gặp một người bị bệnh như vầy.. như vầy..., thường thì ông trị liệu ra sao, cho uống thuốc gì?

Họ liền kể ra các thứ vỏ cây, tên cây, tên khác.. Thế là ông đi kiếm đủ thứ vỏ cây, lá rừng.. mang về sao chế thuốc cho con. Nhưng dầu làm hết cách, bệnh trạng đứa con càng ngày càng tệ. Cuối cùng hết

phương cứu chữa, ông mời hẳn một thầy thuốc đến. Nhìn thấy chàng trai quá yếu, thầy thuốc khéo léo từ chối:

- Tôi đang bận một việc quan trọng, xin mời một vị khác đến chữa trị. Tôi rất tiếc.

Và ông vội vàng rời khỏi nhà.

Thấy con mình gần chết, tuy có đau buồn nhưng vẫn không quên tính keo kiệt, bo bo giữ của, ông ra lệnh mang con ra khỏi nhà, đặt nằm trên thềm, vì sợ những người đến thăm con mình sẽ dòm ngó luôn tài sản trong nhà.

Hôm ấy, từ sáng sớm, đức Thế Tôn đã xuất định Đại Bi, và để tìm xem những ai có lập nguyện trong đời chư Phật trước, những người căn lành tròn đầy, những

đạo hữu có thể xuất gia, Ngài quán sát với Phật nhãn mở rộng đến mười phương thế giới, và thấy Matthakundali đang nằm hấp hối ngoài thềm nhà. Đấng Đạo sư biết ngay là anh ta vừa từ trong nhà được khiêng ra đặt nằm đó, và cũng biết rằng anh ta có nhân duyên với Phật, đặt niềm tin nơi Phật, sẽ chết và sẽ tái sinh lên cõi trời thứ ba mươi ba, sống trong lâu đài bằng vàng, có một ngàn thiên nữ theo hầu. Bà-la-môn sẽ thiêu xác con, rồi đi quanh bãi thiêu khóc lóc. Vị trời sẽ tự ngắm mình thân cao ba dặm, được trang điểm với sáu mươi xe đầy ắp đồ trang sức, có ngàn thiên nữ vây quanh. Vị ấy thắc mắc không biết do công đức gì mà được quả báo thù thắng như thế, và rồi vị ấy biết là do tín tâm. Rồi vị ấy thấy cha mình trước đây không chịu lo thuốc thang cho mình, nay đang đi trong bãi thiêu than khóc. Vị ấy liền quyết định sẽ

làm cho cha thay đổi tâm tánh.

Vị trời xúc động vì cha, sẽ hóa hình thành Matthakundali đi đến bãi thiêu, gieo mình xuống đất khóc lóc. Ông Bàla-môn sẽ hỏi:

- Người là ai?

Vị trời sẽ trả lời:

- Là Matthakundali, con của cha.

- Con tái sinh ở đâu?

- Ở tầng trời thứ ba mươi ba.

Ông Bà-la-môn sẽ hỏi tiếp:

- Con làm công đức gì mà được?

- Nhờ tin Phật.

Người Bà-la-môn chưa tin hẳn, sẽ hỏi lại Thế Tôn:

- Có ai do tin Phật mà được sanh thiên không?

Thế Tôn sẽ đáp:

- Chẳng phải có hằng trăm, hằng ngàn hay hằng trăm ngàn mà vô số người đều được.

Rồi Thế Tôn sẽ đọc một đoạn Pháp Cú. Cuối đoạn Pháp Cú sẽ có tám vạn bốn ngàn người được Pháp nhãn thanh tịnh. Matthakundali sẽ chứng quả Dự lưu, cả Bà-la-môn Adinnapubbaka cũng chứng quả ấy. Như vậy nhờ chàng trai ưu tú này mà nhiều người được Pháp nhãn thanh tịnh.

Đức Phật biết rõ như đã kể trên, nên hôm sau vệ sinh xong, Ngài đi giữa một đoàn Tỳ-kheo vào thành Xa-vệ khất thực, và trên đường đi Phật ghé nhà người Bà-lamôn. Lúc ấy Matthakundali đang nằm quay mặt vào nhà. Phật biết anh ta không trông thấy Ngài, bèn phóng một luồng hào quang. Chàng trai ngạc nhiên không biết là ánh sáng gì, quay mặt ra định hỏi thì nhìn thấy đức Phật, liền thưa thỉnh:

- Vì ông cha ngu xuẩn nên con không được ân huệ đến với đức Phật tôn quí, cũng không được hầu hạ Ngài, để bát hoặc nghe pháp. Giờ đây tay con cũng không nhúc nhích được, con chẳng làm gì được nữa!.

Nói vậy rồi anh ta đặt trọn lòng tin nơi Phật.

Đức Đạo sư hoan hỷ bảo:

- Vậy là đủ!

Và Ngài bước đi.

Khi đức Phật xa dần khỏi tầm mắt, chàng trai tắt thở trong tín tâm. Và như vừa ngủ dậy, chàng tái sinh vào cõi trời, y như Phật đã thấy biết trước. Và khi người Bàla-môn gặp lại chàng đứng khóc tại bãi thiêu, đã đọc kệ hỏi lý do:

Trang sức sang trọng, bông tai đeo vàng chói, Mang vòng hoa có khảm gỗ đàn hương, Vặn bàn tay và khóc lóc thảm thương, Sao anh khổ giữa rừng sâu như thế?

Chàng trai đáp:

Chiếc xe ngựa quý - thân tôi Sáng chói bằng vàng nguyên khối, Bánh xe tìm không ra nổi, Đau buồn tôi sẽ chết thôi!

Người Bà-la-môn:

Bánh xe ấy bằng vàng hay bạc? Bánh đồng hay ngọc quý kim cương? Nói cho ta nghe thật rõ ràng, Ta sẽ kiếm cho chàng đầy đủ.

Chàng trai lạ lùng vì thái độ của ông Bàla-môn, lúc trước con đau thì bỏn xẻn không dám mời thầy thuốc đến chữa trị, nay thấy mình giống con ông ấy thì không ngại tốn kém, hứa kiếm bánh xe cho mình dù bằng vàng, kim cương hay bạc đồng; do đó vì muốn trên chọc ông

ta, anh hỏi:

- Cặp bánh ông làm cho xe tôi lớn chừng nào?

- Lớn như ngươi muốn.

- Tôi muốn được mặt trời và mặt trăng làm bánh xe, hãy cho tôi đi!

Chàng bảo Ba-la-môn:

Ôi! Trăng trời là cặp sinh đôi giữa ngàn. Xe tôi nguyên khối bằng vàng, Có thêm đôi cánh rỡ ràng biết bao!

Người Bà-la-môn trả lời:

Ngươi thật là một kẻ ngu Đi kiếm thứ ở xa mù Ta e rằng

ngươi sẽ chết Trời trăng há dễ được ru?

Nhưng chàng trai vặn lại:

- Nhưng ai ngu hơn? Người khóc đòi thứ hiện hữu hay người khóc đòi thứ không hiện hữu?

Trời trăng rạng rỡ đến đi, Đây kia đều thấy chẳng khi nào lầm. Con ông chết chẳng còn trông, Ai người ngu ngốc khóc mong suốt ngày?

Nghe xong, người Bà-la-môn như bừng tỉnh, thấy chàng trai có lý, ông kết luận:

Trong hai kẻ khóc than thảm thiết Ta, người ngu khôn xiết chẳng

sai Trăng kia, trẻ mãi khóc đòi Như ta mong gặp con trai chết rồi.

Hết cả đau buồn nhờ chàng trai giải thích nên người Bà-la-môn khen ngợi:

Tôi như ngọn lửa cháy hừng Tưới thêm dầu mỡ có ngưng được nào Người như một trận mưa rào Tiêu tan sầu khổ lòng nào vui hơn? Mũi tên đau đáu sầu thương Nhờ người nhổ bỏ hết vương lụy phiền Tôi nay vui vẻ an nhiên Không còn buồn khóc, lời khuyên ghi lòng.

Rồi người Bà-la-môn hỏi:

- Anh là ai?

Là trời, Càn-thát-bà, Hay Đế Thích thù thắng? Là ai? Con của ai? Làm sao tôi biết đặng?

Chàng trai đáp:

Tôi là người ông khóc than, Là con ông, đã cháy tan nơi này. Nhờ làm việc phước, quý thay! Dứt hơi liền đã sanh ngay cõi trời.

Bây giờ người Bà-la-môn hiểu hết tự sự, nhưng vẫn còn một điểm thắc mắc:

Lúc con còng ở tại nhà Tí ti cũng chẳng bỏ ra cúng dường Ăn chay cũng chẳng có luôn Công đức nào được khiến con lên trời?

Chàng trai trả lời:

Khi tôi nằm ở tại nhà Đau nhức vì bệnh trầm kha May mắn được trông thấy Phật Người không dục vọng, nghi ngờ An vui, trí tuệ cao tột. Lòng tin trong tôi phát ra Cúi đầu chắp tay quỵ ngưỡng. Sanh ngay cõi trời ba mươi ba.

Nghe chàng nói, người Bà-la-môn thân tâm tràn ngập vui sướng, nên cất tiếng tán thán:

Kỳ diệu thay! Mầu nhiệm thay! Kính lễ được quả báo này Hoan hỷ và đầy tin tưởng Tôi quy y Phật hôm nay.

Chàng trai đáp từ:

- Hôm nay quy y Phật, Pháp, Tăng với tín tâm, ông hãy lãnh thọ năm giới, giữ gìn nguyên vẹn không sai sót:

* Không được giết sinh mạng kể từ phút này. * Không lấy của không cho * Không uống rượu * Không nói dối * Chung thủy với vợ mình

Người Bà-la-môn ưng thuận và nói bài kệ:

Này Phạm thiên cao quý, Người mong tôi an vui, Người mong tôi hạnh phúc, Tôi xin vâng lời người. Người là thầy của tôi, Tôi xin quy y Phật, Quy y Pháp

và Tăng. Từ nay thôi giết hại,
Không lấy của không cho,
Không uống rượu, nói dối,
Chung thủy với vợ mình.
Vị trời, trước khi từ giã ngỏ ý khuyên bảo:

- Này Bà-la-môn, ông có nhiều của cải. Hãy đến đức Đạo sư, cúng dường, nghe pháp và thưa hỏi.

Rồi biến mất.

Người Bà-la-môn lòng vui mừng hớn hở về nhà dặn vợ:

- Bà à! Tôi sẽ thỉnh Sa-môn Cồ-đàm đến nhà và thưa hỏi. Hãy chuẩn bị tiếp đón.

Đoạn ông ta đi đến tịnh xá. Không lễ

Phật và cũng chẳng bày tỏ sự vui mừng được gặp Ngài, ông đứng một bên thưa:

- Ngài Cồ-đàm, xin Ngài và chúng Tăng nhận lời thỉnh thọ trai tại nhà tôi hôm nay.

Đức Đạo sư nhận lời. Ông liền nhanh chóng trở về chuẩn bị tại nhà các thức ăn loại cứng và mềm.

Đức Đạo sư cùng chúng Tăng đến nhà ông, ngồi nơi chỗ đã dành sẵn, và được ông cung kính hầu hạ. Một đám đông không mời gọi đã tu tập không chậm trễ. Khi một ngoại đạo thỉnh Phật, sẽ có hai hạng người tụ đến. Những kẻ tà kiến sẽ tụ đến với ý nghĩ hôm nay chúng ta sẽ thấy Sa-môn Cồ-đàm bối rối vì những câu hỏi bủa vây. Còn những người chánh kiến sẽ nghĩ hôm nay chúng ta sẽ thấy

oai lực và sự thù thắng của đức Phật.

Đức Thế Tôn thọ thực xong, ông đến bên Ngài, ngồi xuống chỗ thấp và hỏi:

- Ngài Cồ-đàm, có ai được sanh thiên chẳng phải vì cúng dường Ngài hay xưng tán Ngài, cũng chẳng vì nghe pháp hay ăn chay, mà chỉ do một hành vi đầy lòng tín tâm?

- Này Bà-la-môn, tại sao ông hỏi Ta? Chẳng phải con trai ông Matthakundali đã nói cho ông nghe rằng anh ta được sanh thiên nhờ kính tin Ta sao?

- Hồi nào, Ngài Cồ-đàm?

- Chứ chẳng phải hôm nay ông đã đi đến bãi thiêu, và khi đang khóc lóc ông trông

thấy một chàng trai cũng vật vã than khóc. Và ông đã chẳng hỏi:

Trang sức sang trọng, bông tai đeo vàng chói Mang vòng hoa có khảm gỗ đàn hương.

Rồi đức Đạo sư tiếp tục kể rõ ràng chi tiết cuộc đối đáp giữa hai cha con và trọn vẹn câu chuyện của Matthakundali.

Do đây mà đức Phật nói lên đoạn kinh:

- Này Bà-la-môn, chẳng phải là một trăm hay hai trăm, mà có vô số người do đặt niềm tin nơi Ta mà được sanh thiên.

Thấy đám đông chưa hết nghi ngờ, đấng Đạo sư ra lệnh:

- Phạm thiên Matthakundali, hãy đến đây

với lâu đài của ngươi!

Tức thì Matthakundali hiện ra, thân cao gần một dặm với nhiều đồ trang sức cõi trời. Từ lâu đài bước xuống, Phạm thiên đảnh lễ đức Đạo sư rồi cung kính đứng một bên.

Đức Phật hỏi:

- Ngươi đã tạo lập công đức gì mà được phước báo thế này?

Phạm thiên với dung nhan thù thắng. Chiếu sáng bốn phương như sao trời, Hỡi vị trời oai lực phi thường, Sinh thời làm công đức gì thế?

Phật nói kệ xong, Phạm thiên đáp:

- Bạch Thế Tôn, con được phước báo thù thắng này do kính tin Ngài.

- Ngươi được phước báo sanh thiên nhờ kính tin Ta?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Đám đông chiêm ngưỡng vị trờ và đồng vui mừng thốt lên:

- Oai lực của chư Phật thật là kỳ diệu! Con trai Ba-la-môn Adinnapubbaka được phước báo như thế này chỉ do kính tin Phật, chẳng phải do công đức nào khác!

Đức Đạo sư bèn thuyết giảng:

- Tâm ý là gốc của hành động, cả tốt lẫn xấu. Chính tâm ý điều khiển hành động. Bởi vì việc làm do lòng tin theo người đi

trong nhơn thiên như bóng theo hình.

Đấng Pháp Vương, như một vị vua đóng dấu ấn bằng con triện hoàng gia lên sắc dụ đã được niêm phong, tiếp tục đọc Pháp Cú sau:

(2) Ý dẫn đầu các Pháp, Ý làm chủ, ý tạo, Nếu với ý thanh tịnh, Nói lên hay hành động, An lạc bước theo sau, Như bóng không rời hình.

(Xem tiếp Phần 2)

Phẩm 1: Song Yếu Phần 2

3. Chàng Mập Tissa

Nó mắng tôi, đánh tôi...

Lời giáo huấn này đức Đạo sư dạy Trưởng lão Tissa lúc Ngài trú tại tịnh xá Kỳ Viên.

Hình như Đại đức Tissa là con trai người cô của Phật. Xuất gia khi đã lớn tuổi, lại thêm dáng người mập mạp, Tissa ưa thích lợi dưỡng và sự tôn kính riêng cho Phật. Y áo của Đại đức lúc nào cũng giặt ủi láng bóng, và ông luôn luôn ngồi giữa giảng đường tinh xá.

Một hôm, vài du tăng đến viếng Thế Tôn và tưởng Tissa là một Đại Trưởng lão, họ xin được đặc ân hầu hạ, chùi chân cho Tissa v.v.. Đại đức im lặng.

Lúc ấy một thầy tăng trẻ tuổi hỏi:

- Ngài được mấy hạ?

Tissa trả lời:

- Chưa có hạ nào cả. Tôi già rồi mới xin xuất gia.

Thầy tăng buột miệng:

- Ông Tỳ-kheo tồi! Ông cứ tưởng mình là quan trọng. Gặp các vị Đại Trưởng lão này, ông cư xử chẳng lễ độ một chút nào. Khi họ xin hầu hạ ông các thứ, ông im lặng nhận lời. Ông lại không tỏ ra một chút ân hận về tư cách tồi tệ của mình!

Nói rồi, vị tăng búng tay cái tách.

Lòng kiêu hãnh của một người thuộc giai cấp chiến sĩ nổi dậy, Tissa gắt gỏng:

- Các ông đến gặp ai?

- Chúng tôi đến thăm đấng Đạo sư.

- Nhưng đối với ta, các ông cũng phải tìm hiểu xem người này là ai chứ? Ta sẽ giết tiệt dòng họ các ông!

Nói một mạch cho hả hơi, rồi Tissa đi đến chỗ Phật buồn rầu khóc lóc. Đấng Đạo sư thấy vậy mới hỏi:

- Tissa, sao vậy? Sao ông đến đây tèm lem nước mắt, sầu khổ thế kia?

Các du tăng trước đây có bàn với nhau không dám để Tissa đi một mình e gây nhiều chuyện rắc rối, nên đi theo Tissa, đến đảnh lễ đức Đạo sư và cung kính ngồi một bên.

Tissa nghe Phật hỏi liền đáp:

- Bạch Thế Tôn, những Sa-môn này lăng mạ con.

- Nhưng ông đang ngồi ở đâu?

- Ở giữa giảng đường tinh xá, bạch Thế Tôn!

- Khi những Sa-môn này đến, ông có thấy họ không?

- Con có thấy họ, bạch Thế Tôn!

- Ông có đứng dậy chào họ không?

- Thưa Thế Tôn, không.

- Ông có đỡ giùm đồ đạc giúp họ không?

- Bạch Thế Tôn, không. Con không đỡ

giùm đồ đạc cho họ.

- Ông có sẵn lòng phục vụ họ không? Và mời nước uống không?

- Không, bạch Thế Tôn! Con không phục vụ cũng chẳng mời nước uống.

- Ông có đem tọa cụ đến mời ngồi và chùi chân cho họ không?

- Thưa không, Thế Tôn!

- Tissa, ông nên làm các việc trên đối với những Sa-môn lớn tuổi, vì ai không làm thế sẽ không được quyền ngồi giữa tịnh xá. Chỉ có ông là đáng bị rầy. Hãy xin lỗi những Sa-môn này đi!

- Nhưng họ đã lăng mạ con, Thế Tôn! Con sẽ không xin lỗi họ.

- Tissa, chớ làm như vậy. Chỉ có ông mới đáng bị rầy. Xin lỗi họ đi!

- Con không xin lỗi họ, Thế Tôn!

Các Sa-môn bạch Phật:

- Ông ấy thật là cứng đầu, thưa Thế Tôn!

Đức Đạo sư trả lời:

- Này các Sa-môn, đây chẳng phải là lần thứ nhất ông ấy cứng đầu. Kiếp trước ông ấy cũng đã bướng bỉnh như thế.

- Chúng con đã rõ tính ương ngạnh của ông ấy trong hiện tại, bạch Thế Tôn. Nhưng còn kiếp trước ông đã làm gì?

- Này các Sa-môn hãy lắng nghe!

Và đức Phật kể câu chuyện.

Chuyện quá khứ

3A. Devala và Nàrada

Vào thuở nọ, dưới triều một vị vua ở Bala-nại, có một nhà tu khổ hạnh tên là Devala sau tám tháng ở Hy-mã-lạpsơn về thành kiếm muối và giấm. Ông cũng muốn về ở gần thành phố trong bốn tháng mùa mưa.

Gặp hai chú bé nơi cổng thành, ông hỏi:

- Các Sa-môn đến thành phố thường ngủ đêm tại đâu?

- Nơi nhà người thợ gốm, thưa Tôn giả.

Thế là Devala đi đến nhà người thợ gốm, đứng trước cửa hỏi:

- Gia chủ! Nếu người bằng lòng, tôi sẽ nghỉ lại một đêm trong nhà người.

Thợ gốm mở rộng cửa mời:

- Ban đêm tôi không làm việc, nhà lại rộng: xin Tôn giả cứ ngủ tại đây.

Devala vừa vào nhà và ngồi xuống thì có một ẩn sĩ khác tên Nàrada cũng từ Hy-mã-lạpsơn đến xin tá túc. Người thợ gốm, với lòng tử tế và hiếu khách đối với các Sa-môn, lo lắng không biết vị ẩn sĩ đến trước có chịu ngủ chung với vị mới đến hay không, nên khéo léo bảo Nàrada:

- Nếu vị ẩn sĩ đến trước đồng ý thì xin

mời Ngài.

Và Nàrada Nàradađến gặp Devala nói:

- Thưa thầy, nếu thầy đồng lòng, tôi xin ngủ lại đây một đêm.

Devala hoan hỷ:

- Nhà còn rộng, xin mời thầy vào và ngủ lại một bên này.

Rồi Nàrada bước vào, ngồi phía sau Devala. Họ chào hỏi nhau một cách thân thiện. Đến giờ ngủ, trước khi nằm xuống, Nàrada cẩn thận ghi nhớ chỗ của Devala và vị trí cửa ra vào. Nhưng Devala, thay vì ngủ đúng chỗ của mình, lại nằm ngay giữa lối đi. Hậu quả là khi Nàrada bước ra ngoài ban đêm, ông đạp nhằm bím tóc của Devala. Tức

thì nhà khổ hạnh la toáng lên:

- Ối! Ai dẫm lên bím tóc ta?

Nàrada từ tốn trả lời:

- Thưa thầy, tôi.

Devala, giọng nóng nảy tiếp tục la:

- Đồ đạo đức giả! Ngươi là đồ rừng rú. Ngươi đã đạp lên tóc ta!

- Thưa thầy, tôi không biết thầy nằm ở đây. Xin thứ lỗi cho tôi!.

Rồi Nàrada bước ra, để lại Devala một mình khóc lóc như bị ai bóp vỡ tim.

Chưa hết. Sau đó, Devala xoay ngược

người lại, nằm xuống, đặt đầu vào chỗ ban nãy đã để chân, cố ý để Nàrada giẫm lên mình.

Nàrada bước vào, lòng dặn lòng hồi nãy mình đã lỡ xúc phạm vị đạo sĩ, lần này mình sẽ đi mé dưới chân người.

Tất nhiên là khi vừa bước vào, Nàrada dẫm ngay lên cổ Devala. Tức thì Devala hét ầm lên:

- Trời! Ai đó?

Nàrada vội vàng nói:

- Thưa thầy, tôi.

Devala lần này càng kêu to:

- Đồ đạo đức giả! Lần đầu ngươi dẫm lên tóc ta, lần này ngươi đạp lên cổ ta. Ta sẽ nguyền rủa ngươi!

- Thưa thầy, tôi không đáng bị khiển trách. Tôi không biết thầy nằm ở phía này. Khi bước vào tôi đã hết sức dè dặt, tự nhắc nhở phải cẩn thận, đi phía dưới chân đạo sĩ, tránh xúc phạm người. Xin thầy thứ lỗi cho tôi!

Devala vẫn la oai oái:

- Đồ đạo đức giả! Ta sẽ nguyền rủa ngươi.

- Đừng làm vậy, thưa thầy!

Mặc những lời thiết tha xin lỗi của Nàrada, Devala vẫn rủa tiếp:

- Mặt trời có ngàn tia sáng, có trăm ánh lửa xua tan bóng tối. Sáng mai vào lúc mặt trời mọc, đầu ngươi sẽ vỡ làm bảy mảnh.

Nàrada đáp:

- Thầy, tôi đã giải bày hết lời là không phải lỗi tại tôi, thầy vẫn chẳng chịu nghe. Đầu kẻ có lỗi sẽ vỡ làm bảy mảnh chớ không phải đầu người vô tội.

Tức thì Nàrada đọc lời nguyền sau:

- Mặt trời có ngàn tia sáng, có trăm ánh lửa xua ta bóng tối. Sáng mai vào lúc mặt trời mọc, đầu người sẽ vỡ làm bảy mảnh.

Ẩn sĩ Nàradacó đại thần thông, có thể thấy suốt tám mươi tiểu kiếp: bốn mươi

tiểu kiếp quá khứ và bốn mươi tiểu kiếp tương lai. Vì vậy ông thấy lời nguyền sẽ rớt trúng ngay ông thầy khổ hạnh bạn mình. Ông cảm thấy thương xót, và vì vậy làm phép không cho mặt trời mọc.

Không thấy mặt trời mọc, dân chúng tụ tập trước cổng cung vua, rên rỉ:

- Tâu Đại vương, mặt trời không mọc nữa! Ngài là vua, làm sao cho mặt trời mọc giùm chúng tôi với!

Nhà vua xét lại những hành động, lời nói và ý nghĩ của mình, thấy chẳng có điều gì sai trái, nên không hiểu nguyên nhân nào mặt trời không mọc. Nhà vua suy đoán rằng đây có thể là do tu sĩ cãi cọ bất hòa với nhau nên hỏi thăm, và liền cầm đuốc đi đến nhà thợ gốm cúi chào Nàrada, cung kính ngồi xuống một

bên và nói:

- Bạch ngài Nàrada, dân xứ Diêm-phùđề không thể sinh hoạt như bình thường. Tại sao bóng đêm bao trùm thế giới? Xin trả lời câu hỏi của tôi.

Nàrada kể lại toàn bộ câu chuyện và hậu quả của lời nguyền.

Vua hỏi tiếp:

- Nhưng thưa Tôn giả, làm sao ông ta có thể thoát chết?

- Ông ấy sẽ thoát chết nếu xin lỗi tôi.

Vua bắt Devala phải xin lỗi Nàrada. Nhưng Devala một mực ngoan cố:

- Tâu Đại vương, ông bạn này đã dẫm

lên tóc tôi và đạp lên cổ tôi. Không đời nào tôi thèm xin lỗi đồ đạo đức giả đó!

Vua vẫn khẩn thiết yêu cầu Devala:

- Xin lỗi đi, Tôn giả! Đừng làm như vậy!

- Đại vương, tôi không thèm xin lỗi.

- Đầu Ngài sẽ bể làm bảy mảnh!

- Mặc kệ! Tôi cũng không xin lỗi.

Lần này vua gằn giọng:

- Ông vẫn không chịu xin lỗi phải không?

Thế rồi nhà vua nắm lấy tay, chân, bụng và cổ nhà ẩn sĩ, bắt cúi đầu dưới chân Nàrada. Nàrada lòng cởi mở:

- Hãy đứng lên thầy! Tôi đã tha lỗi cho thầy!

Rồi Nàrada tâu với vua:

- Đại vương, ẩn sĩ này không chịu xin lỗi tôi. Hãy đem ông ta đến một cái hồ gần thành, đặt một cục đất sét trên đầu ông, bắt ông ta đứng dưới nước ngập cổ.

Vua y lời. Nàrada còn dặn thêm khi ông làm phép cho mặt trời mọc trở lại, Devala hãy lặn xuống nước và trồi lên nơi khác rồi đi đi!

Quả đúng như rằng, ngay khi ánh mặt trời lóe lên thì chạm vào cục đất sét làm vỡ thành bảy mảnh. Tức thì Devala lặn xuống nước, trồi lên nơi khác và đi mất.

Thế Tôn kết thúc câu chuyện:

- Này các Tỳ-kheo! Nhà vua lúc ấy là Ananda, Devala là Tissa, còn Nàrada chính là Ta. Thuở đó Tissa cũng cứng đầu như vậy.

Rồi đức Đạo sư dạy Trưởng lão Tissa như sau:

- Tissa! Nếu một Tỳ-kheo cho phép mình nghĩ rằng người này người kia mắng tôi, người này người kia đánh đập tôi, người này người kia đánh bại tôi, cướp giật của tôi, ông ấy sẽ hận thù không nguôi. Nhưng nếu Ty-kheo ấy không ôm ấp những ý nghĩ như vậy, thù hận sẽ nguôi ngoai.

Nói xong Phật đọc Pháp Cú:

(3) Nó mắng tôi, đánh tôi, Nó thắng tôi, cướp tôi, Ai ôm biềm

bận ấy, Hận thù không thể nguôi.

(4) Nó mắng tôi, đánh tôi, Nó thắng tôi, cướp tôi, Không ôm biềm bận ấy, Hận thù được tự nguôi.

4. Không Lấy Oán Trả Oán

Với hận diệt hận thù...

Phật dạy Pháp Cú này cho một người hiếm muộn, lúc Ngài ngụ tại tinh xá Kỳ Viên.

Một người kia, sau khi cha chết, một mình lo liệu gánh vác tất cả việc nhà cửa ruộng vườn, lại còn chăm sóc bà mẹ.

Mẹ bảo anh:

- Con ạ, mẹ sẽ kiếm cho con một cô vợ trẻ.

Người con hiếu thảo bèn thưa:

- Mẹ thân yêu, đừng nói thế. Ước ao duy nhất của con là được phụng dưỡng mẹ suốt đời.

- Con ơi, mẹ không muốn một mình con phải gánh vác hết mọi việc trong nhà ngoài ruộng, hãy để mẹ kiếm vợ cho con.

Anh ta từ chối đôi ba phen, rồi đành im lặng bằng lòng. Bà mẹ hớn hở rời khỏi nhà, định đi đến một nhà nọ kiếm con dâu đem về.

Anh ta bèn hỏi mẹ:

- Mẹ định đến nhà ai vậy?

Bà lão giơ tay chỉ:

- Đến nhà kia kìa!

Anh ta không để mẹ đi đến nhà theo dự định, mà chỉ cho bà một nhà khác anh thích hơn. Vậy là bà đến nhà con mình thích, chọn nàng dâu rồi lựa ngày làm lễ cưới. Rủi thay lại gặp một nàng dâu không sinh đẻ. Bà mẹ nóng lòng bế cháu nên vội vã bảo anh con trai:

- Con ạ, con đã bảo mẹ đem về người vợ do con tự chọn, nhưng cô ấy lại chẳng sinh đẻ. Gia đình không con cái sẽ lụn bại, giống dòng sẽ tuyệt tự. Con hãy để cho mẹ kiếm một nàng dâu khác nghe con!

Anh con trai có vẻ không bằng lòng nên lắc đầu:

- Xin mẹ đừng nói nữa!

Nhưng bà mẹ vẫn nhai đi nhai lại điệp khúc cũ nên lọt vào tai cô vợ hiếm muộn. Lòng cô ngổn ngang trăm mối. Chắc chắn là con phải vâng lời mẹ thôi, nếu bà già kiếm được một người dễ sinh nở thì cô sẽ bị nhà chồng xem thường, coi như đầy tớ. Chi bằng chính cô chọn vợ cho chồng.

Thế là người đàn bà hiếm muộn đi đến nhà nọ kiếm một cô gái cho chồng. Nhưng vừa hở môi bà đã gặp sự chống đối của cha mẹ cô gái. Họ hỏi gặng lại bà:

- Này, bà nói cái gì thế?

Người đàn bà không con trả lời:

- Thú thật ông bà thương, tôi chẳng may xấu số không sinh đẻ, mà gia đình không con sẽ tuyệt tự. Nếu con gái ông bà về nhà tôi sinh được con trai, cô ấy sẽ là bà chủ quán xuyến hết cả gia sản. Xin ông bà hãy cho tôi cưới cô nhà về cho chồng tôi.

Cuối cùng người đàn bà đã thuyết phục được cha mẹ cô gái và rước cô về nhà. Dù đã làm được theo ý mình, người đàn bà hiếm con vẫn không an tâm, cứ lo sợ đối thủ sinh con, sẽ là bà chủ trong nhà. Rồi bà đến nói với đối thủ của mình:

- Nè em! Hễ em có thai thì cho chị biết nhé!

Cô kia ngoan ngoãn trả lời:

- Dạ.

Và như lời hứa, ngay khi mang thai cô đến báo cho người vợ cả biết. Hằng ngày vợ cả thường tự tay nấu cháo cho đối thủ mình ăn. Thế là từ hôm đó bà bỏ vào cháo một ít thuốc phá thai. Kết quả đối thủ của bà bị sẩy thai. Lần thứ hai, người vợ sau cũng lại

báo tin cho vợ cả khi mang thai. Vợ cả làm như lần trước và cô này lại sẩy thai nữa. Các bà hàng xóm thấy cô vợ sau ngây thơ, nên vừa thương tình vừa tò mò mới hỏi thăm:

- Có phải đối thủ của chị thọc gậy bánh xe chị không?

Và khi nghe kể lại sự vụ, họ bảo:

- Đồ ngốc, sao chị dại dột như vậy? Bả sợ chị chiếm ưu thế trong gia đình nên

trộn thuốc phá thai cho chị ăn. Lần sau đừng có nói cho bả biết nữa nghe chưa!

Lần thứ ba người vợ sau không nói gì cả, nhưng bà hiếm con thấy bụng người vợ sau ngày càng to liền hỏi:

- Sao em có thai mà không nói cho chị biết?

Bà vợ sau thật thà nghĩ sao nói vậy:

- Chính chị mang tôi về đây, vậy mà hai lần rồi chị làm tôi hư thai. Tại sao tôi phải nói với chị kia chứ?

Bà không con thất vọng: "Hỏng, thế là ta thua rồi!". Từ đó bà theo dõi, chờ cơ hội đối thủ thiếu cảnh giác lại ra tay, vì bà vẫn chưa chịu thua.

Khi đứa bé trong bụng mẹ đã thành hình, bà cả thừa một dịp nọ trộn thuốc cho bà vợ sau ăn, nhưng vì hình thể đã đầy đủ nên thai nhi không bị hư, mà lại kẹt ngang cổ tử cung. Ngay sau đó bà mẹ đau bụng dữ dội và cảm thấy giờ chết đến nơi. Bà la hoảng lên:

- Mày giết tao! Chính mày mang tao về và cũng chính mày giết ba đứa con của tao. Giờ tao sắp chết, kiếp sau tao sẽ thành quỷ dạ xoa ăn thịt con mày!

Nguyền rủa rồi bà tắt hơi và lại sanh vào nhà ấy thành một con mèo. Còn ông chồng lúc ấy tóm bà vợ không con, nạt nộ:

- Chính mày làm tan nát gia đình tao.

Rồi ông dùng cùi chỏ, đầu gối.. đánh đập

bà tàn nhẫn. Sau trận đòn, người vợ cả ốm nặng rồi chết, lại cũng sinh vào nhà ấy thành một con gà mái.

Như vậy bà vợ sau tái sinh là con mèo, vợ cả là con gà. Khi gà mái đẻ trứng, mèo đến ăn sạch hết. Ba lần như vậy gà mái cất tiếng:

- Đã ba lần mày ăn trứng con tao, bây giờ mày còn chực ăn luôn cả tao. Kiếp sau tao sẽ ăn thịt mày và con mày.

Nguyền như vậy rồi nó chết và sinh làm con beo cái. Còn mèo sinh làm con nai cái. Ba lần nai cái sinh con, ba lần beo đến nuốt tươi. Khi sắp chết, nai cái lại nguyền rủa:

- Ba phen ác thú này nuốt sống con ta và giờ nó định nhai luôn cả ta nữa. Kiếp sau

ta sẽ nhai nuốt nó và con nó!Rồi nai cái tái sinh là quỷ Dạ-xoa và beo chết đi đầu thai thành một cô gái dòng tôn quý ở Xávệ. Lớn lên, cô gái lập gia đình sống bên nhà chồng tại một khu xóm nhỏ gần cổng thành. Một thời gian sau cô có con. Quỷ Dạ-xoa biến thành một người bạn thân đến thăm cô gái và hỏi người nhà:

- Bạn tôi đâu?

- Ở phòng trong, cô ấy vừa sinh hạ một đứa bé.

Da-xoa hớn hở hỏi tiếp:

- Con trai hay con gái vậy? Tôi muốn thăm chị ấy.

Rồi tất tả bước vào trong, giả vờ nhìn ngắm đứa bé và nhanh tay chộp lấy nhai

nuốt xong đi ra. Lần thứ hai, quỷ cũng nuốt tươi con của người vợ trẻ như vậy. Đến lần thứ ba, thấy bụng đã lớn cô vợ trẻ thủ thỉ với chồng:

- Anh à, tại đây có một con quỷ Dạ-xoa đã nuốt chết hai đứa con của chúng ta và trốn thoát. Lần này tôi định trở về nhà để sinh nở.

Lúc bấy giờ đến phiên quỷ Dạ-xoa đi kéo nước (Da-xoa thay phiên nhau kéo nước từ hồ Anottatta đổ lên nguồn, mãn hạn bốn hay năm tháng chúng được thả về, nếu không bị chết vì kiệt sức). Ngay khi vừa được thả ra, quỷ Da-xoa liền chạy đến gặp người vợ trẻ hỏi:

- Bạn tôi đâu rồi?

Người trong nhà đáp:

- Chị chẳng gặp cô ấy đâu. Có một con quỷ Dạ-xoa đã ăn thịt những đứa con cô ấy sinh ra trong nhà này. Vì vậy cô ấy đi về nhà cha mẹ ruột rồi.

Quỷ lầm bầm:

- Dù có chạy đằng trời, nó cũng không thoát khỏi tay ta!

Nôn nóng vì thù hận, Dạ-xoa tức tốc đi vào thành.

Đến ngày lễ đặt tên, bà mẹ tắm rửa và đặt tên cho đứa bé xong, thưa với chồng:

- Ông à, bây giờ chúng ta hãy trở về nhà.

Cô vợ ẵm con đi bên cạnh chồng. Trên con đường băng ngang tinh xá, khi đến hồ nước của tinh xá, người vợ trẻ giao

con cho chồng và xuống hồ tắm. Cô tắm xong, đến phiên chồng, và cô ngồi đợi gần đó và cho con bú. Ngày lúc ấy quỷ Dạ-xoa xuất hiện. Cô vợ trông thấy nhận ra nó, lập tức la lên:

- Ông ơi! Đến đây mau! Con quỷ đây nè!

Sợ chồng đến không kịp, cô xoay người đâm đầu chạy vào tinh xá. Lúc ấy đức
Đạo sư đang thuyết pháp giữa chúng hội.

Người vợ trẻ đặt con dưới chân Phật
thưa:
- Con xin cúng dường Ngài đứa bé này. Xin hãy cứu lấy nó!

Quỷ cũng rượt theo tới nơi. Thiên thần Sumana khi đó đang trú tại hốc cửa bên trên cổng tinh xá, liền ngăn quỷ Dạxoa lại không cho vào. Đức Đạo sư bảo

Trưởng lão A-nan:

- A-nan, ngươi hãy ra gọi quỷ Dạ-xoa vào đây!

Trưởng lão y lệnh. Người vợ vừa thấy quỷ lo sợ, kêu lên thất thanh:

- Nó đó, thưa Thế Tôn.

Đức Đạo sư dạy:

- Hãy để nó vào. Đừng làm ồn!

Dạ-xoa bước vào, đứng trước Phật. Phật hỏi:

- Sao ngươi làm như vậy? Nếu không gặp một vị Phật như Ta, ngươi sẽ ôm ấp mối hận đến ngàn đời, không khác gì con Rắn và con Cáo run rẩy giận dữ, như

Quạ và Cú. Sao ngươi lấy oán trả oán? Chỉ có tình thương mới dập tắt được hận thù.

Và đức Phật đọc Pháp Cú:

(5) Với hận diệt hận thù, Đời này không có được, Không hận diệt hận thù, Là định luật ngàn thu.

Nghe dứt bài kệ, Dạ-xoa liền đắc quả Dự lưu. Phật bảo người đàn bà đưa đứa bé cho Dạ-xoa. Người đàn bà vẫn còn sợ, không dám đưa. Nhưng sau khi Phật cho biết là không cần phải đề phòng, bà ta mới dám trao. Dạ-xoa nhận đứa bé trong tay, ôm hôn âu yếm rồi trả lại cho mẹ nó, xong bắt đầu khóc. Nghe Phật hỏi tại sao, Dạ-xoa liền thưa:

- Thưa Thế Tôn! trước đây con hết sứ xoay sở mà chẳng đủ ăn. Giờ con không biết sẽ sống ra sao.

Phật an ủi Dạ-xoa, rồi quay sang người mẹ, Ngài dạy:

- Hãy cho Dạ-xoa ở trong nhà con và nuôi bằng loại cháo ngon nhất.

Người đàn bà vâng lệnh đưa Dạ-xoa về nhà, cho ở trên cây kèo giữa và nuôi bằng loại cháo ngon. Khi đến mùa đập lúa, máy đập vọt lên vọt xuống, Dạ-xoa sợ máy đập vào đầu nên nói với bạn không thể ở đây thêm, và xin đi nơi khác. Dạ-xoa lần lượt được cho ở trong chòi để máy đập lúa, chỗ giếng nước, lò bánh mì, kho phân, đống tro và cổng làng, nhưng không chịu ở đâu hết, luôn cằn nhằn: chỗ thì máy đập lúa nâng lên e

rằng chẻ đầu ra làm hai, chỗ thì tụi nhóc tiểu bậy, chỗ thì đàn chó nằm dài, hoặc bầy trẻ phóng uế, có khi liệng rác, chỗ thì trai làng đến xem bói. Vì thế cô ta đưa Dạ-xoa về một nơi yên tĩnh ngoài làng, mỗi ngày đều mang cháo ngon đến cho ăn.

Một hôm Dạ-xoa nói với bạn mình:

- Năm nay trời sẽ mưa nhiều, nên trồng lúa ở nơi khô ráo.

Có khi Dạ-xoa cho biết:

- Năm nay hạn hán, nên trồng lúa nơi ẩm thấp.

Lúa của người khác bị hư vì lúc úng lúc hạn, nhưng lúa của người đàn bà trẻ thì bội thu. Dân làng ngạc nhiên đến hỏi cô:

- Này chị, lúa của chị chẳng bị úng, chẳng bị hạn. Chị làm mùa dường như biết trước thời tiết. Phải vậy không?

Cô ta đáp:

- Tôi có người bạn là Dạ-xoa cho tôi biết trước sự thay đổi thời tiết, và tôi trồng lúa trên đất cao hay đất thấp tùy theo sự chỉ dẫn của chị ấy. Các bạn không thấy sao, ngày nào tôi cũng mang cháo ngon và các loại thức ăn đến cho chị ấy. Nếu các bạn làm như tôi cũng sẽ được trúng mùa.

Dân làng lập tức tôn vinh Dạ-xoa. Và từ đó Dạ-xoa chăm sóc mùa màng cho mọi người, nhận được nhiều quà biếu và được nhiều người tôn kính. Dạ-xoa tạo nên thông lệ bữa ăn tám món, còn được duy trì mãi đến nay.

5. Những Vị Tỳ Kheo Hay Cãi Cọ Ở Xứ Câu Thâm (Kosambi)

Và người khác không biết...

Đức Phật thuyết bài pháp này cho các Tỳ-kheo ở Kosambi khi Ngài ngụ tại Kỳ Viên.

5A. Các Tỳ Kheo Cãi Nhau

Tại Kosambi, trong tinh xá Ghosita có hai Tỳ-kheo trú ngụ, một vị là luật sư, vị kia là pháp sư, mỗi vị dẫn đầu năm trăm tăng. Một hôm, vị pháp sư sau khi tắm xong đã chừa lại một ít nước trong bồn tắm và đi ra. Kế đó, vị luật sư đi vào thấy nước dư, lúc trở ra ngoài ông hỏi bạn:

- Này huynh, có phải huynh đã chừa nước lại không?

Vị pháp sư đáp:

- Vâng, huynh ạ!

- Nhưng huynh không biết là đã phạm lỗi sao?

- Thật ra tôi không biết.

-Này huynh, đó là một lỗi.

- Như thế, tôi sẽ sám hối về lỗi ấy.

- Dĩ nhiên, này huynh! Nếu huynh không cố ý làm, vô tâm thì không gọi là lỗi.

Nghe vị luật sư bảo thế, vị pháp sư yên trí xem như không có lỗi. Ấy thế mà vị luật sư lại nói với học chúng của mình:

- Vị pháp sư dù đã phạm lỗi vẫn không thấy lỗi.

Và nhóm học chúng này khi gặp nhóm học chúng của vị pháp sư liền kháo nhau:

- Thầy của các anh đã phạm lỗi mà không nhận lỗi.

Học chúng của vị pháp sư về kể lại với thầy mình. Vị pháp sư nghe qua liền đáp:

- Vị luật sư này trước đó đã nói là không lỗi, bây giờ nói có lỗi. Ông ta là người dối trá.

Học chúng của hai bên gặp nhau, rồi lời qua tiếng lại:

- Thầy của các huynh là người dối trá!

Họ tranh cãi nhau. Và vị luật sư thừa cơ hội tuyên án tẩn xuất vị pháp sư vì đã không nhận lỗi. Từ đó, ngay đến những thí chủ cúng dường cho họ cũng chia làm hai phe, ngay cả những cô ni được họ dạy, cả thiện thần hộ pháp, bạn bè và những người thân tín, chư thiên trên trời, lan đến Phạm thiên đều như thế. Mọi người, ngay cả những người chưa quy y cũng chia làm hai phe. Sự tranh cãi lan rộng từ trời Tứ thiên vương cho đến trời Đế Thích.

Đến mức độ thì có một Tỳ-Kheo tới gần thế Tôn thưa kể tự sự: "Những người tuyên án tẩn xuất thì giữ quan điểm rằng pháp sư bị tẩn xuất là đúng luật, ngược lại những người bênh vực thì cho rằng trái luật, và tụ họp lại để ủng hộ pháp sư mặc dù những người tuyên bố tẩn xuất cấm họ làm như vậy". Đã hai lần Thế

Tôn nhắn hai bên Tỳ-Kheo hãy đoàn kết, và đều nhận được câu trả lời:

- Bạch Thế Tôn! Họ không chịu đoàn kết.

Lần thứ ba, Thế Tôn bảo:

- Tăng đoàn đã bị chia rẽ!

Nói xong, Phật đến chỗ các Tỳ-kheo và chỉ cho nhóm vị Tỳ-kheo luật sư, người tuyên bố tẩn xuất, sự sai lầm trong quyết định ấy, và đối với nhóm vị Tỳ-kheo pháp sư, người không nhận lỗi, Ngài cũng chỉ sự sai lầm trong hành động ấy. Một lần nữa, Phật bắt các Tỳ-kheo kiết trai và khiến họ hành sám ngay tại chỗ, trong khu vực giới hạn. Ngài đặt luật cho các Tỳ-kheo, nếu gây gỗ trong phòng ăn hoặc các nơi khác, họ bắt buộc phải ngồi

chỗ riêng biệt trong trai đường.

Nhưng các Tỳ-kheo vẫn không ngừng gây nhau, đức Phật lại đi đến nơi và khuyên răn:

- Đủ rồi, các Tỳ-kheo! Đừng gây gỗ nữa! Gây gỗ, đấu tranh, tranh chấp, tranh cãi, mọi thứ này đều nguy hại. Bởi lẽ vì tranh cãi một con chim bé bỏng cũng làm một con voi quý phải chết.

Và đức Phật kể chuyện Bổn Sanh "Con Chim Nhỏ". Ngài dạy tiếp:

- Các Tỳ-kheo, hãy đoàn kết! Hãy dừng tranh cãi, vì sự tranh cãi mà hàng ngàn con chim nhỏ đã mất mạng.

Và Ngài kể chuyện Bổn Sanh "Những Con Chim". Nhưng dù vậy họ vẫn không

nghe lời Phật, và một ngoại đạo muốn Phật bớt phiền nhiễu, thưa rằng:

- Bạch Ngài, đấng Thế Tôn, đấng Pháp Vương! Hãy ở nhà! Đấng Thế Tôn! Ngài hãy sống một đời vô sự và tự tại ở cõi này. Chúng con có gây gỗ, đấu tranh, tranh chấp, tranh cãi nhau mới làm sáng tỏ ai phải ai trái.

Liền đó, đức Phật kể chuyện Bổn Sanh như sau: "Có một lần, này các Tỳ-kheo, Phạm-ma-đạt trị vì Ba-la-nại, là vua xứ Kàsi. Phạm-ma-đạt gây chiến với vua D Kosala, đánh chiếm vương quốc và giết vua khi đang cãi trang. Con trai của Dìghati là hoàng tử Dìghàvu, mặc dù biết rằng Phạm-ma-đạt là kẻ giết cha mình, vẫn tha mạng kẻ thù. Do đó họ sống hòa bình với nhau".

Và Ngài huấn thị các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, lòng kiên nhẫn và tư cách phong nhã của những ông vua hay sử dụng dao gậy cao đẹp thế đó. Tỳkheo, các ông là những kẻ xuất gia được giáo huấn bằng Pháp và Luật chu đáo như thế, phải làm sao chiếu sáng thế gian hơn với lòng kiên nhẫn và tư cách cao nhã của các ông chứ.

Dù đã được khuyên nhủ như thế, các Tỳkheo vẫn không đoàn kết theo lời Phật. Không vui vì phải sống trong cảnh ồn náo, không thoải mái vì bị quấy rầy, hơn nữa các Tỳ-kheo này không đếm xỉa đến lời Phật dạy, nên Thế Tôn quyết định sống độc cư tránh xa đám người chộn rộn. Sau khi đi khất thực ở Câu-thâm, không từ giã Tăng đoàn, đức Phật đắc y, ôm bát, một mình đi đến Bàlaka, chỗ bán

muối, tại đây Ngài thuyết pháp cho Trưởng lão Bhagu về đời sống độc cư. Rồi Ngài đến Đông Trúc Lộc Giã, và thuyết pháp cho ba chàng trai gia thế về hạnh phúc an lành của sự hòa hợp. Và từ đó, Ngài đến Pàrileyyaka. Ở đó, dưới gốc cây Sala đẹp đẽ, trong rừng Bảo Hộ, đức Thế Tôn đã trải qua một mùa hạ an vui, có voi Pàrileyyaka phục vụ.

Khi nhóm cư sĩ ở Câu-thâm đến tinh xá và không gặp đấng Đạo sư, họ hỏi các Tỳ-kheo:

- Thưa chư Tôn giả, đấng Đạo sư đi đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Vào rừng Pàrileyyaka.

- Tại sao thế?

- Ngài cố gắng hòa hợp chúng tôi, nhưng chúng tôi không hòa hợp được.

- Này chư Tôn giả, có phải các vị, sau khi được chấp nhận là Tỳ-kheo dưới sự lãnh đạo của Đạo sư, lại cãi lời Ngài lúc Ngài yêu cầu các vị hòa hợp?

- Đúng thế, đạo hữu.

Rồi có người nói tiếp:

- Những vị Tỳ-kheo này, sau khi được thu nhận làm Tỳ-kheo dưới sự lãnh đạo của Đạo sư, lại không muốn hàn gắn những rạn nứt theo lời yêu cần của Ngài. Đây hoàn toàn do lỗi của họ mà chúng ta không được gặp Phật. Đối với những Tỳkheo này, chúng ta nhất quyết sẽ không mời ngồi và cũng không bao giờ kính lễ hoặc cúng dường nữa.

Và từ đó họ không thèm cúng kính các Tỳ-kheo nữa. Hậu quả là các Tỳ-kheo bị thiếu vật thực và gần chết đói, nên chỉ sau vài ngày các Tỳ-kheo đã biết phục thiện. Rồi họ sám hối nhau, xin được tha thứ. Họ bảo các cư sĩ:

- Đạo hữu! Chúng tôi đã hòa hợp. Xin đối với chúng tôi như xưa.

- Thưa chư Tôn giả, các vị xin sám hối với đức Thế Tôn chưa?

- Chưa, đạo hữu.

- Vậy thì hãy xin sám hối Thế Tôn. Và ngay khi được Phật tha lỗi, chúng tôi sẽ trở lại với các vị như trước.

Nhưng vì đang giữa mùa an cư, các Tỳ- kheo không thể đến gặp Phật, và họ kiết

hạ trong sự thiếu thốn, trong khi Phật thì an vui, được voi hầu hạ. Con voi này là voi đầu đàn đã rời bầy và vào rừng với lý do độc nhất là muốn được an vui. Nó nói:

5B. Đức Phật, Voi và Khỉ.

- Tôi sống ở đây bị voi cái, voi con, voi trẻ làm phiền nhiễu. Đầu ngọn cỏ tôi thường ăn bị chúng nhai nát, chúng ăn hết nhánh cây này đến nhánh nọ khi tôi vừa bẻ xuống, chúng quấy đục nước tôi uống. Khi tôi xuống nước và lên bờ, voi cái đến cọ xát vào thân tôi. Có lẽ tôi nên rời đàn và sống một mình.

Rồi con voi đầu đàn bỏ bầy, đến gần Pàerileyyaka, vào rừng Bảo Hộ, dưới gốc cây Sala đẹp đẽ, ngay nơi Thế Tôn ngụ, thân cận với Ngài. Đến trước

Thế Tôn, nó đảnh lễ Ngài, rồi nhìn quanh quất tìm chổi, không thấy chổi, nó bèn đạp cây Sala phía dưới và dùng vòi quật phía trên cho ngã xuống rồi lấy một nhánh cây quét đất. Sau đó, nó lấy vòi quấn bình nước mang đi lấy nước. Vài khi cần đến nước nóng, nó nấu nước nóng (Sao có thể được chứ?). Đầu tiên nó dùng vòi kéo dùi lửa cho bật lửa ra và nhen củi chà vào. Nó nhóm lửa như thế và nung những hòn đá nhỏ rồi dùng một cây gậy lăn vào một lõm đá (có nước). Xong nó hạ vòi xem nước đủ nóng chưa, rồi đến cúi đầu trước Phật. Thấy voi đến, đức Phật hỏi:

- Nước nóng chưa, Pàrileyyaka?

Và phật đến đó tắm. Sau đó voi dâng Phật những loại trái cây rừng.

Đến giờ Phật vào làng khất thực, voi lấy y bát của Phật đặt lên đỉnh đầu và đi theo Ngài. Đến ven làng, Phật bảo voi đưa trả y bát:

- Pàrileyyaka! Chú không đi xa hơn được! Hãy giao y bát cho Ta.

Phật vào làng và voi đứng đó đợi Ngài trở lại, tiến tới đón Ngài, để y bát lên đầu như lúc trước và đem về chỗ Phật ngụ, hầu hạ Ngài như thường lệ rồi quạt hầu Phật với một nhánh cây. Ban đêm, để ngừa thú dữ, nó dùng vòi nắm một cây gậy lớn tự nhủ: "Ta sẽ bảo hộ Phật". Và đi tới lui trong khu rừng cho tới khi mặt trời mọc. (Từ đó khu rừng được gọi là rừng Bảo Hộ). Buổi sáng, mặt trời lên, voi lấy nước cho Phật rửa mặt, và theo cách như đã nói trên, nó làm tròn mọi bổn phận khác.

Bấy giờ, một con khỉ thấy cử chỉ và hành động mỗi ngày của voi, làm những bổn phận nhỏ nhặt hầu Phật, bèn phát tâm sẽ làm giống như vậy. Một hôm, trong lúc chạy nhảy tình cờ nó gặp một tổ mật trên cây không có ong. Nó bẻ cành cây xuống, cầm tổ mật còn nguyên trên cành cây, hái một lá chuối, đặt tổ ong trên lá và mang dâng Phật. Đức Phật nhận lấy. Khỉ trố mắt xem Phật có dùng không và ngạc nhiên thấy Phật không ăn. Khỉ thắc mắc không biết có chuyện gì đây, bèn lật qua lật lại tổ ong, vừa xem xét cẩn thận, và khám phá có vài trứng sâu. Nhẹ nhàng lấy trứng sâu ra, khỉ lại dâng tổ mật lên Phật và Ngài hoan hỷ độ. Khỉ vui sướng chuyền từ cành này sang cành khác và nhảy nhót hân hoan vô kể. Nhưng đâu ngờ những nhánh cây khỉ vừa nắm và đạp lên bỗng gẫy lìa. Khỉ rơi xuống một cọc cây, bị đâm xuyên người và chết tức

khắc. Vì đặt niềm tin trọn vẹn vào Phật, nó được tái sinh vào cõi trời Ba mươi ba, trong một cung điện bằng vàng cao ba mươi dặm với một đoàn gồm một ngàn thiên nữ hầu cận.

Cả vùng Diêm-phù-đề đều biết rằng đức Phật đang ngụ trong rừng Bảo Hộ, được voi đầu đàn phụng sự. Từ thành Xá-vệ, ông Cấp Cô Độc và bà Tỳ-xá-khư - một tín nữ lỗi lạc - cùng một số nhân vật tiếng tăm khác đã gởi lời thỉnh nguyện đến ngài A-nan xin được đặc ân gặp đức Thế Tôn. Năm trăm Tỳ-kheo ngụ ở ngoài thành mãn mùa an cư cũng thỉnh cầu được nghe pháp từ kim khẩu Thế Tôn lâu nay vắng tiếng.

Trưởng lão A-nan bèn hướng dẫn các Tỳ- kheo đến rừng Bảo Hộ. Với đức tính chu đáo của một thị giả, Ngài không dám đến

gặp Phật với đám đông Tỳ-kheo vì biết Như Lai đã độc cư suốt ba tháng. Vì thế, Ngài để các Tỳ-kheo chờ ở bên ngoài và một mình đi đến gặp Phật. Khi voi Pàrileyyaka thấy Trưởng lão, nó quấn gậy xông tới. Đức Phật quay nhìn và bảo voi:

- Trở lại! Pàrileyyaka! Đừng rượt ông ta. Đó là thị giả của Như Lai.

Voi lập tức ném gậy đi và thỉnh Trưởng lão đưa y bát, Trưởng lão từ chối. Voi thầm nghĩ nếu ông ta biết luật sẽ không đặt pháp cụ của mình trên tảng đá Phật thường ngồi. Voi đã quá lo xa vì Trưởng lão A-nan đã đặt y bát trên đất (những người biết luật không bao giờ đặt pháp cụ cá nhân lên chỗ ngồi hoặc giường của bậc tôn túc). Rồi Trưởng lão đảnh lễ Phật, ngồi xuống một bên. Phật hỏi:

- Ông đến một mình thôi sao?

- Bạch Thế Tôn, con đến với năm trăm Tỳ-kheo.

- Họ ở đâu?

- Con chưa hiểu ý Phật thế nào, nên để họ đứng ngoài và vào đây một mình.

- Bảo họ vào!

Trưởng lão y lời. Đức Phật đáp lại lời chào hỏi của các Tỳ-kheo một cách thân tình. Các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, Ngài là một vị Phật quý phái, một ông hoàng mảnh mai. Chắc Ngài đã chịu đựng nhiều gian khổ, đứng và ngồi ở đây một mình suốt ba tháng trời. Dĩ nhiên không có ai hầu Phật

những việc chánh và phụ, không có ai dâng nước rửa mặt hay làm mọi việc khác cho Ngài.

Đức Phật trả lời:

- Này các Tỳ-kheo! Voi Pàrileyyaka đã làm hết những việc ấy cho Ta. Nếu ai có được bạn đồng hành như nó thì cuộc sống độc cư tốt đẹp. Nếu như không có được, thì cuộc sống độc cư vẫn tốt đẹp hơn.

Nói xong, Thế Tôn đọc ba câu Pháp Cú sau trong phẩm Voi:

Nếu được bạn hiền trí Đáng sống chung, hạnh lành, Nhiếp phục mọi hiểm nguy, Hoan hỷ sống chánh niệm.

Không gặp bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh lành, Như vua bỏ nước bại, Hãy sống riêng cô độc, Như voi sống rừng voi.

Tốt hơn sống một mình, Không người ngu kết bạn, Độc thân, không ác hạnh, Sống vô tư, vô lự, Như voi sống rừng voi.

Ngay khi Thế Tôn kết thúc bài kệ, năm trăm Tỳ-kheo đắc quả A-la-hán.

Trưởng lão A-nan bèn đưa lời thỉnh cầu của ông Cấp Cô Độc và những người khác.

- Bạch Phật, năm mươi triệu thánh đệ tử do Cấp Cô Độc dẫn đầu mong mỏi Phật

trở về.

Phật chuẩn y:

- Tốt lắm! Hãy mang y bát.

Và Phật đi ra khỏi rừng. Voi thấy thế liền đến và đứng chéo chân giữa đường. Các Tỳ-kheo thấy lạ nên hỏi, và được Phật đáp:

- Này các Tỳ-kheo, nó muốn cúng dường các ông. Lâu nay nó đã phục vụ Ta, không nên làm tổn thương tình cảm của nó, hãy trở lại các Tỳ-kheo!

Phật và các Tỳ-kheo trở lại. Voi vào rừng hái lượm chuối và những trái cây khác gom lại, và ngày hôm sau dâng lên các Tỳ-kheo. Năm trăm Tỳ-kheo không thể nào dùng hết. Thọ thực xong đức Phật

ôm y bát đi ra khỏi rừng. Voi lại xen vào giữa các Tỳ-kheo và đứng chéo chân trước Phật. Các Tỳ-kheo không thể đoán được ý nghĩa, liền hỏi Phật và được trả lời: - Các Tỳ-kheo! Sau khi chào từ giã các ông nó muốn Ta trở lại.

Và hướng về voi, Phật bảo:

- Này Pàrileyyaka! Ta sẽ đi bây giờ, không trở lại nữa! Trong kiếp này, ngươi không có hy vọng vào được các tầng thiền, hay đạt đến trí tuệ, hay chứng Thánh quả. Hãy dừng lại!

Voi nghe Thế Tôn nói rút vòi vào miệng, từ từ lùi ra sau, vừa đi vừa khóc (nếu nó thỉnh được Phật ở lại, nó sẽ săn sóc Phật như trước đây cho đến hết đời). Đức Thế Tôn tiếp tục đi, đến ven làng Ngài dừng lại bảo voi:

- Pàrileyyaka! Đi xa hơn nữa ngươi sẽ không được an thân. Dân cư rất nguy hiểm cho ngươi. Hãy dừng lại!

Voi dừng lại nơi đó và khóc. Đức Phật bước đi, và khi vừa khuất tầm mắt, voi vỡ tim và chết. Vì đặt hết niềm tin vào Như Lai, voi được tái sinh vào cõi trời ba mươi ba, trong một cung điện bằng vàng lớn ba mươi dặm, có ngàn thiên nữ hầu cận. Voi tên là trời Pàrileyyaka.

Dọc đường, Phật ghé vào Kỳ Viên. Các Tỳ-kheo xứ Câu-thâm nghe Phật về Xávệ liền đến sám hối. Vua Kosala nghe tin cũng đến chỗ Phật và thưa:

- Bạch Thế Tôn, con sẽ không cho các Tỳ-kheo này vào nước con.

Phật khuyên ngăn vua:

- Đại vương, những Tỳ-kheo này là người tốt, chỉ vì họ tranh cãi lẫn nhau nên không vâng lời Ta. Giờ đây họ đến để sám hối. Hãy cho họ vào, đại vương!.

Ông Cấp Cô Độc cũng bạch với Phật là không cho các Tỳ-kheo xứ Câu-thâm vào tinh xá. Nhưng Phật không đồng ý và ông ta đành im lặng. Bấy giờ, các Tỳkheo ấy đến Xá-vệ. Thế Tôn ra lệnh chuẩn bị chỗ ở riêng biệt cho họ. Những Tỳ-kheo khác không đứng hay ngồi chung với họ, lần lượt từng người đến hỏi Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn! Những Tỳ-kheo xứ Câu-thâm hay tranh cãi đang ở đâu?

Thế Tôn chỉ họ và nói:

- Họ đó! Họ đó!

Những Tỳ-kheo từng người chỉ về phía họ và bàn tán với nhau đến nỗi họ xấu hổ không dám ngẩng đầu lên. Rồi họ gieo mình dưới chân Phật xin sám hối. Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Tội lỗi các ông đã phạm nặng nề biết bao! Sau khi được nhận làm Tỳ-kheo dưới sự lãnh đạo của một vị Phật, lại cãi lời mặc dù Ta đã cố khuyên giải đủ điều. Ngay cả bậc trí giả vẫn nghe kỹ lời dạy bảo của cha mẹ trước khi chết. Họ không dám cãi lời khi cha mẹ từ giã cuộc đời, và sau đó họ được giao quyền lãnh đạo cả hai vương quốc.

Rồi đức Phật lặp lại chuyện Bổn Sanh Kosambika một lần nữa, và kết luận:

- Này các Tỳ-kheo! Hoàng tử Dìghavu, ngay khi cha mẹ mất mạng, ông vẫn không dám cãi lời dạy bảo, sau đó ông cưới con gái của vua Phạm-ma-đạt rồi trị vì cả hai vương quốc Kàsi và Kosala. Còn các ông vì không vâng lời Ta nên đã phạm lỗi nặng.

Và đức Phật nói câu Pháp Cú:

(6) Và người khác không biết, Chúng ta đây bị bại. Chỗ ấy ai hiểu được, Tranh luận được lắng êm.

Nghe xong Pháp Cú này, các Tỳ-kheo ở đó liền đắc quả Dự lưu.

6. Kala Anh và Kala Em

Ai sống nhìn tịnh tướng...

Câu Pháp Cú này được đức Phật nói khi ngụ gần thành phố Setavya, dành cho Kàla em và Kàla anh, tức Tiểu Hắc (Culla Kàla) và Đại Hắc (Mahà Kàla).

Tiểu Hắc, Trung Hắc (Majjihima Kàla) và Đại Hắc là ba gia chủ anh em sống ở Setavya. Tiểu Hắc và Đại Hắc, tức người em út và người anh cả, thường đi qua xứ khác với một đoàn năm trăm xe bò chở đầy đồ gia dụng để bán, còn Trung Hắc thì ở nhà bán hàng hóa do họ mang về.

Có một dịp, hai anh em mang đủ loại hàng hóa trên năm trăm xe bò rời khỏi Vệ-xá. Giữa đường Xá-vệ và Kỳ Viên họ dừng lại, tháo yên cương các xe. Chiều xuống, Đại Hắc thấy các Phật tử ở Xá-vệ

cầm hoa hương lũ lượt đi về hướng tinh xá. Ông tò mò bèn chận một người lại để hỏi thăm. Được biết họ đi nghe pháp, ông cũng đồng tình muốn đi. Dặn dò cậu em để ý coi chừng đoàn xe, ông ra đi.

Đến tinh xá, ông đảnh lễ Như Lai rồi ngồi xuống bên vòng ngoài hội chúng. Hôm ấy, Phật thuyết nhiều bài pháp tuần tự theo căn cơ của Đại Hắc; Ngài nhấn mạnh về khổ uẩn với những kinh nói về tội lỗi, sự điên đảo cùng sự nguy hiểm của dục lạc.

Đại Hắc nghe pháp xong, trong lòng băn khoăn: "Ai cũng phải rời bỏ mọi vật sở hữu khi qua đời, sang bên kia thế giới sẽ không có tài sản hay thân quyến nào đi theo được, vậy tại sao ta lại sống đời thế tục?". Và ông phát tâm xuất gia.

Ông xin Phật gia nhập Tăng đoàn. Phật hỏi:

- Ông có còn thân quyến phải xin phép không?

- Con có một đứa em, bạch Thế Tôn!

- Hãy hỏi ý hắn!

- Vâng, bạch Thế Tôn!

Rồi Đại Hắc đến gặp Tiểu Hắc, bảo em hãy nhận hết tài sản.

Tiểu Hắc ngạc nhiên không hiểu tại sao, và khi biết được ý định xuất gia theo Phật của anh, không tránh khỏi bàng hoàng. Ông tìm đủ cách thuyết phục anh từ bỏ ý định xuất gia, nhưng vô hiệu. Cuối cùng Tiểu Hắc đành tùy thuận.

Đại Hắc ra đi theo Phật và trở thành Tỳkheo. Và thật lạ lùng, Tiểu Hắc cũng xuất gia theo anh, nhưng với một ý định khác hẳn, tức là chỉ đi tu một thời gian rồi sẽ hoàn tục, và lúc đó sẽ kéo ông anh theo.

Ít lâu sau, mãn hạn tập sự, Đại Hắc đến chỗ Phật thưa thỉnh:

- Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu bổn phận tu tập trong giáo pháp?

Đức Phật cho biết là có hai, pháp học và pháp thiền. Đại Hắc thưa tiếp:

- Bạch Thế Tôn, con xuất gia khi đã lớn tuổi, con không thể làm tròn pháp học. Nhưng con có thể vâng giữ pháp thiền.

Và ông được Phật chỉ dạy chuyên tu

hạnh thanh tịnh bằng cách đến bãi thiêu để tu, nhắm đến quả vị A-la-hán.

Cuối thời thiền quán đầu hôm, khi mọi người đều ngủ, ông đến bãi thiêu xác. Hừng đông, khi chưa ai thức dậy, ông trở về tinh xá. Bấy giờ, người giữ bãi thiêu là một phụ nữ tên là Kàlì, có trách nhiệm hỏa thiêu xác chết. Thấy Trưởng lão này cứ đứng lên, ngồi xuống và bước quanh, bà không khỏi thắc mắc và muốn tìm cho ra xem người đó là ai. Nhưng bà không biết được gì về Trưởng lão, nên một đêm bà thắp đèn trong chòi ở bãi thiêu, cùng con trai con gái núp vào một góc rình xem. Khi thấy Trưởng lão đến, bà tới gần đảnh lễ, hỏi:

- Thưa Tôn giả, bậc Tỳ-kheo tôn quý lại ở đây sao?

- Đúng vậy, bà chị.

- Thưa Tôn giả, ai đến ở bãi thiêu này cần phải chấp hành một số điều lệ.

Thay vì nói "Chị nghĩ rằng tôi phải vâng theo điều lệ của chị sao?" Trưởng lão lại nói:

- Tôi phải làm gì, đạo hữu?

- Thưa Tôn giả, người đến ở bãi thiêu bắt buộc phải thông báo trước cho người giữ bãi, với Trưởng lão Thượng thủ của tinh xá và với thôn trưởng.

- Sao vậy?

- Những tên trộm, khi bị chủ nhân truy nã thường chạy trốn vào bãi thiêu và bỏ tang vật lại đây. Rồi chủ nhân mất của

đến đe dọa và gây hại cho người cư ngụ nơi này. Nhưng nếu nhà cầm quyền được báo tin một cách chính đáng, thì sẽ tránh khỏi phiền phức bằng cách xác nhận vị Tỳ-kheo tôn quý đã cư ngụ ở đây một thời gian.. Ông ta không phải là kẻ trộm. Vì vậy, Ngài bắt buộc phải cho nhà cầm quyền biết ý định của Ngài.Đại Hắc hỏi tiếp:

- Tôi còn phải làm gì nữa?

- Thưa Tôn giả, khi nào Ngài còn ở trong bãi thiêu thì Ngài phải kiêng ăn cá, thịt, mè, bột, dầu và mật. Ngài không được ngủ ngày, không được hôn trầm. Ngài phải sống tinh tấn cao độ, sử dụng hết năng lực ý chí, tránh nói hai lưỡi, dối trá. Chiều tối khi mọi người đã ngủ, Ngài phải rời tinh xá đến đây. Hừng đông, trước khi mọi người thức dậy, Ngài phải

trở về.

Thưa Tôn giả, trường hợp Ngài ngụ trong bãi thiêu này và đạt được cứu cánh đạo quả, và nếu có người mang xác đến vứt đi, tôi sẽ đặt xác trên giàn hỏa và cúng lễ như thường lệ với hương hoa, làm đúng theo nghi thức thiêu xác. Nhưng nếu Ngài không đạt đạo, tôi sẽ châm lửa trên giàn hỏa, kéo xác chết với một cây cọc để ở ngoài giàn hỏa, chặt từng khúc bằng rìu rồi ném vào lửa thiêu hết.

- Tốt lắm, bà chị. Nhưng trường hợp chị thấy một tử thi có thể làm đề mục thích hợp cho tôi thiền quán về sắc tướng, xin mở lòng tốt cho tôi biết.

- Vâng, tôi xin hứa.

Theo đúng ý nguyện, Trưởng lão Đại Hắc thiền quán trong bãi thiêu. Còn Trưởng lão Tiểu Hắc thì bận rộn, lăng xăng vì luôn luôn nghĩ đến đời sống gia đình, nhớ con, nhớ vợ, cứ nghĩ là anh mình đã dấn thân vào một việc làm hết sức khó khăn.

Bấy giờ, có một phụ nữ trẻ con nhà thế gia vọng tộc bị bệnh và chết vào chiều hôm ấy, nhan sắc còn mặn mà. Thân quyến và bạn bè đưa xác cô vào bãi thiêu với củi, dầu và những món cần thiết khác. Họ nói với người giữ bãi hãy thiêu xác này.

Rồi họ thanh toán giá cả, giao tử thi và ra về. Người giữ bãi cơiû y phục cô gái, chú ý đến thân thể đẹp đẽ vàng chói, chợt thân này thích hợp làm đề mục thiền quán cho Tôn giả. Rồi bà đến chỗ

Trưởng lão thưa cho biết và thỉnh Ngài đến. Trưởng lão đến nơi, yêu cầu bỏ áo che thân tử thi và đứng quán sát từ chân tơ kẽ tóc. Ngài dặn bà giữ bãi hãy ném tấm thân vàng chói đẹp đẽ này vào lửa, và khi ngọn lửa cháy bén, cho Ngài hay. Xong Ngài về chỗ riêng của mình và ngồi xuống. Người gác làm theo lời dặn rồi đến báo. Trưởng lão đến lò thiêu và quán sát tử thi. Chỗ thịt bị lửa táp, da của cô gái giống da con bò vằn vện, bàn chân lòi ra và thòng xuống, bàn tay co quắp, trán bị lột da. Trưởng lão nghĩ thầm: "Ai nhìn thấy thân này bây giờ mà không bỏ hết những lời tán tụng, một thi thể đã thối rữa, đã hoại diệt". Và Ngài về chỗ riêng của mình ngồi xuống, nhận thức rõ ràng về Hoại và Diệt:

Các hành vô thường, Là pháp

sanh diệt. Sanh diệt diệt rồi, Tịch diệt là vui.

Đọc Pháp Cú này xong, Đại Hắc khai mở Minh-sát-tuệ và đắc quả A-la-hán cùng các thần thông.

Khi Trưởng lão Đại Hắc đắc quả A-lahán, đấng Đạo sư đang du hành với chúng Tỳ-kheo vây quanh. Ngài đến Setavya và vào rừng Simsapà. Những bà vợ của Tiểu Hắc nghe tin

đức Phật đã đến đều mưu toan giành lại chồng mình. Họ sai người đi thỉnh Phật. Trong khi chờ đợi Phật đến, theo lệ thường họ phải sửa soạn chỗ ngồi không hạn chế, và để đảm bảo sự sắp xếp được chu đáo, một Tỳ-kheo được phái đến trước, chuẩn bị Phật tòa đặt ở giữa, bên phải là chỗ ngồi của Trưởng lão Xá-lợiphất, bên trái là Trưởng lão Mục-kiền-

liên, và kế đó ở hai bên phải xếp đặt chỗ cho chúng Tỳ-kheo. Do đó, Trưởng lão Đại Hắc là người có trách nhiệm giữ y bát của chúng Tăng, gọi Tiểu Hắc lại bảo:

- Ông hãy đến trước và điều khiển việc xếp chỗ ngồi.

Ngày từ lúc gặp lại Tiểu Hắc, các phu nhân giễu cợt ông. Họ đặt những tòa thấp ở phía đầu cho chúng Trưởng lão ngồi và tòa cao cho các tân Tỳ-kheo ngồi. Tiểu Hắc dặn họ sửa đổi lại:

- Đừng có đặt như thế, đừng để tòa thấp ở trên và tòa cao ở dưới.

Nhưng mấy bà không muốn nghe lời ông, họ còn hùng hổ:

- Ông đi tới đi lui làm gì ở đây? Ông lấy quyền gì ra lệnh xếp chỗ? Ông đã bỏ ai đi tu? Ai xuất gia cho ông? Ông đến đây để làm gì?

Nhạo báng ông hết lời rồi, họ xé toạc y thượng và hạ của ông, khoác bộ đồ trắng thế tục vào, đặt một vòng hoa lên đầu và đẩy ông ra ngoài, tặng thêm một câu:

- Hãy đi mà tìm Phật, để chúng tôi sẽ xếp đặt chỗ ngồi!

Vào thời đó, những người mới thọ Tỳkheo trong thời gian ngắn, chưa từng an cư kiết hạ, nếu hoàn tục thì không có gì phải xấu hổ. Do đó Tiểu Hắc không phiền hà gì về y phục của mình. Ông đến đảnh lễ Phật và thỉnh Phật cùng Tăng đoàn của Phật xong về nhà.

Khi đức Phật và chư Tăng thọ trai xong, các bà vợ của Đại Hắc thấy vậy cũng toan tính giành lại chồng. Thế là họ lại thỉnh đức Phật vào ngày sau. Nhưng lần này một Tỳ-kheo lại được phái đến sắp xếp chỗ ngồi, và như thế các bà vợ của Đại Hắc mất cơ hội gây phiền toái cho Ngài. Dọn xong chỗ ngồi cho chúng Tăng, các bà dâng thực phẩm. Những vị tăng muốn thọ thực ngồi xuống và độ ngọ, những vị tăng muốn ra ngoài đứng lên và đi ra. Đức Phật ngồi xuống và thọ thực. Đợi Ngài thọ thực xong, các bà vợ liền thưa:

- Bạch Thế Tôn! Ngài Đại Hắc sẽ hồi hướng công đức rồi trở về sau, thỉnh Thế Tôn về trước.

Phật chuẩn y:

- Tốt lắm!

Phật về đến cổng làng, chúng Tăng bất bình nói với nhau:

- Chao ôi! Hành động của Đạo sư quả là khó ổn. Không biết Ngài có để ý hay không. Hôm qua Tiểu Hắc đến trước để sắp chỗ thì đành chấm dứt đời sống phạm hạnh. Còn

hôm nay một vị tăng khác được phái đến thì không việc gì xảy ra.

Nhưng đức Phật vẫn để Đại Hắc ở lại và tiếp tục lên đường. Các Tỳ-kheo lại bàn tán:

- Tỳ-kheo Đại Hắc đức hạnh và cao thượng, không biết các bà vợ có khiến Ngài chấm dứt đời sống phạm hạnh?

Nghe xôn xao, đức Phật dừng lại và hỏi họ:

- Các ông đang bàn gì thế?

Họ kể lại, Ngài bảo:

- Nhưng này các Tỳ-kheo, các ông không nghĩ là Đại Hắc giống Tiểu Hắc chứ?

- Vâng, bạch Thế Tôn, Tiểu Hắc có hai vợ, nhưng Đại Hắc có tới tám. Nếu bị tám bà này vây quanh và bắt lấy thì không biết Ngài sẽ xoay trở ra sao, thưa Thế Tôn?

- Các Tỳ-kheo, đừng nói thế! Tiểu Hắc sống bận rộn lăng xăng, để tâm tham đắm trong những thú vui. Còn Đại Hắc, con của Ta, trái hẳn, không chạy theo dục lạc, không lay động như một ngọn núi

đá.

Rồi Phật nói Pháp Cú sau:

(7) Ai sống nhìn tịnh tướng, Không bộ trì các căn, Ăn uống thiếu tiết độ, Biếng nhác chẳng tinh cần, Ma uy hiếp kẻ ấy, Như cây yếu trước gió.

(8) Ai sống quán bất tịnh, Khéo bộ trì các căn, Ăn uống có tiết độ, Có lòng tin, tinh cần, Ma không uy hiếp được, Như núi đá trước gió.

Các bà vợ cũ của Đại Hắc vây quanh Tôn giả, hè nhau kể lể:

- Ai đã cho phép ông đi tu? Bây giờ ông

có chịu trở lại làm gia chủ không?

Nói xong, và mạnh bạo hơn lần trước, các bà tìm cách lột y vàng của Ngài. Nhưng Tôn giả đã đoán trước, dùng thần thông bay xuyên qua nóc nhà, rồi bay đến chỗ Phật, hạ xuống đất ngay lúc Thế Tôn kết thúc Pháp Cú. Tôn giả ca ngợi kim thân Phật và đảnh lễ dưới chân Ngài.

(xem tiếp Phần 3)

Phẩm 1: Song Yếu Phần 3

7. Đề Bà Đạt Đa Đắp Y Không Tương Xứng

Tâm chưa rời uế trược...

Lời dạy này được thuyết khi Phật ngụ tại

Kỳ Viên, dành cho buổi lễ thọ y vàng của Đề-bà-đạt-đa tại Vương Xá.

Vào dịp hai đệ tử Phật, mỗi người dẫn đầu năm trăm Tỳ-kheo, từ biệt Phật đi từ Kỳ Viên đến Vương Xá, dân Vương Xá nhóm từ hai, ba người hoặc đông hơn cúng dường theo nghi thức dâng cúng cho khách tăng.

Một hôm, Tôn giả Xá-lợi-phất, trong phần hồi hướng công đức nói: "Này các cư sĩ, có người chính mình bố thí nhưng không dạy người khác bố thí, người ấy được phước báo giàu có nhiều đời liên tiếp nhưng không có phước báo về thân bằng quyến thuộc. Một người khác dạy láng giềng mình bố thí nhưng chính mình thì không, người ấy có phước báo về thân bằng quyến thuộc trong nhiều đời nhưng không có phước báo về tài sản.

Người khác tự mình không cho cũng không dạy người khác bố thí, trong nhiều đời liên tiếp người ấy không có cơm cháo no bụng mà còn bị cô quạnh và thiếu thốn. Lại nữa, một người vừa tự mình bố thí và dạy người khác bố thí, người đó nhiều đời liên tiếp, trong trăm đời ngàn đời, trong trăm ngàn đời, vừa được phước báo về tài sản vừa có nhiều thân bằng quyến thuộc".

Tôn giả Xá-lợi-phất đã thuyết pháp như thế.

Một trí giả nghe xong tự nghĩ: "Thưa Ngài, bài thuyết pháp này thật kỳ diệu, giải thích ý nghĩa của hạnh phúc. Ta phải tạo công đức đối với hai giác giả này".

Rồi ông ta mời Trưởng lão đến thọ thực, ông thưa:

- Bạch Tôn giả, xin Ngài cho tôi được phụng sự, cúng dường vào ngày mai.

- Cư sĩ, ông mời bao nhiêu Tỳ-kheo?

- Đoàn tùy tùng của Ngài gồm bao nhiêu Tỳ-kheo, thưa Tôn giả?

- Một ngàn Tỳ-kheo, cư sĩ ạ!

- Xin dẫn theo toàn thể Tỳ-kheo của Ngài vào ngày mai và cho tôi được phụng sự, cúng dường vào ngày mai.

Tôn giả nhận lời.

Rồi cư sĩ đi khắp đường phố, khuyên những người khác cúng dường.

- Các ông, các bà! Tôi đã thỉnh một ngàn vị Tỳ-kheo. Quý vị có thể dâng vật thực

cho bao nhiêu Tỳ-kheo? Quý vị có khả năng bao nhiêu?

Dân cư hứa dâng vật thực, mỗi người tùy phương tiện của mình, họ nói:

- Chúng tôi sẽ dâng cho mười vị.

- Chúng tôi sẽ dâng cho hai mươi vị.

- Chúng tôi sẽ dâng cho một trăm vị.

Cư sĩ hướng dẫn họ đem vật thực đến một nơi và bảo:

- Chúng ta hãy gom vật thực tại một chỗ và nấu nướng chung. Tất cả các ông bà hãy mang đến mè, gạo, bơ, sữa lỏng, mật và những loại khác.

Bấy giờ một gia chủ dâng một bộ y vàng

ướp hương đáng giá một trăm ngàn đồng tiền, nói:

- Nếu những vật thực cúng dường góp lại mà không đủ, hãy bán bộ y này lấy tiền bù vào chỗ thiếu. Nếu vật thực đã đủ, các ông bà có thể cúng bộ y này cho bất cứ vị Tỳ-kheo nào mà quý vị đồng ý.

Vật thực góp lại đầy đủ theo ý của gia chủ, không còn thiếu gì nữa. Do đó, cư sĩ nói với những người đàn ông:

- Này quý ông! Lá y vàng này do một gia chủ cúng, vì mục đích như đã kể, nay dư thừa. Vậy chúng ta nên dâng cho ai?

Vài người nói:

- Chúng ta nên dâng cho Trưởng lão Xá- lợi-phất.

Người khác lại bảo:

- Trưởng lão Xá-lợi-phất chỉ tới lui khi mùa xong lúa chín. Còn Đề-bà-đạt-đa đến với chúng ta thường xuyên, ngày mùa cũng như ngày thường, và lúc nào cũng sẵn sàng như cái bình đựng nước. Chúng ta hãy dâng cúng cho Ngài.

Sau một hồi lâu bàn cãi, phe đa số hơn được bốn người đã quyết định dâng y cho Đề-bà-đạt-đa. Rồi họ dâng cho Đềbà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa cắt y ra làm hai, may, nhuộm, để một phần làm thượng y và phần kia làm hạ y; rồi mặc y vào khi đi ra. Dân chúng lại bàn tán khi thấy ông đắp y mới:

- Y này không tương xứng với Đề-bà- đạt-đa, mà tương xứng với Tôn giả Xá- lợi-phất. Đề-bà-đạt-đa đã đắp với bộ

thượng y và hạ y không tương xứng với ông ta.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo ở phương xa đi từ Vương Xá đến Xá-vệ, ông ta đến đảnh lễ đức Phật và bày tỏ niềm hoan hỉ được gặp Ngài. Đức Phật hỏi ông về sự phúc lợi của hai Đại đệ tử. Vị Tỳ-kheo liền kể cho Ngài nghe toàn bộ câu chuyện về bộ y từ đầu đến cuối.

Đức Phật nói:

- Này các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa đã đắp bộ y mà ông không xứng đáng. Ở kiếp trước ông ta cũng đã đắp y không tương xứng.

Nói xong, Ngài bèn kể câu chuyện sau:

7A. Thợ Săn và Voi Chúa

Thuở xưa một lần, khi vua Phạm-mađạt (Brahmadatta) cai trị Ba-la-nại, có một thợ săn voi sinh sống bằng nghề giết voi, đem ngà, móng, bộ đồ lòng và thịt chặt ra chợ bán. Bấy giờ trong một khu rừng có hằng ngàn con voi đang kiếm cỏ. Một hôm, vào rừng

chúng gặp một vài vị Phật Độc giác. Kể từ hôm đó, cả lượt đi và về, chúng đều quỳ gối trước Phật Độc giác rồi mới tiến bước tiếp.

Người thợ săn thấy hành động của bầy voi, ông ta không khỏi thắc mắc: "Giết bầy thú này thật là khó khăn, lần nào đến và đi chúng đều đảnh lễ những vị Phật Độc giác. Chúng thấy cái gì mà đảnh lễ vậy kìa?". Đi đến kết luận rằng đó là vì chiếc y vàng, hắn bèn quyết định: "Ta cũng phải đắp một y vàng lập tức". Rồi hắn đi đến cái ao nơi vị Phật Độc giác thường đến. Trong khi Ngài đang tắm, lá

y để trên bờ, hắn trộm y của Ngài. Rồi hắn đi săn, ngồi chờ trên con đường có đàn voi thường qua lại, với cái giáo trong tay và lá y phủ trên đầu. Đàn voi thấy hắn, tưởng là Phật Độc giác, dừng lại đảnh lễ hắn và bước đi. Con voi đến đảnh lễ cuối cùng tức voi đầu đàn bị giết với một nhát giáo. Lấy xong cặp ngà với những phần có giá trị khác, chôn xác còn lại xuống đất, hắn bỏ đi.

Ít lâu sau, Bồ-tát tái sanh làm voi, sau đó trở thành voi đầu đàn của đàn voi ấy. Lúc đó, người săn vẫn tiếp tục mưu chước cũ. Voi chúa nhìn thấy số voi trong bầy sút giảm liền hỏi:

- Chúng voi đi đâu mất vậy kìa, bầy chúng ta còn quá ít?

- Chúng con không biết, thưa Ngài.

Voi chúa tự nghĩ: "Chúng không thể đi đâu khi không được phép của ta". Rồi mối nghi hiện ra trong đầu voi: "Cái gã ngồi ở chỗ nọ với tấm y trùm đầu, hắn là nguyên nhân gây ra lộn xộn, ta phải theo dõi hắn".

Rồi voi đầu đàn để những con voi khác đi trước và chính nó đi cuối cùng, bước thật chậm. Khi những con voi cuối đảnh lễ xong và đi qua, gã thợ săn thấy voi chúa đến, lập tức hắn cuộn y lại và phóng ngọn giáo. Voi chúa đã đề phòng khi đến gần, nên bước lui tránh mũi giáo. Biết ngay là người đã giết voi của mình, voi chúa lập tức phóng tới để tóm hắn. Nhưng gã thợ săn đã nhanh nhẹn nhảy qua và núp sau một cội cây. Voi chúa dự định sẽ lấy vòi quấn cả gã thợ săn với cội cây, tóm lấy gã và quật gã xuống đất. Ngay lúc đó, gã thợ săn nhanh trí chìa

tấm y vàng ra cho voi trông thấy. Thấy lá y, voi khựng lại có vẻ đắn đo: "Nếu ta tấn công người này, lòng quý trọng mà hàng ngàn chư Phật, Phật Độc giác và A-lahán đã dành cho ta tất nhiên sẽ mất hết", voi đành dằn lòng, hỏi thợ săn:

- Có phải anh đã giết hết những thân quyến kia của ta không?

Thợ săn trả lời:

- Vâng, thưa Ngài.

- Tại sao anh hành động xấu xa thế? Anh đã khoác tấm y dành cho những vị đã thoát khỏi tham dục, nhưng không xứng hợp với anh. Khi làm như thế, anh đã phạm tội nặng.

Nói xong, voi lại khiển trách hắn lần

cuối:

Ai mặc áo ca-sa, Tâm chưa rời uế trược, Không tự chế, không thực, Không xứng áo ca-sa.

Ai rời bỏ uế trược, Giới luật khéo nghiêm trì, Tự chế, sống chân thật, Thật xứng áo ca-sa

- Anh đã hành động không xứng đáng.

Con voi nói như thế.

Khi đấng đạo sư chấm dứt bài học này, Ngài đồng nhất những nhân vật trong truyện Bổn Sanh như sau:

- Người thợ săn lúc ấy là Đề-bà-đạt-đa, voi chúa đã quở trách hắn chính là Ta. Này các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần

đầu Đề-bà-đạt-đa đã khoác tấm y mà hắn không xứng đáng, hắn đã làm như thế trong kiếp trước rồi.

Nói xong, Ngài đọc những Pháp Cú sau:

(9) Ai mặc áo ca-sa, Tâm chưa rời uế trược, Không tự chế, không thực, Không xứng áo ca-sa.

(10) Ai rời bỏ uế trược, Giới luật khéo nghiêm trì, Tự chế, sống chân thật, Thật xứng áo ca-sa.

8. Những Đại Đệ Tử

Không chân, tưởng chân thật...

Giáo lý này được đức Phật thuyết khi Ngài ngụ tại tinh xá Trúc Lâm, và liên quan đến việc những đại đệ tử Phật tường trình rằng ngoại đạo Sanjaya chối từ không đến quy y Phật. Đầu đuôi câu chuyện như sau:

8A. Đời Sống Của Phật

Bốn A-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp quá khứ, đấng Đạo sư của chúng ta sanh làm một hoàng tử Bà-la-môn trong thành Amaravatì là Sumedha (Siêu thuật). Sau khi đã thông đạt mọi xảo thuật, Ngài từ bỏ di sản lên đến vô số triệu của cha mẹ để lại, xuất gia, sống đời ẩn sĩ, ngụ trong vùng Himalaya, và ở đó tự mình thiền định đắc được thần thông. Một hôm Phật Nhiên Đăng, đấng Thập lực, rời tinh xá Sadassana đến thành Ramma, dân chúng đi trước dọn

đường. Sumedha hôm đó bay trên không, thấy con đường đã được dọn sạch, Sumadha chọn một đoạn đường chưa sạch, đợi đức Phật đến, lấy thân mình làm cầu, trải áo bằng da hươu trên bùn, nằm lên trên và nói: "Xin đừng để đức Phật và Tăng chúng bước trên bùn, xin Ngài hãy bước trên thân con, để tiếp tục cuộc hành trình".

Khi Phật thấy Sumedha, Ngài nói: "Ông hoàng kia là một vị Phật tương lai. Bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp sau này ông ta sẽ thành Phật tên Cồ-đàm". Đó là lời

của Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ông hoàng Bà-la-môn Sumedha. Sau khi Phật Nhiên Đăng đến những vị Phật sau: Kodanna, Màngala, Sumana, Revata, Sobhita, Anomadassì, Paduma, Naràda, Padumuttara, Sumedha, Sujàta, Piyadassì Atthadassì, Dhammadassì

Siddhattha, Tissa, Phussa, Vipassì(Tỳbà-thi), Sikhì(Thi-khí), Vessabhù (Tỳ-xáphù), Kakusandha (Câu-lưu-tôn), Konàg amana (Câu-na-hàm-mâu-ni) và Kassapa (Ca diếp). Lần lượt hai mươi bốn vị Phật ra đời và soi sáng thế gian. Và từ mỗi vị Phật, ông hoàng Bà-lamôn Sumedha đều nhận được lời thọ ký sẽ thành Phật. Bấy giờ sau khi Sumedha đã viên mãn 10 ba-la-mật, 10 ba-la-mật bậc hạ và 10 ba-la-mật bậc thượng, tất cả là 30 ba-la-mật, Ngài được tái sanh là thái tử Vessantara và trong kiếp làm thái tử Vessantara, Ngài hành các pháp đại thí, hy sinh cả vợ và con làm chấn động quả đất. Mạng chung, Ngài tái sanh vào cõi trời Đâu suất, cũng trong kiếp sống đó, các vị trời của mười ngàn thế giới tụ họp lại xưng tán Ngài:

Thời đã đến, hỡi bậc Đại Lực,

Hãy giáng sanh thai mẹ đi thôi, Cứu nhơn thiên chìm đắm nổi trôi, Và khám phá con đường bất tử.

Ngay sau đó Ngài tư duy năm điều đại quán. Và qua kiếp đó Ngài sanh vào dòng vua Thích ca, được nuôi dưỡng trong nhung lụa hoàng gia. Suốt thời gian này, Ngài tận hưởng tuổi xuân tốt lành, ở ba lâu đài tùy theo mùa trong năm, hưởng thụ nếp sống huy hoàng đế vương có thể sánh ngang cõi trời. Thời gian trôi qua, một hôm liên tiếp trong 8 ngày, Ngài đến khu vườn để giải trí thì gặp ba thiên sứ, đó là một người già, một người bệnh và một người chết. Trong ba ngày đó, Ngài trở về hoàng cung lòng chấn động khôn tả.

Vào ngày thứ tư Ngài gặp một người

xuất gia, sống đời tu sĩ. Một ý tưởng bừng nở trong tâm trí: "Tốt hơn hết, ta nên từ bỏ thế gian, sống đời tu sĩ".

Ôm ấp trong đầu ước mơ về đời sống tu hành, Ngài tiếp tục đến khu vườn, suốt ngày ngồi trên bờ hồ trong hoàng cung. Khi Ngài ngồi đó, trời Vissakamma đến, dưới dạng người thợ cạo và mặc vào Ngài y phục quý giá, trang điểm Ngài với mọi thứ trang sức. Ở đó Ngài nhận được tin hoàng tử La-hầu-la vừa ra đời. Cảm thấy lòng thương con mạnh mẽ trỗi dậy, Ngài sáng suốt nhận định: "Ta phải cắt đứt ngay sự ràng buộc này, nếu không sẽ lớn mạnh thêm nữa". Chiều đó Ngài trở về hoàng cung, Kisà Gotamì con gái của bà bác Ngài, đọc câu kệ sau đây:

Hạnh phúc thay người mẹ,

Hạnh phúc thay người cha, Hạnh phúc thay người vợ, Có người chồng như Ngài.

Kisà Gotamì đọc câu kệ trên khiến Ngài phải buột miệng: "Gotamì đã nói cho ta biết đâu là chân hạnh phúc để tìm"

Rồi Ngài lấy một chuỗi ngọc gửi tặng cô.

Trở về cung, khi nằm xuống long sàng. Ngài thấy rõ diện mạo dơ xấu của những cung nữ đang ngủ. Ghê tởm, Ngài đánh thức người coi ngựa Xa-nặc, bảo đem ngựa Kiền-trắc đến, và Ngài cưỡi Kiềntrắc mang theo Xa-nặc làm bạn đồng hành, có chư thiên mười ngàn cõi giới vây quanh. Ngài ra đi, thực hiện một cuộc xả ly vĩ đại.

Phi ngựa đến bờ sông Anomà, Ngài rời bỏ thế gian và sống đời tu sĩ.

Sống đời tu sĩ, Ngài tiếp tục đến Vương Xá và đi vào thành khất thực. Rồi Ngài rút lui vào núi Pandava, ngồi tu trong hang. Vua nước Ma-kiệt-đà đến nơi dâng vương quốc cho Ngài nhưng Ngài liền từ chối. Ngài hứa với vua là sẽ đến thăm vương quốc ngay khi Ngài chứng đạo. Rồi Ngài đến với Alàrà và Uddaka. Nhưng sau khi tu theo giới pháp của hai vị này. Ngài không chứng được đạo quả (A-la-hán). Sau đó Ngài dấn thân vào cuộc đại chiến trong sáu năm.

Một sáng sớm ngày rằm của tháng Visìkhà, Ngài dùng bát cháo do Sujàtà dâng cúng, thả cho bát vàng trôi ngược trên sông Ni-liên, rồi suốt ngày trong rừng Mahàana (Đại Lâm)

Ngài nhập định vào các tầng thiền. Buổi chiều Ngài lắng nghe long vương Kàla tán thán đức hạnh cao quý của Ngài. Ngài bước lên tòa Bồ-đề, nhận bó cỏ của Sotthiya dâng, rải ra trước mặt mình và phát lời thệ nguyện: "Ta sẽ không rời khỏi tòa ngồi này cho đến khi Ta hoàn toàn dứt tham đắm ngũ dục thế gian và tâm Ta hoàn toàn giải thoát hết lậu hoặc".

Sau đó Ngài ngồi quay mặt về hướng đông và chiến thắng Ma vương trước khi mặt trời lặn. Trong canh một Ngài chứng Túc mạng minh, canh hai Ngài chứng Thiên nhãn minh, cuối canh năm Ngài chứng Lậu tận minh, đạt đến Toàn Giác và đắc Thập lực, Tứ vô ngại biện và tất cả đức hạnh cao thượng, Ngài ngồi trên tòa Bồ-đề suốt bảy tuần. Vào tuần thứ tám, Ngài ngồi dưới cội đa của người chăn dê (cây-bồ-đề) và quán tưởng về sự

thậm thâm vi diệu của pháp, cuối cùng Ngài đâm ra e ngại không có khả năng thuyết pháp độ sanh.

Ngay lập tức, Phạm thiên Sahampati cùng với chư thiên mười ngàn cõi giới trong đó Đại Phạm thiên thường đi theo, đến gặp Ngài và thỉnh cầu Ngài thuyết pháp. Quan sát thế gian với Phật nhãn, Ngài nhận lời thỉnh cầu của Phạm thiên. Ngài nghĩ tiếp:

- Ta sẽ thuyết pháp cho ai trước tiên?

Nhìn quanh thế giới, Ngài thấy Alàra và Uddaka đã qua đời, nhưng nhớ lại năm Tỳ-kheo đã từng tận tình phục vụ mình, Ngài đứng lên và đi đến Kàsipura, và gặp Upaka trên đường và nói chuyện với ông ta.

Vào ngày rằm tháng Aasalha, Ngài đến Isipatana trong vườn Lộc Uyển, nơi năm Tỳ-kheo cư ngụ. Năm Tỳ-kheo xưng hô với Ngài không đúng cách, Ngài dạy họ cách xưng hô đúng. Rồi Ngài bắt đầu chuyển Pháp luân, ban nước bất tử đến một trăm tám mươi triệu chư thiên, nhưng trên hết cho Tỳ-kheo Annà- Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như). Sau khi đã chuyển bánh xe pháp, vào ngày thứ năm của nửa tháng,

Ngài độ năm Tỳkheo trên, tất cả đều chứng A-la-hán. Cũng vào ngày ấy, Ngài thấy rằng chàng vọng tộc trẻ tuổi Yasa đã đủ nhân duyên xuất gia, và khi Yasa rời khỏi căn nhà, lòng nhờm tởm những gì đã thấy trong đêm, Ngài nhìn thấy anh gọi lại:

- Đến đây, Yasa!

Và cho anh xuất gia. Cũng trong đêm đó

Ngài độ cho Yasa chứng quả Dự lưu, và ngày tiếp theo chứng A-la-hán. Sau đó Ngài độ cho năm mươi bốn bạn hữu của Yasa xuất gia.

Ngài gọi họ:

- Hãy đến đây, Tỳ-kheo!

Họ liền trở thành Tỳ-kheo, rồi Ngài độ họ chứng A-la-hán.

Vậy là có sáu mươi mốt A-la-hán trên thế gian. An cư trong mùa mưa và làm lễ tự tứ xong. Ngài phái sáu mươi Tỳ-kheo đi khắp nơi:

- Hãy đi, các Tỳ-kheo! Hãy thuyết giảng!

Còn chính Ngài đến Uruvelà. Trên đường đi tại khu rừng Kappàsika, Ngài

thuyết giáo cho ba mươi chàng trai thuộc nhóm Bhaddavaggiyas. Những người kém nhất trong nhóm chứng Sơ quả (Dự lưu) và những người ưu việt nhất chứng Tam quả (A-na-hàm). Tất cả những chàng trai này được nhận vào Tăng đoàn chỉ với lời gọi "Đến đây, Tỳ-kheo!" Xong, Ngài phái họ đi khắp nơi. Đến Uruvelà, Ngài thi triển ba ngàn năm trăm phép thần thông và xuất gia cho Uruvelà-Kassapa, Nadì Kassapa và Gayà-Kassapa. Đó là ba anh em Cadiếp, những vị khổ hạnh bện tóc, có một ngàn đệ tử. Ngài dạy pháp cho những vị khổ hạnh này xong, nhận họ vào Tăng đoàn chỉ với lời nói: "Đến đây, Tỳkheo!" Tại Gayàsìa, Ngài độ họ chứng quả A-la-hán đi theo, Ngài đến vườn Latthivana gần thành Vương Xá, định thực hiện lời hứa với vua Bình-savương (Bimbisàra) nước Ma-kiệt-đà.

"Đấng Đạo sư đã đến!" Người ta kêu vang rân. Nghe tin báo, vua Bình-savương đã đến cùng rất đông gia trưởng Bà-la-môn theo hầu, và đức Phật đã hoan hỉ thuyết pháp cho vua, độ vua và gần hết số Bà-la-môn đó chứng quả dự lưu, và quy y cho các Bà-la-môn còn lại. Ngày sau Phật lắng nghe vua trời Đế thích, dưới dạng một Bà-la-môn trẻ, đến thành Vương Xá tán thán công đức cao quý của Ngài, sau đó Ngài vào thành Vương Xá. Thọ thực trong hoàng cung xong, Ngài nhận lời vua cúng tinh xáVeluvana (Trúc Lâm) và ngụ ở đấy. Và tại đây, Xá-lợi-phất (Sàriputta), Mụckiền-liên (Moggallàna) đã đến với Ngài

8B. Cuộc Đời của Upatissa (Sarìputta) và Kolita(Moggallaana)

Trước khi Phật xuất thế, có hai làng Bà-

la-môn không xa Vương xá tên Upatissa và Kolita.

Một hôm, vợ một người Bà-la-môn tên Rùpasàri sống ở làng Upatissa biết mình thọ thai, cũng cùng ngày đó vợ của Bà-la-môn tên Moggalì sống ở làng Kolita cũng biết mình thọ thai. Nghe kể rằng trong bảy thế hệ, hai gia đình ấy đã kết tình thân hữu chặt chẽ và gắn bó mật thiết với nhau. Họ tổ chức lễ Bảo-thai cho hai bà mẹ có mang trong ngày đó.

Sau mười tháng âm lịch, cả hai bà đều hạ sanh. Vào ngày đặt tên cho hai trẻ, họ đặt tên Upatissa cho đứa con bà vợ Bà-lamôn Sàri, vì cậu bé là con của trưởng tộc trong làng Upatissa; và đứa bé kia, vì là con của trưởng tộc trong làng Kolita nên được tên là Kolita. Lớn lên, cả hai trẻ

đều tài giỏi hơn ai hết trong mọi xảo thuật và học thuật. Mỗi khi chàng Upatissa đi ra sông hay vườn để du ngọan, có năm trăm kiệu vàng hộ tống, còn Kolita có năm trăm xe ngựa thuần chủng hộ tống. Hai chàng trai trẻ mỗi người có năm trăm gia nhân theo hầu.

Bấy giờ có một cuộc lễ hàng năm tại Vương Xá tên là hội Đỉnh Núi. Một cái giường dành cho hai chàng kê ở một nơi, và hai chàng ngồi chung chứng kiến lễ hội. Đến dịp cười, họ cười vang, có dịp khóc, họ khóc thảm thiết, tới lúc bố thí họ bố thí. Như thế, họ dự hội nhiều ngày. Nhưng một hôm, tuổi khôn lớn, họ không cười vào những dịp ngày xưa họ cười, không có giọt nước mắt nào khi gặp cảnh ngày xưa họ khóc và họ không bố thí khi được yêu cầu.

Người ta kể rằng, hai chàng khởi tưởng như sau: "Tại sao chúng ta lại xem những thứ này? Trước khi một trăm năm trôi qua, tất cả mọi người này sẽ mất đi và không còn ai trong thấy họ nữa. Tốt hơn chúng ta nên đi tìm con đường giải thoát". Họ ôm ấp ý tưởng đó, rồi Kolita bảo Upatissa:

- Bạn Upatissa! Bạn có vẻ không hài lòng và không thích thú như ngày trước. Hơn thế nữa, bạn ưu sầu phiền muộn. Bạn nghĩ gì thế?

- Bạn Kolita, tôi cảm thấy chẳng có gì toái ý lâu bền khi ngắm nhìn đám dân này, những cái này thật hết sức vô ích; tốt hơn tôi nên đi tìm con đường giải thoát cho chính mình. Nhưng tại sao bạn cũng phiền muộn?

Kolita cũng nói thế. Khi Upatissa khám phá ra Kolita đồng tâm trạng với mình, anh đi đến quyết định:

- Cả hai chúng ta đều có một hoài bão cao đẹp. Cả hai chúng ta cần phải đi tìm con đường giải thoát và cùng nhau rời bỏ thế gian. Chúng ta sẽ xuất gia với Đạo sư nào đây?

Lúc bấy giờ, có một du sĩ khổ hạnh tên Saniaya đến thành Vương Xá với đông đảo du sĩ khổ hạnh tùy tùng. Upsatissa và Kolita cùng nhất trí:

- Ta sẽ xuất gia và đi tu dưới sự lãnh đạo của Sanjaya.

Rồi cả hai người bạn đồng giải tán năm trăm người hầu và ra lệnh cho họ:

- Hãy lấy kiệu và xe ngựa rồi đi đi!

Với năm trăm người còn lại, họ cùng nhau xuất gia và đi tu theo Sanjaya. Từ ngày hai chàng trai trẻ xuất gia và đi tu, Sanjaya đã tiến tới tuyệt đỉnh của danh lợi. Nhưng trong vài ngày, sự thông hiểu của họ vượt qua khả năng giảng dạy của Sanjaya. Do đó, họ thưa với ông:

- Thưa thầy, đây có phải là toàn thể chân lý mà thầy biết, hay ngoài ra còn có những gì cao hơn nữa?

- Đây là tất cả, các con đã biết hết rồi.

Upatissa và Kolita đều băn khoăn: "Nếu như thế, thật vô ích cho chúng ta khi ở lại làm học trò vị thầy này thêm nữa. Con đường giải thoát mà chúng ta tìm kiếm

khi từ bỏ thế gian, chắc chắn không thể đạt được từ vị thầy này. Nhưng vùng Diêm-phù-đề là một xứ to rộng, chúng ta hãy du hành qua thôn xóm, thành thị, hoàng thành. Chắc chắn chúng ta sẽ tìm được bậc thầy chỉ dạy chúng ta con đường giải thoát".

Kể từ hôm đó, bất cứ nơi nào nghe có tu sĩ hay Bà-la-môn uyên bác, họ đều tìm đến và đàm luận. Những vấn đề Upatissa và Kolita nêu ra các vị ấy đều không thể trả lời; nhưng mọi vấn đề các vị ấy hỏi đến, Upatissa và Kolita đều trả lời trôi chảy.

Cứ như thế, họ du hành khắp vùng Diêm-phù-đề, rồi họ quay bước trở về

nhà riêng của mình. Trước khi từ giã, Upatissa giao ước với Kolita:

- Bạn Kolita, ai trong chúng ta đạt đến sự bất tử trước xin báo cho người kia.

Rồi họ chia tay.

Trong thời gian hai người bạn sống giao ước như thế, đấng Đạo sư sau khi du hành từ nơi này đến nơi khác, như đã kể ở trên, đến Vương Xá. Đức Phật đã nhận cúng tinh xá Veluvana và ở lại đó.

Sau đó đức Phật đã phái sáu mươi mốt A-la-hán đi rao giảng công đức của Tam Bảo.

- Hãy đi, này các Tỳ-kheo! Hãy giảng và dạy!

Một trong nhóm năm Tỳ-kheo, Đại Trưởng lão Ác-bệ, quay lại về Vương Xá, và vào sáng sớm hôm sau, đắp y ôm bát vào thành khất thực. Cũng trong ngày đó sáng sớm, du sĩ khổ hạnh Upatissa ăn sáng xong đi đến khu ẩn dật của những du sĩ khổ hạnh. Hình dáng Trưởng lão lọt vào mắt Upatissa. Lòng đầy kinh ngạc pha lẫn thán phục, Upatissa chăm chú nhìn Trưởng lão:

- Trước đây ta chưa hề thấy một tu sĩ nào như vị này. Ông phải là một trong những tu sĩ đã đắc A-la-hán trên thế gian, nếu không cũng là người đã bước vào con đường đưa đến Thánh quả A-la-hán, ta hãy thử đến gặp tu sĩ và hỏi Ngài: "Vì ai, thưa hiền hữu, mà hiền hữu tử bỏ thế gian? Ai là bậc thầy của hiền hữu? và hiền hữu truyền giáo pháp của ai?"

Nhưng chàng dằn lại vì dè dặt, sợ mình quá đường đột:

"Thật không đúng lúc để hỏi tu sĩ những câu như thế, vì ông đang đi khất thực từng nhà. Ta có nên theo sát bước của tu sĩ, như người ta vẫn thường làm để thỉnh cầu ân huệ một vị nào đó?"

Upatissa bước theo Trưởng lão Ácbệ. Trưởng lão đã nhận xong một phần khuất thực. Trên đường đi tiếp đến một nơi nào đó, thấy rằng Trưởng lão muốn ngồi xuống, chàng liền đặt tọa cụ của mình trên đất và dâng cho Trưởng lão. Tu sĩ thọ thực xong, chàng rót nước trong bình của mình mời Ngài. Làm xong bổn phận của một đệ tử đối với

thầy, và khi trưởng lão thọ thực xong, chàng lễ độ chào hỏi Trưởng lão, rồi thưa:

- Thưa hiền hữu, các căn của Ngài thật thanh tịnh, nước da của Ngài thật sáng bóng và trong trẻo. Vì ai, thưa hiền hữu, Ngài đã từ bỏ thế gian? Ai là thầy của Ngài? Và Ngài truyền bá giáo lý của ai?

Trưởng lão thầm nghĩ: "Những du sĩ khổ hạnh hay chống đối tôn giáo ta theo, do đó ta sẽ chỉ cho tu sĩ này sự thậm thâm của đạo ta".

Nhưng trước hết Ngài giải thích rằng Ngài chỉ là một sơ cơ. Ngài nói:

- Này hiền hữu! Tôi chỉ là một sơ cơ, tôi đi tu chưa bao lâu, tôi mới đến với Pháp và luật này, ngay bây giờ tôi không có

nhiều lời để thuyết pháp.

Chàng tu sĩ khổ hạnh thầm nhủ: "Tôi là Upatissa, xin nói nhiều hay ít theo khả năng của Ngài, tôi nhất quyết sẽ tìm hiểu ý nghĩa bằng trăm ngàn cách".

Do đó chàng nói:

Hãy nói ít hoặc nhiều, Nhưng nói điều cốt yếu, Tôi chỉ cần cốt yếu, Sao phải thốt nhiều lời?

Để trả lời, Trưởng lão dùng ngay dòng đầu của Pháp Cú:

Tất cả pháp từ nhân duyên sanh, Nhân duyên ấy, Như Lai đã chỉ.

Ngay dòng đầu tiên, chàng du sĩ khổ

hạnh đắc quả Dự lưu, hiểu hết ý nghĩa bằng cả một ngàn cách. Chàng vừa đắc quả Dự lưu xong, trưởng lão đọc nốt dòng thứ hai:

Và cũng dạy thế nào chấm dứt. Đây, giáo huấn của Đại Sa-môn.

Chàng không chứng được quả vị cao hơn, chàng nghĩ là phải có một lý do nào đó, vì thế chàng trình Trưởng lão:

- Xin Ngài đừng thuyết pháp cao hơn nữa, đã đủ! Đạo sư của chúng ta hiện ngụ ở đâu?

- Tại Trúc lâm, hiền hữu!

- Vậy thì, thưa Tôn giả! Xin ngài đi trước đi. Tôi có một người bạn, anh ta và tôi đã giao ước với nhau: "Ai trong chúng ta

đạt đến sự bất tử trước tiên phải báo cho người kia". Tôi phải giữ lời hứa này trước đã. Tôi sẽ rủ bạn tôi cùng đến đấng Đạo sư, đi theo con đường của Ngài.

Nói xong, Upatissa phủ phục năm vóc dưới chân Trưởng lão, đi nhiễu bên phải ba vòng và từ giã Ngài, đi đến gặp du sĩ khổ hạnh bạn chàng.

Nhà du sĩ khổ hạnh Kolita thấy chàng từ xa, không khỏi mừng thầm: "Hôm nay, vẻ mặt bạn ta khác thường, chắc anh đã đến sự bất tử".

Kolita nôn nóng hỏi ngay bạn mình:

- Bạn đã đạt được bất tử phải không?

Upatissa trả lời:

- Vâng, này huynh! Tôi đã đạt đến bất tử.

Nói xong, chàng nói Pháp Cú như Tôn giả Ác-bệ đã nói. Ngay khi kết thúc bài kệ, Kolita chứng quả Dự lưu. Rồi Kolita hỏi tiếp:

- Này bạn, đấng Đạo sư ở đâu?

- Tại Trúc Lâm, bạn ạ. Trưởng Lão Ác- bệ, thầy chúng ta đã cho tôi biết.

_ Tốt lắm, này bạn! Chúng ta hãy đi, hãy đến gặp đức Phật.

Trưởng lão Xá-lợi-phất có một nét đặc biệt là luôn kính trọng sâu đậm vị thầy của mình. Do đó, Ngài bảo bạn:

- Này bạn, chúng ta hãy báo cho thầy mình, du sĩ khổ hạnh Sanjaya rằng chúng

ta đã đạt được đến bất tử, như thế tâm ông sẽ thức tỉnh và trí ông sẽ hiểu biết. Dù ông có thiếu sự hiểu biết đi chăng nữa chắc chắn ông vẫn tin chúng ta không nói dối, và ngay khi được nghe Phật thuyết pháp, ông sẽ đạt đạo quả.

Hai du sĩ khổ hạnh liền đi đến Sanjaya.

Gặp lại họ Sanjaya hỏi ngay:

- Các đạo hữu! Các ông có thành công trong việc tìm người chỉ cho con đường bất tử không?

- Vâng, thưa Thầy, chúng tôi đã tìm được người như thế. Đức Phật đã hiện trên thế gian, Pháp đã xuất hiện, Tăng đã xuất hiện. Còn Ngài, Ngài đi trong hư huyễn phi thực. Hãy đến đây, thưa Ngài, đi đến đấng Đạo sư với chúng tôi.

- Các ông có thể đi. Ta không đi được!

- Tại sao?

- Trước đây, ta đã là một bậc thầy của nhiều người. Đối với ta, trở lại thành một người đệ tử cũng vô lý như một tên nhếch nhác được phép đi đến giếng nước. Ta không thể sống cuộc đời người đệ tử.

- Đừng làm vậy, Thầy ạ!

- Không sao, các bạn! Các bạn có thể đi, còn ta thì không đi được.

- Thưa Thầy! Từ khi Phật xuất hiện trên thế gian, dân chúng mang hương hoa và các thứ trong tay họ, đi đến và tôn kính một mình Ngài thôi. Chúng ta hãy đi đến đó. Thầy định làm gì?

- Này đạo hữu! Ai chiếm đa số trên thế gian này, người ngu hay người trí?

- Thưa Thầy, người ngu thì nhiều, người trí thì ít.

- Tốt lắm, đạo hữu! Hãy để người trí đến với tu sĩ trí tuệ Cồ-đàm, và hãy để người ngu đến với ngu phu là ta. Các anh có thể đi, còn ta không đi.

- Thầy sẽ trở thành một người nổi tiếng, thầy ạ.

Hai đệ tử cũ nói thế và lên đường. Khi họ đi rồi, giáo đoàn của Sanjaya tan rã, và khu rừng trở nên vắng vẻ. Sanjaya không chịu nổi trước cánh rừng vắng vẻ, ông buồn tức hộc máu tươi. Năm trăm du sĩ khổ hạnh tháp tùng Kolita và Upatissa một đoạn đường. Sau đó, hai

trăm năm mươi người còn trung thành với Sajaya trở về, còn lại hai trăm năm mươi người, hai vị thu nhận họ làm đệ tử và cho họ đi theo đến Veluvana.

Đức Phật đang ngồi giữa tứ chúng thuyết pháp, thấy hai du sĩ khổ hạnh từ xa đến, Ngài liền bảo các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, có hai đạo hữu đến đây là Kolita và Upatissa. Họ sẽ là đôi đệ tử của ta, đôi đại đệ tử cao quý.

Hai du sĩ khổ hạnh đảnh lễ Phật, cung kính ngồi xuống một bên và thưa:

- Bạch Thế Tôn, chúng con xin được thu nhận vào Tăng đoàn theo Phật, chúng con xin quy y và xuất gia.

Đức Phật bảo:

- Hãy đến Tỳ-kheo! Pháp sẽ được thuyết, hãy sống đời phạm hạnh cho đến lúc lâm chung để mọi đau khổ dứt hẳn.

Ngay tức khắc, nhờ thần thông, họ tự nhiên được y bát, và trở thành những vị Tỳ-kheo Trưởng lão một trăm hạ lạp.

Bằng vào sự thuyết pháp của hội chúng đệ tử, đức Phật gia tăng việc thuyết giảng pháp. Trừ hai vị Đại đệ tử ra, mọi người đều đắc quả A-la-hán. Lạ lùng thay, hai vị Đại đệ tử vẫn không thành tựu thiền định dẫn đến ba quả vị cao hơn (Lý do gì như thế? Vì trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử Phật có một tầm quan trọng).

Lúc bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, ngụ gần làng Kallavàla trong vương quốc Ma-kiệt-đà, rơi vào trạng thái hôn trầm dã dượi vào ngày thứ bảy sau ngày

được thu nhận vào Tăng đoàn. Nhưng được đức Phật đánh thức, Ngài trừ khỏi hôn trầm dã dượi và áp dụng đề mục thiền quán về các đại mà đức Phật đã trao cho Ngài.

Ngài thành tựu thiền định dẫn đến ba quả vị cao hơn và đạt được cứu cánh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử.

Còn Trưởng lão Xá-lợi-phất, hai tuần lễ ở với đức Phật, từ ngày được thu nhận vào Tăng đoàn, ngụ tại hang Sưukarakhata cũng gần thành Vương Xá. Khi nghe con của người chị Ngài, Đạo sĩ Dìhanakha đọc lại bài kinh Vedanà pariggaha, Ngài chú tâm vào bài kinh, và giống như một người ăn được cơm nấu cho người khác, Ngài đạt được cứu cánh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử.

(Chắc chắn Tôn giả Xá-lợi-phất là một người đại trí tuệ. Vậy thì tại sao Ngài cần đến một thời gian lâu hơn Đại Mục-kiềnliên để đạt đến cứu cánh của trí tuệ ba-lamật của bậc Đại đệ tử? Bởi vì đối với Ngài những việc chuẩn bị cần phải tỉ mỉ. Chúng ta nên hiểu rằng đây là trường hợp tương tự với một vị vua, khi muốn ra ngoài du hành, cần phải chuẩn bị nhiều thứ, như sắp xếp những tấm phủ lên lưng những con voi sẽ cõi... Còn đối với một người nghèo, dù muốn đi đâu, anh ta đi được ngay không cần thêm gì lắm).

Ngay hôm Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên được nhận vào Tăng đoàn, khi trời gần tối, đức Đạo sư triệu tập những đệ tử tại Trúc Lâm, đề cử địa vị Đại đệ tử cho hai vị mới vào Tăng đoàn, và đọc giới bổn Pàtimokkha. Các Tỳ-kheo bất bình bàn tán với nhau:

- Đức Thế Tôn tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này. Địa vị Đại đệ tử, Ngài phải ưu tiên cho những ai từ bỏ thế gian đầu tiên, tức là nhóm năm vị Kiều-trầnnhư. Nếu Ngài không đếm xỉa đến sự thỉnh cầu của họ, Ngài phải dành ưu tiên cho Trưởng lão Yasa và năm mươi bốn bạn đồng hành của ông. Nếu Ngài không cho những vị này làm Đại đệ tử, Ngài phải dành ưu tiên cho nhóm ba mươi thanh niên. Nếu Ngài bác bỏ nhóm này thì phải dành ưu tiên cho ba anh em Uruvela-Kassapa, Nadì-Kassapa và Gayà-Kassapa. Khi bác bỏ tất cả những Tỳ-kheo đến trước và dành địa vị Đại đệ tử cho những người từ bỏ thế gian sau hết, đức Đạo sư đã tỏ ra thiên vị.

Phật hỏi họ:

- Này các Tỳ-kheo! Các ông đang tranh

luận vấn đề gì?

Nghe họ kể lại, Phật nói:

- Này các Tỳ-kheo! ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này. Trái lại, ta dành cho các Tỳ-kheo này và cho tất cả những Tỳ-kheo khác những gì mỗi người mong ước khi phát lời thệ nguyện. Còn Annà Kondana có cúng dường những thành quả đầu mùa chín lần, nhưng không có thệ nguyện làm Đại đệ tử. Trái lại, lúc cúng dường, ông thệ nguyện rằng ông phải là người đầu tiên đạt đến quả vị tối thượng, đó là A-la-hán quả.

- Bạch Thế Tôn, khi nào vậy?

- Hãy lắng nghe, các Tỳ-kheo!

- Vâng, Thế Tôn!

Sau đó, Thế Tôn kể:

Chuyện quá khứ

8C. Tiểu Kala và Đại Kala

Này các Tỳ-kheo! Chín mươi mốt kiếp quá khứ, đức Phật Vipassì xuất hiện ở đời. Lúc đó có hai anh em Đại Hắc và Tiểu Hắc, cả hai gia chủ này cai quản một cánh đồng rộng lớn trồng lúa. Môt hôm Tiểu Hắc đến ruộng lúa bóc vỏ lúa và ăn, thấy ngọt khác thường.

Sau đó không lâu, ông muốn dâng một món quà bằng lúa non lên Tăng chúng do Phật lãnh đạo. Vì thế ông đến ngỏ ý cùng anh mình:

- Nè anh! Chúng ta hãy bóc vỏ lúa non và nấu nướng thích hợp để cúng dường những vị Phật.

Em nói gì thế, hở em? Chưa hề có người nào bóc vỏ lúa non cúng dường, cũng không ai thích làm như thế trong tương lai, đừng có làm hỏng mùa màng.

Người em lặp lại ý kiến của mình nhiều lần. Cuối cùng người anh dứt khoát:

- Thôi được, hãy chia ruộng làm hai phần. Đừng có đụng đến phần của anh, nhưng hãy làm những gì em thích trên phần ruộng của em.

Tiểu Hắc nói:

- Tốt lắm.

Rồi người em chia ruộng làm hai, thuê một số lớn nông dân lao động lột vỏ lúa non và nấu với rất nhiều sữa, thêm bơ lỏng, mật, đường và dâng món cơm chín đến Tăng đoàn do Phật lãnh đạo.

Bữa ăn chấm dứt, Tiểu Hắc thưa:

- Bạch Thế Tôn. do công đức cúng dường thành quả đầu mùa này, cho con được làm người đầu tiên đạt đến quả vị tối thượng là A-la-hán quả.

- Sẽ được vậy.

Rồi đức Đạo sư hồi hướng công đức cho thí chủ.

Khi người em trở về, nhìn lại cánh đồng, ông ta thấy toàn bộ cánh đồng đầy những nhánh lúa nảy chồi, đan vào nhau như

được buộc thành bó. Cảnh tượng này khiến ông cảm nhận được năm niềm vui. Ông hân hoan: "Ta thật là may mắn". Khi lúa trổ bông, ông cúng dường những bông lúa đầu tiên. Cùng với dân làng thành quả đầu tiên gặt được. Khi lúa được bó lại, ông dâng những bó lúa đầu tiên. Khi lúa gom thành đống, ông dâng lúa đầu tiên trong đống. Khi lúa chất thành ụ, ông dâng lúa đầu tiên trong ụ. Khi đập lúa, ông dâng những lúa đầu tiên xay xong. Khi đong, ông dâng phần lúa đong đầu tiên. Khi chất vào kho, ông dâng lúa đầu tiên vào kho lẫm. Như thế, ông dâng thành quả đầu tiên của vụ mùa đến chín

lần để cúng dường. Bất cứ thứ gì ông đem dâng được bù đắp lại, và ông có một vụ mùa bội thu. Phước đức đến với người biết làm phước.

Do đó, đức Thế Tôn nói:

- Thật vậy, Đại đức! Đạo đức bảo hộ người biết giữ gìn đạo đức, sống đạo đức đưa đến hạnh phúc. Đây là lợi lạc của cuộc sống đạo đức, người nào sống trong đạo đức sẽ không bao giớ đi đến tình trạng đau khổ.

Vì thế, trong thời kỳ của Phật Vipassì, Kiều-trần-như đã cúng dường thành quả đầu tiên tới chín lần, thệ nguyện làm người đầu tiên đạt được quả vị tối thượng. Cũng thế, trong thời kỳ của Phật Padumuttara, một trăm ngàn kiếp về quá khứ, trong thành Hamsavatì, ông đã cúng dường dồi dào, và phủ nhục dưới chân đức Phật, thệ nguyện làm người đầu tiên đạt được quả vị tối thượng A-la-hán quả. Vì vậy, Ta đã dành cho ông ta địa vị theo đúng thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong sự trọng vọng này.

Chuyện quá khứ

8D. Da-Xá (Yasa) và Năm Mươi Bốn Bạn Hữu

- Bạch Thế Tôn, năm mươi lăm thanh niên do Da-xá (yasa) cầm đầu tạo những công đức gì?

- Họ đã thệ nguyện dưới chân một vị Phật được đạt quả vị A-la-hán, và đã tạo nhiều công đức. Trước khi Phật hiện tại xuất hiện ở đời, họ đã kết bạn với nhau để thành tựu những công đức, và hết lòng lo việc thiêu xác chết của người nghèo khó. Một hôm, thấy xác chết của một phụ nữ mang thai, họ đem xác chết nghĩa trang để thiêu. Da-xá và bốn người bạn được chỉ định việc thiêu xác, những người còn lại trở về làng.

Khi Da-xá thiêu xác, chàng dùng cây xiên xuyên suốt thân xác chết, lật qua lật lại, và thấu rõ sự bất tịnh của thân xác. Để chia xẻ sự hiểu biết này với bốn bạn mình, chàng bày tỏ: "các bạn, hãy nhìn thân này. Đây đó da dẻ nứt nẻ, không khác gì da của con bò đốm, bất tịnh, nhơ nhớp và gớm ghiếc."

Ngay đó, bốn bạn chàng cũng thấu triệt sự bất tịnh của thân xác.

Năm người bạn quay về làng và truyền đạt lại cho những người kia. Về phần Daxá chàng về nhà và cũng truyền đạt cho cha mẹ và vợ, họ đều thấu triệt sự bất tịnh.

Đây là công đức mà họ đã tạo trong kiếp trước. Và do chính công đức này, Da-xá chứng nghiệm được sự bất tịnh của thân

xác khi ở trong phòng nhìn các mỹ nữ ngủ. Thêm vào đó, căn cơ họ đã đến lúc thuần thục, cho nên tất cả các chàng trai đều đạt quả thánh. Như thế, những chàng trẻ tuổi này đạt được điều mong muốn đúng theo họ thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này.

Chuyện quá khứ

8 E. Ba Mươi Chàng Vọng Tộc

- Nhưng, bạch Thế Tôn! Ba mươi vị vọng tộc trẻ tuổi này đã tạo công đức gì?

Họ cũng thệ nguyện dưới chân chư Phật quá khứ đạt thành quả vị A-la-hán và đã tạo lập những công đức. Trước khi Phật hiện tại xuất hiện ở đời, họ tái sanh làm ba mươi kẻ ác, nhưng nghe lời khuyên dạy dành cho ông Tudila, họ giữ năm

giới suốt sáu mươi ngàn năm. Rồi những người này cũng chứng đạt đúng theo họ thệ nguyện. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc trọng vọng này.

Chuyện quá khứ

8F. Anh Em Ca Diếp

- Nhưng, bạch Thế Tôn! Ba anh em Cadiếp là Uruvela Kassapa, Nadì-Kassapa, Gayà-Kassapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp, Na-đề Ca-diếp, Gia-da Ca-diếp) tạo dựng những công đức nào?

- Họ cũng tạo dựng những công đức và thệ nguyện đạt thành quả vị A-la-hán. Chín mươi hai kiếp quá khứ, hai đức Phật Tissa và Phussa cùng một lúc xuất hiện trên thế gian. Cha của Ngài Phussa là vua Mahinda. Khi Ngài Phussa giác

ngộ thì người con út của vua trở thành Đại đệ tử của Ngài và con của vị tư tế trở thành đệ tử thứ hai. Nhà vua đến chỗ Phật và bạch:

- Người con cả của tôi là Phật, người con út của tôi là Đại đệ tử, và người con của vị tư tế của tôi là Đại đệ tử thứ hai của Phật.

Và nhìn cả ba, vua hoan hỉ:

- Đức Phật là của chính tôi, Pháp là của chính tôi, Tăng là của chính tôi.

Và ông long trọng xưng tụng ba lần:

- Xin tán thán Ngài là bậc Thế Tôn, Ứng Cúng, Toàn Giác.

Rồi ông gieo mình dưới chân đức Đạo sư

thưa:

- Bạch Thế Tôn, bây giờ vào cuối cuộc đời kéo dài chín mươi ngàn năm, dường như đã đến lúc để tôi ngồi nhắm mắt ngủ yên. Lúc nào tôi còn sống, xin đừng đến nhà người khác, hãy nhận tứ sự cúng dường của mình tôi thôi.

Nhận được sự ưng thuận của Phật, nhà vua đều đặn cúng dường cho Ngài.

Bây giờ nhà vua có ba người con khác. Người lớn nhất có năm trăm lính tùy tùng, người giữa ba trăm và người trẻ nhất hai trăm. Một hôm, họ xin phép cha được cúng dường người anh cả là đức Phật Phussa, nhưng bị từ chối. Việc này xảy ra nhiều lần, ít lâu sau, một cuộc nổi loạn bùng nổ ở biên giới và ba anh em được vua cha phái đi dẹp giặc. Thành

công, trong việc khôi phục ở biên giới, họ trở về hoàng cung, vua cha ôm lấy họ, hôn lên tóc, ngợi khen và tưởng thưởng:

- Các con yêu của cha, cha sẽ cho những gì các con muốn.

Họ vâng lệnh:

- Tâu phụ vương! Chúng con xin nhận ân huệ của cha.

Sau vài ngày, khi cha họ nhắc lại:

- Các con yêu, ta sẽ cho bất cứ điều gì các con muốn.

Họ liền ngỏ ý:

_ Tâu phụ vương! Chúng con không cần gì khác ngoài việc từ nay trở đi chúng

con xin được cúng dường anh cả của chúng con, hãy ban cho chúng con ân huệ này!

- Ta không ban cho các con ân huệ này được, các con yêu!

- Nếu cha không muốn ban cho chúng con đặc ân này thường xuyên, thì hãy ban cho chúng con bảy năm.

- Ta không muốn thế, con yêu!

- Thế thì hãy ban đặc ân cho chúng con sáu năm hay năm năm, bốn, ba hay hai năm, hay một năm, hoặc là bảy tháng, hay sáu, năm, bốn, ba hay hai tháng hoặc một tháng.

- Ta không muốn thế, các con yêu!

- Thế thì tâu phụ vương! Hãy cho mỗi đứa con một tháng, ban ơn cho chúng con tất cả ba tháng!

- Thôi được, các con yêu! Hãy cúng dường anh các con trong ba tháng.

Bây giờ cả ba anh em chỉ có một thủ khố và một quản gia. Viên quản gia có đến một trăm hai mươi ngàn người phụ việc.

Ba anh em cho vời thủ khố và quản gia lại chỉ thị:

- Trong vòng ba tháng tới, chúng tôi sẽ thọ giữ mười giới, đắp y vàng và an cư với đấng Đạo sư. Khi chúng tôi vắng mặt, bổn phận các anh phải coi sóc lương thực cúng dường, mỗi ngày các anh phải cung cấp đầy đủ thức ăn, cả cứng và mềm, cho chín mươi ngàn Tỳ-kheo và

một ngàn lính. Từ nay trở đi chúng ta sẽ không dặn dò gì nữa.

Rồi ba anh em đem theo một ngàn lính tùy tùng tuân giữ mười giới, đắp y vàng và bắt đầu an cư trong tinh xá.

Người thủ khố và quản gia hợp lực thay phiên nhau hoàn tất bổn phận cúng dường, lấy lương thực từ kho của ba anh em để cúng dường. Nhưng khi đám con của những người phục vụ đòi món cháo yến mạch và những thức ăn chúng đòi, trước cả lúc Tăng đoàn đến. Hậu quả là Tăng đoàn chỉ nhận được thức ăn thừa và không được cung cấp thức ăn nào mới nguyên. Cuối cùng, người thủ khố và viên quản gia cũng thèm ăn đến nỗi họ lấy bớt thức ăn, rồi làm ra vẻ như đưa cho đám trẻ, nhưng thực họ ăn hết. Thấy

thức ăn ngon không nhịn thèm được, họ

và nhóm tám mươi bốn ngàn người của họ đã ăn thực phẩm mà họ có bổn phận phải dâng cho Tăng đoàn, nên khi chết và thân bị tan rã, họ tái sanh vào loài ngạ quỷ.

Khi mạng chung, ba anh em và một ngàn người tùy tùng được sanh lên thiên giới và sống chín mươi hai kiếp qua lại từ cõi trời này đến cõi trời khác. Đó là những công đức mà ba anh em đã tạo dựng trong thời gian đó vì lập nguyện thành tựu quả vị A-la-hán. Những gì họ nhận được chỉ là do lời thệ nguyện của họ. Ta không tỏ ra thiên vị trong việc ban cho điều gì cần ban. Viên quản gia bây giờ là Bình-sa-vương, thủ khố là cư sĩ nữ Visàkha (Tỳ-xá-khư) và ba hoàng tử là ba nhà khổ hạnh bên tóc.

Nhữnh gia nhân phục vụ của họ tái sanh

trong loài ngạ quỷ. Một thời gian sau khi trải qua từ kiếp này đến kiếp khác, cả tốt và xấu, họ được tái sanh trong tiểu kiếp này ở cõi ngạ quỷ suốt bốn đời đức Phật. Trong tiểu kiếp này, đầu tiên họ đến gặp vị Phật Kakusandha, trụ thế bốn mươi ngàn năm, và hỏi Ngài:

- Xin Phật nói cho chúng con biết khi nào chúng con nhận được thức ăn?

Đức Phật đáp:

- Các người sẽ không có gì để ăn trong thời kỳ hóa độ của Ta, nhưng sau Ta đại địa sẽ được nâng cao một dặm, và đức Phật Konàgamana sẽ xuất hiện, tốt nhất các ngươi hãy hỏi Ngài.

Họ chờ đợi suốt thời gian đó, và khi đức Phật Konàgamana xuất hiện, họ liền hỏi

và được Ngài trả lời:

- Các ngươi sẽ không có gì để ăn trong thời kỳ hóa độ của Ta, nhưng sau Ta, đại địa sẽ nâng cao một dặm, và đức Phật Kassapa sẽ xuất hiện, tốt nhất các người hãy hỏi Ngài.

Họ chờ đợi suốt thời gian đó, và khi nghe đức Phật Kassapa xuất hiện, lại đến thưa hỏi và lại được nghe:

- Các ngươi sẽ không nhận được gì để ăn trong thời kỳ của Ta, nhưng sau Ta, đại địa sẽ được nâng cao một dặm, và đức Phật Gotama sẽ xuất hiện. Vào thời đó, thân quyến của các anh là Bình-sa-vương sẽ làm vua, ông ta sẽ cúng dường đức Đạo sư và sẽ hồi hướng công đức tạo được cho các ngươi, và lúc đó các ngươi sẽ nhận được thức ăn.

Thời kỳ giữa hai đức Phật sau này đối với chúng cũng nhanh giống như hôm nay qua ngày hôm sau. Khi Như Lai xuất hiện ở thế gian và vua Bình-sa-vương cúng dường ngày thứ nhất, chúng không nhận được thức ăn. Chúng chờ đến đêm, và tạo một tiếng ồn đáng sợ và hiện ra trước vua. Nhà vua đến Veluvana vào ngày hôm sau, và thuật lại tình tiết cho Như Lai. Đức Đạo sư giải thích:

- Đại vương, chín mươi hai kiếp trong quá khứ, dưới thời Phật Phussa, những ngạ quỷ ấy là thân quyến của đại vương. Họ lén ăn thực phẩm mà họ có bổn phận dâng đến Tăng đoàn, họ đã hỏi Phật Kakusandha, Konàganama, và Kassapa khi nào họ được ăn

và chư Phật đã nói với họ như thế, như thế. Suốt thời gian này, họ rất muốn nhận sự bố thí của đại vương. Sở dĩ họ làm ồn đêm hôm qua

vì đại vương có bố thí nhưng họ không nhận được phước báo bố thí đó.

- Nhưng bạch Thế Tôn! Trong trường hợp con bố thí bây giờ, họ có nhận được không?

- Sẽ nhận được, Đại vương!

Ngày hôm sau, vua thỉnh Tăng đoàn do Phật lãnh đạo, dâng thức ăn dồi dào và thưa:

- Bạch Thế Tôn, từ nay trở đi vật ẩm thực từ cõi trời xin cho những ngạ quỷ này có phần.

Và khi vua hồi hướng đến những ngạ quỷ công đức cúng dường của ông, chúng nhận được vật ẩm thực từ cõi trời.

Ngày hôm sau, những ngạ quỷ lại xuất hiện trần truồng. Đức vua trình lên Phật:

- Hôm nay, bạch Thế Tôn, những ngạ quỷ này lại xuất hiện trần truồng, con không biết phải làm gì?

Đức Phật giải thích:

- Đại vương, vì ông không cho họ quần áo.

Ngày hôm sau, nhà vua dâng y đến Tăng đoàn do Phật lãnh đạo và cũng nguyện từ nay trở đi mong họ được quần áo từ cõi trời.

Và khi vua hồi hướng công đức cúng dường của ông cho họ như thế, lập tức họ được quần áo từ cõi trời, ngay lúc ấy họ bỏ thân ngạ quỷ và nhận thân chư

thiên.

Khi đức Phật hồi hướng công đức, Ngài đọc bài kinh chú nguyện: "Ngạ quỷ đứng ngoài vách nhà"

Khi ngài kết thúc phần hồi hướng công đức, tám mươi bốn ngàn chúng sanh đạt được Pháp nhãn thanh tịnh.

Trên đây đức Phật đã giảng pháp, thuật lại chuyện của ba anh em bện tóc.

Chuyện quá khứ

8G. Sarada và Sirivaddha

Nhưng, bạch Thế Tôn! Các Đại đệ tử đã thành tựu công đức gì?

- Họ đã thệ nguyện đạt đến địa vị Đại đệ

tử. Trong một a-tăng-kỳ kiếp thêm một trăm ngàn kiếp quá khứ, Xá-lợi-phất được tái sanh vào một gia đình Bà-lamôn giàu có, là ông hoàng Sarada. Mụckiền-liên được sanh trong gia đình trưởng giả giàu có, tên là Sirivaddha. Hai chàng trai trẻ làm bạn với nhau từ khi còn nghịch đất.

Ông hoàng Sarada được hưởng của thừa kế to tát khi cha chết. Một hôm, ở một mình, anh băn khoăn: "Ta chỉ biết một ít về đời sống của thế giới này thôi, ta chẳng biết gì về đời sống của thế giới bên kia. Ai sinh ra đều chắc chắn phải chết. Ta phải từ bỏ thế gian, gia nhập Tăng đoàn và đi tìm con đường giải thoát".Do đó, anh đến gặp bạn và tâm sự:

- Bạn Sirivaddha, tôi dự định rời bỏ thế gian và đi tìm con đường giải thoát. Anh

có thể rời bỏ thế gian với tôi hay không?

- Này bạn, tôi không thể rời bỏ thế gian, bạn hãy ra đi một mình.

Bạn từ chối, ông hoàng Sarada vẫn không thay đổi ý định, và lập luận rằng:

- Không ai đi đến đời sau với những người đồng hành hay thân quyến hay bạn bè. Ta muốn làm gì phải làm một mình.

Vì vậy, anh mở cửa kho và bố thí rộng rãi cho người nghèo khổ, du sĩ và ăn mày. Xong, anh rút vào chân núi và sống đời ẩn sĩ... Đầu tiên một, rồi hai, rồi ba, rồi nhiều người khác theo gương anh chọn đời sống tu hành. Cuối cùng, ẩn sĩ bện tóc lên đến bảy mươi bốn ngàn, Sarada chứng được ngũ thông và bát định, và dạy những người ẩn sĩ bện

tóc này phương thức tụ tập thiền định. Tất cả đều chứng ngũ thông và bát định.

Lúc ấy, Phật Anomadassì xuất hiện ở đời. Thành của Ngài tên Candavatì Cha là Yasavanta thuộc giai cấp chiến sĩ, và mẹ là bà Yasodharà. Cây thành đạo của Ngài là cây Ajjuna. Nisabha và Anoma là Đại đệ tử của Ngài, Varuna là thí chủ, và S Sumanà là nữ cư sĩ nòng cốt. Ngài trụ thế một trăm năm, vóc dáng cao năm mươi tám cubits, và phát hào quang từ thân xa đến mười hai dặm (năm mươi cây số). Ngài có một trăm ngàn Tỳ-kheo nương học.

Một hôm, bình minh vừa ló dạng, sau khi xuất định Đại bi, Ngài quan sát thế gian và thấy ẩn sĩ Sarada và nhận ra rằng: "Hôm nay, khi Ta đến gặp ẩn sĩ Sarada, sẽ có một buổi đại thuyết

pháp. Sarada sẽ lập nguyện đạt đến địa vị Đại đệ tử, và bạn ông ta, trưởng giả Sirivaddha sẽ lập nguyện đạt địa vị Đại đệ tử thứ hai. Cuối bài thuyết pháp, bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc nương học sẽ chứng quả A-la-hán. Vì vậy Ta phải đến đó"

Rồi đức Phật Anomadassì đắp y ôm bát, không nói một lời với ai, độc hành như một con sư tử, với ý định hiển hiện để cho Sarada biết mình là một vị Phật.

Và trong khi môn đệ của ẩn sĩ Sarada vắng mặt vì đi tìm các loại trái cây, đức Phật từ trên trời hạ xuống đất ngay trước mắt Sarada.

Khi ẩn sĩ Sarada thấy thần thông và tướng hảo của Phật, ông thầm nhớ lại những câu thơ liên quan đến đặc tính của

một bậc đại nhân. Ông biết rằng một người được phú cho những hình tướng như thế, nếu sống tại gia là một ông vua, một bậc chuyển luân thánh vương, sống đời xuất gia sẽ là người tận diệt tham dục, là một vị Phật toàn giác. Vì thế, Sarada đoan chắc người này

là một vị Phật không nghi ngờ gì nữa.

Do đó, ông đến gặp Phật, năm vóc đảnh lễ, sửa soạn một chỗ ngồi dâng Ngài, đức Phật ngồi vào chỗ đã được sửa soạn, và ẩn sĩ Sarada chọn chỗ ngồi thích hợp, kính cẩn ngồi xuống một bên.

Bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc lúc nãy vắng mặt vì đã đi tìm các loại trái cây ngọt và nhiều nước, bây giờ vừa trở về với thầy họ. Thấy đức Phật ngồi giữa và thầy họ ngồi kế bên, họ nói:

- Thưa Thầy, chúng tôi thường đi khắp nơi và đều cho rằng không có ai cao cả hơn thầy. Nhưng với vị này, chúng tôi cả quyết rằng Ngài cao cả hơn thầy.

- Đạo hữu! Các ông nói gì thế? Có phải ý các ông đang so sánh một hột cải với núi Tu-di cao sáu mươi tám ngàn dặm không? Hỡi những đứa con ngây thơ! Đừng so sánh ta với một vị Phật toàn giác.

Những ẩn sĩ đều đồng ý rằng: "Nếu đây là một người tầm thường, thầy chúng ta sẽ không so sánh như thế. Vị này quả thật cao cả làm sao!" lập tức họ phủ phục trước chân Phật.

Rồi thầy họ, ẩn sĩ Sarada bảo họ rằng:

- Các bạn, chúng ta không có một phẩm

vật xứng đáng dâng lên chư Phật ở đây, và đấng Đạo sư đã đến đây đúng lúc chúng ta thường đi khất thực. Chúng ta hãy dâng Ngài phẩm vật theo khả năng của chúng ta. Tìm và mang đến đây tất cả những loại trái cây hảo hạng.

Vì vậy, họ đi kiếm trái cây, ẩn sĩ Sarada rủa tay và đích thân đặt trái cây vào bình bát của Như Lai. Ngay khi đấng Đạo sư vừa cầm đến những trái cây cúng dường Ngài, chư thiên gia thêm hương vị của cõi trời vào những trái cây đó. Ẩn sĩ Sarada cũng đích thân lọc nước dâng lên Phật.

Sau bữa ăn, khi đấng Đạo sư vẫn còn ngồi tại chỗ, Sarada kêu gọi tất cả các môn đệ vào ngồi xuống, hoan hỉ đàm luận với đấng Đạo sư.

Và đấng Đạo sư thầm nghĩ: "Hai Đại đệ tử và chúng Tỳ-kheo hãy đến đây". Ngay lập tức, hai Đại đệ tử cùng với một trăm ngàn A-la-hán tháp tùng hiện đến, đảnh lễ đấng Đạo sư và kính cẩn ngồi một bên. Rồi ẩn sĩ Sarada nói với môn đệ mình như sau:

- Các bạn, chỗ ngồi của Phật thì thấp và không có chỗ ngồi cho một trăm ngàn Tỳ-kheo. Hôm nay các bạn hãy lễ kính đức Phật. Hãy đi tìm ở chân núi mang về đây những bông hoa màu sắc rực rỡ và hương thơm ngào ngạt.

Có câu nói rằng thời gian bỏ ra để nói bàn chỉ phí phạm thôi, người có thần thông thì phạm vi thần lực không thể tưởng tượng được. Do đó, trong thoáng chốc những ẩn sĩ đem về những bông hoa màu sắc rực rỡ, hương thơm ngào

ngạt và họ kết thành một nệm hoa dài một dặm (gần năm km) cho Phật. Rồi họ kết tiếp một nệm hoa đài ba phần tư dặm cho hai Đại đệ tử. Những nệm hoa cho những

Tỳ-kheo còn lại dài nửa dặm hay ngắn hơn, nệm dành cho tân Sa-môn dài một usabha (120 cubit). Không nên thắc mắc tại sao những chỗ ngồi có kích thước vĩ đại như thế lại được xếp gọn vào tu viện khổ hạnh này. Sở dĩ có thể được do bởi năng lực huyền nhiệm. Khi chỗ ngồi đã sẵn sàng, ẩn sĩ Sarada đứng trước Thế Tôn và chắp tay cung kính thưa:

- Bạch Thế Tôn, xin hãy lên nệm hoa này để con được cứu độ và ân triêm công đức.

Do đó người ta kể rằng:

Ông góp nhiều loại hương hoa Sửa soạn giường tòa, cung kính thỉnh thưa: "Đây con đã soạn sẵn sàng, Chỗ ngồi thích hợp kết bằng hương hoa. Thế Tôn, xin ngự vào tòa Xin cho con được tâm hòa lòng an. Bảy ngày đêm, Phật ngồi trên Nệm hoa con kết và liền cho con Tâm bình tịch lặng an nhiên Từ người cho đến chư thiên đều mừng".

Khi đức Phật ngồi rồi, hai Đại đệ tử và những Tỳ-kheo mỗi người ngồi vào chỗ dành cho mình. Ẩn sĩ Sarada lấy một lọng hoa lớn che trên đầu Như Lai. Đấng Đạo sư bảo:

- Nguyện cho những ẩn sĩ bện tóc dâng

vinh dự này cho ta sẽ gặt được quả báo tốt lành. Và lập tức, Ngài nhập vào Diệt tận định. Nhận thấy đức Đạo sư đã nhập Diệt tận định, hai Đại đệ tử cũng nhập định và vào Diệt tận định. Trong bảy ngày đức Đạo sư ngồi đó, hưởng niềm an lạc của Diệt tận định. Khi đến giờ đi tìm thức ăn, môn đệ của Sarada đi vào rừng và dùng những trái cây dại và nhiều thứ trái khác. Thời gian còn lại, họ đứng chấp tay cung kính trước Phật. Ẩn sĩ Sarada không đi tìm thức ăn, nhưng trong bảy ngày liên tục cầm lọng hoa che đức Phật, đã tìm được niềm vui và hạnh phúc sung mãn.

Khi đức Đạo sư xuất định, Ngài nói với vị Đại đệ tử, Trưởng lão Nisabha, ngồi bên tay phải Ngài.

- Nisabha! Hãy hồi hướng công đức cho

những ẩn sĩ đã dâng chúng ta hoa và chỗ ngồi.

Sau đó, Trưởng lão, như một dũng tướng vừa nhậm chức vị cao trọng từ tay Chuyển luân Thánh vương, lòng tràn đầy niềm hân hoan, hiển bày trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử, bắt đầu bài hồi hướng. Khi Ngài chấm dứt, đức Phật bảo Đại đệ tử thứ nhì như sau:

- Con cũng hãy thuyết pháp cho các Tỳ- kheo!

Vâng lời Phật dạy, Trưởng lão Anoma suy nghiệm đến Tam tạng kinh điển, lời dạy của chư Phật, rồi thuyết pháp. Nhưng dù hai Đại đệ tử đã thuyết pháp, không có một Tỳ-kheo nào đạt được Pháp nhãn thanh tịnh. Rồi đức Đạo sư hiển lộ năng lực vô biên của

Phật, bắt đầu thuyết pháp. Khi bài giảng kết thúc, tất cả bảy mươi bốn ngàn ẩn sĩ bện tóc đắc A-la-hán trừ ẩn sĩ Sarada. Đạo sư khi đó duỗi tay ra và cất tiếng:

- Hãy đến, Tỳ-kheo!

Lập tức râu tóc họ rụng mất, và tám món cần thiết được khoác vào người họ.

Độc giả có thắc mắc vì sao ẩn sĩ Sarada không chứng A-la-hán không? Bởi vì ông tán tâm. Người ta kể rằng trong khi vị Đại đệ tử ngồi tòa thứ hai kế bên Phật hiển bày trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử đang thuyết pháp, ngay lúc ẩn sĩ bắt đầu lắng nghe bài pháp, ông đã khởi niệm: "Ồ! ước mong sao, vào một lúc nào đó ở tương lai, trong Giáo đoàn của một vị Phật tương lai, ta được nhận trọng trách mà vị đệ tử này đã nhận!" Vì

lẽ đó, ông không thể chứng đạo quả.

Sarada, tuy thế vẫn đảnh lễ Như lai, và đứng đối diện với Ngài, bạch:

- Bạch Thế Tôn! vị Tỳ-kheo ngồi tòa cạnh Ngài mang danh hiệu gì trong Giáo đoàn của Ngài?

- Đó là người theo Ta trong buổi đầu Chuyển pháp luân, đó là người đã đạt đến tột đỉnh của trí tuệ ba-la-mật của bậc Đại đệ tử, đó là người đã hiểu thấu mười sáu thể của Tri thức. Do đó, ông ta được gọi là Đại đệ tử trong Giáo đoàn của Ta.

- Bạch Thế Tôn! Ở đây, trong bảy ngày con đã đứng cầm lọng hoa che Ngài, bằng cách ấy dâng vinh dự lên Ngài. Quả báo của công đức này, con không mong

cầu đời sau làm Đế Thích hay Phạm thiên, nhưng trong tương lai, con nguyện được trở thành Đại đệ tử của một đức Phật, giống như Trưởng lão Nisabha hiện tại.

Sarada lập nguyện xong, đức Đạo sư muốn biết ước nguyện của người này có thành tựu không, Ngài bèn phóng thiên nhãn và quan sát những thời kỳ tương lai, thấy sau một a-tăng-kỳ kiếp cộng thêm một trăm ngàn kiếp, ước nguyện của Sarada sẽ thành tựu. Ngài cho ẩn sĩ Sarada biết:

- Ước nguyện này của ông sẽ không viễn vông. Cuối một a-tăng-kỳ kiếp cộng thêm một trăm ngàn kiếp nữa, Phật Gotama sẽ xuất hiện trên thế gian.

Mẹ của Ngài là hoàng hậu Mahà màya, cha Ngài làvua Shudhodana, con Ngài là R Ananda, và Đại đệ tử thứ hai của Ngài là Moggallàna, và ông sẽ là Đại đệ tử nguyên soái của niềm tin, và tên ông là Sàriputta.

Sau khi đức Đạo sư thọ ký cho ẩn sĩ, Ngài thuyết pháp, và rồi cùng Tăng chúng vây quanh, Ngài bay lên không mà đi. Ẩn sĩ Sarada tìm môn đệ và các trưởng lão của mình, nhờ họ nhắn tin cho bạn là trưởng giả Sirivaddha rằng: "Bạn ông, ẩn sĩ Sarada đã phủ phục dưới chân Phật Anomadassì và ước nguyện được địa vị Đại đệ tử trong Giáo đoàn của Phật Gotama, người sẽ xuất hiện sau này của thế gian. Ông hãy ước nguyện được ở địa vị Đại đệ tử thứ hai".

Xong, ông đi trước những Trưởng lão

bằng một đường khác và đến đứng tại cửa nhà Sirivadha.

Gặp lại người bạn cũ, Sirivaddha hân hoan chào mừng:

- Cuối cùng, sau một thời gian dài vắng bóng, người bạn quí của tôi đã trở về.

Và lập tức Sirivaddha mời bạn ngồi tòa, và tự mình ngồi một ghế thấp hơn, thăm hỏi:

- Nhưng, này ông Tôn giả! ông không có môn đệ và những người cận sự?

- Có chứ, này bạn! đức Phật Anomadassì đã đến tu viện của chúng tôi, và chúng tôi đã tôn kính Ngài trong phạm vi quyền năng của chúng tôi. Đức Đạo sư thuyết pháp cho mọi người,

và cuối bài giảng, tất cả số hội chứng trừ tôi đều đắc quả A-la-hán và đều gia nhập Tăng đoàn. Trông thấy vị Đại đệ tử của đức Đạo sư là Trưởng lão Nisabha, tôi ước nguyện được địa vị Đại đệ tử dưới Giáo đoàn của Phật Gotama, Người sẽ ra đời sau này. Anh cũng nên ước nguyện được địa vị Đại đệ tử thứ hai trong Giáo đoàn của Phật.

- Nhưng, Tôn giả! Tôi không có những quan hệ thân thiện với Phật.

- Tôi sẽ gánh vác trọng trách thưa với Phật, anh hãy chuẩn bị một quyết tâm vĩ đại.

Nghe lời như mở tấc lòng, Sirivsaddha liền về trang hoàng một khoảng rộng tám karisas (tám mẫu) trước cửa nhà mình thật long trọng xứng với một vị

vua, rải cát, tung năm loại hoa, có cả hoa làja, dựng một lều che mái lợp toàn bằng hoa sen xanh, khiến dọn sẵn toà của Phật, và tòa của các Tỳ-kheo cũng được sửa soạn. Và biết bao phẩm vật được chuẩn bị chu đáo. Xong chàng nhờ ẩn sĩ Sarada đến mời Phật và A-la-hán. Vui lòng đẹp dạ, ẩn sĩ Sarada đưa Tăng đoàn do Phật lãnh đạo cùng đi đến nhà người bạn tâm giao. Sirivaddha ra trước nhà để gặp Tăng đoàn, đỡ bình bát từ tay Như Lai, hướng dẫn đoàn vào lều, mời ngồi trên toà đã dành sẵn, dâng nước và cung cấp những thức ăn chọn lọc.

Cuối bữa ăn, chàng dâng y đắt gia lên Tăng đoàn, và bạch đức Đạo sư:

- Bạch Thế Tôn, chúng con cúng dường vì lập nguyện đạt đến địa vị không tầm thường. Xin Ngài rủ lòng từ bi ở lại đây

trong bảy ngày như thế.

Đức Đạo sư thuận ở lại. Trong bảy ngày Sirivaddha dâng phẩm vật dồi dào như đã kể. Cuộc lễ cúng dường viên mãn, Sirivaddha đảnh lễ đức Đạo sư, và đứng trước chắp tay cung kinh bạch:

- Bạch Thế Tôn, bạn con, ẩn sĩ Sarada ước nguyện trở thành Đại đệ tử của một vị Phật. Con cũng nguyện xin trở thành Đệ nhị Đại đệ tử của một vị Phật ấy.

Đức Đạo sư quán sát tương lai, và thấy chàng sẽ được mãn nguyện. Ngài bèn thọ ký như sau:

- Cuối một a-tăng-kỳ kiếp và cộng thêm một trăm ngàn kiếp, ông sẽ trở thành Đệ nhị Đại đệ tử của Phật Gotama.

Nghe lời thọ ký của Phật, Sirivaddha tràn đầy sung sướng, mãn nguyện. Đức Đạo sư hồi hướng công đức về sự cúng dường thức ăn rồi cùng Tăng chúng trở về tinh xá.

Và Phật kết luận:

- Này các Tỳ-kheo! Đây là ước nguyện của các đệ tử Ta lúc ấy. Họ đã thọ nhận đúng với ước nguyện của họ. Khi Ta ban bố một điều gì, Ta không thiên vị người nào.

(Chấm Dứt Chuyện Quá Khứ)

Đức Đạo sư thuật xong, hai vị Đại đệ tử cùng đảnh lễ Ngài và thưa thỉnh:

- Bạch Thế Tôn, khi chúng con còn là gia chủ, chúng con đã đến xem lễ Đỉnh Núi.

Hai vị kể lại toàn bộ câu chuyện đã xảy ra, cho đến khi chứng được thánh quả Dự lưu ngay lời đầu tiên Trưởng lão Assaji (Ác Bệ) thuyết pháp. Rồi họ thưa tiếp:

- Bạch Thế Tôn, chúng con đến gặp vị thầy cũ của chúng con, cốt hướng dẫn ông ấy nương theo Phật, và chỉ cho ông ấy thoát ra khỏi bóng tối của tư kiến, không quên nhấn mạnh đến lợi lạc tốt lành nếu như ông ấy chịu đến đây. Nhưng ông ấy bảo với chúng con: "Đối với ta, bây giờ sống cuộc đời một môn sinh thì thật là vô lý, như kẻ quen ở dơ lại đi đến giếng nước. Ta không thể sống nổi cuộc đời một môn sinh". Chúng con cố giải bày: "Thưa Thầy, dân chúng hiện giờ tay ôm hương hoa và các thứ đến dâng cúng riêng cho đấng Đạo sư. Vậy Thầy định sao?" Ông ấy hỏi ngược lại

chúng con. "Trong thế gian này người ngu và người khôn ai đông hơn?" Chúng con đáp: "Thưa Thầy, người ngu thì nhiều kẻ khôn thì ít". Ông liền dứt khoát: "Vậy thì người khôn hãy đi đến vị Tỳkheo trí tuệ là Gotama (Cồ-đàm), và người ngu hãy đến với ta là kẻ ngu. Còn các ông, hãy đi đến chỗ các ông ưa thích". Với lời lẽ như thế, bạch Thế Tôn, ông ấy đã từ chối đến đây.

Đức Đạo sư nghe thế liền dạy các Tỳ- kheo:

- Này các Tỳ-kheo, do chấp thủ tà kiến, Sanjaya đã lầm lẫn cho hư vọng là chân lý và cho chân lý là hư vọng. Nhưng các ông, do trí tuệ riêng của mỗi người, đã phân biệt đúng đắn cái gì là chân thật trong tính chân thật và cái gì hư vọng trong tính hư vọng. Các ông đã

sáng suốt loại trừ điều gì hư vọng và chấp nhận điều gì chân thật.

Rồi Ngài nói Pháp Cú sau:

(11) Không chân, tưởng chân thật, Chân thật thấy không chân. Chúng không đạt chân thật, Do tà tư tà hạnh.

(12) Chân thật, biết chân thật, Không chân, biết không chân, Chúng đạt được chân thật, Do chánh tư, chánh hạnh.

(xem tiếp Phần 4)

Phẩm 1: Song Yếu Phần 4

9. Trưởng Lão Nan Đà

Như mái nhà vụng lợp, Mưa liền xâm nhập vào...

Giáo lý này đức Thế Tôn đã dạy cho Đại đức Nan-đà khi Ngài ngụ tại Kỳ Viên.

9A. Nan Đà Trở Thành Một Tỳ Kheo Bất Đắc Dĩ

Sau khi bắt đầu chuyển pháp luân, Thế Tôn rời Vương Xá và đến ngụ tại Veluvana. Ngay sau đó, cha Ngài, Đại vương Tịnh Phạn gởi sứ giả đến, người này tiếp người nọ, mỗi người mang theo một ngàn tuỳ tùng với lời dặn dò:

- Hãy tìm con trai ta và rước mời về trước mặt ta.

Chín sứ giả đã đến nơi, chứng A-la-hán và không trở về, sau cùng Trưởng lão Kàla Udàyi đến và cũng chứng A-lahán. Biết rằng đã đến lúc Đạo sư lên đường, Trưởng lão mô tả những cái hay cái đẹp trong cuộc hành trình và hướng dẫn đức Phật cùng hai mươi ngàn A-lahán đi Kapilapura. Tại đây, giữa thân tộc vây quanh, đức Đạo sư đã lấy trận mưa rào làm đề tài giảng pháp, và kể chuyện bổn sanh Bồ- tát Vessantara, tiền thân Ngài.

Ngày hôm sau, Ngài vào thành khất thực. Với bài kệ bắt đầu bằng câu: "Nỗ lực chớ phóng dật! Hãy sống theo chánh hạnh," đức Phật độ vua Tịnh Phạn chứng quả Dự lưu. và với câu" hãy khéo sống chánh hạnh..." Ngài độ Mahà Pàjapatì đắc Sơ quả, và vua Tịnh Phạn đắc thêm Nhị quả. Cuối bữa ăn, Phật thuật lại truyện Bổn

Sanh Canda Kinnara vì ân nghĩa của mẹ La-hầu-la đối với Ngài.

Ngày hôm sau, trong khi nghi lễ Quán đảnh và đám cưới của hoàng tử Nan-đà đang tiến hành, đức Đạo sư bước vào nhà khất thực, đặt bình bát vào tay Nan-đà và chúc phúc. Rồi từ chỗ ngồi đứng lên, đức Đạo sư ra đi không lấy lại bình bát trong tay Nan-đà không dám hở môi "Bạch Thế Tôn, xin Ngài lấy lại bình bát", mà tự an ủi "Thế Tôn sẽ lấy lại bình bát ở đầu thềm". Nhưng khi đến đầu thềm, Thế Tôn đã không lấy bình bát. Nan-đà lại nuôi hy vọng" Thế Tôn sẽ lấy lại bình bát ở chân thềm". Nhưng Đạo sư vẫn không lấy bình bát. Nan-đà lại nghĩ "Thế Tôn sẽ lấy bình bát ở sân cung điện". Nhưng Đạo sư cũng không lấy bình bát. Hoàng tử Nan-đà tuy rất muốn trở lại với cô dâu nhưng phải bấm bụng đi theo Đạo sư. Vì

lòng quý kính Đạo sư quá sâu đậm chàng không dám nói "Thế Tôn hãy nhận bình bát", mà đành tiếp tục bước theo, trong lòng vẫn chưa tắt hy vọng: "Thế Tôn sẽ lấy bình bát ở đây, Thế Tôn sẽ lấy bình bát ở đó, Thế Tôn sẽ lấy bình bát ở kia".

Lúc ấy người ta nhắn với cô dâu mới "giai nhân của xứ sở" Janapada-Kalyànì:

- Thưa công nương, Thế Tôn đã đem hoàng tử Nan-đà đi với Ngài, mục đích của Ngài là chia uyên rẽ thúy.

Lập tức Janapada-Kalyànì, khuôn mặt đầm đìa nước mắt và đầu tóc chưa chải xong, tung mình lao theo vị hôn phu khẩn khoản:

- Công tử, xin trở lại ngay!

Lời của nàng làm tim Nan-đà chấn động. Nhưng đấng Đạo sư vẫn không lấy lại bình bát, dẫn chàng về tinh xá và bảo:

- Nan-đà, ông có muốn đi tu không?

Vì lòng tôn kính Phật của Nan-đà quá sâu đậm nên chàng cố nín để đừng thốt: "Con không muốn tu", thay vào đó chàng thưa:

- Vâng, con muốn đi tu.

Đấng Đạo sư ưng thuận ngay:

- Tốt lắm, hãy xuất gia cho Nan-đà!

Thế là, vào ngày thứ ba sau khi Phật đến Kapilapura, Ngài đã tạo duyên cho Nan-đà thành Tỳ-kheo.

Vào ngày thứ bảy, mẹ của La-hầu-la trang điểm cho cậu hoàng con và gởi đến Thế Tôn, bà dặn dò:

- Con cưng, hãy đến xem vị Sa-môn này, người có hai ngàn tăng sĩ tùy tùng, có một thân hình vàng óng, có một dáng vóc đẹp đẽ của Đại Phạm thiên. Sa-môn này là cha của con. Ngày xưa Ngài đã sở hữu những kho tài sản vĩ đại. Từ lúc Ngài xuất gia, chúng ta không được gặp Ngài. hãy đòi Ngài gia tài của con, hãy nói: "Cha thân yêu, con là hoàng thái tử, và ngay khi nhận lễ Quán đảnh, con sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương. Con cần có tài sản, cha hãy ban của cải cho con, vì một người con có quyền hưởng tài sản của cha để lại".

Hoàng tử La-hầu-la vâng lời đi đến Thế Tôn. Khi thấy ngài, cậu ta cảm thấy một

tình cảm nồng ấm của cha dành cho mình, trong lòng sanh tâm hoan hỷ nên thỏ thẻ: "Bạch Thầy, dưới bóng mát của Thầy con thật hạnh phúc". Và cậu còn nói nhiều nữa, với những lời ngây thơ của trẻ con ở lứa tuổi ấy.

Thế Tôn thọ thực xong, hồi hướng công đức và từ chỗ ngồi đứng lên, bước đi. Hoàng tử La-hầu-la nối bước theo Thế Tôn, thưa:

- Bạch Thầy, hãy cho con gia tài mà con được thừa hưởng! Bạch Thầy hãy cho con gia tài mà con được thừa hưởng!

Đức Thế Tôn im lặng, ngay cả chư Tăng cũng để mặc không ngăn cậu bé theo Thế Tôn.

Cứ thế, hoàng tử theo Thế Tôn đến khu

rừng. Rồi một tư tưởng nảy sanh trong trí Thế Tôn: "Gia tài của cha mà cậu bé đòi sẽ không tránh khỏi hậu quả là mang đến sự hủy diệt. À, Ta sẽ ban cho nó bảy thánh tài mà Ta đã nhận được dưới cội Bồ-đề. Ta sẽ khiến La-hầu-la làm chủ một gia tài xuất thế gian".

Thế rồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi- phất:

- Xá-lợi-phất, ông hãy xuất gia cho La- hầu-la.

Nhưng khi hoàng tử La-hầu-la gia nhập tăng đoàn, vua Tịnh Phạn (ông nội) rất sầu muộn. Không chịu đựng nổi sự buồn rầu, ông bày tỏ với Thế Tôn và thỉnh cầu:

- Bạch Thế Tôn, sẽ phải lẽ hơn nếu chư Tăng đừng nhận những người vị thành

niên vào Tăng đoàn khi cha mẹ không cho phép.

Đức Thế Tôn chấp nhận lời thỉnh cầu này. Lại một hôm, đức Thế Tôn ngồi trong hoàng cung sau bữa ăn sáng, đức vua cung kính ngồi một bên bạch:

- Bạch Thế Tôn, trong khi Ngài đang hành trì khổ hạnh, một vị trời đến và nói với tôi: "Con ông đã chết". Nhưng tôi không tin và trả lời: "Con tôi sẽ không chết cho đến khi giác ngộ:.

Đức Thế Tôn nói:

- Phụ vương tin chuyện này không? Trong một kiếp trước đây, khi một vị trời chỉ một nắm xương và bảo phụ vương: "Con ông đã chết" phụ vương cũng đã không tin.

Và Ngài thuật lại truyện Bổn Sanh Mahà Dhammapàla, liên quan đến câu chuyện. Sau khi câu chuyện chấm dứt, nhà vua đắc quả A-na-hàm.

9B. Nan Đà Và Những Thiên Nữ

Thế Tôn độ cho cha Ngài đắc Tam quả xong, Ngài lại trở về Vương Xá cùng với Tăng đoàn. Bấy giờ Ngài đã hứa với ông Cấp Cô Độc đến thăm Xá-vệ, ngay khi đại tinh xá Kỳ Hoàn được hoàn thành. Chẳng bao lâu, Ngài nhận được lời báo: "Tinh xá đã hoàn thành". Ngài liền đến Kỳ Viên cư ngụ. Đại đức Nan-đà lúc đó trở nên bất mãn, tỏ sự buồn phiền của mình với các Tỳ-kheo:

- Chư huynh, tôi bất mãn. Tôi đang sống đời xuất gia, nhưng tôi không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Tôi dự định xả bỏ

những giới luật cao cả và trở về đời sống thấp hơn, đời sống của một cư sĩ thế tục?

Thế Tôn nghe được việc này, cho gọi Tôn giả Nan-đà đến bảo:

- Nan-đà, có phải thật sự ông đã nói với nhiều Tỳ-kheo rằng: "Chư huynh, tôi bất mãn. Tôi đang sống đời xuất gia nhưng tôi không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Tôi dự định xả bỏ những giới luật cao cả và trở về đời sống thấp hơn, đời sống của một cư sĩ thế tục".

- Bạch Thế Tôn, hoàn toàn đúng thế.

- Nhưng Nan-đà, tại sao ông bất mãn với cuộc sống đạo hạnh mà ông đang sống? Tại sao ông không thể chịu đựng lâu hơn? Tại sao ông định xả bỏ những giới luật cao đẹp và trở về đời sống thấp hơn,

đời sống của cư sĩ thế tục?

- Bạch Thế Tôn! Khi con rời nhà vị hôn thê yêu quí Janapada Kalyànì của con, với đầu tóc rối bời, từ giã con và khẩn khoản: "Công tử, xin hãy mau trở về!" Bạch Thế Tôn, vì con vẫn nhớ nàng nên con bất mãn đời sống xuất gia hiện con đang sống. Con không thể chịu đựng cuộc sống này lâu hơn, và con dự định xả bỏ những giới luật cao cả để trở về cuộc sống thấp hơn, cuộc sống của cư sĩ thế tục.

Khi ấy, đức Thế Tôn nắm tay Đại đức Nan-đà, dùng thần lực đưa chàng đến cõi trời Ba mươi ba. Trên đường đi, đức Thế Tôn chỉ cho Tôn giả Nan-đà thấy trên một cánh đồng

bị lửa rụi, một con khỉ háu ăn đang ngồi trên một gốc cây đã cháy rụi và lửa cũng đã thiêu đốt tai, mũi

và đuôi của nó. Đến cõi trời ba mươi ba, Ngài chỉ năm trăm thiên nữ gót son đang hầu hạ Sakka, vua của chư thiên (thiên chủ). Khi Thế Tôn cho thấy hai cảnh tượng đó rồi, Ngài hỏi Nan-đà:

- Nan-đà, ông thấy ai đẹp đẽ, ưa nhìn và duyên dáng hơn? Cô vợ quí Janapada Kalyànì của ông hay năm trăm thiên nữ gót son này?

- Bạch Thế Tôn, Nan-đà đáp, thật Janapada Kalyànì kém xa, giống như con khỉ háu ăn đã mất tai, mũi và đuôi. Bạch Thế Tôn, cô vợ quí Janapada Kalyànìi đối với năm trăm thiên nữ này, nàng còn kém xa hơn nhiều. So sánh với những thiên nữ này, vị hôn thê của con chẳng đáng kể, cô ta không bằng một phần nhỏ của họ, không bằng một phần nhỏ của một phần nhỏ

của một phần nhỏ của họ. Ngược lại, năm trăm thiên nữ gót son này đẹp đẽ, ưa nhìn và duyên dáng vô cùng.

- Hãy vui lên, Nan-đà! - Đức Thế Tôn trả lời - Ta bảo đảm ông sẽ được năm trăm thiên nữ gót son này.

Đại đức Nan-đà thưa:

- Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn bảo đảm con sẽ được năm trăm thiên nữ gót son này, thì trong trường hợp đó, bạch Thế Tôn, con sẽ sung sướng vô cùng để sống cuộc sống cao thượng của người xuất gia.

Rồi Thế Tôn đem Đại Nan-đà theo Ngài, biến mất khỏi cõi trời ba mươi ba và hiện ra tại Kỳ Viên. Không bao lâu, những Tỳ-kheo được nghe kể như sau:

- Vì mong muốn được các thiên nữ mà
Đại đức Nan-đà, em đức Thế Tôn, con bà
Di mẫu, tiếp tục sống đời tu sĩ. Đức Thế
Tôn đã bảo đảm rằng ông ta sẽ được năm trăm thiên nữ gót son.
Kết quả là những Tỳ-kheo huynh đệ của Đại đức Nan-đà đã xem chàng như một người đi tu mướn, như người đã bị mua chuộc và họ nói về Ngài:

- Đại đức Nan-đà là một người đi tu mướn, Tôn giả Nan-đà là một người bị mua chuộc, vì hy vọng được các thiên nữ mà ông ta sống đời tu sĩ, Thế Tôn đã bảo đảm rằng ông ta sẽ được năm trăm thiên nữ gót son.

Đại đức Nan-đà, mặc dù bị các bạn đồng tu xem thường, xấu hổ vì chàng và làm khổ chàng khi gọi chàng là "người tu

mướn" và "bị mua chuộc", Đại đức vẫn sống độc cư, xuất ly, chánh niệm, tinh tấn, dõng mãnh. Không bao lâu, ngay trong đời này, chính Nan-đà an trú trong tuệ trí giác ngộ và đạt được đạo quả tối thượng của đời sống tu hành, đạo quả mà vì nó biết bao thanh niên thiện tín đã vĩnh viễn từ bỏ đời sống thế tục sống đời xuất gia. Đại đức đã biết:

"Sanh tử đã tận, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, ta không còn trở lại đời này nữa". Vậy là thêm một Đại đức Trưởng lão nhập vào hàng ngũ A-la-hán.

Bấy giờ, một vị trời đến chỗ Thế Tôn vào ban đêm, chiếu sáng cả Kỳ Viên, cúi đầu đảnh lễ Thế Tôn bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đại đức Nan-đà, con trai bà Di mẫu của Phật đã lậu tận; ngay trong đời này, chính Đại đức đã an trụ

trong chánh trí, đã được giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát tuệ giải thoát.

Thế Tôn cũng đã biết như thế. Trong đêm ấy, Tôn giả Nan-đà cũng đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ và thưa:

- Bạch Thế Tôn, con xin bãi bỏ lời hứa của Thế Tôn bảo đảm con sẽ được năm trăm thiên nữ gót son.

Thế Tôn trả lời:

- Nan-đà, chính tâm Ta đã thấu hiểu tâm ông và thấy do lậu tận, ngay trong đời này, chính ông đã an trú trong chánh trí, được giải thoát khỏi dục lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Một vị trời cũng đã đến cho ta hay điều đó. Do đó, này Nanđà, khi ông không còn tham đắm vào ngũ dục thế gian, tâm ông thoát khỏi dục lậu,

ngay lúc ấy Ta không còn bị ràng buộc bởi lời hứa cũ.

Rồi Thế Tôn, thấu rõ ý nghĩa thâm sáu thực sự của việc này đã tuyên đọc Thánh ngôn sau:

Diệt sạch vọng tưởng nguy hại. Ông sẽ bình thản, an nhiên, Khi gặp hạnh phúc, đau khổ.

Một hôm, các Tỳ-kheo đến gặp Tôn giả Nan-đà và hỏi Ngài:

- Sư huynh Nan-đà! Lúc trước huynh nói: "Tôi bất mãn", bây giờ huynh có nói như thế không?

- Chư huynh, tôi chẳng còn ưa thích đời sống thế tục.

Khi các Tỳ-kheo nghe Ngài trả lời, họ nói:

- Tôn giả Nan-giả nói không thật, hoàn toàn nói láo. Ngày trước ông ta nói: "Tôi bất mãn". Nhưng bây giờ ông ta nói: "Tôi chẳng còn ưa thích đời sống thế tục".

Và lập tức họ đến và trình lại câu chuyện với Thế Tôn. Thế Tôn đáp:

- Này Tỳ-kheo! Ngày trước nhân cách của Nan-đà như một nhà lợp vụng, nhưng nay giống như một nhà lợp kín. Từ ngày ông ấy thấy những thiên nữ, ông ấy đã cố gắng hành trì để đạt đến cứu cánh của đạo nghiệp và bây giờ ông ta đã đạt được.

Nói xong, Ngài đọc những Pháp Cú sau:

(13) Như mái nhà vụng lợp, Mưa tiền xâm nhập vào. Cũng vậy tâm không tu, Tham dục liền xâm nhập.

(14) Như ngôi nhà khéo lợp, Mưa không xâm nhập vào. Cũng vậy tâm khéo tu, Tham dục không xâm nhập.

Các Tỳ-kheo bắt đầu bàn tán chuyện trên trong Pháp đường:

- Chư huynh! Chư Phật thật kỳ diệu! Đại đức Nan-đà đã bất mãn đời tu sĩ vì cô Janapada Kalyànì, nhưng đấng Đạo sư dùng những thiên nữ làm mồi, khiến ông ta vâng phục hoàn toàn.

Đức Phật đi đến và hỏi họ:

- Các Tỳ-kheo! Các ông ngồi đây bàn tán chuyện gì?

Nghe họ kể xong, Ngài nói:

- Này các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu tiên Nan-đà đã vâng phục bởi mồi nhử bằng người khác phái, kiếp trước cũng xảy ra tương tự như thế.

Nói xong, Ngài kể như sau:

Chuyện quá khứ

9C. Kappata và Con Lừa

Ngày xưa, khi Brahmadatta (Phạm-mađạt) trị vì Benàres. Có một con lừa chở đồ gốm cho ông và mỗi ngày ông thường đi bảy dặm. Vào một dịp nọ, Kappata chất một lô đồ gốm lên lưng

lừa và đi đến Takkasilà (thành Hoa Thị).

Trong khi ông bận sắp xếp hàng hoá, ông cho lừa chạy rong. Chàng lừa ta bèn lang thang dọc theo bờ mương, bỗng thấy một nàng lừa liền chạy thẳng đến. Nàng lừa chào hỏi thân mật và mở đầu câu chuyện:

- Anh từ đâu đến?

- Từ Benàres.

- Mục đích gì?

- Buôn bán.

- Anh mang hàng gì nhiều thế?

- Một lô đồ gốm thật nhiều.

- Anh đi bao nhiêu dặm mà mang số hàng nhiều thế?

- Bảy dặm.

- Trong những nơi anh đi qua, có ai xoa bóp chân và lưng anh không?

- Không!

- Nếu thế, anh phải chịu đường dài khắc nghiệt kinh khủng!

(Dĩ nhiên loài vật không ai xoa bóp chân và lưng, cô lừa nói chỉ vì để kết mối thân tình với anh lừa).

Lời cô lừa khiến chàng lừa trở nên bất mãn. Sau khi nhà buôn đã xếp đặt hàng hóa xong, ông chạy đến chàng lừa và nói:

- Nào, Jack, chúng ta đi!

- Ông đi đi, tôi không đi!

Nhà buôn cố gắng lặp đi lặp lại với những lời lẽ dịu dàng để thuyết phục nó đi. Mặc dù ông dỗ hết sức, lừa ta vẫn dở chứng, ông bèn trút hết lời chửi rủa nó. Cuối cùng ông nghĩ: Ta sẽ biết cách làm cho nó đi, và nói kệ sau:

Ta sẽ làm cây gậy Có mũi nhọn thật dài Sẽ đâm xẻ thân này Nhớ đó nghe, lừa hỡi!

Lừa đáp:

- Nếu vậy, tôi biết ngay phải làm gì với ông.

Rồi nó đọc kệ:

Ông bảo sẽ làm gậy Có mũi

nhọn thật dài Tốt thôi! Tôi cũng sẽ Chân trước bấm chặt sâu Tung vó hai chân sau Đá cho răng ông gãy Nhớ nghe, Kappaka!

Khi nhà buôn nghe thế, ông thắc mắc không biết lý do gì khiến nó nói thế. Ông ta nhìn lại con đường và cuối cùng bắt gặp con lừa cái. À ra thế! Ông hiểu ngay. Cô ả đã dạy chàng lừa nhà ta mấy trò này đây. Ta sẽ hứa mang về nhà một con lừa cái như thế cho nó. Như vậy, dùng con lừa cái làm mồi, ta sẽ khiến nó phải đi.

Ông bèn đọc kệ:

Một lừa cái bốn chân Mặt như dáng vỏ trai Đầy đủ muôn vẻ đẹp Sẽ đi mua cho mày Nghe

ra chưa lừa hỡi?

Nghe thế, tim chàng lừa rộn rã và trả lời:

Một lừa cái bốn chân, Mặt như dáng vỏ trai, Đầy đủ muôn vẻ đẹp, Ông hứa mua cho liền. Xưa đi ngày bảy dặm Nay tôi chạy gấp đôi!

Kappata nói:

- Vậy thì tốt, đi!

Và ông dắt lừa lại chỗ để xe.

Vài ngày sau con lừa nói với ông ta:

- Chẳng phải ông đã nói với tôi là sẽ đem cho tôi một cô bạn ư?

Thương gia trả lời:

- Phải, ta đã nói thế, và ta không nuốt lời. Ta sẽ cho mi một cô bạn về nhà. Nhưng ta chỉ cung cấp thức ăn cho mi thôi. Không biết có đủ hay không cho cả mi và cô ả, nhưng việc đó mi giải quyết một mình. Sau khi hai đứa mi sống với nhau, sẽ sinh những chú lừa con. Thức ăn ta sẽ cho mi, không biết có đủ cho mi, bạn mi và những lừa con nữa hay không, việc này mi tự giải quyết lấy.

Thương gia nói rồi, con lừa hết mơ ước hy vọng.

Đạo sư chấm dứt bài học này:

- Lúc đó, các Tỳ-kheo! Con lừa cái là Janapada Kalyànì, con lừa đực là Nan-đà và người thương gia chính là Ta.

Khi xưa Nan-đà cũng đã chịu vâng phục vì miếng mồi khác phái.

10. Cunda - Đồ Tể Mổ Heo

Nay sầu, đời sau sầu...

Giáo pháp này đức Đạo sư dạy khi Ngài cư ngụ tại Veluvana (tinh xá Trúc Lâm) nhắm đến Cunda, người đồ tể mổ heo.

Chuyện kể rằng trong năm mươi lăm năm Cunda sống bằng nghề mổ heo để ăn hay bán. Nhằm lúc đói kém, ông ta đi về nông thôn với chiếc xe đầy nhóc gạo và trở về đầy ắp heo con, mua trong các làng, với giá mỗi con chỉ nửa lít hoặc một lít gạo. Sau nhà, ông ta có một miếng đất rào lại thành một chuồng heo,

và ông ta nuôi heo với tất cả các loại cây cỏ và phân. Khi nào ông ta muốn giết heo, ông ta trói heo thật chắc chắn vào một cây cột và nện nó bằng một cây chày vuông để làm thịt nó sưng phồng lên và mềm đi. Rồi, banh hàm heo và lồng vào miệng nó một cái nêm nhỏ, ông ta rót nước thật nóng từ một nồi đồng đổ xuống họng nó. Nước nóng thấm vào dạ dày heo, làm lỏng phân, và tống ra ngoài hậu môn phân nóng với nước. Nếu còn một cục phân nhỏ sót lại trong bao tử heo, thì nước chảy ra biến màu và đục, nhưng khi bao tử heo đã sạch, nước chảy ra sẽ trong và sạch. Chỗ nước còn lại ông ta đổ lên lưng heo, và nước sẽ làm tuột da, lột lớp da đen. Rồi ông ta thui lớp lông cứng bằng một cây đuốc. Cuối cùng ông cắt đầu heo bằng một thanh kiếm nhọn. Khi máu phun ra, ông ta hứng vào dĩa, rồi ông quay heo, bôi máu hứng

được lên da. Và ông ta ngồi vào bàn cùng vợ con ăn thịt heo quay. Thịt còn lại, ông ta bán. Theo cách này, ông ta đã sinh sống trong năm mươi lăm năm. Dù đức Đạo sư ở tinh xá bên cạnh mà không có một ngày nào Cunda cúng dường Ngài, dù là một nắm hoa hay một muỗng cơm, cũng không làm một việc công đức nào cả.

Một hôm ông mắc bệnh, và dù ông ta vẫn còn sống, ngọn lửa của đại địa ngục A-tỳ đã bốc cháy trước mặt. (Ngọn lửa A-tỳ là một cực hình có sức thiêu đốt kinh khủng có thể phá huỷ mắt người nào nhìn cách một trăm dặm).

Thật ra, ngọn lửa ấy được mô tả như sau: "Ngọn lửa luôn luôn phụt ngọn liên tục vào mọi phía, xa đến một trăm dặm". Trưởng lão Nàgasena (Tỳ-kheo Na- tiên)

đã dùng lối so sánh sau để chỉ sức nóng mãnh liệt biết bao so với ngọn lửa thường: "Đại vương! Hãy nghĩ xem, một khối đá to bằng một ngôi chùa đưa vào ngọn lửa địa ngục sẽ tan chảy chỉ trong chốc lát. Tuy nhiên, chúng sanh bị tái sanh ở đó, vì quả báo của việc làm quá khứ, không bị chết tiêu mà cảm thấy như đang nằm trong thai mẹ".

Khi cực hình của đại địa ngục A-tỳ giáng xuống đồ tể mổ heo Cunda, hành động của ông ta thay đổi tương xứng với nghiệp quá khứ. Dù còn ở trong nhà, ông ta bắt đầu kêu ủn ỉn như heo và bò bằng tay và đầu gối, bỏ ra trước nhà rồi bò đến phía sau. Những người trong gia đình áp đảo và bịt miệng ông ta. Nhưng dù họ làm đủ cách (bởi không ai có thể ngăn được quả báo xảy đến cho một người do hành động quá khứ của chính người đó),

ông ta vẫn bò lui và kêu ủn ỉn liên tục như một con heo.

Bảy nhà xung quanh không ai có thể ngủ được. Thân quyến của ông ta khủng khiếp vì sợ chết, không có cách nào khác có thể ngăn ông ta đi ra, họ chặn các cửa và nhốt ông ta ở trong nhà. Xong, họ bao vây nhà và đứng canh Cunda bò tới bò lui trong nhà suốt bảy ngày, chịu sự đau khổ cùng cực của địa ngục, kêu ủn ỉn và rống eng éc như heo.

Qua bảy ngày bò như thế, ông ta chết và bị đọa vào đại địa ngục A-tỳ.

Vài Tỳ-kheo đi ngang qua cửa nhà ông, nghe tiếng eng éc ồn ào, chỉ nghĩ là tiếng của những con heo, họ đi về tinh xá, ngồi một bên đức Đạo sư và bạch:

- Bạch Thế Tôn, trong bảy ngày cửa nhà đồ tể Cunda đóng kín, và suốt bảy ngày vẫn tiếp tục giết heo, chắc chắn ông ta định làm tiệc chiêu đãi. Thế Tôn nghĩ xem, bao nhiêu heo bị giết ! Hiển nhiên ông ta không có một chút từ bi và hoàn toàn thiếu lòng trắc ẩn. Thật từ trước tới giờ chúng tôi chưa thấy ai độc ác và man rợ như thế!

Đức Đạo sư nói:

- Này các Tỳ-kheo! Ông ta không giết heo trong bảy ngày qua. Sự trừng phạt phù hợp với việc làm quá khứ của ông ta đã xảy đến bất ngờ đối với ông ta. Ngay khi ông ta còn sống, cực hình của đại địa ngục A-Tỳ đã hiển hiện. Vì cực hình này, ông ta bò tới lui trong nhà suốt bảy ngày, kêu la eng éc như một con heo. Hôm nay ông ta chết và bị đọa vào ngục A-tỳ.

Khi đức Phật nói xong, các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đã đau khổ ở đây trong thế gian này, ông ta lại đi đến chỗ đau khổ nữa và tái sanh ở đó.

- Đúng thế, các Tỳ-kheo!

Đức Thế Tôn nói tiếp:

- Người nào sống buông lung, dù cư sĩ hay tu sĩ, đều bị đau khổ ở cả hai nơi.

Nói xong, Ngài đọc Pháp Cú:

(15) Nay sầu, đời sau sầu, Kẻ ác hai đời sầu, Nó sầu, nó ưu não, Thấy nghiệp uế mình làm.

11. Cư Sĩ Hiền Thiện

Nay vui, đời sau vui...

Giáo lý này được Thế Tôn dạy cho một cư sĩ hiền thiện khi Ngài ngụ ở Kỳ Viên.

Chúng ta nghe kể ở Xá-vệ có năm trăm thiện tín sinh sống, mỗi người có năm trăm cư sĩ tuỳ tùng. Người thiện tín lớn nhất có bảy con trai và bảy con gái. Mỗi đứa con thường xuyên cúng dường theo lối rút thăm để dâng món cháo đặc và các thức ăn khác, ngoài ra còn cúng thức ăn, thức ăn cuối tháng, thức ăn đầu tháng, thức ăn chiêu đãi, thức ăn ngày chay, thức ăn cho khách viếng thăm, và thức ăn mùa mưa (hạ). Tất cả những người con đó đều là "thế hệ sau', cho nên thiện tín cùng vợ và mười bốn con duy trì mười sáu cách cúng dường. Và vị thiện

tín đức hạnh, chính trực cùng với vợ con đều hoan hỷ trong việc sắp đặt bố thí.

Sau một thời gian, vị thiện tín mắc bệnh và sức khoẻ suy sụp. Mong muốn được nghe pháp, ông gởi lời đến Thế Tôn xin cử tám hay mười sáu Tỳ-kheo đến. Đức Thế Tôn gởi các Tỳ-kheo và họ đi ngay đến vây quanh giường ông ta, rồi ngồi xuống chỗ được dành sẵn.

Vị thiện tín nói:

- Chư Tôn giả! Bây giờ muốn thấy các Ngài khó lắm vì tôi yếu quá, xin tụng lại cho tôi nghe một bài kinh thôi.

- Ông thích nghe kinh gì hở thiện tín?

- Kinh Tứ Niệm Xứ, phổ cập đối với tất cả chư Phật.

Thế là chư Tăng bắt đầu tụng bài kinh, mở đầu bằng những lời: "Chỉ có đường này, này các Tỳ-kheo, con đường duy nhất này dẫn đến sự cứu độ chúng sanh".

Vào lúc ấy từ sáu cõi trời hiện đến sáu chiếc xe dài một trăm năm mươi dặm do một ngàn con ngựa Sindth thuần chủng kéo, trang hoàng với đủ loại trang sức rực rỡ. Trên mỗi chiếc xe ngựa có một vị trời đứng, và mỗi vị trời nói:

- Cho phép chúng tôi chở Ngài về thiên giới của chúng tôi.

Và họ nói tiếp:

- Giống như ta đập bể một bình đất và thay bằng một bình vàng, cũng như thế chúng sanh sanh thiên sẽ được hạnh phúc trên cõi trời của chúng tôi.

Vị cư sĩ không muốn bị ngắt quãng trong khi nghe pháp, liền van xin:

- Hãy khoan! Hãy khoan!

Các Tỳ-kheo nghĩ rằng ông ta nói với mình nên dừng tụng pháp. Con trai và con gái của ông khóc thét:

- Trước kia cha chúng tôi không bao giờ cho rằng mình đã được nghe pháp đầy đủ, mà nay sau khi thỉnh các Tỳ-kheo đến và yêu cầu tụng pháp, chính ông ngăn họ lại. Rốt cuộc không ai mà không sợ chết.

Các Tỳ-kheo bàn với nhau:

- Không phải lúc ở lại.

Và lập tức họ đứng lên ra đi.

Sau một lúc, thiện tín tỉnh lại và hỏi các con:

- Tại sao các con khóc?

Họ đáp:

- Cha thân yêu, cha mời các Tỳ-kheo lại, và ngay khi đang nghe pháp, chính cha ngăn họ tụng pháp. Chúng con khóc vì nghĩ rằng rốt cuộc không ai là không sợ chết.

- Nhưng các vị Tỳ-kheo quí kính đâu rồi?

- Các Tỳ-kheo đã bảo nhau: "Đây không phải là lúc nên ở lại", và lập tức họ từ chỗ ngồi đứng lên ra đi.

- Các con yêu, ta không phải nói với các Tỳ-kheo quí kính như vậy.

- Vậy thì cha nói với ai, cha thân yêu?

- Từ sáu cõi trời có sáu vị trời hiện đến trong sáu xe ngựa trang hoàng lộng lẫy, và đứng trên xe ngựa lơ lửng trên không, họ nói với cha: "Hãy hưởng hạnh phúc trên thiên giới của chúng tôi". Và cha đã trả lời với họ: "Hãy khoan! Hãy khoan!"

- Cha thân yêu, những xe ngựa ở đâu, sao chúng con không thấy?

- Ta có vòng hoa nào không?

- Có, thưa cha.

- Cõi trời nào vui sướng nhất?

- Cha thân yêu! Vui sướng nhất là cõi trời Đâu-suất nơi cha mẹ chư Phật cư trú, cùng với tất cả các vị Phật tương lai.

- Tốt lắm, vậy hãy ném lên không một vòng hoa mà nói: "Hãy khiến vòng hoa này mắc vào chiếc xe ngựa của cõi trời Đâu-suất".

Những người con của của vị thiẽin tín ném lên và vòng hoa mắc vào gọng xe ngựa treo lơ lửng trên không. Đám con thấy vòng hoa lơ lửng trên không, nhưng không thấy xe ngựa. Vị thiện tín hỏi:

- Các con có thấy vòng hoa không?

- Vâng, chúng con thấy.

- Vòng hoa này treo lơ lửng nơi chiếc xe ngựa đến từ cõi trời Đâu-suất. Cha sắp đi đến cõi trời Đâu-suất, đừng lo lắng. Nếu các con muốn tái sanh theo cha, hãy làm những công đức như cha đã làm.

Khi dứt lời, ông chết và đặt chân lên chiếc xe ngựa, lập tức ông tái sanh thành một vị trời thân cao ba phần tư dặm, được trang điểm với sáu mươi xe đồ trang sức. Ông có một ngàn thiên nữ theo hầu và ở trong cung điện bằng vàng rộng hai mươi lăm dặm.

Khi những Tỳ-kheo về đến tinh xá, đức Phật hỏi họ:

- Các Tỳ-kheo, vị thiện tín có nghe tụng đọc pháp không?

- Có, bạch Thế Tôn! Nhưng nửa chừng ông ta kêu lên: "Hãy khoan! Hãy khoan!" và ngăn chúng con lại. Rồi con trai và con gái ông ta bắt đầu khóc. Lập tức, chúng con bảo nhau: "Đây không phải là lúc nên ở lại", và chúng con ttuừ chỗ ngồi đứng lên ra đi.

- Các Tỳ-kheo! Ông ấy không nói với các ông. Từ sáu tầng trời có sáu vị trời đến trên sáu chiếc xe ngựa lộng lẫy, và họ gọi vị thiện tín ấy đi với họ; nhưng thiện tín không muốn bài pháp đang đọc bị ngắt quãng nên nói với sáu vị trời như thế.

- Thật vậy sao, Thế Tôn?

- Đó là sự thật, các Tỳ-kheo ạ!

- Bạch Thế Tôn, bây giờ ông ấy tái sinh nơi nào?

- Trên cõi trời Đâu-suất, các Tỳ-kheo!

- Bạch Thế Tôn, nhưng gần đây ông sống rất vui sướng giữa các thân tộc của mình, và bây giờ ông ấy cũng đi tái sanh một nơi vui thú.

- Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Ông là người giác tỉnh. Dù cư sĩ hay tu sĩ, ông được sung sướng cả hai nơi như nhau.

Nói xong, Ngài đọc Pháp cú:

(16) Nay vui, đời sau vui, Làm phước, hai đời vui, Nó vui, nó an vui, Thấy nghiệp tịnh mình làm.

12. Nghiệp Của Đề Bà Đạt Đa

Nay than, đời sau than...

Giáo lý này do đức Đạo sư dạy khi ở tại Kỳ Viên, liên quan đến Đề-bà-đạt-đa.

Chuyện của Đề-Bà-Đạt-Đa, từ lúc trở

thành Tỳ-kheo đến lúc mặt đất nứt ra và nuốt ông ta, đều có trong mọi chuyện Bổn Sanh.

Sau đây là tóm tắt câu chuyện:

Khi Thế Tôn ngụ tại vườn xoài Anupiya, gần Anupiya, một thị trấn của thị tộc Mallas, tám mươi ngàn quyến thuộc của ngài một hôm bổng nhận ra những đặc điểm của

đấng Như Lai nơi Ngài, và tám mươi ngàn chàng trai con của họ đồng tình rằng Ngài là vua hay một vị Phật, Ngài cũng sẽ sống với một đoàn tùy tùng gồm những ông hoàng dòng Sát-đế-lợi. Sau đó trừ sáu ông hoàng trẻ tất cả đều xuất ly thế gian và trở thành Tỳ-kheo.

Thấy sáu ông hoàng trẻ họ Thích này là vua Bhaddiya, và các ông

hoàng Anuruddha, Ananda, Bhayu, Kimbila và Devadatta chưa xuất thế, hoàng tộc họ Thích thảo luận với nhau:

- Chúng ta chỉ cho chính con của chúng ta vào Tăng đoàn. Còn sáu ông hoàng họ thích này chắc không phải quyến thuộc của Phật nên không xuất gia làm Tỳkheo.

Vì vậy, một hôm, ông hoàng họ Thích tên Mahanama đến gặp em là A-nậu-lâu- đà (Anuruddha), tâm sự:

- Này em, trong gia đình ta chưa có ai xuất gia, em hãy xuất gia trở thành Tỳ- kheo và anh sẽ theo gương em.

Thuở đó, A-lậu-nâu-đà là người được nuôi dưỡng trong nhung lụa và sự cưng chìu, chàng chưa bao giờ nghe tiếng

"không có". Thí dụ, một hôm sáu ông hoàng họ Thích này chơi bắn bi. A-nậulâu-đà lấy bánh ra đánh cuộc. Khi thua, chàng nhắn về nhà đòi bánh. Mẹ chàng làm bánh đưa cho họ. Mấy ông hoàng ăn bánh xong tiếp tục chơi. A-nậu-lâu-đà thua liên tiếp. Ba lần mẹ chàng phải gởi bánh tới. Lần thứ tư bà nhắn:

- Không có bánh để gởi.

Trước đó A-nậu-lâu-đà chưa hề nghe chữ "không có". Do đó chàng nghĩ rằng đó là một loại bánh khác, chàng nhắn bảo tên tiểu đồng về nhà:

- Hãy gởi cho tôi mấy cái bánh không có.

Khi mẹ chàng nhận được tin "Mẹ ơi! Hãy gởi cho con mấy cái bánh không có", bà tự nghĩ:

- Từ trước con ta chưa hề nghe chữ không có, vậy thì ta sẽ dạy cho nó biết nghĩa ấy.

Rồi bà lấy một bát vàng rỗng chụp lên một bát vàng khác và gởi cho con trai.

Chư thiên bảo vệ thành biết được khi xưa A-nậu-lâu-đà là Annabhara đã bố thí thức ăn phần mình cho Phật Đốc Giác Uparritha và ước nguyện: "Không bao giờ bị nghe tiếng 'không có', không bao giờ cần biết thức ăn từ đâu đến". Bây giờ nếu để A-nậu-lâuđa thấy bát rỗng, các vị trời sẽ không bao giờ dự được hội trời, ngoài ra có thể đầu bị bể làm bảy mảnh nữa.

Vì thế chư thiên bỏ đầy bánh trời vào bát. Ngay khi bát được đặt xuống trên chiếc dĩa tròn và mở ra, mùi bánh thơm

tỏa khắp thành. Hơn nữa, lúc miếng bánh được đặt vào miệng, bảy ngàn thần kinh vị giác rung lên. A-nậu-lâu-đà thưởng thức xong liền kết luận:

- Mẹ ta chẳng thương ta, mọi khi mẹ chẳng hề chiên bánh không có này cho ta. Từ đây trở đi ta sẽ không ăn loại bánh nào khác.

Rồi chàng về nhà hỏi mẹ:

- Mẹ, mẹ có thương con hay không?

- Con cưng của mẹ, con ví như con mắt quí báu của một người chỉ có một con mắt, và cũng giống như trái tim mẹ yêu quí con còn hơn thế nữa.

- Vậy thì mẹ thương, tại sao mấy lần trước mẹ không chiên bánh "không có"

cho con?

Người mẹ hỏi chú tiểu đồng:

- Nhỏ, không có gì trong bát chứ?

- Thưa bà, chiếc dĩa tràn đầy bánh, và thứ bánh này tôi chưa hề thấy trước kia.

Người mẹ liền hiểu: "Thật là con ta có công đức lớn. Chắc là nó có một ước nguyện. Những vị trời chắc đã bỏ bánh dầy đĩa và gởi cho nó".

Đứa con nói tiếp với mẹ:

- Từ nay con sẽ không ăn loại bánh nào khác hơn.

Từ nay về sau xin mẹ hãy chỉ chiên bánh "không có" cho con.

Từ lần đó, khi con bà nói "Con muốn ăn bánh" bà liền gởi một bát không, đậy bằng một bát khác, và suốt thời gian chàng sống ở nhà, những vị trời gởi bánh trời cho chàng. Vì A-nậu-lâu-đà quá ngây thơ với mọi sự như thế làm sao chàng có thể nghĩ ra để hiểu ý nghĩ của từ ngữ "trở thành một Tỳ-kheo".

Vì lý do đó chàng hỏi anh mình:

- Trở tnành một Tỳ-kheo là sao?

Anh chàng trả lời:

- Đời sống của một Tỳ-kheo gồm cạo bỏ râu tóc, ngủ trong bụi gai cũng bình thường như y trong giường đẹp và đi khắp nơi khất thực.

A-nậu-lâu-đà bày tỏ ý mình:

- Này anh, em quá sung sướng, em sẽ không bao giờ có thể thành một Tỳ-kheo.

- Tốt lắm, em thân yêu, vậy hãy học nghề nông và sống đời sống của một gia chủ. Nhưng ít nhất, một trong hai anh em chúng ta phải trở thành Tỳ-kheo.

A-nậu-lâu-đà nói:

- Làm nông là sao?

Làm sao có thể trông mong một chàng trai biết được ý nghĩ của chữ nông nghiệp khi anh ta không biết được thức ăn từ đâu đến? Như một ngày nọ, ba ông hoàng Kimbila,

Bhaddiya và A-nậu-lâuđà bàn lận với nhau về thức ăn từ đâu đến.

Kimbila nói:

- Nó đến từ kho lúa.

Bhaddiya nói với chàng:

- Anh không biết thức ăn từ đâu đến, nó đến từ cái nồi.

A-nậu-lâu-đà nói:

- Cả hai anh đúng là chẳng biết thức ăn đến từ đâu cả. Nó đến từ một bát vàng đậy nắp ngọc.

Người ta kể rằng: Một hôm Kimbila thấy gạo được chuyển ra từ kho thóc, và lập tức chàng nghĩ "những hạt gạo được sản xuất trong kho". Cũng vậy, một hôm Bhaddiya thấy thức ăn được múc ra từ một cái nồi, và chàng cho rằng "nó có được từ trong nồi".

A-nậu-lâu-đà chưa hề thấy người ta chứa gạo, nấu cơm hay múc ra khỏi nồi, nhưng chỉ thấy sau khi đã múc ra khỏi nồi và đặt trước chàng. Vì vậy chàng cho rằng khi người ta muốn ăn, thức ăn xuất hiện ngay trong một bát vàng. Đó là sự ngu dốt của cả ba ông hoàng về việc thức ăn đến từ đâu.

Bấy giờ trở lại khi A-nậu-lâu-đà hỏi:

- Làm nông nghĩa là sao?

Chàng nhận được câu trả lời sau:

- Trước hết cánh đồng phải được cày lên, và sau đó những việc khác như thế, như thế phải làm. Và những việc ấy phải làm từ năm này đến năm khác.

Chàng tự nhủ:

- Những bổn phận ràng buộc với nghề nông như thế thì đến bao giờ mới hết. Bao giờ chúng ta mới có thời gian vui hưởng tài sản của mình một cách an nhàn?

Và vì cho rằng những bổn phận ràng buộc vào đồng áng không bao giờ hết và không bao giờ dừng, chàng liền đổi ý:

- Thôi thì, nếu như vậy anh phải sống đời sống của một gia chủ; còn em, em không sống như vậy.

Sau đó, chàng đến nói với mẹ:

- Mẹ! Hãy cho phép con! con muốn xuất gia trở thành một Tỳ-kheo. Ba phen chàng đòi mẹ cho phép trở thành Tỳkheo và ba lần bà từ chối. Cuối cùng bà nói với chàng:

- Nếu vua Bhaddiya, bạn con xuất gia, con có thể xuất gia với anh ta.

Sau đó, chàng đến Bhaddiya bạn mình và nói:

- Này bạn, tôi có xuất gia được hay không với điều kiện là bạn xuất gia đấy!

A-nậu-lâu-lâu-đà thúc giục bạn Bhaddiya bằng mọi lý lẽ khiến anh cùng đi xuất gia. Và cuối cùng, vào ngày thứ bảy Bhaddiya hứa khả.

Rồi sáu ông hoàng thuộc giai cấp Sát-đếlợi - Bhaddiya, vua của những người họ Thích (Sakyans), A-nậu-lậu-đá, Ananda, Bhagu, Kimbila và Đề-bà-đạt-đa - kèm thêm người hớt tóc là Upali thành bảy người, sau bảy ngày vui hưởng hạnh phúc thần tiên như những vị trời, bắt đầu

ra đi với trang phục nhiều gấp bốn lần, như thể trên đường đến vườn giải trí. Khi họ tới lãnh thổ nước khác, họ ra lệnh quân lính trở về. Họ cởi những đo trang sức, gói lại và đưa cho Upali, nói:

- Này Upali, bây giờ hãy trở về. Tất cả tài sản này sẽ đủ cung cấp cho anh sanh nhai.

Upali gieo mình xuống chân họ, lặn lộn trên đất và khóc thảm thiết. Nhưng không giám cãi lệnh, đứng lên và trở về. Giờ chia tay rừng rủ lá, đất rung động. Upali đi được một quãng ngắn không an lòng vì nghĩ rằng những người Sakyans họ Thích ác nghiệt và tàn bạo có thể giết mình vì nghĩ rằng mình đã giết

anh em họ. Những ông hoàng họ Thích Sakyans này đã từ bỏ nếp sống lộng lẫy xa hoa, đã lột bỏ những trang sức vô giá xem như một đống đờm dãi và dự định xuất gia trở thành Tỳ-kheo. Sao mình lại không?

Rồi ông mở gói, treo những đồ trang sức trên cây để mặc, ai muốn hãy đến lấy!

Xong, ông đến chỗ những ông hoàng. Họ ngạc nhiên hỏi ông tại sao ở lại, ông kể với họ toàn bộ câu chuyện. Như vậy sáu ông hoàng đem theo người thợ cạo Upali đến Thế Tôn và bạch:

- Bạch Thế Tôn, chúng con là những người họ Thích kiêu hãnh. Người thợ cạo này là người phục vụ chúng con từ lâu. Xin thu nạp ông ta vào Tăng đoàn trước,

vì để ông ta vào trước chúng con sẽ cung kính ông ta, do sự kiêu hãnh của chúng con sẽ được giảm bớt.

Vậy là trước tiên họ đã xin cho thợ cạo Upali xuất gia trước và sau đó chính họ xin vào Tăng đoàn.

Trong sáu ông hoàng họ Thích này , Tôn giả Bhaddiya chứng Tam minh ngay mùa hạ đầu. Tôn giả A-nậu-lâu-đà chứng Thiên nhãn thông, và sau nghe bài kinh đầu đề "Những điều suy niệm của một bậc đại nhân", Ngài chứng A-la-hán. Tôn giả A-nan chừng quả Dự lưu, Trưởng lão Bhaya và Trưởng lão Kimbila sau đó khai mở Minh-sát-tuệ và chứng A-la-hán. Đề-bà-đạt-đa chứng thần thông thấp hơn.

Sau một thời gian, khi Thế Tôn ngụ tại Kossambi, của cải và tiếng tăm đều

dồn về Thế Tôn và chúng đệ tử của Ngài. Mọi người đến tinh xá thường mang trong tay y phục, thuốc men và những vật cúng dường khác, và hỏi:

- Đức Đạo sư ở đâu?

- Trưởng lão Xá-lợi-phất đâu?

- Trưởng lão Mục-kiền-liên đâu?

- Trưởng lão Ca-diếp đâu?

- Trưởng lão Bhaddiya đâu?

- Trưởng lão A-nậu-lâu-đà đâu?

- Trưởng lão A-nan đâu?

- Trưởng lão Bhagu đâu?

- Trưởng lão Kimbila đâu?

Nói xong, họ đi tìm chỗ ngồi của tám mươi vị Đại đệ tử.

12A. Những Hành Động Ác Của Đề Bà Đạt Đa.

Nhưng chẳng ai hỏi đến Đề-bà-đạt-đa. Từ đó ông sanh lòng bất mãn: "Ta đi tu cùng lúc với những Tỳ-kheo kia, cũng thuộc giai cấp chiến sĩ như họ. Vậy mà các thí chủ mang phẩm vật cúng dường kia chỉ đến tìm những Tỳ-kheo ấy, chẳng ai nhắc đến tên ta. Ta sẽ về phe ai, thâu phục cảm tình ai để có được lợi dưỡng và sự tôn kính?" Và ông toan tính ly khai. Sau đó ông nghĩ tiếp: "Vua Bình-sa ngay hôm đầu gặp Phật cùng mười một vạn tùy tùng, đã chứng quả Dự lưu, ta không thể về phe ông. Ta cũng không thể theo phe vua Kosala, nhưng ta sẽ đến với hoàng tử A-xà-thế, kẻ không biết nhìn

người".

Từ Kosambi, Đề-bà-đạt-đa đi đến Vương Xá, tự biến thành một chàng trai, với bốn con rắn ở tay chân, một con quanh cổ, một con cuộn tròn trên đầu như búi nệm, một con vắt trên vai. Trang điểm đầy rắn như thế ông từ không trung bay xuống ngồi ngay trong lòng A-xà-thế hết hồn hỏi:

- Người là ai?

- Tôi là Đề-bà-đạt-đa.

Để A-xà-thế hết sợ, Đề-bà-đạt-đa biến nguyên hình trở lại là một Tỳ-kheo, đắp y mang bát và ông chiếm được cảm tình của A-xà-thế cùng lợi dưỡng và sự tôn kính.

Được lợi dưỡng và sự tôn kính rồi, Đềbà-đạt-đa quyết định: "Ta phải là người lãnh đạo Tăng đoàn". Vừa khởi ác niệm, Đề-bà-đạt-đa mất hết thần thông. Bấy giờ đức Đạo sư đang thuyết pháp cho Tăng chúng ở Trúc Lâm tinh xá, cũng có nhà vua trong chúng hội. Giữa thời pháp Đề-bà-đạt-đa đảnh lễ Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay thỉnh cầu:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn nay đã già yếu, mệt mỏi, hãy sống an nhàn không lo lắng. Tôi sẽ lãnh đạo Tăng đoàn, hãy giao phó Tăng đoàn cho tôi.

Đức Đạo sư, thay vì chấp nhận sự sắp xếp của Đề-bà-đạt-đa, đã từ chối lời thỉnh cầu và gọi ông là hạng người ăn đờm dãi. Đề-bà-đạt-đa căm phẫn tột độ ra đi. Đây là lần thứ

nhất ông oán hận đức Đạo sư. Đức Phật cho công bố câu

chuyện Đề-bà-đạt-đa tại Vương Xá.

Đề-bà-đạt-đa hận thù không nguôi vì bị đức Phật khai trừ nên rắp tâm phá Phật. Ông đến gặp A-xà-thế bày kế:

- Này chàng tuổi trẻ, con người trước đây sống lâu, nhưng nay chết sớm. Một ông hoàng như anh chẳng bao lâu cũng sẽ chết. Vậy thì, anh hãy giết cha rồi lên làm vua, còn ta sẽ giết đức Thế Tôn và lên làm Phật.

Mưu kế thành tựu, A-xà-thế giết cha rồi lên ngôi, còn Đề-bà-đạt-đa không bỏ cuộc, tự thân leo lên đỉnh núi lòng dặn lòng: "Một mình ta sẽ dứt đời Sa-môn Cồ-đàm". Rồi ông lăn đá xuống, nhưng chỉ làm thân Phật chảy máu. Thất bại lần nữa trong việc giết Phật, ông lại tính keo khác là thả voi Nàlàgiri hại Phật. Khi voi

đến gần, Đại đức A-nan đứng mũi chịu sào hy sinh cản đường cứu Phật. Đức Đạo sư nhiếp phục được voi và rời thành trở về tinh xá. Sau khi dự buổi thọ trai do hằng ngàn thiện tín cúng dường, đức Đạo sư đúng thời nói pháp cho cư dân Vương Xá, đông đến một trăm tám mươi triệu người. Có tám mươi bốn ngàn người được Pháp nhãn thanh tịnh. Các Tỳ-kheo lúc đó không ngớt tán thán A-nan:

- Đại đức A-nan thật cao thượng! Khi con voi hung tợn chạy đến, người dám hy sinh mạng sống đứng chắn cho đức Đạo sư.

Đức Phật nghe các Tỳ-kheo khen vậy liền bảo:

- Các thầy, đây chẳng phải là lần đầu A- nan hy sinh vì ta. Trong kiếp quá khứ,

ông ấy cũng làm như vậy.

Và đáp lời thỉnh cầu của các Tỳ-kheo, Phật kể chuyện tiền thân Culla Hamsa và Kakkata.

Qua việc bày mưu giết vua, mướn người giết Phật, lăn đá, tính ác độc của Đề-bàđạt-đa chưa gây chấn động dư luận như lần thả voi hại Phật. Dân chúng biết chuyện xôn xao bàn tán: "Đề-bà-đạt-đa một mình đã giết vua, mướn kẻ sát nhân ném đá, nay còn thả voi Nàlàgiri. Nhà vua đang thân cận một kẻ ác độc đến thế!" Nhà vua nghe được bèn bãi bỏ năm trăm nồi nấu thức ăn cho Đề-bà-đạt-đa và từ đó không cung cấp, đáp ứng các nhu cầu của Đề-bà-đạt-đa nữa. Dân chúng cũng vậy, khi ông đến nhà khất thực, họ vẫn không cúng dường.

Danh và lợi đều mất, Đề-bà-đạt-đa lại giở trò quỷ quyệt. Ông đi đến đức Phật đưa ra năm điểm nhưng đức Đạo sư bác bỏ:

- Đủ rồi, Đề-bà-đạt-đa! Ai muốn như vậy, hãy làm một nhà khổ hạnh ở trong rừng.

Đề-bà-đạt-đa quay sang các Tỳ-kheo:

- Chư huynh đệ, lời dạy nào cao thượng hơn, lời Phật hay lời tôi vừa nói? Được rồi, Thế Tôn. Sa-môn suốt đời nên sống trong rừng, đi khất thực, mặc áo bằng giẻ rách lấy từ

đống rác, ở dưới gốc cây, không ăn cá thịt. Ai muốn giải thoát đau khổ, hãy để người ấy đến với tôi.

Nói rồi, Đề-bà-đạt-đa ra đi.

Một vài Sa-môn vừa mới xuất gia, thiếu trí, nghe những lời này nghĩ là Đề-bàđạt-đa nói đúng. Rồi họ đi theo Đề-bàđạt-đa cùng năm trăm Tỳ-kheo bằng mọi cách thuyết phục mọi người từ người dễ tin đến người dày dạn, chấp thuận năm điểm, và sống bằng cách khất thực từ nhiều gia đình. Đồng thời Đề-bà-đạt-đa vẫn tìm cách tạo sự chia rẽ trong Giáo đoàn.

Đức Thế Tôn nghe ra bèn bảo:

- Đề-bà-đạt-đa, có đúng như người ta nói, ông đang cố tình gây chia rẽ Tăng đoàn không?

Đề-bà-đạt-đa trả lời:

- Đúng!

Phật dạy:

- Đề-bà-đạt-đa, chia rẽ Tăng đoàn là một tội ác ghê gớm.

Đức Đạo sư tiếp tục răn nhắc Đề-bà-đạtđa. Nhưng ông không để ý đến lời Phật dạy. Đề-bà-đạt-đa ra đi, gặp Đại đức Anan đang đi khất thực trong thành Vương Xá, ông nói:

- Sư huynh A-nan, kể từ hôm nay tôi sẽ làm lễ phát lồ và tăng sự riêng biệt, không cần Tăng đoàn, không cần Thế Tôn.

Đại đức A-nan kể lại cho đức Phật nghe, bậc Đạo sư đã phẫn nộ một cách chính đáng, và biết rằng Đề-bà-đạt-đa làm như vậy là tự đóng cửa nhơn-thiên, sẽ phải chịu đau khổ nơi đại ngục A-tỳ.

Và Ngài suy nghĩ như vầy:

Dễ làm thay việc ác, Việc chỉ gây tai hại. Những việc lành đem lại Hạnh phúc, rất khó làm.

Rồi, đức Đạo sư lại nói lên câu kinh sau:

Dễ thay cho người lành, Làm những việc thiện tốt. Khó thay cho người ác, Làm những việc thiện lành. Người ác khó làm lành, Người lành khó làm ác.

Vào ngày phát lồ, Đề-bà-đạt-đa ngồi về một phía với những người theo ông, nói:

- Ai đồng ý năm điểm hãy lấy một lá phiếu.

Năm trăm hoàng tử Lệ-xá, những Sa-di ít

lòng biết ơn, lấy phiếu. Đề-bà-đạt-đa đem những thầy này đến Gayàsìsa. Đức Đạo sư biết tin họ đến đó, liền phái hai đại đệ tử đi dẫn họ về. Hai vị đến đó, trổ hết thần thông thuyết pháp khiến năm trăm vị Tỳ-kheo nếm được vị Niết-bàn, liền theo hai vị bay về tinh xá hầu Phật.

Tỳ-kheo Kokàlika, người cùng âm mưu với Đề-bà-đạt-đa, thấy vậy, đã vào đánh thức ông dậy:

- Dậy đi huynh Đề-bà-đạt-đa, Xá-lợiphất và Mục-kiền-liên đã đoạt hết các Tỳ-kheo của anh rồi, anh chẳng nhớ tôi đã nói là đừng tin Xá-lợi-phất và Mụckiền-liên sao?

Đề-bà-đạt-đa nói:

- Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ôm lòng

ác độc.

Vừa nói lên câu ấy, đầu gối Đề-bà-đạt-đa đã dộng trúng tim mình và miệng hộc máu tươi ra.

Các Tỳ-kheo trông thấy Tôn giả Xá-lợi- phất bay trong không giữa một đoàn Sa- môn tùy tùng, báo tin cho Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đại đức Xá-lợi-phất đi chỉ với một người mà trở về huy hoàng với cả đám đông.

Đức Đạo sư đáp:

- Các Tỳ-kheo, đây không phải lần đầu xảy ra sự việc này. Khi Xá-lợi-phất sinh trong thân thú, ông cũng đã trở về với Ta huy hoàng như vậy.

Và Phật nói bài kệ chuyện tiền thân Lakkhana (Tiền thân của Xá-lợiphất đã bảo vệ được năm trăm con nai trong đàn an toàn trở về sau mùa săn. Còn nai Kàla, tiền thân của Đề-bà-đạt-đa không bảo vệ được đàn mình, để năm trăm con nai bị chết hết).

Người đạo đức, thân thiện, Mọi sự đều tốt lành. Kìa, Lakkhana xuất hiện! Dắt theo đủ bà con. Và kìa, xem Kàla, Chẳng bà con nào còn!

Các Tỳ-kheo lại kể tiếp:

- Bạch Thế Tôn, người ta đồn rằng Đềbà-đạt-đa cũng đặt hai vị Đại đệ tử ngồi hai bên và bắt chước Thế Tôn nói: "Ta sẽ thuyết pháp như Phật".

Đức Đạo sư nói:- Này các Tỳ-kheo, đây không phải là lần đầu ông ấy làm như vậy. Trong một kiếp quá khứ ông ấy cũng bắt chước ta, nhưng đã thất bại.

Vìraka! Có thấy Chồng tôi,
Savitthaka (1), đâu không?
Tiếng chàng thanh dịu ngọt Cổ rực rỡ như công? Savitthaka ham bắt chước Vĩraka, quạ nước Lặn bắt cá trong hồ
Vướng rong rêu, đã chết.
(1) Quạ Savitthaka - tiền thân của Đề-bà-đạt-đa - muốn bắt chước con quạ nước Vĩraka (tiền thân của Phật) lặn xuống hồ bắt cá, bị mắc giữa đám rong và chết.

Để kể hết câu chuyện, đức Thế Tôn thuật chuyện tiền thân Vìraka. Mấy hôm sau, cũng với đề tài này, Ngài kể các chuyện tiền thân Kandagalaka và Virokana:

Chim gõ mõ (2) bay trong rừng mổ Cây cành mềm, hư đổ, kiếm ăn. Cây keo gỗ chắc một khi Hắn lầm mổ phải đầu thì bể ngay Óc não mày nát chảy,(3) Đầu thì vỡ tan hoang, Bao xương sườn gãy vụn, Thật thảm thương kinh hoàng,

(2) Chim gõ mõ Kandagalaka, tiền thân của Đề-bà-đạt-đa bắt chước chim bạn-tiền thân của Phật mổ cây leo kiếm sâu ăn. Vì khác loài, không đủ khả năng nó

bị gãy mỏ, mắt lồi ra, đầu bể.

(3)Dã can (tiền thân của Đề-bàđạt-đa) sống nhờ ăn đồ thừa của sư tử - tiền thân Phật- một hôm dã can bắt chước sư tử, giết voi, bị voi đạp nát xương thịt rồi đi đại tiểu tiện lên.

Một ngày nọ, nghe lời nhận xét "Đề-bà- đạt-đa là kẻ bội ơn", đức Đạo sư kể lại chuyện tiền thân Java Sakuna:

Chúng tôi đã hết lòng phục vụ. Và vô cùng tôn kính chúa công. Vậy nay xin được cầu mong, Chúa ban ơn huệ mở lòng tha cho. Ta đã ngặm chắc ngươi trong mõm, Ta sống bằng uống máu ăn tươi. Thói ưa giết chóc

ta nuôi. Quá lâu ngươi đã sống rồi, tiếc chi!

Phật lại kể chuyện tiền thân Kurunga, cho thấy Đề-bà-đạt-đa đi đây đi kia chỉ để sát hại:

Con nai biết quá rõ, Chính ngươi (4) thả trái rơi: "Ta mau đến cây khác Cây không thích, nên rời."

(4) Người thợ săn chài lưới (tiền thân Đề-bà-đạt-đa) liệng trái cây nhử nai (tiền thân Phật) để giết nhưng không thành công.

Lại nữa, khi người ta bàn bạc: "Đề-bàđạt-đa mất cả lợi dưỡng danh dự và địa vị tôn quý của một Sa-môn", đức Đạo sư nói:

- Các Tỳ-kheo, đây chẳng phải là lần đầu ông ấy mất hết, trong một kiếp quá khứ cũng vậy; và Phật kể chuyện tiền thân Ubhataobhattha:

Mắt hư, áo bị mất (5), Cãi vả đến trong nhà, Việc làm ăn hỏng cả Dưới nước lẫn trên bờ.

(5) Một người chài lưới (tiền thân Đề-bà-đạt-đa) câu nhằm khúc cây tưởng là cá lớn, cởi áo lặn xuống bắt, bị va vào khúc cây mù hai mắt áo trên bờ bị lấy cắp. Vợ người ấy ở nhà sợ phải chia phần cá, cãi vã với hàng xóm và bị phạt vạ.

Trong lúc đức Đạo sư ngự tại Vương Xá, Ngài đã kể chuyện tiền thân của Đề-bà-

đạt-đa như vậy. Rồi Ngài đến Xá-vệ ở tại Kỳ Viên.

Đề-bà-đạt-đa bị đau trong chín tháng. Sau cùng, muốn gặp đức Phật, ông nói với đệ tử của ông:

- Ta muốn gặp đức Đạo sư, hãy giúp ta đến gặp Người:

Họ trả lời:

- Khi còn sức khỏe, thầy đã đối xử thù nghịch với đức Đạo sư, chúng tôi sẽ không dẫn thầy đến gặp Phật.

Đề-bà-đạt-đa nói:

- Xin đừng hại tôi! Tôi thật có lòng thù hận đức Thế Tôn, nhưng Ngài không hề ghét tôi dầu chỉ mảy lông.

Và thật vậy:

Kẻ sát nhân Đề-bà-đạt-đa Và kẻ cướp Ương-quật-ma-la. Voi Dhanapàla hay La-hầu-la Với ai Phật cũng ôn hòa điềm nhiên.

- Cho tôi gặp đức Thế Tôn.

Đề-bà-đạt-đa năn nỉ mãi.

Sau cùng họ để Đề-bà-đạt-đa trên cái cáng khiêng đi. Các Sa-môn nghe Đề-bà- đạt-đa đến, thông báo với Phật:

- Bạch Thế Tôn, Đề-bà-đạt-đa đang đến gặp Thế Tôn.

Phật dạy:

- Ông ấy sẽ không gặp Ta trong kiếp này

nữa.

(Người ta nói rằng, kể từ lúc các Sa-môn đưa ra năm điều, họ đã không còn gặp Phật được nữa).

- Bạch Thế Tôn, họ đã đến nơi đó... nơi đó... rồi.

- Ông ấy làm gì thì làm, cũng chẳng bao giờ gặp lại Ta.

- Bạch Thế Tôn, hiện ông ấy chỉ còn cách một dặm, chỉ còn cách nửa dặm, chỉ còn cách một khoảng... ông ấy đến hồ sen.

- Dầu cho ông ấy vào đến Kỳ Viên, cũng không gặp được Ta.

Những người khiêng Đề-bà-đạt-đa đến

hồ sen tinh xá, đặt cáng và xuống tắm trước khi vào hầu Phật. Đề-bà-đạt-đa ngồi dậy, bỏ chân xuống đất, và bị lún xuống đất, và bị lún ngay tại đó. Ông bị lún từ từ, ban đầu là mắt cá, rồi đến đầu gối, hông, ngực, rồi đến cổ... Sau cùng, khi làm sát đất, ông đọc đoạn kệ sau:

Với xương và thịt này Cùng với hơi thở còn Con xin quy y Phật Thiên Nhơn Sư, Thế Tôn Điều Ngự, đấng Toàn Giác Đức hạnh hằng tỏa rạng Trăm hảo tướng chói ngời.

Theo truyền thuyết, khi đức Phật thấy sự việc như vậy, Ngài lại xuất gia cho Đềbà-đạt-đa làm Sa-môn, vì Phật biết nếu Đề-bà-đạt-đa là một cư sĩ, chưa được xuất gia, với chừng ấy tội ác đã tạo, ông

sẽ không thể còn có hy vọng, tin tưởng gì ở kiếp tương lai. Nhưng nếu ông là một Sa-môn thì dầu có phạm tội ghê gớm mức nào, vẫn có thể vững lòng tin vào kiếp tương lai. (Sau trăm ngàn kiếp Đềbà-đạt-đa sẽ thành Phật Độc Giác hiệu là Atthissara-Thiên Vương Như Lai, cõi nước tên là Thiện Đạo).

Sau khi chết lún trong đất, Đề-bà-đạt-đa đọa vào địa ngục A-Tỳ. "Vì ông phạm tội với một đức Phật thường hằng, hãy để ông chịu cực hình không gián đoạn". Và đó là sự đau đớn Đề-bà-đạt-đa phải chịu. Vì ngục A-tỳ rộng lớn một trăm dặm nên thân ông cao một trăm dặm. Cả đầu đến lỗ tai ông bị ở trong một cáo sọ sắt và chân lún đến mắt cá nằm trong mặt nền bằng sắt. Một cọc sắt to bằng thân cây thốt nốt từ vách phía tây của chiếc ngục sắt đâm ngang thắt lưng, suốt qua ngực

và xuyên qua vách sắt phía đông. Một cọc sắt khác từ vách sắt phía bắc. Một cọc khác từ đỉnh sọ sắt, đâm qua sọ của Đề-bà-đạt-đa, suốt xuống phần dưới và xuyên đến mặt nền bằng sắt. Đề-bà-đạtđa chịu sự đau đớn trong tư thế không thể nhúc nhích này.

Các Tỳ-kheo bắt đầu bàn bạc: "Đề-bà- đạt-đa từ xa đến nhưng không gặp được đức Đạo sư, lại bị chôn sống".

Đức Phật dạy:

- Đây không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa phạm tội với Ta và bị chôn sống. Trong một kiếp trước ông cũng bị chôn sống như vậy.

Để minh chứng, Ngài kể câu chuyện đã xảy ra trong một tiền thân của Ngài làm

voi chúa. Có một người bị lạc đường, voi để anh ta ngồi trên lưng và chở về nơi an toàn. Sau đó người ấy trở lại chỗ voi ba lần liên tiếp cưa lấy phần đầu, phần giữa và phần gốc ngà của voi. Vừa đi khuất tầm mắt voi chúa, anh ta liền bị đất chôn sống.

Và đức Đạo sư kết thúc câu chuyện tiền thân Sìlava Nàga:

Một người ưa bội bạc Và luôn tìm cơ hội Dầu cho cả quả đất Cũng không thấy thỏa lòng. Mọi người bàn tán mãi chuyện này.

Vì thế đức Phật kể lại câu chuyện Kalàburàjà (tiền thân Đề-bà-đạtđa) bị đất nứt chôn sống vì làm hại Khantivàdi (tiền thân đức Phật). Rồi đức Đạo sư lại kể

chuyện Mahàpatàparàjà (tiền thân Đề- bà-đạt-đa) bị đất chôn sống vì làm hại Culla Dhammapàla (tiền thân Phật).

Giờ đây khi Đề-bà-đạt-đa đã bị đất nuốt, dân chúng vui mừng, treo cờ, dựng cây chuối rẻ quạt, bày những lu hũ đầy nước, mở hội lớn: "Cái chết của hắn quả là thắng lợi lớn đối với chúng ta".

Khi các Tỳ-kheo bạch lại chuyện này cho đức Đạo sư, Ngài dạy:

- Đây không phải là lần đầu dân chúng vui mừng vì Đề-bà-đạt-đa chết. Trong quá khứ họ cũng vui mừng như vậy. Rồi Ngài kể câu chuyện tiền thân Pingala vua xứ Ba-la-nai, bị dân chúng oán ghét vì quá ác độc. Họ rất vui mừng khi vua chết:

Chính vua Pingala, Làm hại khắp mọi người. Nay vua kia đã chết, Ai cũng an vui cười. Này, anh chàng gác cổng! Có phải ngươi khóc than Vì lòng ngươi thương tiếc Lão vua cặp mắt vàng? Chẳng phải thương tiếc chi Lão vua mắt vàng đó Tôi khó vì lo sợ Lão trở lại nơi này. Lão đi đến cõi chết Hại đến cả thần chết Thần chết ngán ắt quẳng Lão trở lại cõi này!

Sau cùng, các Tỳ-kheo hỏi Phật:

- Bây giờ, bạch Thế Tôn, hãy cho chúng con biết Đề-bà-đạt-đa tái sanh nơi nào?

- Ông ấy ở nơi địa ngục A-tỳ.

- Bạch Thế Tôn, lúc sống, ông ấy chịu khổ, và khi chết đi, tái sinh ở cảnh khổ.

- Đúng vậy, Tỳ-kheo. Người không chánh niệm, dù là tu sĩ hay cư sĩ, chịu khổ cả hai nơi.

Và đức Phật đọc câu kệ:

(17) Nay than, đời sau than, Kẻ ác, hại đời than, Nó than: "Ta làm ác" Đọa cõi dữ,than hơn.

13 . Bà Sumanà

Nay sướng, đời sau sướng...

Pháp Cú này đức Đạo sư nói lúc ở tại Kỳ Viên tinh xá, liên quan đến

bà Sumanaqa.

Mỗi ngày có hai ngàn Tỳ-kheo thọ thực tại nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc ở Xá-vệ, và hai ngàn vị tại nhà bà đại thí chủ Tỳxá-khư (Visàkhà).

Tại Xá-vệ, ai muốn cúng dường, trước hết đều tìm đến hai thiện tín này. Bạn có thắc mắc lý do không? Giá như có ai hỏi bạn: "Liệu ông Cấp Cô Độc và bà Tỳ-xákhư cúng dường có được nhiều bằng của bạn không?" Và nếu bạn trả lời không bằng, thì bạn có thể để ra một trăm ngàn đồng tiền để lo cúng dường, và dầu vậy, các Tỳ-kheo cũng không hoan hỷ, sẽ thầm thì: "Cúng dường kiểu gì vậy?" Sự thật là cả hai vị thí chủ trên biết tường tận khẩu vị của chư Tăng và biết chính xác việc gì phải làm. Vì vậy, tất cả những ai muốn cúng dường đều mời hai vị này

cùng đi. Và nếu thỉnh chư Tăng về nhà riêng thì các thí chủ chẳng thể tự mình lo chu đáo được bằng họ.

Gặp những trường hợp này, Tỳ-xá-khư đâm ra lo lắng không biết ai sẽ thay bà hộ cho chư Tăng. Bà trông thấy đứa cháu nội và chỉ định cô ta thay thế bà. Từ đó, cháu gái bà Tỳ-xá-khư hộ cho chư Tăng tại nhà bà. Còn ông Cấp Cô Độc thì chỉ định cô con gái lớn Mahà Subhaddà, cô gái này chăm sóc chúng Tăng như lệ thường, lắng nghe pháp, và sau đó chứng quả Dự lưu. Rồi cô ta kết hôn và đến sống với gia đình chồng. Ông Cấp Cô Độc chỉ định cô em là Cullà Subhaddà, và cũng như chị cô chứng quả Dự lưu, và sau đó lấy chồng và đến sống bên nhà chồng. Cuối cùng ông chỉ định cô em út Sumanà. Cô này chứng quả Tư-đàhàm, nhưng vẫn độc thân. Thất vọng vì

không gặp được một người chồng, cô nhịn ăn. Và vì muốn gặp cha, cô cho người mời ông đến.

Ông Cấp Cô Độc đang ở trong phòng ăn khi nhận được lời nhắn tin của con gái. Ông đi đến ngay và hỏi:

- Chuyện gì vậy, con gái cưng Sumanà?

Sumanà bảo:

- Em nhỏ hỏi gì?

- Con nói chuyện thật lộn xộn.

- Này em nhỏ, tôi không nói lộn xộn.

- Con sợ hả, con gái cưng?

- Tôi không sợ, em nhỏ.

Cô không nói nữa, chết ngay.

Dầu đã chứng quả Dự lưu, ông Trưởng giả cũng không chịu nổi sự buồn phiền. Nên vừa chôn cất con xong, ông liền đến Phật khóc lóc.

Đức Phật bảo:

- Này gia chủ, sao ông đến Ta buồn rầu, đầy nước mắt như vậy?

- Bạch Thế Tôn, con gái Sumanà của con đã chết.

- Rồi tại sao ông khóc? Cái chết không đến với mọi người sao?

- Con biết, bạch Thế Tôn. Nhưng con gái con quá hiền lành lương thiện, vậy mà khi chết nó không tỉnh táo, lại nói mê

sảng. Thật quá đỗi đau buồn!

- Nhưng này Trưởng giả, con gái út của ông đã nói gì?

- Bạch Thế Tôn, con gọi nó "con cưng Sumanà" và nó trả lời "em nói gì, em nhỏ"; rồi con bảo nó "con nói thật lộn xộn" và nó trả lời "tôi không nói lộn xộn, em nhỏ"... Rồi nó không nói nữa, nó chết.

- Này ông Trưởng giả, con ông không nói nhảm đâu?

- Nhưng tại sao nó trả lời như vậy?

- Chỉ vì ông là "em nhỏ của cô ấy". Này gia chủ, con gái ông lớn về quả vị tu chứng. Trong khi ông chỉ chứng quả Dự lưu, con ông đã chứng Tứ-đà-hàm. Con

gái ông lớn về quả vị tu chứng nên nói như vậy.

- Lý do là vậy sao, bạch Thế Tôn?

- Lý do là Thế, gia chủ.

- Bạch Thế Tôn, giờ nó tái sanh ở đây?

- Ở cõi trời Đâu-suất.

- Bạch Thế Tôn, khi con gái còn sống ở đây với anh em thân thuộc, nó đi lại vui vẻ, và khi ra đi, nó lại tái sinh cõi phước lạc, an vui.

Đức Đạo sư bảo ông Cấp Cô Độc:

- Đúng như vậy, gia chủ! Người chánh niệm, dù tại gia hay xuất gia, đều an vui đời này và đời sau.

Phật đọc bài kệ:

(18) Nay sướng, đời sau sướng, Làm phước, hai đời sướng. Nó sướng: "Ta làm thiện". Sanh cõi lành sướng hơn.

14. Chuyện Hai Huynh Đệ

Nếu người nói nhiều kinh...

Pháp Cú này Phật dạy lúc trú tại Kỳ Viên liên hệ đến hai vị Tỳ-kheo đồng tu.

Tại Xá-vệ có hai chàng trai thuộc hạng khá giả vốn là bạn thân thiết không rời. Một dịp nọ, họ đến tinh xá nghe Phật nói pháp, liền bỏ hết dục lạc thế gian dấn

thân vào phật đạo và trở thành Sa-môn. Sau năm năm an cư với các vị thầy hướng dẫn, họ đến gặp đức Đạo sư và hỏi về bổn phận tu tập. Sau khi được nghe trình bày chi tiết về pháp thiền và pháp học, một người nói:

- Bạch Thế Tôn, vì con xuất gia khi đã lớn tuổi, con không thể làm tròn pháp học nhưng có thể làm tròn pháp thiền.

Vị này được đức Đạo sư hướng dẫn thiền định hướng đến quả vị A-la-hán và ông đã cố gắng phấn đấu, đạt quả vị này cùng với các thần thông.

Còn người kia nói:

- Con sẽ làm tròn pháp học.

Dần dà vị này thuộc hết Tam tạng kinh

điển, Phật ngôn. Đi đến đâu ông cũng giảng pháp và đọc tụng. Ông du hành thuyết pháp cho năm trăm Sa-môn, và làm thầy giáo thọ của mười tám hội chúng.

Bấy giờ một nhóm Tỳ-kheo được Phật chỉ dạy thiền định đi đến trú xứ của vị sư già chuyên tu thiền định nói trên. Và nhờ tinh tấn tu tập theo lời chỉ bảo của vị ấy họ đã chứng quả A-la-hán.

Sau đó, họ đến xá chào Tôn giả Trưởng lão thầy họ và nói:

- Chúng con muốn gặp đức Đạo sư.

- Hãy đi, các huynh đệ. Cho tôi kính lời thăm hỏi đức Thế Tôn, tám mươi vị Đại Trưởng lão và sư đệ tôi, nói rằng: "Thưa Tôn giả, thầy chúng con xin kính chào".

Các Tỳ-kheo đi đến tinh xá, đảnh lễ đức Đạo Sư và các Trưởng lão: "Thưa Tôn giả, thầy chúng con xin kính chào". Khi họ đến chào Tôn giả huynh đệ của thầy họ chuyên về pháp học, vị này nói:

- Thầy chư hiền giả là ai?

- Thưa Tôn giả, là huynh đệ của Ngài.

- Nhưng chư vị học được gì từ ông ấy? có học được kinh nào trong Trường Bộ kinh và các kinh bộ khác? Có học được tạng nào trong ba tạng kinh không?

Và Tôn giả này tự nghĩ: "Ông ấy chẳng biết ngay cả bài kệ bốn câu. Vừa xuất gia liền mặc áo giẻ rách, vào rừng rồi tụ tập đông đảo đồ chúng. Khi ông ấy trở về đây mình phải hỏi vài câu mới được."

Chẳng bao lâu, vị sư già về thăm đức Phật. Tôn giả gởi y bát nơi người huynh đệ, đi gặp đức Đạo sư và tám mươi đại Trưởng lão rồi trở lại trú xứ của vị huynh đệ. Tỳ-kheo trẻ tuổi này tiếp đón ân cần như thông lệ, mời ngồi tòa tương đương, và khi đã ngồi nhủ thầm: "Mình sẽ hỏi ông ấy một câu".

Đức Đạo sư biết trước "nếu Tỳ-kheo này quấy rầy con của Phật, ông ấy sẽ rơi vào địa ngục". Vì lòng từ, đức Đạo sư giả vờ đi kinh hành quanh xá, đến nơi hai huynh đệ đang ngồi và Phật ngồi vào ghế dành sẵn (bất cứ nơi nào, trước khi ngồi, các Tỳ-kheo đều dành sẵn một chỗ cho đức Phật).

Khi đã an tọa, đức Phật hỏi Tôn giả chuyên học tập một câu hỏi về Sơ thiền, vị này trả lời đúng. Đức Phật hỏi tiếp về

Nhị thiền, về Bát định, về sắc giới và vô sắc giới... thầy đều đáp đúng cả. Đến lúc đức Phật hỏi về quả Dự lưu, thầy không đáp được. Ngài liền hỏi vị sư già đã chứng A-la-hán và vị này đáp đúng ngay.

- Tốt lắm! Tốt lắm! Đức Đạo sư tán thán một cách hoan hỷ.

Rồi Ngài hỏi về các quả vị tiếp theo, Tôn giả chuyên học không đáp được lấy một câu, trong khi vị sư già đã chứng A-lahán trả lờii thông suốt. Đức Đạo sư đều khen ngợi sau mỗi câu trả lời đúng. Nghe lời khen của Phật, tất cả chư thiên từ địa thần đến Phạm thiên, luôn cả long vương và kim xí điểu đều tán thán vang dội.

Nghe tiếng tán thán, những đệ tử của Tôn giả trẻ bất bình đức Phật. Họ nói với nhau:

- Tại sao đức Thế Tôn làm như vậy? Ngài khen ngợi sau mỗi câu trả lời của ông sư già chẳng biết gì! Còn đối với thầy chúng ta, thuộc lòng toàn bộ kinh điển và đang lãnh đạo năm trăm chúng, Ngài chẳng khen một lời.

Đức Đạo sư hỏi họ:

- Tỳ-kheo, các ông đang nói gì?

Khi họ trả lời, đức Phật dạy:

- Trong đạo của Ta, thầy các ông như kẻ chăn bò mướn, còn con của Ta như ông chủ được thọ hưởng năm sản phẩm của bò.

Rồi Phật nói bài kệ sau:

(19) Nếu người nói nhiều

kinh, Không hành trì, phóng dật. Như kẻ chăn bò người, Không phần Sa-môn hạnh.

(20) Dầu nói ít kinh điển, Nhưng hành pháp, tùy pháp, Từ bỏ tham, sân si, Tỉnh giác, tâm giải thoát, Không chấp thủ hai đời, Dự phần Sa-môn hạnh.

Hết Phẩm I

II. Phẩm Không Phóng Dật 1.- Những Chuyện Luân Hồi Quanh Vua Udena (hay Udayna)

Không phóng dật, đường sống...

Pháp Cú này do đức Đạo sư nói tại tinh xá Ghosita gần Kosambi, liên hệ đến cái chết của bà Sàmàvatì với năm trăm tỳ nữ và bà Màgandiyà cùng năm trăm thân thuộc.

Phần 1: Thời Niên Thiếu Của Udena

Một thuở nọ, vua Allakappa cai trị vương quốc Allakappa và vua Vethadìpaka cai trị vương quốc Vrthadìpaka. Họ là bạn thân từ thuở bé, cùng học một thầy. Sau khi phụ hoàng băng hà, họ nối ngôi cai trị vương quốc rộng hơn mười dặm.

Họ gặp nhau thường xuyên, ăn cùng mâm ngủ cùng giường. Nhận thấy con người cứ sinh ra rồi lại chết đi, cả hai cùng kết luận rằng sau khi chết ta chẳng đem theo được gì, kể cả xác thân, vậy thì

có ích lợi gì nếu sống đời tại gia, ta nên xuất gia.

Vì vậy hai vua nhường ngôi cho vợ con và đi tu, sống đời khổ hạnh trong dãy Hy-mã-lạp-sơn. Rồi họ nghĩ từ bỏ ngai vàng, sống đời xuất gia cũng chẳng khó khăn gì, nhưng nếu sống chung thì chưa phải là nếp sống khổ hạnh. Do đó họ sống riêng biệt ở hai ngọn núi, cứ hai tuần vào ngày phát lồ họ lại gặp nhau. Tuy không thường xuyên liên lạc với nhau, họ vẫn biết được bạn mình sống hay chết nhờ mỗi người đều đốt ngọn lửa trên núi cho người kia thấy.

Một thời gian sau, tu sĩ Vethadiipaka chết, tái sinh làm con trai Phạm thiên có quyền năng phi thường. Hai tuần sau, Allakappa không thấy ngọn lửa trên núi, biết rằng bạn mình đã

chết. Vethadìpaka vừa được tái sinh liền quan sát, tầng trời của mình, xét lại việc làm đời trứơc, những sự khổ hạnh từ ngày xuất gia, và muốn đi thăm bạn mình. Ngài bỏ lớp trời, hoá thành một bộä hành đi đến gặp Allakappa, đảnh lễ rồi cung kính đứng một bên.

Allakappa hỏi:

- Ông từ đâu đến?

- Tôi là một bộ hành từ xa đến. Nhưng thưa tôn giả, Ngài ở đây có một mình sao?

- Tôi chỉ có một người bạn.

- Người ấy đâu rồi?

- Ông ta ở trên ngọn núi kia, không thấy

đốt lửa vào ngày phát lồ, tôi biết ông ta đã chết.

- Tôi chính là bạn Ngài, thưa tôn giả.

- Bạn tái sinh ở đâu?

- Ở cõi trời, là con trai Phạm thiên có quyền năng phi thường. Tôi trở lại đây để thăm Ngài. Ngài sống ở đây có an ổn không, hay bị quấy rầy?

- Tôi rất bực lũ voi.

- Tôn giả, chúng quấy rầy gìNgài?

- Tôn vừa quét dọn xong chúng đã đến ị đầy, rồi lại dậm chân tung bụi mù. Phần hốt phân, phần dọn đất, tôi mệt lử.

- Vậy Ngài có muốn đuổi chúng đi

không?

- Muốn!

- Được rồi. Tôi sẽ giúp Ngài.

Vethadìpaka cho Allakappa một cây đàn ba dây và chỉ cách đọc ba câu chú để mê hoặc lũ voi:

- Đánh dây thứ nhất và đọc thần chú này lũ voi sẽ bỏ chạy, không dám nhìn Ngài một chút nào. Đánh dây thứ hai và đọc thần chú này, chúng cũng sẽ bỏ chạy, mỗi bước mỗi nhìn Ngài. Đánh dây thứ ba và đọc thần chú này, voi đầu đàn sẽ chạy đến cho Ngài cưỡi. Đây, hãy sử dụng theo ý muốn.

Nói rồi, Vethadìpaka ra đi. Từ đó vị ẩn sĩ sống yên ổn.

Thuở ấy vua xứ Kosambi là Parantapa. Một sáng nọ, vua ngồi phơi nắng sớm với hoàng hậu đang mang thai. Hoàng hậu khoác chiếc long bào đỏ tía của vua đáng giá một trăm ngàn đồng tiền, và đang khi trò chuyện bà tháo ngọc ấn nơi ngón tay vua đáng giá một trăm ngàn đồng vàng, đeo vào tay mình.

Ngay lúc ấy, một quái điểu mỏ lớn như vòi voi hay liệng trên không, trông thấy hoàng hậu và lầm bà là một miếng thịt tươi nên dang rộng cánh nhào xuống. Nghe tiếng chim sà xuống, nhà vua bật dậy lao vào cung. Còn hoàng hậu, vừa có thai, vừa chậm chạp yếu đuối không chạy nhanh được, bị chim đâm bổ xuống, dùng vuốt quắp lấy rồi bay vút lên không (Giống chim này mạnh bằng năm con voi, có thể quắp mồi bay đi đến

nơi nào tùy ý rồi ăn thịt). Tuy khiếp hãi hoàng

hậu vẫn tỉnh táo. Biết rằng nếu la lên, chim sợ tiếng người sẽ buông ra ngay, nhưng lại nguy hiểm cho mình và đứa con trong bụng. Cho nên bà kiên nhẫn chịu đựng, chờ khi chim dđáp xuống sẽ la lớn cho nó sợ bay đi.

Quái điểu như thường lệ mang hoàng hậu đặt trên nhánh chĩa ba một cây đa khá lâu năm, có tán che rộng trong dãy Hy-mãlạp-sơn, vừa trông chừng dưới đất. (Người ta nói loài chim này có thói quen trông chừng con đường dẫn đến cây nó đang ở).

Biết đã đến lúc, hoàng hậu đưa tay lên vỗ, hét lớn đuổi chim đi.

Đến chiều, trong lúc giông bão nổi lên bốn phía, bà chuyển dạ, yếu quá, gần ngất đi vì đau đớn, chẳng có ai bên cạnh

để an ủi.

Suốt đêm bà không ngủ. Khi trời sáng dần, mây tan, đứa trẻ ra đời. Vì sinh giữa cơn bão trên đỉnh núi lúc mặt trời mọc, bà đặt tên con là Udena. Cách đó không xa là trú xứ của ẩn sĩ Allakappa. Vào những ngày mưa ẩn sĩ không vào rừng hái vì sợ lạnh, mà thường đi đến gốc cây đa nhặt những mẫu xương thừa của chim, gĩa nhỏ và nấu nước xúp uống. Hôm ấy, Alakappa đi đến gốc cây lượm xương, nghe tiếng trẻ khóc trên cành và nhìn lên thấy hoàng hậu, Ngài hỏi:

- Ai đó?

- Tôi là một phụ nữ.

- Sao bà ở trên ấy?

- Con quái điểu mang tôi đến.

- Xuống đi!

- Thưa ngài, tôi không dám xuống vì sợ khác giai cấp.

- Bà thuộc giai cấp nào?

- Giai cấp chiến sĩ.

- Tôi cũng vậy.

- Ngài hãy đọc khẩu lệnh của giai cấp chiến sĩ.

Ẩn sĩ đọc lên, hoàng hậu đồng ý cho ngài leo lên cây đem đứa bé xuống. Vâng lệnh hoàng hậu không được chạm đến bà, Ngài ẫm đứa bé rồi đặt xuống đất, để hoàng hậu tự leo xuống.

Ẩn sĩ dẫn hoàng hậu về túp lều của mình. Ngài săn sóc và phục vụ bà với mật ong, nấu xúp và cháo với lúa đã trồng, mà không phạm giới cấm. Thời gian trôi qua, vì lo sợ bị ẩn sĩ bỏ rơi, phần vì không biết đường đến cả đường về, nên hoàng hậu nảy sinh ý định quyến rũ ẩn sĩ. Và ẩn sĩ đã phạm giới với bà, từ đó hai người chung sống với nhau.

Một hôm xem thiên văn, ẩn sĩ thấy sao chiếu mệnh của Parantapa vua xứ Kosambi mờ đi, bèn nói với hoàng hậu:

- Này bà, vua xứ Kosambi đã chết.

- Tôn giả, sao ngươi nói vậy? Sao ngươi có ác tâm với nhà vua?

- Tôi không có ác tâm. Tôi nói vậy vì

thấy ngôi sao của vua mờ đi.

Hoàng hậu bật khóc. Ẩn sĩ ngạc nhiên hỏi:

- Sao bà khóc?

Lúc đó hoàng hậu mới cho biết vua Paratapa chính là chồng bà. Ẩn sĩ an ủi:

- Đừng khóc. Ai sinh ra cũng đều phải chết.

- Tôi biết.

- Vậy sao bà vẫn khóc?

- Tôi khóc vì buồn cho con tôi, đáng lý phải được nối ngôi, được che lọng trắng. Giờ đây nó chỉ là thường dân.

- Không sao, bà đừng lo. Nếu bà muốn nó làm vua, tôi sẽ có cách. Allakappa bèn cho chú bé cây đàn và dạy các câu chú mê hoặc voi. Ngày thứ nhất, chú bé búng sợi dây đàn thứ nhất và đọc câu chú đầu tiên, bầy voi đang tụ tập quan gốc cây đa bỗng chạy hết, không dám nhìn lại một chút nào. Qua ngày hôm sau, chú búng sợi dây đàn thứ hai và câu chú thứ hai, bầy voi chạy đi mỗi bước mỗi nhìn chú bé. và trước khi chỉ dạy câu chú thứ ba, ẩn sĩ bảo hoàng hậu dạy chú bé thông điệp lên ngôi vua: "Con phải nói con là con trai vua Parantapa xứ Kosambi, bị một quái điểu bắt đem đi, rồi con đọc tên tổng tư lệnh quân đội và các đại tướng. Nếu người ta vẫn chưa tin, con sẽ cho họ xem chiếc áo choàng này và chiếc nhẫn ngọc ấn này của cha con". Đến ngày thứ ba, chú bé theo lời ẩn sĩ ngồi trên nhánh cây

đa thấp nhất, búng sợi dây đàn và đọc câu chú thứ ba, voi đấu đàn chạy đến cho chú cưỡi lên, chú thì thầm bên tai voi:

- Tôi là con trai vua xứ Kosambi. Hãy mang tôi đến ngai vàng của cha tôi.

Voi đầu đàn liền rống lên:

- Ngàn voi, tập hợp!

Hàng ngàn voi tụ lại. Voi rống lần thứ hai:

- Các voi già yếu ở lại!

Các voi già yếu bèn rút lui.

Voi rống lần thứ ba:

- Các voi con ở lại.

Các voi con bèn rút lui.

Như thế, chú bé ra đi giữa hàng ngàn voi dũng sĩ. Đến một làng biên giới, chú tuyên bố:

- Ta là con trai của đức vua, ai muốn ấm no thịnh vượng hãy đến với ta!

Rồi chú tiến lên, tuyển thêm quân, bao vây thành phố và gởi thông điệp "Hoặc đánh nhau, hoặc trao ngai vàng". Dân chúng trả lời:

- Cả hai là không. Hoàng hậu của chúng tôi bị quái điểu bắt mang đi khi đang có thai. Chúng tôi không biết bà còn sống hay đã chết. Chúng tôi không đánh nhau hay trao ngôi vua cho đến bao giờ được tin tức hoàng hậu.

Chú bé liền nói:

- Chính ta là con của hoàng hậu.

Rồi chú đọc tên vị tổng tư lệnh, tên các đại tướng. Thấy dân chúng chưa tin, chú đưa ra áo choàng và chiếc nhẫn. Dân chúng nhận ra, liền mở cổng thành, tung hô chú bé lên ngôi vua.

Phần 2. Thời Niên Thiếu Của Ghosaka

Câu chuyện tiền thân - Kotuuhalaka Vứt Con

Một thuở nọ, tại vương quốc Ajita xảy ra nạn đói. Một người tên Kotùhalaka không đủ ăn, định đến Kosambi để kiếm sống. Ông cùng con trai nhỏ Kapi và vợ Kali ra đi với một ít lương thực. (Cũng có người nói

ông bỏ nhà đi vì dân ở đó đang chết vì bệnh dịch tả).

Họ đi mãi cho đến lúc hết lương thực. Sau cùng, đói quá họ không bồng nổi đứa con. Người chồng bảo vợ:

- Này bà, nếu chúng ta còn sống thì sẽ có đứa con khác. Hãy bỏ đứa nhỏ lại để đi tiếp.

Lòng mẹ lúc nào cũng từ ái nên người vợ trả lời:

- Tôi không bao giờ vứt bỏ đứa con còn sống.

- Vậy ta phải làm sao?

- Thay phiên nhau ẵm nó.

Phiên bà mẹ bồng thì bà đỡ đứa bé như nâng một vòng hoa, ôm vào lòng hoặc mang bên hông. Đến phiên người cha, ông bồng kiểu nào cũng thấy nặng nhọc, khổ sở còn hơn cả cơn đói. Ông cứ lặp đi lặp lại mãi điệp khúc: "Này bà, nếu chúng ta còn sống sẽ có đứa con khác, vứt đứa nhỏ này đi!" Nhưng người mẹ nhứt quyết không chịu. Đứa bé bị bồng tới bồng lui tới một lúc thì quá mệt nên ngủ thiếp trên tay người cha. Kotuhalaka bèn chậm chân để người mẹ đi trước, rồi lén đặt đứa bé trên đệm lá dưới một cây, và lập tức đi tiếp. Đi một đoạn bà mẹ bỗng quay lại, không thấy đứa bé liền hỏi:

- Ông! Con tôi đâu rồi?

- Bỏ nó dưới bụi cây rồi!

- Trời! Ông đừng có giết tôi Thiếu nó tôi sống sao nổi. Trả con lại cho tôi!

Thấy bà đấm ngực khóc lóc, ông chồng phải đi lui tìm đứa bé trao lại cho vợ. (Do một lần vứt con này mà kiếp sau đó, Kotuhalaka bị cha mẹ vứt bỏ bảy lần. Ta chớ có xem thường việc ác và bảo rằng chỉ là việc nhỏ).

Tiếp tục cuộc hành trình, họ đến nhà người chăn nuôi gia súc. Hôm ấy có con bò cái đẻ nên chủ nó làm tiệc ăn mừng. Sau khi cúng dường vị Bích Chi Phật thường đến khất thực, ông nấu đãi rất nhiều cháo và xúp. Trông thấy hai người khách lỡ đường và thương xót cho hoàn cảnh của họ, ông bố thì cháo và nhiều bơ sữa. Bà vợ thì đặt bơ sữa lỏng và bánh sữa trước mặt, nhường cho chồng ăn uống thỏa thích sau những ngày đói khổ,

còn mình thì ăn chút ít. Ông chồng thì ăn ngốn ăn nghiến vẫn chưa thấy no vì đã nhịn đói sáu bảy ngày trước. Thấy người chăn bò đang dùng bữa, thỉnh thoảng cho con chó cái nằm chực dưới ghế vài muỗng cháo, ông chồng lại khởi tâm thèm muốn, bảo con chó tốt phước được ăn ngon lành và no đủ. Tối đến, ông chồng bị đầy bụng và qua đời, thác sinh vào bụng con chó cái.

Người vợ chôn cất chồng xong, ở lại làm thuê cho ấy luôn. Được trả công nửa lít gạo, bà nấu cơm để bát cúng dường vị Bích Chi Phật, hồi hướng phước báo cho con mình. Nghĩ rằng dù có cúng dường hay không, cũng được đặc ân đảnh lễ và hầu hạ vị Bích Chi Phật mỗi ngày, do đó sẽ được phước lành an lạc, bà bèn quyết định ở lại đây luôn.

Sáu, bảy tháng sau, con chó cái xinh một chú chó con. Người chủ nhà dành riêng sữa một con bò cho nó. Chẳng bao lâu nó lớn thành một con chó to khỏe. Còn vị Bích Chi Phật mỗi khi thọ thực đều dành cho nó một phần cháo nên nó cứ quấn quýt bên Ngài.

Mỗi ngày người chăn bò đều đến viếng thăm vị Bích Chi Phật với con chó theo sau. Trên đường đi, đến một hang thú ông ta thường đập gậy vào bụi cây và dộng gậy xuống đất, kêu lên ba lần "su,su" cho thú sợ. Ngày kia, ông ta bạch với Phật rằng khi nào không đến được sẽ gởi con chó đến tìm, và xin Phật hiểu cho là ông đang mong Ngài đến. Quả nhiên vài ngày sau, ông thấy khó chịu trong mình nên để con chó đến thỉnh Phật. Nghe lệnh chủ, con chó chạy đi. Ngang qua nơi hang thú, chú ta sủa ba lần rồi

mới đi tiếp. Sáng sớm, đi vệ sinh xong chú mới vào lều tranh sủa ba tiếng ra mắt vị Bích Chi Phật, rồi nằm về một bên. Biết đã đến lúc, Ngài đứng dạy lên đường. Chú chó chạy phía trước sủa từng chặp. Nhiều lần vị Bích Chi Phật vờ đi nhầm đường để thử chú, nhưng lần nào chú cũng biết, đứng chận lại sủa vang, ra dấu cho Phật đi đường khác. Một hôm, chú cũng cản lại khi Phật đi nhầm đường, nhưng lần này Phật không trở lui, chỉ lấy chân đẩy nó ra rồi đi tiếp. Chú chó liền cắn tà áo trong của Phật và kéo trở lui cho đến khi Ngài đi đúng đường. Chú quả là trung thành và nhiệt tình với Phật.

Rồi đến một ngày y Phật rách, người chăn bò cúng dường vải để may y mới, và Phật phải đi đến chỗ khác để nhờ may giúp. Ngài bay lên không về

hướng Gandhamadana. Chú chó sủa và chu lên cho đến khi bóng Ngài khuất dần, rồi vỡ tim ngay đó. (Người ta thường nói loài vật sống chơn chất không biết lừa dối, còn con người tâm một đường miệng một nẻo. Vì vậy Thế Tôn có dậy một Sa-môn: "Lòng người khó lường còn loài thú lại đơn giản").

Chú chó chết đi, do lòng ngay thẳng trung hậu, tái sinh lên cõi trời ba mươi ba với một ngàn thiên nữ tùy tùng, hưởng phúc lạc vô kể. Vị trời này chỉ cần thì thầm âm thanh đã vang xa mười sáu dặm. Khi nói năng bình thường khắp cõi trời rộng ngàn dặm đều nghe (Đó là do thân chó kiếp trước đã sủa và chu vì thương mến vị Bích Chi Phật).

Ở tầng trời ba mươi ba không còn lâu, vị này mạng chung (Chư thiên mạng chung

do bốn nguyên nhân: mạng tận, phước tận, thực phẩm tận và sân hận. Nếu nhiều phước, ở tầng trời này đủ hạn kỳ rồi sanh thiên cao hơn nữa, đó là "mạng tận". Nếu ít phước, giống như một, hai lít gạo bỏ vào kho chẳng nhằm đâu cả, không bao lâu sẽ chết, gọi là "phước tận". Trường hợp thứ ba, vị trời ham hưởng lạc, quên cả ăn uống, sức khoẻ suy sụp và chết, đó là "thực phẩm tận". Thứ tư là do ganh tỵ với sự sáng chói của vị khác, sân hận mà chết).

Câu chuyện hiện tại - Bảy Lần Ghosaka Bị Vứt Bỏ

Ghosaka, tiền kiếp là chú chó, ở cõi trời Ba mươi ba thụ hưởng lạc thú quên cả uống nên mạng chung, thác sinh làm con một kỹ

nữ ở Kosambi. Vừa lâm bồn, cô ta đã hỏi ngay nàng hầu là trai hay gái. Biết là con trai cô ra lệnh bỏ đứa bé trong cái giỏ cũ, đem vất ngoài đống rác. (Kỹ nữ chỉ nuôi con gái vì sẽ kế nghiệp họ).Qụa và chó xúm quanh nhưng do phước báo kiếp trước, chẳng con nào làm hại đứa bé. Lúc đó có người đi đến, thấy chuyện lạ, tiến lại xem, gặp đứa bé trai liền thương ngay và nhặt lên mang về nuôi.

Hôm đó viên chưởng khố ở Kosambi vào cung vua gặp thầy tế lễ xem thiên văn cho biết là một bé trai ra đời hôm nay sẽ thành vị chưởng khố trọng yếu. Lúc bấy giờ vợ viên chưởng khố đang có mang gần ngày sinh, nhưng hôm đó thì chưa

sinh. Viên chưởng khố bèn gọi một bà nô lệ tên Kàkì cho một ngàn đồng tiền, bảo đi lùng khắp thành tìm đứa bé vừa mới sinh ra hôm nay đem về gấp. Bà nô lệ sục sạo khắp nơi. Khi đến nhà đứa bé vừa được lượm về, bà liền trả giá, từ một xu rồi tăng dần đến một ngàn đồng tiền thì xin được đứa bé mang về cho viên chưởng khố. Ông ta nuôi đứa bé trong nhà, định bụng nếu sau này con mình là gái sẽ cho nó làm rễ để nối nghiệp chưởng khố, nếu là trai sẽ giết đứa bé đi.

Ít ngày sau vợ ông hạ sinh một bé trai. Ông bèn bảo Kaalii mang đứa bé nuôi để ngay lối vào chuồng bò vào giờ bò đi ăn, để chúng giẫm chết nó. và còn dặn thêm xem kỹ nó chết rồi hãy về báo cho ông. người nô lệ làm y theo lời ông dặn.Ngay khi cửa chuồng vừa mở, con bò đực đầu đàn xông ra trước tiên, khác với thường

lệ là nó đi sau rốt. Đến chỗ đứa bé, nó dùng bốn chân che kín lại và đứng yên ở đó. Hàng trăm con bò lần lượt đi ra hai bên, chạm sát vào sườn nó. Quanh cảnh này không

lọt khỏi cặp mắt người chăn bò đang đứng gần đấy. Ông đi đến gần, ngạc nhiên thấy đứa trẻ nằm ngay chân bò. Ông thấy thương nó ngay và liền mang về nuôi.

Kaalii thấy hết từ đầu đến cuối, trở về kể rõ tự sự cho viên chưởng khố. Ông lại bảo Kaalii đi gặp thằng chăn bò, cho một ngàn đồng tiền để bắt đứa bé lại. Tiếp theo ông ra lệnh cho Kaalii mang đứa bé đặt nơi bánh xe bò, vì biết rằng sáng mai năm trăm cỗ xe này sẽ lên đường đi một chuyến buôn xa, mấy con bò không dậm chết nó thì bánh xe cũng nghiến nát nó. Và ông không quên dặn Kaalii phải xem thằng bé chết ra sao rồi mới về báo cho

ông. Sáng sớm trưởng đoàn buôn đến tròng ách vào cổ bò và thúc chúng bước đi. Nhưng chúng vùng ra không chịu đi. Mấy lần như thế cũng không được, ông vật lộn đàn bò cho đến mặt trời mọc. Ông thắc mắc không hiểu tại sao, chợt nhìn xuống đường thấy đứa bé nằm ờ đó. Ông bế lên, lòng vui mừng vì được một đứa con trai. Kaalii vẫn theo dõi từ nãy giờ, lúc này mới trở về báo tin cho viên chưởng khố. Ông lại bảo Kaalii đến gặp trưởng đoàn buôn đưa một ngàn đồng tiền để chuộc lại thằng bé, rồi quăng nó trong lùm cây nơi bãi thiêu cho chim thú ăn thịt hay ma quỷ giết nó. Kaalii lại mang đứa bé đi, nhưng chẳng có con thú hay ma quỷ nào làm hại đứa bé vì qủa báo đời trước đã che chở cho nó. Chợt có một đàn dê đi qua bãi thiêu. Một chị dê đi len trong lùm bụi ăn lá cỏ, thấy đứa trẻ liền quỳ xuống cho bú. Người chăn dê

gọi mãi chị ta vẫn không chun ra. Cuối cùng chủ nó phải cầm gậy xông vào và bắt gặp đứa trẻ, hớn hở đem về. Đến lần này đứa trẻ vẫn chưa yên vì viên chưởng khố vẫn chưa chịu thua. Kaalii lại được lệnh chuộc nó từ người chăn dê và leo lên ngọn Dốc Đá Cướp ném nó xuống sườn núi, nó sẽ va vào vách đá rồi rớt xuống khe núi tan xác. Nhưng dọc sườn núi lại có một bụi tre dày và trên chót núi nhiều bụi gunjà bao phủ. Đứa bé rơi xuống ngay giữa đám tre như trên một nệm lông dê. Ngày hôm đó, người trưởng nhóm đánh tre vừa nhận một mối bán tre hời. Và khi ông cùng con trai lia dao vào bụi tre định chặt thì đứa bé bị tre lay động bật khóc. Ông ngạc nhiên nghe sao giống tiếng trẻ khóc, vội trèo lên xem thì thấy ngay một đứa con trai. Ông lại hân hoan mang về nhà. Kaalii lại đi chuộc đứa bé một lần nữa. Cho đến lần

này đứa bé vẫn sống mạnh khỏe đến lớn, tên nó là Ghosaka, nhưng cũng còn là cái gai trước mắt viên chưởng khố. Ông vẫn tìm mọi cách để giết cậu bé. Lần này ông đích thân đến gặp người bạn làm nghề gốm, đưa trước một ngàn đồng tiền và dặn dò như sau:

- Tôi có một đứa con tư sinh và sẽ gởi nó đến cho anh. Cho nó vào một phòng kín lấy búa bén băm nó ra thành từng mảnh rồi thảy vào lò nung đốt hết. Đây là một ngàn đồng tiền như đã giao hẹn. Việc xong tôi sẽ thưởng thêm cho anh xứng đáng.

Thợ gốm đồng ý. Về nhà, viên chưởng khố gọi Ghosaka sai đến thợ gốm.

- Hôm qua ta có nhờ thợ gốm làm một ít việc cho ta. Hãy đến bảo ông ấy hoàn tất

công việc cha tôi đã giao hôm qua.

- Thưa vâng.

Và Ghosaka lên đường. Rời khỏi nhà một quãng anh ta gặp con trai viên chưởng khố đang chơi bắn bi với chúng bạn. Nó chận Ghosaka lại hỏi.

- Mày đi đâu vậy?

- Tôi mang lời cha đến cho người thợ gốm.

- Để tao đi! Mấy đứa này ăn hết tiền của tao, mày đánh ăn lại cho tao.

- Tôi sợ cha lắm!

- Đừng sợ, tao sẽ nói cho. Tao đã thua nhiều tiền rồi, mày chơi cho đến lúc tao

trở về, ráng ăn lại số tiền của tao.

Ghosaka bắn bi rất giỏi nên anh nuôi nó cứ nài nỉ mãi. Cuối cùng Ghosaka bằng lòng. Vậy là chính con đẻ của chưởng khố chuyển lời đến thợ gốm, và đúng như lệnh giao hẹn anh ta giết người đưa tin rồi ném thây vào lò nung.

Ghosaka chơi bi suốt ngày, chiều mới về. Viên chưởng khố ngạc nhiên hỏi ngay:

- Mày về đó ư?

Ghosaka liền kể lại tự sự. Chưởng khố tái nhợt như mất hết máu, gầm lên;

- Trời ơi! Khổ tôi chưa!

Rồi ông tức tốc đi đến thợ gốm, vặn vẹo đôi tay rên rỉ:

- Thợ gốm ơi! Ông giết tôi mất rồi! Tôi chết mất! Tôi chết mất!

Thợ gốm thấy ông hốt hoảng như vậy vội trấn tỉnh ông;

- Thưa Ngài, đừng làm ồn. Công việc xong rồi.

Đau buồn như một trái núi úp chụp xuống, viên chưởng khố phải gánh chịu sự đau khổ cùng cực như tất cả những ai đã làm hại người vô tội.

Vì vậy đức Thế Tôn dạy:

(137) Dùng trượng phạt không trượng, Làm ác, người không ác. Trong mười loại khổ đau, Chịu gấp một loại khổ.

(138) Hoặc khổ thọ khốc liệt, Thân thể bị thương vong, Hoặc thọ bệnh kịch liệt, Hay loạn ý tán tâm

(139) Hoặc tai vạ từ vua, Hay bị vu trọng tội, Bà con phải ly tán, Tài sản bị nát tan.

(140) Hoặc phòng ốc nhà cửa, Bị hỏa tai thiên đốt. Khi thân hoại mạnh chung, Ác tuệ sanh địa ngục.

Viên chưởng khố không thể nào nguôi

ngoai nổi khi thấy mặt Ghosaka, nên cứ phải tìm cách giết cậu ta. Lần này ông sai cậu mang lá thư đến người quản lý trăm ngôi làng của ông, trong thư ông dặn giết cậu ta rồi liệng xuống hầm phân. Lá thư được cột nơi viền áo của Ghosaka. Cậu ta không biết

chữ vì từ khi chào đời đến khôn lớn viên chưởng khố luôn âm mưu giết cậu, nên cậu không được đi học. Và với lệnh giết mình, cậu xin cha lương thực để lên đường. Người cha ác nghiệt của cậu bảo rằng trên đường đi, ở làng đó làng đó có người bạn của ông cũng làm quản khố, và hãy ăn ở đó rồi đi tiếp.

Đến làng đó, Ghosaka hỏi nhà người quản khố và gặp được bà vợ. Biết đó là con trai của bạn mình, bà có cảm tình ngay với chàng trai. Viên quản khố này có cô con gái chừng mười lăm mười sáu tuổi, xinh đẹp tuyệt vời. Để giữ tiếng tốt

và an toàn cho con, hai ông bà cho cô ở trên tầng cao nhất trong toà lâu đài bảy tầng, cung vi lộng lẫy như trong hoàng cung với một nàng hầu.

Hôm đó, cô gái sai nàng hầu đi chợ. Giữa đường nàng hầu gặp bà mẹ và được bà nhờ trải chỗ ngồi cho Ghosaka, rửa chân và xức dầu rồi trải giường cho chàng. Nàng hầu đi chợ về trễ, bị cô chủ rầy, phải kể lại việc hầu hạ Ghosaka. Nghe đến tên chàng trai, cô gái thương ngay thấu tận xương tủy tim gan. Cô chính là vợ của Kotùhalaka kiếp trước, nhờ cúng dường vị Bích Chi Phật được phước báo sanh vào nhà viên quản khố giàu có. Do đó lòng luyến ái kiếp trước sống lại. Đức Thế Tôn có dạy;

Do liên hệ đời trước, Hay lợi lộc hôm nay, Lòng mến thương

bừng dậy, Như hoa vươn mặt hồ.

Cô hân hoan hỏi thăm về chàng trai. Khi được biết chàng trai đang nằm ngủ với lá thư nơi viền áo, cô lén đi xuống gỡ lấy lá thư mang về phòng, đóng cửa lớn, mở cửa sổ và đocï thư.

Xem xong cô gái buột miệng:

- Ố! Anh chàng ngốc, ra đi với lệnh giết mình buộc nơi áo. Nếu mình không lén đọc thư trước chắc hẳn anh ta sẽ bị giết.

Rồi cô xé phăng lá thư, viết một cái khác, nhại giọng viên chưởng khố: "Đây là Ghosaka con tôi. Hãy kiếm lễ vật từ trăm ngôi làng của ta cho nó. Sửa soạn lễ cưới cho nó với con gái viên quản khố vùng này. Xây một ngôi nhà hai tầng

ngay giữa làng cho hai vợ chồng mới ở, có tường vách bao quanh và người canh gác bảo vệ cẩn thận. Xong việc, hãy báo tin cho ta rằng đã làm đúng như vậy, ta sẽ hậu thưởng xứng đáng". Xong, buộc lá thư vào viền áo chàng trai như cũ.

Ngủ nguyên một ngày, Ghosaka thức dậy, ăn uống, lấy lại sức rồi đi tiếp. Sáng hôm sau chàng đến ngôi làng nơi viên quản lý trăm ngôi làng của cha nuôi cư ngụ. Chào hỏi xong, chàng trao ngay bức thư của viên chưởng khố. Viên quản lý xem thư xong reo lên mừng rỡ, và ra lệnh cho gia nhân chở gỗ và các vật liệu xây dựng khác đến cất một ngôi nhà hai tầng ngay giữa làng như lời dặn trong thư. Rồi ông mang lễ vật của trăm ngôi làng đến nhà viên quản khố cách đó không xa để xin làm lễ cưới. Đồng thời ông cũng báo tin cho viên chưởng khố

thành phố biết là đã làm đúng như vậy.

Viên chưởng khố nhận được tin xây nhà và cưới vợ cho Ghosaka muốn bật ngửa, chỉ còn biết than thầm: "Mưu sự tại nhơn, thành sự tại thiên!" Phần rầu buồn vì con chết, phần đau tức kế mưu sụp đổ, lòng ông lúc nào cũng như lửa đốt, và còn sinh ra chứng tiêu chảy. Ông vẫn không hạ được cơn tức tối về Ghosaka: "Bằng mọi giá ta không để cho thằng khốn nạn này thừa kế gia sản". Và ông sai viên thư lại phái người đi gọi Ghosaka về.

Cô gái viên quản khố, bây giờ là vợ của Ghsaka, đã dặn trước đám gia nhân khi có ai từ viên chưởng khố thành phố đến, hãy báo cho cô ta biết trước khi nói với Ghosaka. Vì thế khi người của viên thư lại đến, cô liền chận lại hỏi thăm.

Người này thật thà cho biết là viên chưởng khố bệnh tình chưa trầm trọng, ăn uống cũng còn được, và xin gặp Ghosaka để chuyển lời cha chàng bị bệnh muốn gặp chàng. Cô vợ không để cho Ghosaka biết, ra lệnh cung cấp cho người này chỗ ở và tiền công, và bảo y ở lại đi, khi nào cô ta sai y hãy đi.

Viên chưởng khố đợi mãi chẳng thấy người nhắn tin về, hỏi viên thư lại, cũng không có tin tức gì, bèn phái thêm người đi nữa. Cô vợ làm y như trước. Khi người thứ ba đến, biết tin rằng viên chưởng khố bệnh đã nặng, không ăn uống nằm liệt giường, phải đổ bô luôn, cô liền cho Ghosaka hay và khuyên chàng mang phẩm vật từ trăm ngôi làng về thăm cha. Nhưng khi phẩm vật được chở tới quá nhiều, nếu chất hết mọi thứ lên xe cùng đi e chậm trễ, do đó cô gái

bảo chồng nên để lại nhà, chỉ có hai vợ chồng đi, và không quên dặn rằng: "Anh nhớ đứng đằng chân cha, còn em sẽ đứng bên gối nằm của ông". Và khi vào nhà cô ra lệnh cho gia nhân của mình đứng canh cả phía trước và phía sau nhà.

Viên chưởng khố đang nằm trên giường bệnh, có viên thư lại chà xát bàn chân, và báo cho ông là con trai và dâu đã về. Khi biết rằng Ghosaka đang đứng dưới chân mình, ông gọi viên thủ quỹ đọc cho ông nghe số tài sản và lợi tức của mình như sau: "Tiền mặt là bốn trăm triệu đồng. Còn dụng cụ và đồ giải trí, những ngôi làng, đất ruộng, người hầu, súc vật, xe bò, xe ngựa, tổng cộng là chừng ấy, chừng ấy..." Viên chưởng khố nghe qua, định nói:

- Tất cả tài sản này ta không cho con trai

ta Ghosaka.

Nhưng lại nói:

- Ta cho.

Cô vợ Ghosaka nghe xong, nghĩ rằng nếu để ông ta nói lại lần nữa, e sẽ khác đi. Vì thế cô giả vờ như quá đau buồn, bứt tóc kêu khóc:

- Cha thân yêu, cha nói thật chứ? Dù vậy chúng con cũng thật là bất hạnh khi nghe những lời của cha.

Rồi với vẻ sầu khổ cùng cực cô ngã lên người ông, đập đầu vào ngực ông, lại lăn đầu ngay giữa ngực ông khiến ông không thể nói thêm được nữa. Viên chưởng khố chết

trong lúc ấy.

Người ta đi báo tin cho vua Udena biết. Vua tổ chức tang lễ xong liền hỏi về con cái của viên chưởng khố. Biết ông ta có một người con trai là Ghosaka và đã giao hết tài sản, vua triệu anh ta đến. Ghosaka vào cung. Vua nhìn anh qua cửa sổ, thấy anh nhảy qua các vũng nước. Rồi vua an ủi anh và ban chức chưởng khố thành phố cho anh. Anh cảm tạ vua rồi ra về. Vua lại đứng nhìn anh rời cung điện. Lần này, anh không nhảy qua vũng nước mà lội qua một cách tề chỉnh. Vua ngạc nhiên, truyền gọi anh ta lại hỏi;

- Này Ghosaka! Có đúng là khi đến đây ngươi nhảy qua vũng nước, còn lúc trở về thì nghiêm chỉnh bước qua?

- Tâu bệ hạ, quả như vậy.

- Tại sao vậy?

- Tâu bệ hạ, khi bước vào hạ thần vẫn còn là một chú thanh niên ham chơi, nhưng bây giờ đã được bệ hạ ban cho chức tước, thần phải dẹp bỏ những ưa thích cũ và phải cư xử nhã nhặn, đàng hoàng.

Vua nghe nói, đẹp dạ, liền phong chức cho anh ta ngay. Anh được thừa hưởng gia sản trước đây của cha nuôi với địa vị chưởng khố và trăm ngôi làng.

Sau này, một dịp nọ, cô vợ Ghosaka mới tiết lộ cho bà vú Kaalii về việc tráo lá thư để cứu mạng Ghosaka, và từ đó mới có được vinh quang như hôm nay. Sẵn dịp đó, vú Kaalii mới khai ra Ghosaka đã bị cha nuôi mưu hại bảy lần như thế nào. Khi chồng về, cô vợ thuật lại hết câu

chuyện, nhưng anh ta không tin bèn đi hỏi bà vú. Nghe kể lại tự sự, Ghosaka bàng hoàng cả người và thấy mình quả có phước đức mới thoát khỏi bảy lần chết khủng khiếp. Do đó anh ta tự hứa với lòng là sẽ không sống đời phóng dật nữa, mà cố gắng chuyên tâm chánh niệm. Anh không quên bố thí cho người nghèo khó mù loà một ngàn đồng mỗi ngày, và giao cho người quản lý thuở trước việc đó.

Phần 3: Thời Niên Thiếu Của Saamaavatì

Tại thành phố Bhaddavatì có viên chưởng khố tên là Bhaddavatiya, vốn là bạn chưởng khố Ghosaka. Họ chưa hề gặp mặt, chỉ kết bạn vì nghe thương buôn qua lại giữa hai thành phố ca tụng tuổi tác và tài sản hai bên, và từ đó họ

trao tặng phẩm vật cho nhau.

Về sau, bệnh dịch tả hoành hành trong nhà Bhaddavatiya. Trước hết là ruồi, côn trùng chết, rồi lần lượt chuột, gà vịt, heo bò, nô lệ trai và gái, cuối cùng là người trong gia đình. Bhaddavatiya cùng vợ và con gái, nhờ phá tường chạy trốn nên thoát chết. Họ nhắm hướng Kosambi định tìm đến Ghosaka. Dọc đường lương thực khô cạn, họ kiệt sức vì đói khát và phải phơi mình dưới nắng gió. Vất vả lắm họ mới đến được Kosambi. Sau khi tắm xong trong một hồ nước họ thấy dễ chịu, rồi vào nghỉ trong nhà trạm ở cổng thành. Viên chưởng khố kể cho vợ con biết là bạn của ông, viên chưởng khố tại đây, mỗi ngày đều phân phát một ngàn đồng tiền cho kẻ nghèo khó mù loà, và ông

quyết định ở lại đây vài ngày, cho con gái đến chỗ bố thí xin thức ăn về, lấy

lại sức rồi mới đi gặp bạn.

Thế là cô gái nhà giàu, hết cả kiêu hãnh trong cơn hoạn nạn, cố giấu xấu hổ, cầm bát đi với đám dân nghèo xin ăn. Người ta hỏi cô xin mấy phần. Lúc đầu cô xin ba phần, ngày hôm sau cô xin hai phần, và hôm sau nữa chỉ còn có một phần. Ngày đầu tiên cha cô được mẹ cô an ủi và nài nỉ mãi mới chịu ăn của bố thí đó, nhưng vẫn không tiêu nổi, do đó sáng sớm hôm sau ông qua đời. Rồi hôm sau đến lượt mẹ cô cũng bỏ cô mà đi theo cha. Còn lại một mình, cô gái nằm lăn khóc lóc than van cho số phận bất hạnh và cảnh đời bất trắc của mình. Nhưng cơn đói cào cấu ruột gan đã khiến cô ngồi dậy, vừa khóc vừa đi theo đoàn ăn mày xin cơm.

Người quản lý Mitta nhớ rằng cô gái đã

nhận thức ăn ba ngày liên tiếp, nên nạt đùa:

- Hỏng! Thứ đàn bà tồi! Rốt cuộc hôm nay mày đã biết cái bụng mày chứa được bao nhiêu chưa?

Vốn con nhà thế phiệt, lại hiền lành nhút nhát, cô nghe như bị kim châm muối xát. Cô chỉ biết nghẹn ngào hỏi:

- Thưa Ngài, vậy nghĩa là sao?

- Hôm kia mày lấy ba phần, hôm qua lấy hai, còn hôm nay chỉ lấy một. Vậy là đến hôm nay mày mới biết bụng mày chứa được bao nhiêu cơm.

- Thưa Ngài, không phải tôi lấy những phần ấy cho tôi.

- Vậy tại sao mày lấy?

- Hôm kia tôi có ba người, hôm qua có hai, bây giờ chỉ còn một mình tôi.

- Cô gái kể lại câu chuyện từ đầu đến cuối. Mitta nghe xong không cầm được nước mắt. Ông bảo cô gái, lòng đầy trắc ẩn:

- Con thân yêu, trước đây con là con gái của Bhaddavatiya, nhưng từ nay trở đi con là con gái của ta.

Một hôm cô nhận thấy chỗ phân phát thức ăn luôn ồn náo, bèn góp ý với cha nuôi làm lối đi từ hai cổng ra vào đến chỗ phát thức ăn, có hàng rào bao quanh. Người ta sẽ vào bằng cửa này, lãnh thức ăn xong ra bằng cửa kia lần lượt theo lối đi, như vậy sẽ trật tự và êm thắm. Cha cô

bằng lòng và cho thi hành. Từ đấy cô gái vốn tên là Sàmà, nay thêm Vatì nghĩa là hàng rào.

Chưởng khố Ghosaka lâu nay đã nghe quen tiếng ồn náo nơi phân phát thức ăn, và cũng thích thú xem đó là sinh hoạt trong nhà ăn của mình. Hôm nay lại im lặng, ông ngạc nhiên hỏi quản lý Mitta, và nhờ đó được biết con gái mồ côi của Bhaddavatiya bạn mình. Ghosaka liền nhận cô gái làm con nuôi.

Vào ngày lễ hội trong thành, các tiểu thư con nhà vọng tộc được phép ra ngoài tắm sông. Và khi Saamaavatii, con gái nuôi của Ghosaka cùng năm trăm tỳ nữ đi tắm, ngang qua cung điện, lọt vào mắt vua Udena, nên được lệnh tiến cung. Ban đầu Ghosaka không tuân lệnh vì sợ mang tiếng là bạc đãi con gái nuôi, nhưng sau

bị vua niêm phong hết nhà cửa và chính Sàmàvatì bằng lòng, ông mới vâng lệnh thánh chỉ. Từ đó nàng trở thành hoàng hậu.

Phần 4: Udena Được Vaasuladattà

Vua Udena còn có một thứ phi khác là Vàsuladattà con gái của vuaCanda Pajjota xứ Ujjeni. Câu chuyện như sau:

Một hôm, từ hoa viên trở về, vua Canda Pajjota nhìn ngắm vẻ đẹp rực rỡ của mình rồi hỏi đám cận thần:

- Còn có ai đẹp đẽ rực rỡ như ta chăng?

Họ đáp:

- Vua Udena xứ Kosambi rực rỡ hơn bội phần.

- Vậy thì hãy bắt ông ta làm tù binh.

- Không bắt hắn được đâu, tâu bệ hạ.

- Sao vậy?

- Vì ông ta biết cách dẫn dụ loài voi. Có thể đuổi voi đi hay bắt voi lại tuỳ ý bằng cách đọc chú và chơi đàn. Không ai có nhiều voi cưỡi như Udena.

- Vậy là không thể bắt được ông ta sao?

- Nếu bệ hạ nhất quyết muốn bắt, hãy làm một con voi bằng gỗ, đưa đến gần vua Udena, lại tạo thêm tiếng ngựa hí, vua sẽ đi ra xa để xem là voi hay ngựa, và sẽ bị bao vây, lúc đó Ngài có thể bắt vua.

- Quả là diệu kế!

Rồi vua cho làm một con voi máy bằng gỗ, bọc vải và sơn thật khéo, xong mang đặt trên bờ hồ gần xứ của kẻ thù mình. Trong bụng voi có sáu mươi người đi tới lui. Thỉnh thoảng họ xúc những xẻng phân voi đổ ra ngoài. Một tiều phu trông thấy voi, liền tâu lên vua Udena. Vua và đám tuỳ tùng liền theo tiều phu đi xem voi. Đường đi của họ đều bị gián điệp theo dõi và báo tin cho vua Canda Pajjota, và một toán quân được phái đến sát bên Udena, nhưng không để cho vua biết. Rồi Udena gảy đàn và đọc thần chú thâu phục voi, nhưng không kết quả. Voi được những người núp trong bụng điều khiển, chạy như vũ bão như không hề nghe bùa phép. Vua thúc ngựa phi nước đại để cố theo kịp voi, nên quân lính bị rớt lại đằng sau xa lắc. Khi chỉ còn một mình, người của Canda Pajjota, mai phục sẵn hai bên, ùa ra bắt Udena. Quân

lính của Udena thấy vua mình bị sa vào tay kẻ thù, bèn xây một doanh trại ngay bên ngoài xứ ujjeni và ở lại đó.

Canda Pajjota bắt sống và bắt giam kẻ thù xong, mở tiệc ăn mừng ba ngày. Udena nằm trong ngục tối đến ngày thứ ba đánh bạo hỏi người gác ngục.

- Này anh, vua của anh ở đâu?

- Đang chè chén say sưa thì bắt được kẻ thù.

- Vua của anh hành động chẳng khác gì đàn bà. Hắn đã bắt được ta một là tha hai là giết đi, lẽ nào đã làm nhục ta mà chè chén say sưa nữa!

Gác ngục đi báo và nhà vua liền đến

hỏi Udena:

- Có phải mi đã nói...như thế, như thế?

- Vâng, đại vương.

- Tốt lắm, ta sẽ tha ngươi nếu như ngươi chịu trao bùa chú cho ta.

- Đồng ý, nhưng khi Ngài nhận bùa chú, ngài có chịu lễ kính ta không?

- Lễ kính ngươi à, không!

- Thế thì ta sẽ trao cho Ngài.

- Ta sẽ hành hình ngươi.

- Ta không sợ, vì Ngài chỉ làm chủ thân xác ta chứ không làm chủ tâm hồn ta.

Nghe Udena trả lời bướng bỉnh như thế,

nhà vua bối rối không biết làm sao để đoạt được phù phép. Bỗng vua nghĩ ra một kế, liền bảo:

- Người bảo ta sẽ tiết lộ bài chú cho người nào lễ kính ngươi phải không?

- Vâng đại vương.

- Tốt lắm. Trong nhà ta có một mụ lưng gù. Bà ta sẽ ngồi sau bức màn đề nghe ngươi dạy thần chú.

- Gù hay què gì cũng được, miễn là lễ kính ta thì ta dạy thần chú.

Rồi nhà vua đến gặp công chúa Vàsuladattà.

- Con cưng, có một người cùi biết được câu thần chú linh nghiệm và qúi báu.

Con hãy ngồi bên trong bức màn đề hắn dạy con thần chú. Con nên học với hắn vì cha không muốn ai khác biết, rồi cha sẽ học lại với con.

Sở dĩ nhà vua phải bịa ra gù lưng và cùi hủi vì sợ hai người yêu nhau.

Một hôm, đến một câu chú sao đó mà Vàsuladattà không thể đọc lại cho đúng, dù Udena đã lặp đi lặp lại nhiều lần. Tức quá Udena la lên:

- Đồ gù đần độn! Môi dày mo, má chư bự! Mi đáng nhận mấy cái tát!

Vàsuladattà cũng giận dữ không kém:

- Đồ hủi hung tợn! Mi nói gì? Dám gọi ta là đồ gù hả?

Udena ngạc nhiên, vén màn lên và hỏi:

- Cô là ai?

- Tôi là công chúa Vàsuladattà.

- Cha cô bảo với tôi cô là người gù lưng.

- Còn ông, vua nói là bị cùi.

Rồi cả hai đồng nói một lượt:

- Vua nói thế vì sợ chúng ta yêu nhau.

Và quả như thế, tình yêu đến, nên từ đó trở đi họ hết học hết dạy.

Nhà vua không biết, thỉnh thoảng lại hỏi con gái:

- Này con, con đang học bài hả?

Công chúa tỉnh bơ đáp:

- Vâng thưa cha.

Ngày kia, Udena bảo với người yêu rằng một người chồng có thể làm được những việc mà cha, mẹ, anh, chị không làm được, và nếu nàng cứu được Udena thì sẽ được ban năm trăm người tùy tùng và phong làm hoàng hậu. Công chúa bằng lòng và đến gặp cha xin mở cửa và một con voi để cưỡi vì cần đi ra ngoài ban đêm, theo sự chỉ dẫn của các tinh tú, tìm một loài dược thảo dùng trong chú thuật. Vua thuận cho, và họ được phép đi lúc nào tùy ý. Lúc bấy giờ vua có năm vật chuyên chở: một voi cái tên Bhaddavatì có thể đi năm mươi dặm một ngày, một nô lệ tên Kàka có thể đi sáu mươi dặm một ngày, hai ngựa cái Celakanthì và Munjakesì có thể đi

một trăm dặm một ngày và một voi tên Nàlàgiri có thể đi một trăm hai mươi dặm một ngày.

Chuyện quá khứ - Canda Pajjota Được Năm Vật Chuyên chở

Hình như trước khi Phật hiện tại ra đời nhà vua đã là nô lệ cho một Trưởng giả. Có lần trưởng giả đi ra ngoài thành tắm, trở về gặp một vị Phật Độc Giác khất thực trong thành trở ra, với bình bát sạch như lau, bèn hỏi:

- Bạch Tôn giả! Ngài có nhận được gì không?

- Tôi đã đi một vòng và giờ ra khỏi thành, đạo hữu ạ.

Ngài không trả lời ngay câu hỏi mà nói

ra điều không hỏi, nhưng vẫn có nghĩa là không nhận được thức ăn. Nhìn vào bình bát, thấy trống không, Trưởng giả thỉnh Ngài đợi một lát rồi vội vã về nhà. Lúc bấy giờ áp lực xấu ác của Marà trùm khắp thành, nó còn giả dạng đến hỏi Ngài sao không nhận

được thức ăn và khuyên Ngài trở lui. Nhưng Ngài đã quyết chí không trở lui, vì biết rằng một lần nữa Marà sẽ dùng quyền lực sai khiến dân cư reo hò và chọc phá Ngài.

Thấy nhà có thức ăn sẵn, Trưởng giả vội bảo tên hầu chạy hết sức mình đến gặp Phật và lấy bình bát mang về gấp. Trưởng giả để thực phẩm đầy bát xong, lại bảo tên hầu tức tốc mang bát giao lại cho Phật, với lời hứa rằng sẽ nhường cho anh ta công đức này.

Tên hầu đi và về mau như tên bắn, và khi

đưa bát cho Phật đã bạch rằng:

- Bạch Tôn giả, trong thời gian ngắn con đã đi và về nhanh hết sức mình. Do phước báo của sự nhanh nhẹn này, con mong rằng sẽ được năm vật chuyên chở có thể đi năm mươi, sáu mươi, một trăm và một trăm hai mươi dặm một ngày. Thời gian đi và về đó thân con hun nóng dưới tia nắng mặt trời. Do phước báo việc làm này con mong rằng dù tái sanh ở nơi nào, con cũng sẽ được quyền lực bằng sức mạnh những tia nắng mặt trời. Chủ con đã nhường công đức của sự cúng dường này, do phước báo đó con mong được dự phần vào giáo pháp Ngài đã ngộ.

Phật hứa khả:

- Sẽ được vậy.

Và Ngài nói kệ:

Mong mọi sở nguyện thí chủ Được thành tựu tốt đẹp Mong mọi sở nguyện thí chủ Viên mãn như trăng rằm Mong mọi sở nguyện thí chủ Được thành tựu tốt đẹp Mong mọi sở nguyện thí chủ Viên mãn như ngọc lộ quang

Đó là việc làm của vua Canda Pajjota trong kiếp trước, và do phước báo này vua có năm vật chuyên chở

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Một hôm nhơn kúc vua Canda Pajjota dạo chơi vườn thượng uyển, Udena bỏ trốn. Ông nhét đầy tiền

vàng và bạc vào nhiếu túi da lớn, xong đặt lên lưng voi cái, rồi đỡ vàsuladattà lên yên và họ ra đi. Quân thị vệ trông thấy liền phi báo cho vua. Vua sai lính tức tốc đuổi theo. Udena bèn mở túi vàng rải tiền vàng xuống đường. Quân truy nã dừng lại nhặt vàng rồi mới đuổi tiếp. Ông lại mở túi bạc rải xuống đất. Quân truy nã vì cứ mãi ngừng lại để nhặt bạc nên chậm trễ, để Udena chạy thoát về doanh trại dựng ngoài thành. Quân lính của Udena trông thấy ông nhiệt liệt đón mừng và hộ tống ông về Kosambi. Sau đó ông tổ chức lễ cưới và tấn phong Vàsuladattà lên ngôi thứ phi.

Phần 5: Đức Phật Từ Chối Màgandiyà

Một thứ phi khác của vua Udena là Migandiyànguyên là con gái của Bà- la-môn tên là Màgandiyà, sống ở

xứ Kuru. Mẹ cô và cả chú út, em của cha cô, cũng tên là Màgandiyà. Cô ta đẹp như thiên nữ nên ông Bà-la-môn khó tính không thấy ai, kể cả những chàng trai vọng tộc nhất trong xứ đã đến cầu hôn, xứng đáng làm rễ đông sàng.

Ngày kia, sáng sớm đức Đạo sư quan sát thế gian, nhận thấy Bà-la-môn Maagandiyaa và vợ ông có đủ duyên lành chứng quả A-na-hàm. Ngài đắp y ôm bát đến vùng ven phố thị nơi Bà-lamôn đang tế thần lửa. Ông ta ngắm nhìn thân Như Lai thấy toàn hảo, thầm nghĩ không ai trên thế gian có thể so bì với người này, ta sẽ gả con gái cho ông để nâng khăn sửa túi. Ông ta nói với đức Đạo sư:

- Này, Tỳ-kheo! Tôi có cô con gái độc nhất và chưa thấy ai xứng với nó trừ ông.

Ông phải có một người vợ và nó phải có một người chồng. Tôi sẽ gả nó cho ông. Hãy đứng đợi tại đây cho đến khi tôi trở lại.

Đức Đạo sư đứng yên, không nói một lời. Người Bà-la-môn vội vã về nhà, hớn hở bảo với bà vợ:- Bà ơi! tôi đã gặp một người xứng với con gái ta. Mau lên! Mặc cho nó bộ đẹp đẽ vào!

Rồi ông dẫn vợ con vào gặp đức Đạo sư. Cả thành xôn xao:

- Một khi lão này chê bai đủ kiểu người nào đến cầu hôn con gái lão. Nhưng nghe đồn rằng hôm nay lão ta gặp một người môn đăng hậu đối rồi. Không biết mặt mũi anh chàng này ra sao mà lão chấm đậu vậy?

Rồi họ theo ông đi xem anh chàng tốt số. Trong thời gian đó, đức Đạo sư thay vì đứng yên chờ đợi, Ngài bỏ đi, để lại một dầu chân. (Dầu chân Phật chỉ xuất hiện trên chỗ đã bước, không có chỗ nào khác, và chỉ người nào đủ phước duyên mới thấy được. Dù voi rừng hay thú hoang có giẫm lên hay mưa bão dữ dội, gió giông gào thét thổi đến, cũng không xóa được dấu chân của Phật). Đến nơi cũ, người Bà-la-môn ngạc nhiên không thấy Phật. Nhìn quanh quất một hồi ông phát hiện dấu chân. Vợ người Bà-la-môn thuộc lòng ba bộ Vệ-đà, luôn cả những bài thơ liên quan đến tướng số. Bà lẩm bẩm đọc lại và xem xét tỉ mỉ hình nét dấu chân trước mặt. Cuối cùng bà kết luận:

- Ông ơi! Đây không phải dầu chân của người chạy theo ngũ dục.

Rồi bà đọc kệ:

Dấu chân người tham dục cạn cợt, của ác nhơn, lún mạnh xuống đường. Người ngu si, dấu thường lết bết. Đây, dấu chân người hết dục tham.

Người Bà-la-môn không tin lời vợ nên nạt đùa:

- Khéo tưởng tượng! Bà lúc nào cũng thấy cá sấu trong chậu nước, ăn trộm núp trong nhà! Hãy im đi!

Bà vợ vẫn một mực đoan chắc:

- Ông ưa nói gì thì nói. Nhưng đây không phải dấu chân người chạy theo ngũ dục.

Người Bà-la-môn vẫn đi lòng vòng tìm kiếm, chợt thấy đức Đạo sư liền mừng rỡ reo lên:

- Ông ta đây rồi!

Và ông thưa với Phật:

- Tỳ-kheo! Tôi gả con gái cho ông để nâng khăn sửa túi.

Đức Đạo sư thay vì trả lời ưng thuận hay không, lại bảo:

- Bà-la-môn! Ta có vài việc để nói với ông.

Và ông ta lắng nghe đức Đạo sư kể chuyện Ma vương đã theo đuổi Ngài như thế nào, từ lúc xuất gia tới khi ngồi dưới cội Bồ đề, cuối cùng chính Ma vương

ngồi dưới cây Bồ đề, thiểu não buồn rầu vì thấy quyền lực của mình không làm gì Phật được. Con gái Ma vương bèn đến an ủi cha, rồi biến thành thiếu nữ trẻ và đàn bà đứng tuổi để cố quyến rũ Phật. Đức Đạo sư lúc đó nói rằng:

Đã thấy rõ Khát ái, Sầu buồn, Dục lạc Ta đâu còn ưa hạnh phúc tình yêu Tấm thân kia, chứa các thứ tiểu, tiêu. Ta không muốn, dù dùng chân chạm đến.

Ngay khi Phật kết thúc bài kệ, người Bàla-môn và vợ chứng A-na-hàm. Còn Màgandiyà tự nhủ: "Nếu ông này không cần ta, kể cũng đúng, nhưng nói người ta chứa đầy phần tiểu thì thật quá lắm. Được rồi! Với dòng dõi, địa vị xã hội, tài sản và sức quyến rũ của tuổi

thanh xuân sẵn có, ta sẽ được một tấm chồng xứng đáng, và rồi ta sẽ biết làm gì đối với Sa-môn Cồ-đàm". Từ đó cô nuôi lòng căm ghét đức Phật (Đức Phật biết cô căm ghét Ngài, nhưng Ngài vẫn đọc kệ vì lợi ích cho hai người kia, để họ chứng thánh quả, chớ không quan tâm đến lòng thù hận trực tiếp chống lại mình)

Cha mẹ cô gởi cô cho chú Culla Màgandiyà biết cháu mình chỉ xứng đáng làm vợ vua, nên trang điểm cho nàng đủ món trang sức rồi đưa đến Kosambi dâng cho vua Udena. Vua hài lòng, làm lễ đăng quang cho nàng lên ngôi thứ phi với năm trăm thị nữ.

Vậy là vua Udena có ba bà vợ với một ngàn năm trăm thị nữ.

Phần 6: Cái Chết Của Sàmàvati và Màgandiyà, Các Chưởng Khố, Các Tỳ Kheo Và Vị Thần Cây.

Có ba vị chưởng khố cùng ở Kosambi là Ghosaka, Kukkuta và pàvà riya. Mùa mưa gần đến, năm trăm ẩn sĩ từ Hy-mã-lạp sơn về thành khất thực. Cả ba vị chưởng khố hoan hỷ cung cấp tọa cụ và cúng dường thức ăn, và còn dâng cúng phòng ốc trong nhà mình suốt bốn tháng mưa khi các vị ẩn sĩ chịu ở lại. Từ đó, thường thường sau tám tháng trong Hy-mã-lạp-sơn, các ẩn sĩ về ngụ bốn tháng mưa nơi ba chưởng khố.

Một lần từ Hy-mã-lạp-sơn trở về thành, các ẩn sĩ ngồi nghỉ dưới gốc một cây đa to trong rừng vắng. Vị già nhất vừa nghĩ đến xin nước uống nơi vị thần cây - chắc là một vị đại lực thần vương - thì lập tức

họ được nước uống. Nghĩ đến thức ăn thì cũng được thức ăn, rồi muốn nhìn thấy cây thần cây cũng được nhìn thấy. Thần cây tách khỏi thân cây chui ra. Các vị ẩn sĩ đến gần ông và hỏi làm thế nào ông được đại thần lực như vậy. Vị thần khiêm tốn, thấy công đức mình nhỏ nhoi không muốn nói, nhưng vì bị nài nỉ mãi đành phải kể lại chuyện Quá khứ.

Việc Làm Của Thần Cây

Thần cây xưa là người nghèo, sinh sống nhờ tìm được việc làm với ông Cấp Cô Độc. Vào ngày Bát quan trai, từ tinh xá trở về nhà, Cấp Cô Độc hỏi gia nhân có cho người làm này biết hôm nay là ngày trai giới không. Họ chưa cho biết. Ông liền bảo nấu cho anh ta phần ăn tối. Nhưng khi dọn cơm lên, anh ta đã từ chối không ăn, dù đã làm việc cực nhọc

suốt ngày trong rừng. Sở dĩ ông ta nhịn ăn vì được hôm nay là ngày trai giới. Chiều nay thật là im lìm, khác với mọi chiều tiếng ồn vang dội, nào là cho tôi cơm, cho tôi nước xúp, càri... Mọi người đều giữ giới không ăn chiều, ngay cả đứa bé còn ẵm ngữa; sau khi súc miệng họ chỉ ngậm bốn viên kẹo. Một đèn dầu thơm thắp sáng cả phòng, và già trẻ đều đọc lên ba mươi hai yếu tố của thân. Riêng anh vì hay tin trễ, mới bắt đầu ngày trai chiều nay nên được hưởng nửa công đức. Đến tối anh bắt đầu thấy khó chịu vì quá đói. Anh nịt một sợi dây quanh mình, và nắm đuôi dây nịt trong tay anh cứ siết thêm mãi. Trưởng giả hay được, cầm đuốc đến chỗ anh và lấy bốn viên kẹo cho anh, nhưng anh vẫn không ăn vì không muốn mất luôn nửa công đức ngày trai. Anh kiên trì giữ giới như thế cho đến khi mặt trời mọc thì lìa đời

như một vòng hoa héo, và tái sanh vào cây đa này.

Phần kết: Chuyện chưởng khố, Tỳ kheo và thần cây.

Rồi thần cây kết luận: "Trưởng giả đã cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng. Và nhờ ông ta, tôi hưởng được phước báo nửa ngày trai giới nên mới có đại thần lực này".

Năm trăm ẩn sĩ nghe đến danh hiệu Phật liền chỗi dậy, dang tay ra trong thái độ tôn kính và khẩn cầu vị thần cây hãy nói "Phật đà". Họ yêu cầu thần cây nói lên niềm tin của mình bằng cách lặp lại ba lần "Phật đà" rồi họ trịnh trọng tuyên bố:

- Rất khó mà nghe được danh hiệu này trên thế gian!

Và kết luận:

- Thần nhân! Ông đã cho chúng tôi nghe được một âm thanh mà biết bao trăm ngàn kiếp chúng tôi không hề nghe.

Rồi các môn đệ ngỏ ý với thầy họ muốn đi đến Đức đạo sư. Và tất cả đều đồng ý là ngày mai, sau khi nhận thức ăn nơi ba vị chưởng khố, nói cho ba vị ấy biết ý định rồi sẽ lên đường. Cả ba, sau khi dâng tọa cụ và cúng dường cháo đặc tại nhà mình, được biết đoàn ẩn sĩ sẽ đi ngay thì không tránh khỏi ngạc nhiên nên hỏi:

- Chư Tôn giả! Không phải các ngài đã hứa ở lại với chúng tôi bốn tháng mưa sao? Bây giờ các Ngài đi đâu?

- Đức Phật đã xuất hiện trên thế gian, Pháp đã ra đời, Tăng đã ra đời. Do đó

chúng tôi đi gặp Đạo sư.

- Nhưng chỉ có các Ngài mới xứng đáng đi đến đức Đạo sư sao?

- Không ngăn cấm ai hết, đạo hữu ạ.

- Vậy thì chúng tôi cùng đi.

Vì phải chuẩn bị nên ba vị chưởng khố để đoàn ẩn sĩ đi trước. Họ đến Thế Tôn, xưng tán, đảnh lễ Ngài và cung kính ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp tuần tự cho họ, và ngay khi kết thúc bài pháp, tất cả đều chứng A-la-hán cùng các thứ thần thông. Rồi họ xin gia nhập Tăng đoàn, Phật bảo: "Hãy đến, các Tỳ-kheo!" Họ liền trở thành Tỳ-kheo có đầy đủ y bát do thần lực tạo ra.

Phần ba chưởng khố thì sắm những thứ

cúng dường cần thiết gồm y phục, ngọa cụ, bơ, mật, ... chở mỗi thứ năm trăm xe đi đến Xá vệ. Gặp Phật, họ đảnh lễ, nghe pháp và cuối bài pháp chứng quả Dự lưu. Họ ở lại với Thế Tôn hai tuần, cúng dường và thỉnh Phật đến Kosambi.

Trở về xứ, chưởng khố Ghosaka xây tinh xá Ghosita, Kukkuta xây tinh xá Kukkuta, Pàvàriya cất tinh xá Pàvàriya. Xong họ thỉnh Phật đến và lần lượt hầu hạ Đức Phật ở mỗi tinh xá một ngày và thọ thực tại đó. Cả ba chưởng khố có người hầu là Sumana làm vườn, phục vụ họ đã lâu. Anh ta xin cúng dường Phật và được dành cho ngày mai.

Khujjuttarà Chuyển Hóa Sàmàvatì

Anh làm vườn Sumana vẫn thường bán hoa cho Khujjuttarà, nữ tỳ hoàng

hậu Sàmàvatì. Nhưng hôm đó anh không cắt hoa giao cho hoàng cung mà dành để dâng Phật vì anh đã thỉnh Phật về nhà cúng dường. Ngoài những lời xin lỗi Khujjuttarà, anh còn mời nàng ở lại.

- Xin cô đợi tôi hầu Phật và nghe pháp. Sau đó cô có thể lấy hết số hoa còn lại.

Cô đồng ý.

Khi Phật dẫn đầu Tăng đoàn đến nhà, Sumana đỡ lấy bình bát và được Phật hồi hướng công đức. Những lời này đã khiến Khujjuttarà chứng quả Dự lưu.

Từ trước đến giờ, trong số tiền tám đồng của vua Udena dành cho hoàng hậu Saamaavaatii mua hoa, cô thường cất riêng bốn đồng cho mình và chỉ mua bốn đồng hoa. Hoàng hậu ngạc nhiên thấy số

hoa gấp đôi mọi ngày, hỏi ra mới biết tự sự, và lý do nhờ nghe bài thuyết pháp của đấng Giác Ngộ Tối Thượng. Thay vì nổi giận nhiếc mắng cô tỳ nữ và đòi lại số tiền cô đã bớt xén bà lại sanh tâm hoan hỷ muốn được uống dòng pháp bất tử đó. Và trước khi

trùng tuyên bài pháp của Như Lai, Khujjuttarà được hoàng hậu tắm cho với mười sáu bát nước thơm, được mặc vào y phục đẹp bằng vải mịn, từ đồ lót đến áo khoác vai, và cũng được dọn sẵn một chỗ ngồi. Cô đã thuyết pháp cho năm trăm cung nữ nghe y như Thế Tôn đã thuyết, ngồi pháp tòa tay cầm chiếc quạt có hình vẽ. Mọi người nghe xong đều vui mừng bảo cô:

- Này bạn, từ nay trở đi đừng làm việc tội lỗi. Hãy làm một bà mẹ và một đạo sư của chúng tôi. Hãy đến Thế Tôn nghe đủ hết pháp đã giảng và về đây trùng tuyên

lại cho chúng tôi.

Cô đã thi hành thật trung thực lời dặn dò đến nỗi sau đó cô thuộc lòng hết Tam tạng, và đức Phật cũng đã xác nhận là trong hàng cư sĩ nữ, người đã học thuộc thánh điển và có thể giảng giải pháp đệ nhất là Khujjuttarà.

Năm trăm cung nữ, sau những thời pháp của Khujjuttarà đều phấn khởi và mong muốn gặp Thế Tôn. Nhưng với luật lệ cung cấm, cung nữ không thể tự do đi ra ngoài, vì vậy Khujjuttarà bảo họ hãy đục lỗ trên tường, mang sẵn hương hoa để đó, khi Thế Tôn đến cửa nhà ba chưởng khố, từ trong phòng mỗi người nhìn qua lỗ tường sẽ thấy được Ngài để đảnh lễ và xưng tán.

Màgandiyà Âm Mưu Chống Lại

Sàmàvatì và Đức Phật

Một hôm, Màgandiyà rời cung điện đi bộ đến dãy phòng cung nữ, và ngạc nhiên khi thấy những lỗ hổng trên tường, hỏi ra mới biết là vìcác cung nữ muốn chiêm ngưỡng và cung tán Phật. Bà muốn mưu hại Sàmàvatì và Phật nên tâu với vua Udena là Sàmàvatì và đám cung nữ tùy tùng sẽ phản bội vua, và trong vài hôm nữa sẽ hại mạng vua. Nhưng vua không tin. Bà cứ tâu tới tâu lui bên tai nhưng vua vẫn không tin. Bà bèn thỉnh vua đến khu vực của Sàmàvatì chỉ những lỗ hổng trên tường. Vua hỏi tại sao và khi hiểu được lý do vua không nói lời nào, chỉ truyền lấp hết lỗ hổng và cho làm cửa sổ có một khoảng hở ở trên, tại tất cả các phòng. Người ta nói loại cửa sổ hở bên trên ra đời từ đó. Không bôi nhọ được Sàmàvatì cùng các cung

nữ, Màgandiyà quay sang tìm cách lăng nhục đức Phật. bà xúi giục những tên côn đồ đi sau Phật mắng nhiếc và nhục mạ Ngài với đủ lời lẽ nặng nề:

- Mi là một tên trộm, đồ ngu ngốc, đồ điên, đồ lạc đà, bò tót, đồ lừa, đồ ở địa ngục, đồ thú vật, mi không có hy vọng được giải thoát. Những trừng phạt sẽ đến với mi.

Tôn giả A-nan nghe những lời chửi bới quá thậm tệ, không chịu nổi, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Dân ở đây mắng nhiếc và nhục mạ chúng ta. Chúng ta hãy đi nơi khác!

- Ta sẽ đi đâu A-nan?

- Đến thành phố khác, thưa Thế Tôn.

- Nêú ở đó người ta cũng chửi mình thì sẽ đi đâu, A-nan?

- Sẽ đi chỗ khác nữa, thưa Thế Tôn.

- Nêú ở đó người ta cũng chủi mình nữa thì sao?

- Chúng ta lại đi đến chỗ khác, thưa Thế Tôn.

- A-nan đừng nói thế. Ở đâu có khó khăn thì giải quyết ở đó. Ổn thỏa rồi mới được phép đi nơi khác. Nhưng ai chửi ông, Anan?

- Bạch Thế Tôn! Mọi người đều mắng nhiếc chúng ta, bọn côn đồ và cả đám dân kia.

- A-nan, Ta như con voi xông ra trận.

Bổn phận của voi xông trận là hứng chịu những mũi tên từ bốn phía. Đúng thế, bổn phận của ta là kham nhẫn những lời nói độc ác.

Rồi Phật thuyết pháp về chính Ngài với ba pháp cú như sau trong phẩm Voi:

(320) Ta như voi giữa trận, Hứng chịu cung tên rơi, Chịu đựng mọi phỉ báng, Ác giới rất nhiều người.

(321) Voi luyện đưa dự bội,
Ngựa luyện được vua cưỡi.
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.
(322) Tốt thay con la thuần, Thuần chủng loài ngựa

Sindh [*]. Đại tượng, voi có ngà, Tự điều mới tối thượng.

[*] loài ngựa đẹp ở vùng sông Sindha, Ấn Độ

Bài pháp đã đem lại lợi ích cho những người lúc ấy đang tụ tập chung quanh. Rồi đức Phật khuyên A-nan.

- A-nan, đừng phiền muộn. Những người này chỉ mắng nhiếc ông trong bảy ngày, đến ngày thứ tám họ sẽ yên lặng. Khó khăn đến với Phật không kéo dài quá bảy ngày.

Màgandiyà tuy thất bại trong âm mưu đẩy Phật rời khỏi thành, vẫn không lùi bước. Bà lập kế hại bọn cung nữ kính tín Phật.

Bà dặn chú của bà là thầy Tư tế trong cung mang theo tám con gà sống và tám con gà chết vào hầu vua, lúc đó đang uống rượu với bà. Người chú vào cung, đến bậc thềm cao nhất thì đứng ở đó, không muốn vào chốn ngự ẩm. Bà liền bảo tiểu đồng đến đó lấy tám con gà sống dâng vua và xúi vua ra lệnh cho cung nữ của Sàmàvatì nấu nướng dâng lên vua. Vua chuẩn tấu. Tiểu đồng y lệnh ra đi rồi trở về tâu lời của các cung nữ.

- Chúng ta không giết hại sinh vật.

Màgandiyà lại tiếp tục ton hót:

- Đại vương! Muốn biết họ có thật sự

giết hại sinh vật hay không, xin bệ hạ cứ bảo nấu nướng gửi đến Sa-môn Cồ-đàm.

Vua nghe theo, lại sai tiểu đồng đi đến các cung nữ lần nữa. Nhưng lần này chú mang tám con gà sống đến thầy Tư tế trước để đổi lấy tám con gà chết rồi mới giao lệnh vua đến các cung nữ.

- Vua ra lệnh nấu những con gà này dâng đức Phật.

Lần này họ nhận lời.

- Dĩ nhiên, đây là bổn phận của chúng tôi.

Tiểu đồng trở về tâu lại đúng như vậy. Màgandiyà không bỏ lỡ dịp gièm pha với vua.

- Đại vương thấy chưa! Họ không làm theo ý Ngài, mà chỉ hướng về người khác.

Nhưng vua vẫn giữ yên lặng, tha thứ cho họ. Màgandiyà tức tối nhưng không biết làm gì hơn đành cố nuốt hận chờ dịp khác.

Nhà vua có thói quen đến với mỗi hoàng hậu bảy ngày. Biết rằng ngày hôm sau vua sẽ đến cung của Sàmàvatì, Màgandiyà nhắn người chú gởi cho bà một con rắn đã tẩm thuốc độc vào răng. Đi đâu vua Udena vẫn mang theo cây đàn dùng chú thuật lũ voi, trong bao đàn có thủng một lỗ, và bà đã bỏ con rắn vào đó song bít lại với một bó hoa.

Khi vua sắp đi đến cung Sàmàvatìi, bà bèn kể cơn mộng dữ và xin can vua đừng

đến đó. Vua không nghe. Bà lại đòi đi theo, dù nhà vua không đồng ý lắm. Được Sàmàvatì và cung nữ hầu cận mặc y phục, xông ướp hương hoa và trang sức xong, vua ăn uống thân mật và lên giường, để đàn bên gối. Màgandiyà giả vờ đi tới lui, thừa lúc không ai để ý rút bó hoa trong cây đàn ra. Con rắn đã bị bỏ đói trước đó mấy ngày, trườn ngay khỏi lỗ thủng, ngóc đầu và rít lên, cuốn mình trên đầu giường. Màgandiyà làm như bất ngờ thấy con rắn hoảng hốt la lên:

- Ồ! Đại vương, con rắn kìa!

Và bà càm ràm, trách móc:

- Ông vua dại dột, xui xẻo này chẳng chịu nghe ta nói gì cả. Những tên vô lại này thật không biết hổ thẹn, chúng làm như không nhận được ân huệ gì của vua

mà còn muốn vua chết để sống sung sướng. Nhưng khi nào vua còn sống thì chúng sẽ còn chật vật. Đại vương, thiếp đã báo động về cơn ác mộng và đã can Ngài đừng đến cung Sàmàvatì, mà Ngài nào có nghe đâu!

Nhà vua thấy rắn sợ chết khiếp, lửa giận phừng phừng, ông gầm lên:

- Chúng đã cả gan làm việc tày trời như vậy! Thật là tội lỗi! Ta đã không nghe Màgandiyà khi nàng kể ra nết xấu tật hư của chúng, nào là đục lỗ trên tường nhà để ngồi nhìn ở đó, bảo nấu gà cho ta thì chúng trả lại và hôm nay bỏ rắn lên giường ta.

Trong khi đó Sàmàvatì hết lời khuyên giải năm trăm cung nữ của nàng.

- Các bạn, chúng ta không còn nơi nương tựa nào khác. Hãy thật tình yêu mến vua và hoàng hậu như thương chính mình. Đừng giận dữ bất cứ ai.

Rồi nhà vua ra lệnh mang chiếc cung của mình, một cây cung khổng lồ phải một ngàn người mới khiêng nổi. Để Sàmàvatì đứng trước còn tất cả cung nữ đứng nhắm ngay ngực Saamaavatii, nhưng nhờ thần lực xuất phát từ lòng từ bi của bà, mũi tên quay ngược lại theo con đường đã đến, nhắm ngay tim nhà vua.

Vua thầm nghĩ: "Mũi tên này có thể xuyên qua cả tảng đá và không có vật gì trong trời đất này khiến nó quay mũi lại. Giờ đây nó đã quay trở lại khi gặp Sàmàvatì. Tuy vô tri giác và không có sự sống, nó vẫn biết Săamàvatì là con người hiền thiện, thế mà một vị vua, một

con người như ta, lại không biết được". Vua ném cung đi, quỳ xuống trước Sàmàvatì, hai tay dang ra, cung kính nói kệ:

Ta quá sức hoang mang bối rối Bốn phương trời đảo lộn trong tâm Sàmàvatì hỡi, xin nàng che chở Hãy làm nơi nương tựa cho ta.

Sàmàvatì, đệ tử của đấng Đại Giác cũng đáp lại bằng bài kệ:

Đừng tìm nương tựa nơi tôi, Hãy tìm nương tựa ở nơi Phật-đà Đấng Vô Thượng; Ngài chính là Người tâm tôi hướng tới mà náu nương. Đại vương nương đấng pháp vương Tôi xin nương

tựa đại vương một lòng.

Nhưng nỗi sợ hãi của vua cứ gia tăng khiến vua phải lặp lại kệ xin nương tựa nơi Sàmàvatì. Bà cương quyết từ chối. Cuối cùng vua bằng lòng.

- Vậy thì, ta xin nương tựa nơi nàng và nơi đức Đạo sư, ta sẽ ban ơn cho nàng.

Bà hoan hỷ;

- Tôi xin nhận.

Nhà vua đến chỗ Phật xin quy y và thỉnh Phật nhận cúng dường rộng rãi trong bảy ngày. Rồi quay sang Sàmàvatì, vua bảo;

- Hãy đứng lên và chọn gì tuỳ ý.

- Đại vương, tôi không cần vàng bạc,

nhưng chúng tôi xin đặc ân này. Xin Ngài sắp xếp sao cho Thế Tôn có thể đến đây mỗi ngày cùng với năm trăm Tỳkheo để tôi được nghe pháp.

Nhà vua quay lại đảnh lễ Phật và cung thỉnh Phật cùng với năm trăm Tỳ-kheo. Vì Phật không thể đến hoài một chỗ trong khi nhiều nơi cần, nên Ngài gởi Trưởng lão A-nan đến hoàng cung mỗi ngày.

Hôm đó, như thường lệ, họ dâng thức ăn và lắng nghe Trưởng lão thuyết pháp. Lòng tràn đầy an lạc, họ dâng lên Trưởng lão năm trăm bộ y vàng đang khoác trên vai, mỗi bộ trị giá năm trăm đồng tiền. Khi nhà vua không thấy họ khoác y vàng, hỏi ra biết đã dâng cúng, liền đến Trưởng lão hỏi tiếp;

- Bạch Tôn giả! Ngài làm gì với số y nhiều thế?

- Tôi sẽ giữ đủ số y cần thiết, số còn lại sẽ trao cho những vị đã rách y.

- Những vị đó làm gì với y rách?

- Với những y rách nát đó họ sẽ làm gì?

- Làm khăn trải giường.

- Còn khăn trải giường cũ?

- Làm thảm chùi chân.

- Còn tấm thảm cũ?

- Sẽ làm khăn lau chân.

- Rồi khăn lau chân cũ?

- Sẽ được cắt ra từng mảnh nhỏ trộn với hồ để trét vách.

- Như vậy, bạch Tôn giả, dù tất cả y đều dâng lên Tôn giả, nhưng không phung phí.

- Hoàn toàn đúng vậy, thưa đại vương.

Nhà vua hài lòng đến nỗi truyền đem thêm năm trăm y đặt dưới chân Trưởng lão. (Tục truyền rằng Trưởng lão đã từng nhận một ngàn chiếc y trị giá năm trăm đồng tiền đến một trăm ngàn lần, một ngàn chiếc y trị giá một ngàn đồng tiền đến một ngàn lần, một ngàn chiếc y trị giá một ngàn đồng tiền đến một trăm lần. Với số y lẻ tẻ, từ một, hai...đến mười thì Ngài nhận không kể nổi. Đến khi đức Phật nhập diệt, trưởng lão A-nan du hành khắp xứ Diêm-phù-đề, và Ngài đã tặng

Tỳ-kheo trong các tinh xá y bát của chính Ngài)

Sàmàvatì Bị Thiêu Và MàgandiyàBị Trừng Phạt

Màgandiyà thấy rằng bất cứ mưu tính nào đưa ra hậu quả đều ngược với sự mong đợi của bà. Lần này bà cho tiến hành một kế hoạch khác. Bà ra lệnh cho người chú đến cung điện của sàmàvatì, mở cửa kho lấy vải nhúng dầu rồi nhúng vào cột nhà. Tập hợp tất cả các cung nữ vào trong nhà, đóng cửa lại không chờ một ai, rồi lấy đuốt châm lửa đốt, xong tụt xuống đi về.

Sàmàvatì thấy người chú bao quanh cột với vải nhúng dầu ngạc nhiên hỏi và được biết là để cho chắc cột. Và ông ta bắt họ vào phòng, châm lửa đốt. Trong đám lửa đang cháy lan thật nhanh, Sàmàvatì khuyên nhắc các tỳ nữ.

- Dù với trí tuệ của Phật cũng khó xác định được trong vòng luân hồi từ vô thủy, thân xác chúng ta đã bị thiêu đốt bao nhiêu lần. vậy, các ngươi hãy chánh niệm.

Trong khi lửa đang cháy thật nhanh, Sàmàvatì và các cung nữ chuyên tâm thiền định về đề mục "sự đau đớn" và họ đã chứng các quả Thánh.

Thế Tôn, khi nghe các Tỳ kheo kể chuyện Sàmàvatì và năm trăm cung nữ bị mất mạng, để giải đáp câu hỏi về số phận của họ trong kiếp sau, đã cho biết là có người chứng Sơ quả, có người chứng Nhị quả, có người chứng Tam quả do phước báo của việc làm quá khứ và Ngài nói kệ:

Với xiềng xích vô minh vọng tưởng Thấy thế gian như đẹp như bền Do vô minh, nhân duyên ràng buộc Kẻ ngu cho thế giới trường tồn Người khôn nghe thấy như thật biết Chẳng có gì ra thoát diệt sanh

Rồi Phật thuyết pháp:

- Này các Tỳ-kheo! Trong vòng luân hồi,

chúng sanh không phải lúc nào cũng chuyên niệm nhất tâm, đôi khi họ đã phạm ác hạnh, do đó họ kinh qua cả hai lạc và khổ

Lúc bấy giờ nhà vua đang ở vườn giải trí. Nghe tiếng la cung của Sàmàvatì bị cháy, ông vội đến đó, nhưng tất cả đã bị cháy rụi. Ông ngồi xuống bậc thềm triều thần vây quanh, vô cùng thương tiếc Saamaavatii khi nhớ lại đức hạnh của nàng. Ông thắc mắc không biết ai có thể gây ra việc đau thương này và nghĩ ngay đến Màgandiyà. Ông muốn dùng mẹo dò hỏi bà ta nên nói với những người tùy tùng:

- Thế cũng xong! Bây giờ ta hết bị lôi kéo hay bận rộn nữa. Sàmàvatì luôn luôn tìm cớ giết ta khiến ta sợ hãi và ngờ vực. Nhưng giờ đây tâm ta sẽ yên ổn và ta có

thể nằm ngủ yên lành.

- Ai đã làm việc này, đại vương?

- Người mà thật sự yêu ta nhất đã làm.

Màgandiyà tình cờ đứng gần đó nghe thế liền hãnh diện nhận ngay mình là thủ phạm cùng với người chú. Vua vẫn bình tĩnh khen rằng không ai thật sự yêu vua bằng bà và sẽ ban cho bà cùng với quyến thuộc một ân huệ. Bà nhắn tin thân quyến gần xa đến hoàng cung, ngay cả những kẻ không họ hàng nghe chuyện cũng đút lót để được làm bà con. Khi đã tập trung họ, vua ra lệnh đào hố sâu đến thắt lưng, bỏ họ xuống trải rơm lên

trên rồi đốt rơm. Khi lửa đốt da thịt họ đến giòn rụm, vua cho cày sắt cày lấp thân thể họ đập vụn ra. Đối với Màgandiyà, vua cho dùng dao nhọn xẻ những chỗ thịt rắn chắc trên người bà ra từng mảnh, bỏ vào thùng dầu đặt trên lò than, chiên như bánh và bắt bà ăn.

Trong Pháp đường, đức Phật nghe các Tỳ-kheo thắc mắc bàn tán về cái chết của Sàmàvatì với năm trăm cung nữ, nên kể:

Chuyện quá khứ - Sàmàvati Âm Mưu Đốt Một Vị Bích Chi Phật

Ngày xưa, khi vua Phạm-ma-đạt cai trị Ba-la-nại, có tám vị Bích Chi Phật

thường được cúng dường thức ăn trong hoàng cung với trăm cung nữ hầu hạ. Bảy vị trở về Hy-mã-lạp-sơn, còn lại một vị ngồi nhập định trên bờ sông nơi đám cỏ rối.

Một dịp theo vua đi tắm chơi, các cung nữ đã nô đùa suốt ngày trong nước, bây giờ lên bờ và run lên vì lạnh. Họ tìm chỗ đốt lửa để sưởi ấm. Thấy đám cỏ họ chẳng buồn ngó trước xem sau vội châm lửa và xúm xít quanh. Khi cỏ cháy xẹp xuống, họ phát giác vị Bích Chi Phật, hoảng hốt không biết tính sao. Cuối cùng vì sợ nhà vua truy ra bắt tội, họ muốn phi tang hẳn xác của Phật nên đem củi đến từ mọi ngả, chất đóng thành một giàn thiêu lớn, đổ dầu và châm lửa. Xong họ bỏ đi.

Hành động đầu tiên của các cung nữ thì vô tâm. Nhưng sau đó họ phạm lỗi nặng

vì có tính toán kỹ, do đó bị quả báo đau khổ. Riêng vị Bích Chi Phật đang đắm mình trong thiền định thì dù có một trăm ngàn xe củi với dầu đốt lên, Ngài cũng không thấy nóng. Vì vậy, vào ngày thứ bảy Phật xuất định và đi đến nơi Ngài thích.

Những cung nữ này, không những bị nung nấu nhiều trăm ngàn năm trong địa ngục, mà nhà họ còn bị đốt và họ chết cháy trong nhà mình suốt một trăm kiếp liên tiếp.

Đức Phật kể xong chuyện thì các Tỳ- kheo hỏi tiếp:

- Nhưng bạch Thế Tôn! Tại sao Khujjuttà trở thành một người gù? Sao cô ta lại thông minh thế? Sao cô ta chứng quả Dự lưu và sao lại thành một tỳ

nữ?

Đức Phật kể tiếp:

Chuyện quá khứ: Những Việc Làm Kiếp Trước Của Khujjuttarà

Này các Tỳ-kheo, cũng trong triều đại của vị vua Phạm-ma-đạt trị vì Ba-la-nại, có một Phật Độc Giác hơi gù. Một tỳ nữ trông thấy Ngài bèn quấn một cái mền trên vai và tay ôm một bình bằng vàng, lưng còng xuống y như một người gù, rồi chậm rãi vừa bước đi vừa nói:

- Ông Phật Độc Giác đi như thế này đây!

Vì cô nhại tướng đi của Ngài nên cô ta thành gù lưng.

Tuy nhiên, ngày đầu tiên cô đã dâng lên

các vị Phật Độc Giác chỗ ngồi trong hoàng cung, lấy bình bát múc đầy cháo đặc cúng dường. Phật nhận lãnh, nhưng vì cháo quá nóng nên phải chuyền bình bát từ tay này sang tay khác. Cô thấy vậy bèn dâng tám vòng tay bằng ngà lót dưới bình bát. Xong Phật nhìn cô, lập tức cô thưa:

- Chư Tôn giả! Chúng tôi không dùng những vòng này nữa, xin các Ngài nhận cho, xem như một món quà của chúng tôi dâng cúng trước khi lên đường.

Các vị Phật Độc Giác mang những chiếc vòng này về hang núi Nandamùla, và đến ngày nay vẫn còn nguyên vẹn. Nhờ phước báo của việc làm này, cô thuộc lòng Tam tạng kinh điển và trí huệ uyên bác, và cũng do đó cô chứng quả Dự lưu. Đó là việc làm của

cô trong thời kỳ giữa

hai vị Phật.

Thời Phật Ca-diếp, có cô con gái viên chưởng khố ở Ba-la-nại, một hôm khi bóng chiều đổ xuống, lấy gương ra soi và trang điểm. Một ni cô bạn thân của cô, người đã dứt hết dục lạc, đến thăm. (Thường những ni cô đã dứt hết dục lạc, hay đến thăm gia chủ ủng hộ mình vào xế chiều). Lúc đó các nàng hầu của cô vắng mặt nên cô bảo vị ni lấy giùm giỏ trang điểm. Nếu không làm theo ý cô, có thể cô nổi sân và như thế sẽ tái sanh vào địa ngục, nhưng nếu nghe lời cô sai bảo thì cô sẽ làm người hầu ở kiếp sau. Làm người hầu dù sao cũng không khổ bằng ở địa ngục, nên vị ni lấy giỏ trang điểm đưa cho cô. Do đó cô trở thành nàng hầu.

Lại một hôm các Tỳ-kheo bàn cãi trong Pháp đường:

- Sàmàvatì và năm trăm cung nữ bị thiêu ngay trong nhà mình. Còn Màgandiyà và quyến thuộc thân bị lửa rơm đốt, bị cày sắt cày nát nhừ, riêng Màgandiyà bị nấu trong dầu sôi. Như vậy ai sống và ai chết?

Đức Phật nghe qua, đáp rằng:

- Này các Tỳ-kheo, những người phóng dật buông lung dù sống một trăm năm cũng như chết. Những người sống chú tâm chuyên niệm, dù chết hay sống vẫn là đang sống. Này các Tỳ-khep, có chú tâm chánh niệm thì không bao giờ chết cả.

Rồi đức Phật đọc Pháp Cú sau:

(21) Không phóng dật, đường sống, Phóng dật là đường

chết. Không phóng dật, không chết, Phóng dật như chết rồi.

(22) Biết rõ sai biệt ấy, Người trí không phóng dật, Hoan hỷ, không phóng dật, An vui hạnh bậc Thánh.

(23) Người hằng tu thiền định, Thường kiên trì tinh tấn, Bậc trí hưởng Niết-bàn, Ắt thanh tịnh vô thượng.

(xem tiếp Phần 2)

Phẩm 2: Không Phóng Dật (2)

2. Tiếng Nói Của Một Người Giàu

Nỗ lực, giữ chánh niệm...

Giáo lý này được đức Phật nói khi Ngài ngụ tại Veluvana, liên quan đến Kumbhaghosaka.

Ngày xưa, một trận dịch hạch hoành hành tại Vương Xá, ngay trong ngôi nhà của vị chưởng khố. Thú vật, ruồi rồi đến gia súc chết đầu tiên, tiếp theo là đám gia nhân và vợ chồng quản gai. Cuối cùng bệnh dịch tấn công viên chưởng khố và vợ ông ta. Biết rằng đã mắc bệnh, hai ông bà nhìn đứa con trai đang đứng gần, mắt đẫm lệ bảo nó hãy đạp

đổ bức tường và trốn đi, đừng quan tâm đến cha mẹ mà hãy cứu mạng mình, rồi sau đó trở về nhà đào kho tàng bốn tỷ tại nơi đó, nơi đó... để sinh sống. Người con trai nghe nói vậy khóc sướt mướt, giã biệt cha mẹ, đạp đổ bức tường và trốn đi. Anh vào

rừng tìm nơi ẩn náu, ở đó suốt mười hai năm rồi về nhà.

Khi ra đi anh chỉ là một đứa bé, giờ trở về tóc và râu mọc dài, không ai nhận ra anh. Anh tìm được kho tàng và thấy còn nguyên, nhưng anh không dám lấy ra xài sợ làng xóm nghi kỵ quấy nhiễu hoặc bắt bớ mình. Vì vậy anh tìm chỗ làm thuê để kiếm sống. Anh ăn mặc rách rưới đến khu những người lao dộng và hỏi thăm xem có ai cần người làm không. Họ trả lời anh:

- Nếu anh làm một phần việc của chúng tôi, chúng tôi sẽ trả gạo cho anh.

- Làm việc gì thế các bạn ?

- Ra lệnh và điều khiển công việc của chúng tôi. Anh phải dậy thật sớm, đi

quanh những người làm và ra lệnh cho họ: "Các ông, thức dậy đi, đem xe ra, thắng ách vào bò, đã đến giờ cho voi ngựa đi ăn cỏ! Các bà ơi, dậy đi, lo nấu cơm, nấu nước!".

- Hay quá !

Và anh nhà giàu nhận việc. Họ cho anh nhà ở và anh làm việc đều đặn thật hết lòng.

Một hôm vua Bình-sa-Vương, người có thể nhận dạng mọi người qua tiếng nói, nghe tiếng của anh ông nói ngay:

- Đây là tiếng nói của một người giàu có.

Một tỳ nữ đứng gần vua nghe thế nghĩ rằng không thể xảy ra một chuyện như vậy được, và cô ta muốn điều tra nên

phái người đi dò hỏi, biết đó là một người nghèo làm việc cho những người hầu. Nhà vua nghe báo cáo không nói gì thêm, nhưng mấy ngày sau nghe tiếng anh cất lên vẫn đoan chắc là giọng nói của một nhà giàu. Năm lần bảy lượt hỏi tới hỏi lui, dò xét đủ kiểu, cô tỳ nữ tâu với vua anh chàng đó là một người nghèo, vua vẫn không tin. Cô nghĩ chắc là vua nói đúng nên cô thấy mình có bổn phận phải tìm hiểu sự thật. Cô xin vua cho một ngàn đồng, sẽ đem con gái mình đến gặp người đàn ông này, và hứa sẽ đem kho tàng về hoàng cung.

Rồi hai mẹ con ăn mặc rách rưới đến khu lao động xin tá túc vài ngày trước khi đi xa. Những người tại đó chỉ nhà của Kumbhaghosaka, Ban đầu anh ta không chịu cho ở, sau hai mẹ con cứ nằn nì mãi anh buộc lòng phải chấp nhận. Cô

tỳ nữ làm đủ cách để lấy lòng anh ta, nào là nấu cơm hảo hạng theo hoàng gia với nước sốt và cà-ri ... Cuối cùng cô ta cắt dây giường nệm, mỗi ngày một ít trong ba ngày liên tiếp. Kumbhaghosaka cáu kỉnh trách móc thì cô ta cứ trả lời là không thể ngăn tụi nhóc nhảy tưng tưng lên đó. Rồi đến một hôm toàn bộ tấm nệm rơi xuống đất vì đã đứt hết dây. Lần này anh không kiềm chế, nổi giận đùng đùng vì không còn giường để nằm nữa. Anh ta rên rỉ:

- Trời! Tôi biết đi đâu bây giờ đây?

Cô tỳ nữ không bỏ lỡ dịp, đáp ngay:

- Anh bạn! Tôi biết làm sao, tôi không thể đuổi bọn trẻ hàng xóm cứ đến chơi giỡn và nhảy tưng lên giường. Xin đừng phiền, xem nào, tôi có thể làm gì được

cho anh, à được rồi!

Rồi quay sang cô con gái, bà mẹ ngọt ngào bảo:

- Con gái cưng, dọn chỗ cho anh con nằm.

Cô con gái vâng lời, nằm lăn qua một bên và anh ta qua nằm kế. Đêm đó họ thành thân với nhau. Hôm sau cô con gái khóc kể tự sự với mẹ. Bà mẹ an ủi con:

- Ồ, có sao đâu! Con rồi cũng phải có chồng, anh ta phải có vợ.

Rồi bà nhận anh ta làm rể. Bà tiếp tục kế hoạch của mình bằng cách cho người về tâu với vua xin ra lệnh cho nghỉ việc tại khu lao động, ai bất tuân sẽ bị xử phạt. Vua chuẩn y. Bà mẹ vợ bối rối bàn với

chàng rể phải làm sao vì nghỉ làm sẽ không có lương, mà lệnh vua thì không dám cãi. Cuối cùng bà xúi chàng rể đi vay nợ để ăn vào ngày nghỉ đó. Anh ta không còn cách nào khác. Đành phải trở về nơi chôn dấu kho tàng lấy đúng một đồng cho mẹ vợ. Bà nhận tiền nhưng đem gởi cho vua và lấy tiền riêng của mình chi tiêu trong nhà.

Sau đó vài ngày, bà lại xin vua truyền lệnh như thế một lần nữa. Anh ta phải trở lại kho tàng lấy thêm ba đồng nữa đem về.

Phần chót kế hoạch của bà là xin vua cho mời Kumbhaghosaka về triều. Anh ta không chịu đi nên bị quân lính áp đảo, nắm tay chân lôi đi. Bà trấn an anh ta, bảo cứ đi; khi gặp vua bà sẽ tâu với vua để xử phạt những kẻ đã dám bắt lôi rể bà.

Rồi bà cùng cô con gái đi trước. Đến hoàng cung, bà cởi bỏ lớp rách rưới, mặc y phục sang trọng với đầy đồ trang sức lấp lánh, đứng một bên vua. Rồi Kumbhaghosaka bị điệu đến trước bệ rồng để đối đáp những lời chất vấn của vua:

- Ngươi là Kumbhaghosaka

- Tâu vâng.

- Tại sao ngươi dối trá khi tiêu pha tài sản kếch sù của mình?

- Tài sản của tôi? Ở đâu, đại vương? Tôi sống bằng sự làm thuê.

- Không phải thế. Sao ngươi lừa dối ta?

- Tâu đại vương, tôi không dối Ngài. Tôi

không có tài sản.

Vua chỉ những đồng tiền do mẹ vợ anh gởi đến và hỏi anh:

- Thế những đồng tiền này của ai?

Kumbhaghosaka nhận ra đồng tiền của mình, sợ hãi đến chết cứng. Anh nhìn về phía vua, thấy hai người đàn bà kia trang điểm lộng lẫy mới vỡ lẽ tại sao đồng tiền của mình lại lọt vào tay vua. Thì ra đây là một âm mưu đã được chuẩn bị kỹ lưỡng và kín đáo, và hai người đàn bà này đã bị nhà vua mua chuộc. Anh sững sờ, đứng chết lặng, không biết phải ăn nói ra sao. Nhà vua đoán biết hỏi dồn anh:

- Nói đi! Tại sao anh làm thế?

Anh run rẩy trả lời:

- Tôi không có người bảo vệ, đại vương!

- Không ai bảo vệ anh bằng ta.

- Tâu đại vương, tôi rất sung sướng được đại vương bảo vệ.

- Ta bảo vệ anh. Tài sản của anh lớn lao đến mức nào?

- Bốn trăm triệu đồng tiền, tâu đại vương.

- Được rồi, ta sẽ cho chở tài sản của anh đến đây. Nhưng bằng cách nào?

- Dạ, bằng xe, tâu đại vương.

Khi cả gia tài của Kumgbaghosaka chất đống trước hoàng cung, vua tập hợp dân chúng trong thành Vương Xá hỏi có ai trong thành có được tài sản nhiều như thế này không? Không ai đáp được, và mọi người đồng thỉnh cầu vua ban cho anh ta chức vị. Vua đồng ý và bổ nhiệm cho anh ta làm chưởng khố rồi gả công chúa cho anh. Sau đó vua dẫn anh đến đảnh lễ đức Phật đồng thời ca ngợi hạnh tốt của anh, không ỷ lại tài sản lớn lao để hưởng thụ, chịu khó làm người nghèo sống bằng sức lao động của mình.

Phật nghe xong hoan hỷ dạy rằng:

- Một người sống như thế, này đại vương, là một người sống chân chánh. Trộm cắp và những hành vi xấu ác khác sẽ đè bẹp chúng ta không những ở đời này mà còn gây đau khổ cho kiếp sau.

Ngược lại, một người như thế nỗ lực hết sức mình, luôn luôn chánh niệm, thân khẩu ý đều thanh tịnh, biết dè dặt từng cử chỉ hành động, biết chế ngự thân hành, khẩu hành và ý hành, sống chân chánh, sống chân chánh, không bao giờ buông mông lung, người như thế càng ngày càng dũng mãnh.

Và kết thúc bằng Pháp Cú:

(24) Nỗ lực, giữ chánh niệm, Tịnh hạnh, hành thận trọng, Tự điều, sống theo pháp, Ai sống không phóng dật, Tiếng lành ngày tăng trưởng.

3.- Châu-Lợi-Bàn-Đặc

Nỗ lực, không phóng dật...

Giáo pháp này được Phật nói tại Veluvana, liên quan đến Trưởng lão Châu-lợi-bàn-đặc.

3A. Châu-Lợi-Bàn-Đặc Ra Đời

Một thương gia giàu có ở Vương Xá có cô con gái đến tuổi dậy thì. Hai ông bà cho cô ở tầng lầu cao nhất của tòa lâu đài bảy tầng và được gìn giữ chu đáo. Nhưng dù vậy, cô không kiềm chế được nhiệt tình của tuổi thanh xuân nên đã lầm lỡ với người nô lệ của mình, có thể bị cha mẹ cho xé xác mình, cô gái bảo anh nô lệ cùng nhau trốn đi.

Họ lấy theo vài món cần thiết và ra đi bằng cửa chính, và từ đó chung sống với nhau. Khi đứa con trong bụng đã lớn, lo

sợ khi phải sanh con ở nơi xa xôi không bà con thân thuộc, cô vợ khuyên anh chồng nên trở về nhà cha mẹ. Nhưng anh chồng vẫn còn e ngại ông bà chủ có thể giết mình nên cứ hẹn lần hẹn lữa, hết mai rồi mốt. Cô vợ chờ mãi sốt ruột và cũng biết anh chồng ngốc của mình nhận biết tội lỗi của hai người sợ không dám về, nên một hôm cô gác lại việc bếp núc, báo cho hàng xóm biết là trở về nhà cha mẹ, xong lên đường. Anh chồng về nhà thấy vắng vẻ, hỏi thăm hàng xóm rồi tức tốc rượt theo và bắt kịp giữa đường, ngay lúc cô ta lâm bồn. Anh chàng hối hả hỏi vợ:

- Gì thế em?

- Một đứa con trai, anh ạ.

- Chúng ta phải làm gì bây giờ?

- Sở dĩ tôi muốn trở về nhà cha mẹ là vì cậu con, nay hắn đã ra đời giữa đường, vậy chúng ta không cần đi nữa, hãy trở về nhà mình.

Vì đứa con sanh ra giữa đường nên được đặt tên là Bàn-đặc. Rồi đến đứa con thứ hai cũng lại diễn tiến như trước và mang tên Châu-lợi Bàn-đặc, còn đứa lớn là Đại Bàn-đặc.

Lớn lên, Đại-Bàn-đặc nghe bè bạn khác với nhau về chú bác ông bà của mình, bèn hỏi mẹ xem nhà mình có bà con họ hàng không. Và khi được biết ông ngoại là một thương gia giàu có đang ở tại Vương Xá, thân bằng quyến thuộc cũng ở cả đó, Đại-Bàn-đặc đòi đến thăm. Bà mẹ bối rồi hỏi ý kiến chồng, cả hai khổ sở không biết tính sao vì họ vẫn còn sợ sệt, cuối cùng họ chiều ý đứa nhỏ đi đến

Vương Xá, trọ tại một nhà gần cổng thành rồi nhắn tin về nhà. Hai ông bà thương gia trong nhiều kiếp luân hồi đã không có con trai con gái, nên vui mừng nhận cháu ngoại, còn hai vợ chồng thì được cho tiền để đi nơi khác sinh sống.

Châu-lợi-bàn-đặc lúc đó còn nhỏ, Đại- Bàn-đặc đã lớn khôn nên thường đi theo ông ngoại nghe Phật thuyết pháp, và lòng chàng muốn từ bỏ thế gian. Ông thương gia nghe cháu nhỏ trình hày ý định như vậy, vô cùng hoan hỷ và dẫn chàng đến Đức Phật.

3B- Châu-Lợi-Bàn-Đặc Thành Tỳ Kheo

Đức Phật chấp nhận cho Đại-Bàn-đặc xuất gia, nhập Tăng đoàn, giao chàng cho một Trưởng lão. Chàng nhận từ

Trưởng lão đề mục thiên quán về "Năm yếu tố đầu tiền cấu tạo thân". Thuộc lòng hết Phật ngôn, an cư suốt mùa mưa, miên mật tu hành, và do chuyên cần tinh tấn hành thiền của chàng đắc A-la-hán, được hưởng nguồn hỷ lạc của thiên định, cũng như niềm

an lạc của Thánh quả. Đại- Bàn-đặc nghĩ rằng em mình cũng có khả năng chứng nhiệm được pháp lạc này, nên trở về nhà ông ngoại xin cho Châulợi-bàn-đặc đi tu. Ông ngoại cũng rất tin vào Tam Bảo và cảm thấy hổ thẹn khi ai hỏi về hai đứa cháu ngoại, con của cô gái bỏ nhà trốn đi, vì hai lý do đó ông rất vui mừng cho phép chúng đi tu.

Châu-lợi-bàn-đặc được gia nhập Tăng đoàn và thọ giới. Nhưng anh chàng quả là đần độn, bốn tháng trời trôi qua cũng không thuộc nỗi bài kệ:

Như hoa sen thắm đượm, Tròn nở sáng tinh sương, Ngào ngạt trinh nguyên hương, Kìa, xin mời chiêm ngưỡng, Đấng Thế Tôn chói lọi, Như mặt trời lừng không.

Vào thời Phật Ca-diếp, Châu-lợi-bàn-đặc rất thông minh, nhưng khi vào Tăng chúng, ông đã chế nhạo và đùa cợt một Tỳ-kheo kém trí. Vị này vì bị làm trò cười nên không học thuộc, thậm chí không lặp lại được lời kinh. Do quả báo này ông tái sanh thành người đần độn. Vừa học xong một câu sau thì câu trước đã quên mất. Bốn tháng trôi qua, ông vẫn không thuộc nổi bài kệ. Đại-Bàn-đặc thấy em mình như vậy, nghĩ rằng không thể đạt cứu cánh tối thượng của Đạo, nên đuổi em ra khỏi Tăng đoàn. Nhưng

Châu-lợi-bàn-đặc rất tha thiết với giáo lý Phật-đà. Rời khỏi Tăng đoàn trở về đời sống thế tục là điều ông không muốn nhất trong cõi đời.

Lúc bấy giờ Jìvaka Komaràbhacca mang thật nhiều hương hoa đến vườn xoài của mình cúng dường Phật, nghe Pháp xong, ông đảnh lễ đức Thế Tôn, rồi tiến đến vị quản chúng là Đại-Bàn-đặc xin thỉnh chúng Tỳ-kheo đến thọ thực tại nhà. Trưởng lão Đại-Bàn-đặc nhận lời mời cả chúng Tỳ-kheo trừ vị Tỳ-kheo đần độn không thuộc kinh kệ. Châu-lợi-bàn-đặc thấy anh mình quả không đoái hoài đến em một chút nào, không ích lợi gì mà kéo dài đời tu sĩ, nên quyết định rời Tăng đoàn, về nhà hành hạnh bố thí và các công đức khác. Sáng hôm sau ông rời tinh xá rất sớm. Cũng sáng sớm đó, Thế Tôn quan sát thế gian, thấy rõ việc này,

đến trước cổng chờ Châu-lợi-bàn-đặc.

Khi ông đến, thấy Phật bèn đảnh lễ. Được Phật hỏi ông đi đâu vào giờ này, ông kể tự sự, Phật bảo ông:

- Chính Ta thu nhận ông vào Tăng đoàn. Nay anh ông đuổi đi, tại sao ông không đến Ta? Đến đây! Ông hoàn tục thì làm được gì? Hãy ở lại với Ta.

Phật xoa đầu ông, với lòng bàn tay mang đường chỉ bánh xe Pháp, và dẫn ông đến ngồi cạnh hương thất. Xong Ngài dùng thần lực tạo ra một miếng vải thật sạch đưa cho ông, bảo:

- Châu-lợi-bàn-đặc, ông hãy ngồi tại đây, quay mặt về hướng đông, vừa lau khăn này vừa nói: "Tẩy sạch dơ bẩn, tẩy sạch dơ bẩn!"

Đúng lúc ấy giờ thọ thực được báo. Đức Phật hướng dẫn Tăng chúng đến nhà Jìvaka và ngồi xuống chỗ đã dành sẵn.

Về phần Châu-lợi-bàn-đặc, ông vâng lời Thế Tôn, vừa lau tay vào miếng vãi vừa bảo: "Tẩy sạch dơ bẩn, tẩy sạch dơ bẩn!". Chiếc khăn ban đầu sạch, bây giờ nhớp nhúa. Từ

đó ông nhận ra, vì thân này mà khăn đã mất hết sự sạch sẽ tinh khiết ban đầu và trở thành nhiễm ô cáu bẩn, nên thốt lên: "Các pháp là vô thường". Và chuyên chú vào kiến giải sinh diệt này, ông khai mở tuệ giác. Đấng đạo sư biết ông đã khai mở tuệ giác liền bảo: "Châu-lợi-bàn-đặc, đừng nghĩ rằng chỉ mảnh vãi ấy trở thành cáu bẩn mà ngay trong tâm ông tham ái, bất tịnh và những cấu uế khác cũng đầy rẫy; ông hãy tẩy sạch chúng". Rồi Ngài phóng hào

quang hiện thân đến ngồi trước mặt ông đọc Pháp Cú:

Tham ô nhiễm, chẳng phải là bụi bẩn. Ô nhiễm chính dùng để chỉ lòng tham. Các Tỳ-kheo, hãy tẩy sạch tham lam. Và sống đúng giáo pháp bậc vô nhiễm Sân ô nhiễm, chẳng phải là bụi bẩn. Ô nhiễm chính để dùng chỉ bận sân. Các Tỳ-kheo, hãy tẩy sạch lòng sân. Và sống đúng giáp pháp bậc vô hận. Si ô nhiễm, chẳng phải là bụi bẩn. Ô nhiễm chính dùng để chỉ ám si. Các Tỳ-kheo, hãy tẩy sạch si đi, Giáo pháp bậc không si, nên theo đúng.

Dứt bài kệ, Châu-lợi-bàn-đặc chứng A- la-hán và các thứ thần thông, và cùng với

thần thông, ông thông suốt cả ba tạng kinh điển.

Trong một kiếp trước, Châu-lợi-bàn-đặc là một vị vua. Có lần trong một buổi lễ đi diễn quanh thành, mồ hôi tươm ướt trán, ông lau trán với một chiếc khăn sạch và sau đó khăn thành lem luốt. Ông nhận ra thân thể nhơ bẩn của mình đã khiến chiếc khăn trước sạch sau dơ, và sau đó biết các pháp là vô thường. Hiểu rõ tính vô thường nên ở kiếp sau tẩy sạch ô nhiễm đã giúp ông giải thoát.

(Trong buổi trai Tăng tại nhà)

Jìvaka Komàrabhacca dâng nước lên đấng Thập Lực. Ngài lấy tay đậy bình bát và hỏi:

- Jìvaka, không còn Tỳ-kheo nào ở tinh

xá sao?

Đại-Bàn-đặc đáp:

- Bạch Thế Tôn, không còn Tỳ-kheo nào trong tinh xá.

Phật bảo:

- Này Jìvaka, có đấy!

Jìvaka thưa:

- Dạ được.

Rồi ông cho người đến tinh xá xem còn vị Tỳ-kheo nào không.

Do thần thông, Châu-lợi-bàn-đặc nghe anh mình trả lời như thế bèn hiển lộng thần thông biến ra hằng ngàn tỳ-kheo

đông dày trong vườn xoài, người may y, kẻ nhuộm y, người khác đang tụng đọc kinh, chẳng người nào giống người nào. Khi gia nhân của Jìvaka thấy các Tỳkheo, ông liền

quay về, nói:

- Thưa gia chủ, các thầy Tỳ-kheo ở vườn xoài rất đông.

Tại vườn xoài, Trưởng lão Bàn-đặc:

Hóa thân ngàn vị xong thì Vườn xoài tịnh tọa đến khi được mời.

Đức Phật bảo gia nhân trở lại tinh xá nói Thế Tôn cho đòi Châu-lợi-bàn-đặc. Nhưng khi ông nói đến câu ấy, cả ngàn miệng các Tỳ-kheo đồng thanh la lên "Ta là Châu-lợi-bàn-đặc". Ông ta ra về thưa lại, đức Phật bảo hãy trở về tinh xá lần nữa và nắm tay người đầu tiên nói "Ta là

Châu-lợi-bàn-đặc" mời đi, những người còn lại sẽ biến mất tức khắc. Sự việc xảy ra như vậy, và ông ta trở về với Châu-lợibàn-đặc.

Cuối buổi thọ thực, đức Phật dạy Jìvaka giữ bình bát của Châu-lợi-bàn-đặc hồi hướng công đức cúng dường. Châu-lợibàn-đặc khi ấy như một con sư tử con rống tiếng rống của loài sư tử, hồi hướng công đức xuyên suốt Tam tạng kinh điển. Rồi Phật từ chỗ ngồi đứng lên, với Tăng chúng vây quanh cùng trở về tinh xá. Sau khi được các Tỳ-kheo chăm sóc như thường lệ, Phật trở về hương thất, ban cho các Tỳ-kheo lời khuyên dạy của một đấng An Lạc, cho đề mục thiên quán và giải tán Tăng chúng. Thế Tôn vào nghỉ trong hương thất, nằm xuống, nghiêng mình bên phải như sư tử.

Chiều đến, các Tỳ-kheo từ bốn phía tụ đến, giống như những tấm màn đỏ thắm di động, ngồi xuống trong Pháp đường, tán thán công hạnh của đức Đạo sư, đấng Toàn Giác, Pháp Vương Tối Hậu, chỉ trong khoảng bữa ăn đã độ cho một người đần độn, bốn tháng trời không thuộc nổi một câu kệ, chứng A-la-hán cùng các thần thông và thông suốt luôn cả ba tạng kinh điển. Đức Phật biết các Tỳ-kheo đang thảo luận như thế bèn rời tòa báu, đắp thượng và hạ y nhuộm màu rực rỡ hào quang, thắt lưng nhẹ như chớp hiện, và khoác trên vai chiếc đại y, giống như chiếc mền đỏ thắm của bậc An Lạc, rời hương thất. Ra khỏi chiếc thất tỏa mùi hương quý, Phật bước đi như voi chúa, dáng trang nghiêm khó sánh của một vị Phật, đến Pháp đường. Ngài bước lên Pháp tòa uy nghi lộng lẫy, từ thân phóng hòa quang sáu màu như vầng thái

dương vừa mọc trên đỉnh núi Yugandhara làm rung động tận đáy biển sâu, và ngồi xuống ngay giữa.

Lúc Thế Tôn đến, cả hội chúng ngừng chuyện lặng im. Ngài nhìn khắp hội chúng với lòng trìu mến, tự nghĩ: "Hội chúng này làm Ta mãn nguyện vô cùng. Đâu yên đó, không một bàn tay, một bàn chân lộn xộn, không một tiếng ho hen, không một tiếng hắt hơi. Toàn chúng Tỳkheo này tôn kính Ta với lòng tôn kính rất mực dành cho một vị Phật, thuần thục Ta vì sự oai nghiêm của Như Lai. Dù ta có ngồi đây im lặng suốt một kiếp thì họ cũng sẽ làm thinh không dám cất tiếng trước, ngay cả hé môi cũng không. Chỉ có Ta mới quyết định khi nào nói đúng thời. Vì vậy Ta sẽ nói trước tiên."

Và với giọng nói ngọt ngào của Đại

Phạm thiên, Ngài hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông tụ hội ở đây bàn luận việc gì? Các ông đang nói gì mà ngưng ngang ?

Nghe các Tỳ-kheo kể xong, Ngài dạy rằng:

- Các Tỳ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Châu-lợi-bàn-đặc tỏ ra đần độn và cũng đã nương tựa vào Ta, trong một kiếp trước ông đã là một người đần độn và cũng đã nương tựa Ta. Nhưng ở kiếp đó Ta khiến ông ấy làm chủ tài sản thế gian, còn bây giờ Ta độ ông ấy làm chủ tài sản xuất thế gian.

Các Tỳ-kheo muốn nghe chuyện này, Phật kể.

Chuyện quá khứ

3C - Vị Thầy Lỗi LạcChàng Trẻ Tuổi Và Vua Ba La Nại

Ngày xưa, một chàng trẻ tuổi ở Ba-la-nại đi đến Takkasilà (thành Hoa Thị) để học nghề với một vị thầy rất lỗi lạc có năm trăm học trò dưới tay. Anh làm hết mọi việc lặt vặt, đỡ đần cho thầy nhiều nhất, từ việc rửa và sức dầu thơm chân thầy, anh đều làm một cách tận tụy. Nhưng anh lại đần độn, không thuộc nhớ một điều gì. Dù vị thầy thấy anh rất đắc lực, cố gắng dạy nghề cho anh nhưng chỉ mất công vô ích. Thời gian đã lâu mà anh ta vẫn không thuộc nỗi một câu kệ nào, chán nản anh muốn rời thầy về nhà.

Vị thầy thấy anh ta hết lòng hầu hạ mình, nên cũng muốn dạy cho anh ta thành một

nhà thông thái nhưng không được. Do đó, để đền ơn phần nào, ông dạy cho anh ta một câu chú. Ông dẫn anh ta vào rừng và bắt học thuộc câu: "Ngươi đang âm mưu, ngươi đang âm mưu! Tại sao ngươi âm mưu? Ta biết rồi! " Tuy anh ta phải vất vả lắm mới học thuộc hết, nhưng một khi đã thuộc rồi thì không bao giờ quên nữa. Rồi ông cho chàng một số tiền làm lộ phí và dặn dò:

- Bây giờ anh hãy đi kiếm sống bằng bài chú này. Nhưng điều kiện bắt buộc là anh không được quên, phải lặp đi lặp lại hoài hoài.

Và anh lên đường trở về Ba-la-nại. Mẹ anh gặp lại con mừng rỡ vì nghĩ con đã học thành tài, và mở tiệc ăn khao.

Lúc bấy giờ vua Ba-la-nại đang trong

thời kỳ chú tâm xem xét từng hành động của thân khẩu ý, hầu phát hiện lỗi lầm của mình. Ông tự tìm mà không thấy lỗi. Sau, ông tự nghĩ mình sẽ không thấy được lỗi của mình và phải nhờ người khác. Vì thế ông đi khắp hoàng thành để lắng nghe thiên hạ phê bình vua. Ông biết rằng thói thường khi đã no bụng người ta ưa ngồi lê đôi mách đủ thứ truyện trên cõi đời, và nếu vua cai trị bất công họ sẽ kể lể nào là đời sống suy sụp vì sưu cao thuế nặng, bị hôn quân áp bức, còn vua cai trị công minh sẽ được tán thán về đức tính cao quý và được tung hô vạn tuế.

Do đó đêm xuống, vua cải trang ra khỏi cung điện, đi đến nhà dân. Nhằm lúc có bọn trộm đang đào một đường hầm giữa hai nhà để chui vào. Một là nhà của chàng trẻ tuổi vừa học nghề về. Bọn trộm

vào được nhà và bắt đầu dòm ngó đồ đạc. Vừa đúng lúc, chàng trai thức giấc, miệng lẩm nhẩm câu chú: "Ngươi đang âm mưu, ngươi đang âm mưu! Tại sao ngươi làm thế? Ta biết rồi! " Bọn trộm nghe qua thất kinh hồn vía, tưởng là đã bị phát giác, sợ nguy đến tính mạng liền tháo chạy xuống đường hầm bất kể phương hướng, quăng lại bộ quần áo trên người. Vua đang ở gần đó, thấy bọn trộm chạy và nghe chàng trai đọc thần chú, ông đi tiếp đến khi trời gần sáng sớm mới về hoàng cung, và ra lệnh đòi chàng trai đến để bắt truyền dạy câu chú. Anh ta đồng ý và dạy xong được vua ban một ngàn đồng.

Viên tướng thống lãnh quân đội thời đó muốn soán ngôi nên âm mưu với anh thợ cạo cắt cổ vua, thành công thì chức thống lãnh quân đội sẽ dành cho anh ta. Đến

ngày cạo râu cho vua, anh thợ cạo vào cung thấm ướt râu vua với nước hoa, mài dao và áp vào cằm vua. Cứa cổ vua tốt nhất chỉ với một nhát dao nhưng thấy con dao hơi lụt nên anh ta mài dao thêm một lần nữa. Nhà vua bỗng nhớ đến câu chú muốn đọc lại "Ngươi đang âm mưu, ngươi đang âm mưu! Tại sao ngươi làm thế? Ta biết rồi!" Anh thợ cạo hết hồn, mồ hôi ướt trán từng giọt vì tưởng rằng vua đã biết toan tính của mình. Anh ta ném dao, quỳ mọp sát chân vua run rẩy. Vua đoán ngay việc gì xảy ra nên giận dữ bảo:

- Tên vô lại! Mi nghĩ rằng vua không biết gì ư?

- Tâu bệ hạ, xin tha mạng cho thần!

- Thôi được, đừng sợ. Nói hết đầu đuôi

cho ta nghe.

Nghe xong, vua gọi viên tướng lãnh đến trục xuất khỏi vương quốc và giao chức thống lãnh quân đội cho chàng trai để đền ơn.

Thế Tôn kết thúc câu chuyện:

- Chàng trai chính là Châu-lợi-bàn-đặc và vị thầy lỗi lạc là Ta.

Lại một hôm, các Tỳ-kheo bảo Thế Tôn là nơi nương tựa cho Châu-lợi-bàn-đặc. Phật kể thêm chuyện quá khứ Culla Setthi trong Bổn sanh:

Người khôn ngoan thông minh, Có thể nâng đời mình, Lên địa vị cao sang Bằng chút ít tài sản, Như thổi ngọn lửa nhỏ,

Gây nên đám lửa to.

Và bảo các Tỳ-kheo:

- Lúc đó học trò là Châu-lợi-bàn-đặc, còn thương gia là Ta.

Một hôm khác, các Tỳ-kheo nhắc lại chuyện Châu-lợi-bàn-đặc:

- Trong bốn tháng Châu-lợi-bàn-đặc không thuộc nỗi một câu kệ. Nhưng vì trong tâm ông vẫn nung nấu ý nguyện không hề lơi lỏng nên ông ta đã chứng A-la-hán, và giờ đây đang làm chủ tài sản xuất thế gian.

Phật đến, nghe kể lại bèn dạy rằng:

- Này các Tỳ-kheo! Một Tỳ-kheo khi nỗ lực hết sức mình tuân giữ giới luật thì

không thể nào không làm chủ tài sản xuất thế gian.

Và nói Pháp Cú sau:

(25) Nỗ lực, không phóng dật Tự điều, khéo chế ngự, Bậc trí xây hòn đảo, Nước lụt khó ngập tràn.

4. Ngày Lễ Của Kẻ Ngu

Chúng ngu si thiếu trí ...

Phật nói câu Pháp Cú này lúc ở Kỳ Viên liên quan đến ngày lễ của kẻ ngu, Bàlanakkhatta.

Một thuở nọ, tại Xá-vệ có một ngày lễ

của những tên ngu kéo dài trong bảy ngày. Chúng trét tro phân đầy mình và tha hồ nói đủ kiểu thô tục. Nếu chúng gặp thân quyến bè bạn hay người tu nào, chúng sẽ chẳng nể nang gì, có thể đứng tại cửa lăng mạ với những lời lẽ thô tục. Ai không chịu nổi thì phải trả cho chúng một đồng, một nữa hay một phần tư tuỳ theo túi tiền. Có tiền rồi, chúng mới chịu đi tới chỗ khác.

Năm mươi triệu thánh đệ tử Phật tại Xávệ lúc đó bèn gửi lời xin Thế Tôn cùng Tăng chúng chớ vào thành trong bảy ngày lễ này, và họ gửi thực phẩm đến tận tinh xá cúng dường, và chính họ cũng không dám ra khỏi nhà.

Đến ngày thứ tám khi cuộc lễ kết thúc, họ cung thỉnh Phật và Tăng đoàn đến cúng dường đầy đủ, xong kính cẩn ngồi

một bên thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con đã trải qua bảy ngày thật khó chịu. Lỗ tai chúng con muốn nổ tung khi nghe những câu nói tục tĩu của lũ điên. Không ai tôn trọng ai hết. Vì thế chúng con không dám để Thế Tôn vào thành. Chính chúng con cũng không ra khỏi nhà.

Phật nghe xong bảo họ:

- Kẻ ngu cư xử điên rồ như thế. Còn người khôn giữ gìn chánh niệm xem như kho tàng quý báu nhất, và do hành động như thế sẽ đạt đến Bất Tử và Niết Bàn.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(26) Chúng ngu si thiếu trí, Chuyên sống đời phóng dật,

Người trí, không phóng dật. Như giữ tài sản quý.

(27) Chớ đời sống phóng dật Chờ mê sau dục lục, Không phóng dật, thiền định, Đạt được an lạc lớn.

5. Đại Ca Diếp

Người trí dẹp phóng dật ...

Thế Tôn nói Pháp Cú này khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Đại Ca- diếp.

Khi Trưởng lão còn ở trong hang Pipphali, một hôm vào thành Vương Xá khất thực xong, trở về độ ngọ,

rồi Ngài ngồi xuống khai mở Tuệ giác, dùng Thiên nhãn xem xét chúng sanh, kẻ buông lung, người chánh niệm, chúng sanh trong nước trên đất, trên núi và khắp mọi nơi, kẻ ra đời người quá vãng.

Bấy giờ đấng Đạo sư tại Kỳ Viên cũng dùng Thiên nhãn xem xét, và thấy đệ tử Ngài là Đại Ca-diếp đang quán sát chúng sanh trong vòng sanh tử. Chúng sanh trôi lăn từ kiếp sống này đến kiếp sống khác, và thọ mạng trong bào thai của mẹ mình mà không hề biết gì cả cha lẫn mẹ. Biết rằng Ngài Ca-diếp chưa đủ năng lực để thấu triệt điều này, chỉ có chư Phật mới thông suốt toàn bộ vòng luân hồi sanh tử của chúng sanh, nên Thế Tôn nói cho Tôn giả hay điều đó, và phóng quang ánh kim thân Phật ngồi trước mặt Ca-diếp, đọc câu Pháp Cú:

(28) Người trí dẹp phóng dật, Với hạnh không phóng dật, Leo lầu cao trí tuệ, Không sầu nhìn khổ sầu, Bậc trí đứng núi cao, Nhìn kẻ ngu đất bằng

6.- Hai Huynh Đệ

Tinh cần giữa phóng dật ...

Phật nói Pháp Cú này khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến hai huynh đệ.

Có hai Tỳ-kheo nhận đề mục thiền quán từ Phật xong, lui vào rừng ẩn cư. Sáng sớm người thứ nhất lo mang củi, nhúm lò than và suốt canh một ngồi tán gẫu với các cận sự và Sa-di. Người kia thì tinh cần chánh niệm lo tọa thiền, khuyên bạn

chớ nên buông lung vì tứ khổ luôn chực sẵn ở đó chờ người buông lung như ngôi nhà của mình vậy, và không thể được ân huệ của chư Phật với lòng tráo trở. Nhưng vị Tỳ-kheo lười biếng không nghe. Thấy không thể khuyên nhắc gì bạn mình, vị kia vẫn hết mình an trú trong chánh niệm, tiếp tục ngồi thiền.

Vị Tỳ-kheo lười ngồi sưởi hết canh một, rồi đứng dậy trở về tinh xá cùng lúc với vị kia vừa kinh hành xong trở về liêu. Đã vậy ông còn lên giọng răn dạy vị huynh đệ của mình:

- Anh thực là biếng nhác, lui vào rừng chỉ để nằm dài và ngủ khì. Nhận đề mục thiền quán từ Thế Tôn đáng lý anh phải thức dậy và nổ lực tọa thiền mới đúng chứ!

Buông ra những lời dạy khôn xong, ông ta vào liêu đến chỗ mình điềm nhiên nằm xuống và ngủ liền. Còn vị kia, sau khi kinh hành suốt canh một, nghỉ trong canh hai thức dậy vào canh cuối và dốc hết sức tọa thiền. Sống chánh niệm như thế chẳng bao lâu vị Tỳ-kheo tinh cần chứng A-la-hán cùng các thần thông. Còn vị lười biếng kia phí hết thì giờ trong sự buông lung.

Mãn thời gian an cư, cả hai đi đến Thế Tôn, đảnh lễ cung kính và ngồi xuống một bên. Phật thăm hỏi họ và bảo:

- Ta tin các ông đã sống tinh cần chánh niệm, miên mật hành thiền. Chắc các ông đạt được quả thánh ?

Tỳ-kheo lười lẹ miệng thưa:

- Bạch Thế Tôn, ông kia chẳng tinh cần chút nào cả. Từ lúc rời Phật chỉ có nằm và ngủ.

- Còn ông thì sao ?

- Bạch Thế Tôn, vừa sáng sớm con đã mang củi nhúm lò than và ngồi sưởi trong canh một. Con không phí thì giờ để ngủ.

- Ông đã phí thời giờ sống buông lung mà còn dám bảo là mình siêng năng. Ông đã sai quấy sống buông lung thay vì sống tinh cần chánh niệm. So với con của ta như con tuấn mã, ông như con ngựa hèn yếu.

Rồi Thế Tôn đọc Pháp Cú:

(29) Tinh cần giữa phóng dật,

Tỉnh thức giữa quần mê, Người trí như tuấn mã, Bỏ sau con ngựa hèn.

7. Magha Trở Thành Trời Sakka (Đế Thích)

Đế Thích không phóng dật ...

Thế Tôn dạy Pháp Cú này trong tinh xá mùa hè gần Tỳ-xá-ly liên quan đến vua trời Đế Thích.

Chuyện hiện tại.

7A. Câu Hỏi Của Mahàli

Một ông hoàng dòng Lệ-xá tên Mahàli Tỳ-xá-ly, nghe Thế Tôn đọc bài kinh tựa

đề là "Câu hỏi của Đế Thích", trong đó Ngài nói những sự tốt đẹp huy hoàng của Đế Thích, ông đem lòng thắc mắc không hiểu Ngài có trông thấy hay quen biết với Đế Thích không. Và ông ta đến gần Thế Tôn, ngồi xuống một bên thưa hỏi. Thế Tôn giải đáp rằng trong một tiền kiếp, vua trời Đế Thích đã từng làm người là ông hoàng Magha nên được gọi là đức Maghavà; một kiếp khác là một người cúng dường nên tên là Purindada; một kiếp nữa là người ham bố thí nên tên là Sakka; là người có thể nghĩ đến ngàn việc trong một lúc tên là Sahassakkha, có vợ A-tu-la nên tên là Sujampati; đã từng thống lãnh các vị trời cõi ba mươi ba nên được gọi là vua trời. Ngoài những công đức này, đức Phật giải thích thêm, trong một tiền kiếp khác vua trời Đế Thích đã làm tròn bảy điều thệ nguyện là suốt đời:

1) Phụng dưỡng cha mẹ, 2) Lễ kính bậc trưởng thượng, 3) Nói những lời hòa nhã, 4) Không bao giờ nói xấu ai sau lưng, 5) Làm gia chủ với tâm không tham lam keo kiệt, tay rộng mở buông xả những gì thuộc về mình, hoan hỷ rộng lượng, ân cần với người

cầu xin, hoan hỷ trong sự bố thí, 6) Nói sự thật, 7) Dứt bỏ sân hận, nếu sân hận nổi lên xin mau buông bỏ.

Đó là những việc làm của Đế Thích khi ông là ông hoàng Magha xử sự ra sao nên Mahàli thỉnh cầu Thế Tôn kể chuyện quá khứ. Ngài kể:

7B. Magha Trở Thành Vua Trời Sakka

Xưa có một ông hoàng tên Magha sống trong làng Macala thuộc vương quốc Ma-kiệt-đà. Một hôm ông đến chỗ buôn bán thị tứ, lấy chân gạt sạch bụi đất để có một chỗ đứng thoải mái. Nhưng một người khác lại đến đẩy ông ra chiếm chỗ. Thay vì giận người ấy, ông kiếm một chỗ khác dọn sạch để đứng. Lại một người cũng đến đẩy ông ra chiếm chỗ. Ông dặn lòng đừng giận và lại tìm chỗ khác. Rồi hết người này đến người nọ tiếp tục đuổi ông đi. Ông nghĩ rằng những người này dường như khoái chí, việc làm của ông mang đến niềm vui cho họ, quả là một việc đáng làm. Hôm sau ông mang cuốc dẹp dọn một khoảng đất rộng bằng sân phơi lúa, tức thì thiên hạ đến chiếm chỗ. Mùa lạnh ông đốt lò sưởi ấm họ, vì thế đây là nơi mọi người thích đến. Rồi ông thấy có bổn phận phải làm một con đường bằng phẳng dễ đi, nên sáng sớm

ông bắt đầu làm đường, chặt bỏ hết những cành cây vướng víu. Ông đã dành thì giờ để làm những việc như thế.

Có người thấy vậy bèn hỏi ông:

- Thưa Ngài, Ngài đang làm gì thế?

- Tôi đang bước trên đường dẫn đến cõi trời.

- Cho tôi cùng đi với.

- Thưa Ngài, hãy đi với tôi; thiên đường là nơi an lạc cho nhiều người.

Thấy hai người đang làm việc, người thứ ba đến, và tương tự như trước, xin gia nhập. Rồi người thứ tư, thứ năm, cuối cùng là đến người thứ ba mươi ba. Họ dùng cuốc và rìu làm một con đường dễ

đi và bằng phẳng dài chừng một hai dặm. Thôn trưởng nghe tin đến xem xét việc họ làm và tỏ vẻ bực bội vì không kiếm chác gì được cho riêng mình. Ông thuyết phục họ đừng làm nữa vì không phải là việc của người tại gia, và ông khuyên họ đi câu cá, săn thú rừng, hoặc chè chén say sưa, hoặc vui chơi thỏa thuê. Nhưng họ không nghe ông, vẫn một mực làm con đường dẫn lên cõi trời. Thôn trưởng tức giận muốn phá họ bèn tâu dối vua đó là một bọn cướp. Vua truyền lệnh bắt ba mươi ba chàng trai cho voi chà. Trước cơn nguy khốn, Magha nhắn nhủ đồng bọn:

- Các bạn, chúng ta không còn chỗ nào để ẩn náu ngoài lòng từ bi. Hãy để tâm an tĩnh. Hãy yêu thương, đừng sân giận bất cứ ai. Nên rải tâm từ đến nhà vua, thôn trưởng và đến cả con voi sắp giẫm

chân lên chúng ta.

Ba mươi ba chàng trai vâng lời thủ lãnh của họ. Sức mạnh của tình thương đã khiến con voi không dám đến gần họ.

Vua nghe báo tưởng rằng vì nhiều người nên voi không dám đến, nên ra lệnh phủ lên người họ tấm thảm dày. Nhưng từ xa voi đã thối lui. Vua đoán biết chắc là có lý do gì đây, nên gọi họ lại xem có phải bọn họ là băng ăn cướp len lỏi trong rừng hay không, được biết họ bị thôn trưởng vu oan. Vua ra lệnh bắt thôn trưởng cùng với vợ con làm nô lệ cho họ, tặng một con voi để cưỡi và cả ngôi làng ấy để tùy nghi sử dụng. Ba mươi ba chàng trai thấy rõ công đức mang đến lợi lạc ngay đời này, họ càng thêm phấn khởi, nên khi cưỡi voi về làng họ bàn tính sẽ làm thêm nhiều công đức nữa. Cuối cùng họ nhất

trí xây dựng một nhà khách cho dân chúng tại ngã tư đường lớn, một tòa nhà an toàn và kiên cố. Họ mời chủ thầu đến giao việc, và cấm không cho phụ nữ dự phần vào, vì họ đã dứt được lòng tham dục đối với phụ nữ.

Lúc bấy giờ có bốn bà ở trong nhà Magha là Hoan Hỷ, Trầm Tư, Thiện Tánh và Thiện Sanh. Thiện Tánh bí mật đến gặp chủ thầu hối lộ để ông ta chạm câu "Căn nhà này của Thiện Tánh" vào tháp nhọn trên mái nhà. Chủ thầu vớ được món bở, đồng ý ngay và cho hạ một cây khô. rồi đẽo, bào, khoan thành một tháp nhọn, xong quấn vải cất lại.

Khi căn nhà đã hoàn thành, đến ngày dựng tháp chủ thầu giả bộ hoảng hốt tìm ba mươi ba chàng trai báo tin là còn thiếu cây tháp. Họ hối phải làm ngay,

nhưng không thể làm với cây tươi được. Chủ thầu lúc đó bảo họ tốt nhất là đi tìm nhà nào đã làm sẵn tháp để bán. Họ tìm kiếm khắp nơi và chỉ trong nhà Thiện Tánh là có sẵn tháp. Họ chịu mua với giá một ngàn đồng, nhưng Thiện Tánh không bán mà chỉ muốn góp phần vào công trình xây dựng. Các chàng trai ban đầu từ chối viện dẫn không muốn cho phụ nữ tham gia, nhưng sau bị chủ thầu thuyết phục là chỉ có cõi Phạm Thiên mời loại trừ đàn bà, nên họ nhận tháp để công trình sớm hoàn tất. Rồi họ chia căn nhà ra ba phòng, một dành cho vua, một cho người nghèo và một cho người bệnh.

Họ xây tiếp ba mươi ba chỗ ngồi, dặn con voi khi có khách đến ngồi vào chỗ nào thì mời khách đến nơi vị chủ của chỗ ngồi đó, để chủ làm bổn phận với khách như xoa bóp chân và lưng khách, dâng

thức ăn cứng và mềm dọn chỗ ở, tức là làm tốt mọi việc phục vụ khách.

Magha trồng một cây mun gần tòa nhà và xây một ghế đá dưới gốc cây. Khách vào tòa nhà. Nhìn tháp nhọn đọc tên của Thiện Tánh đã khắc chạm vào đó, mà không thấy tên ba mươi ba chàng trai đâu cả.

Hoan Hỷ thấy Thiện Tánh khéo góp phần vào, trong khi mình chưa có gì hết, bèn nghĩ cách đào một hồ nước, để cung cấp nước uống và nước tắm cho khách. Đến lượt Trầm Tư cũng vậy, biết rằng ai đã bước vào tòa nhà, sau khi uống nước và tắm đều trang điểm vòng hoa trước khi đi ra, nên cho trồng một vườn hoa tráng lệ với nhiều hoa đẹp và trái quý đến nỗi

không ai bảo bông trái này chắc chắn là từ vườn hoa của Trầm Tư. Riêng phần Thiện Sanh là em họ và cũng là vợ của Magha nên nghĩ rằng công đức của Magha nàng sẽ được hưởng lây. Cũng như công đức của nàng Magha vẫn hưởng chung, do đó nàng chẳng làm gì cả, chỉ lo trang điểm.

Như vậy, Magha người phụng dưỡng cha mẹ, tôn kính bậc trưởng thượng, nói sự thật, không lỗ mãng, không nói sau lưng, bỏ lòng tham, không nổi sân, tức là đã làm tròn bảy giới luật nên được làm vua trời cõi ba mươi ba sau khi tái sanh. Các bạn đồng hành cũng đều sanh thiên nơi đó. Còn người chủ thầu thì làm trời Vissakamma.

Khoảng thời gian đó còn loài A-tu-la sống ở cõi trời ba mươi ba, và khi họ biết

có những vị trời mới sinh lên đó bèn chuẩn bị tiệc rượu cho họ. Nhưng vua trời Đế Thích cấm nhóm bạn mình không được uống nước đó. Các A-tu-la thì uống thỏa thuê và say nhè. Đế Thích không muốn cho A-tu-la sống chung với mình nên ra hiệu cho nhóm bạn mình đá họ rơi xuống biển. Nhờ có công đức nên dưới chân núi Tu-di mọc lên tòa lâu đài cho Atu-la và cây hoa Kèn nhiều màu.

Cuộc xung đột giữa chư thiên và A-tu-la kết thúc, phần thắng về chư thiên. Từ đó thành lập cung trời ba mươi ba. Khoảng cách từ cổng Đông sang cổng Tây là mười ngàn dặm, từ cổng Bắc đến cổng Nam cũng vậy. Cung trời có một ngàn công tô điểm với vườn cảnh và hồ nước. Do quả báo từ việc xây cất nhà khách, nổi lên ngay giữa cung một điện các tên là Chiến Thắng. Cao bảy trăm dặm, cờ

phướn dài ba trăm dặm treo la liệt. Trên cột vàng treo cờ ngọc, trên cột ngọc treo cờ vàng, trên cột san hô treo cờ hổ phách, trên cột hổ phách treo cờ san hô, trên cột bằng bảy loại đá quý treo cờ bằng bảy loại đá quý.

Quả báo việc trồng cây mun khiến mọc lên cây san hô ôm một trăm dặm. Quả báo của việc xây chỗ ngồi dưới gốc cây khiến hiện ra dưới gốc san hô một ngai bằng đá vàng, màu vàng ửng đỏ giống như hoa Lài, dài sáu mươi dặm, rộng năm mươi dặm và dày mười lăm dặm. Khi Đế Thích ngồi lên ngai thì bị lún xuống một nữa, nếu đứng dậy thì trồi lên hết, vì được tái sanh làm trời Eràvana. Vì cõi trời không có loài vật nên muốn đến vườn giải trí voi phải bỏ thân trời hiện tướng voi trở lại, cao lớn cỡ một trăm năm mươi dặm. Voi Eràvana làm ra

ba mươi ba vại nước cho ba mươi ba chàng trai, mỗi cái chu vi ba phần tư dặm. Đúng ngay trung tâm voi tạo một bồn nước tên là Mỹ Lệ dành cho trời Đế Thích, chu vi ba mươi dặm, bên trên có che một vòm làm toàn bằng ngọc quý rộng mười hai dặm. Quanh vòm cách khoảng đều treo những lá cờ dài một dặm bằng bảy báu. Một hàng chuông leng keng dính vào biên dưới lá cờ, mỗi khi gió thổi rung lên một điệu nhạc êm dịu như âm thanh phát ra từ năm loại nhạc cụ hay tiếng hòa của chư thiên. Giữa lầu các đặt sẵn một giường bằng ngọc dài một dặm cho Đế Thích tựa mình trang trọng. Trong ba mươi ba vại nước của ba mươi ba vị trời, mỗi vại mọc lên bảy ngà voi, mỗi cái dài năm mươi dặm và chứa bảy hồ sen, mỗi hồ sen nhô lên bảy cọng sen, mỗi cọng sen nở bảy hoa sen, mỗi hoa có bảy nhánh và trên

bảy nhánh có bảy thiếu nữa đang múa. Như thế trong phạm vi năm mươi dặm ở mọi phía đều có hội chúng nhảy múa lơ lửng trên vô số ngà voi. Vua Đế Thích đã thụ hưởng lạc thú sung mãn như vậy.

Thiện Tánh qua đời cũng tái sanh về cõi trời, đồng thời xuất hiện giảng đường Thiện Tánh, nhà luận nghị của chư thiên rộng chín trăm dặm đẹp không nơi nào bì kịp, và tại đó vào ngày thứ tám hàng tháng có thuyết pháp. Từ đó trở đi ai trông thấy nơi nào lộng lẫy cũng nói giống nhà nghị luận của chư thiên tức giảng đường Thiện Tánh.

Hoan Hỷ và Trầm Tư đều sanh thiên, đồng thời hiện ra một hồ sen tên Hoan Hỷ rộng năm trăm dặm và một khu rừng dây leo tên Trầm Tư rộng năm trăm dặm. Nhưng riêng Thiện Sanh tái sanh thành

một con sếu ở trong hang núi.

Nhận biết tình trạng những người vợ cũ mình như thế, Đế Thích tìm cách giúp cho Thiện Sanh có cơ hội tạo lập công đức. Ông cởi bỏ lớp trời đến bên Sếu trò chuyện. Ông phải xưng tên là Magha vì Sếu không nhận ra và kể cho nàng biết là bạn bè đều sanh thiên, hỏi nàng muốn gặp họ không, nàng ưng thuận. Ông đặt nàng trong lòng bàn tay mang lên trời đến bên hồ sen Hoan Hỷ rồi gọi những bà kia đến. Họ thấy Sếu, chế nhạo một hồi, nào là mỏ nàng, bàn chân rồi đến cặp chân, kết luận một câu:

- Hãy xem quả báo của quý nương, người chỉ dành thời giờ để tô son chuốt phấn cho riêng mình!

Xong kéo đi hết.

Đế Thích mang nàng trở về chỗ cũ trên mặt nước và dọ ý xem nàng có thích cõi trời hay không. Nàng rất ưa thích vì thấy trên đó vui sướng đẹp đẽ. Ông dạy cho nàng năm giới. Ba lần Đế Thích hóa làm cá giả như chết để thử nàng, khi nàng lấy mỏ quắp cá vẫy đuôi, nàng liền không ăn. Nàng Sếu giữ giới không ăn cá sống, chỉ ăn cá đã chết rồi hoặc không ăn gì hết, chẳng bao lâu nàng héo mòn và chết. Do phước báo của việc giữ giới này nàng tái sanh làm con gái người thợ gốm ở Ba-la-nại. Khi cô gái lên mười lăm, mười sáu tuổi, Đế Thích bỏ lốt trời, lấy bảy báu đã hóa thành dưa chuột chất đầy xe đẩy vào thành Ba-la-nại rao bán. Người ta cầm tiền đến mua, giá nào ông cũng không bán. Có người thắc mắc hỏi tới, ông đáp là chỉ cho người nào giữ giới, họ lại hỏi tiếp giới là gì, không giữ giới, nên ông đẩy xe đi. Có người chỉ cho ông con

gái thợ gốm thường nói "Tôi giữ giới", ông đánh xe đến nhà cô và giao cho cô kho báu của trời trong lớp dưa chuột không hề mất mát.

Qua kiếp này cô gái tái sanh làm con của vua A-tu-la là Vepacitti. Vì giữ giới trong hai kiếp liên tiếp nên cô rất duyên dáng mỹ miều từ thân hình đến nước da màu vàng chưa từng thấy. Cha cô rất kén rể, ai cũng không vừa ý, cuối cùng ông mời hết A-tu-la đến, đặt tay vào con gái một vòng hoa bảo nàng tự chọn người chồng vừa ý. Đế Thích biết được biến thành một A-tu-la lọm khọm đứng vòng ngoài các chàng trai. Cô gái vì ở một kiếp trước đã từng làm vợ Đế Thích nên khi thấy ông mãnh lực ái tình tuôn tràn, nàng liệng vòng hoa lên đầu ông và la lên:

- Ông ta là chồng tôi!

Các chàng trai A-tu-la buồn bã bảo nhau:

- Đúng là già kén kẹn hom, chàng phò mã này đáng ông nội cô ta!

Lúc đó Đế Thích hiện nguyên hình trời, nắm tay cô gái bay lên không la lên:

- Ta là Đế Thích!

Các A-tu-la đồng thanh hô lớn:

- Lão Đế Thích này lừa chúng ta rồi!

Và họ rượt đuổi theo.

Người đánh xe Màtali đem xe chiến thắng đến ngừng giữa đường rước Đế Thích và cô dâu chạy về cung trời. Đến rừng cây Bông và Tơ bầy chim non Garuda (Kim Xí Điểu) nghe tiếng

bánh xe sợ bị nghiến nát kêu cứu inh ỏi. Đế Thích liền ra lệnh cho Màtali quất roi khiến ngàn tuấn mã Sindh quay đầu chạy trở lại. Các A-tu-la thấy vậy nghĩ rằng Đế Thích đã có viện binh nên cũng trở lui về thành bằng con đường cũ, và không bao giờ dám ló đầu ra nữa. Từ đó cô gái A-tu-la Thiện Sanh được tấn phong lên cầm đầu hai mươi lăm triệu thiên nữ. Nàng chỉ có một mình trên thiên giới, không cha mẹ, anh em ... nên thường xin đi theo Đế Thích.

Thời gian sau khi cây hoa Kèn nhiều màu nở hoa, các A-tu-la reo lên là cây san hô trên thiên giới trổ bông và họ xông lên tấn công Đế Thích. Vua trời bèn đặt trạm gác để ngăn chặn giúp loài rồng Nàgas dưới biển và cho bảo vệ chim thần Supannas và chư thiên Kumbhandas, trời Dạ-xoa

(Yakkhas) và cả Tứ Thiên Vương. Để ngăn ngừa tai họa, ông đặt trước cổng thành ảnh Đế Thích tay cầm lưỡi tầm sét. A-tu-la đánh thắng loài rồng Nàgas và các phi nhân khác xong tiến đến cổng thiên giới họ thấy ảnh Đế Thích hô hoán lên "Đế Thích xông ra kia kìa!" và vội bỏ chạy.

Thế Tôn kết luận:

- Này Mahàli ! Ông hoàng Magha đã chọn con đường tinh cần chánh niệm thế đó, và đạt đến ngôi vị tối cao cai quản hai thiên giới. Tinh cần chánh niệm được chư Phật và mọi người tán thán, nhờ thế sẽ đạt quả vị cao tột thế gian và xuất thế gian.

Rồi Ngài đọc Pháp Cú:

(30) Đế Thích không phóng dật, Đạt ngôi vị thiên chủ. Không phóng dật được khen, Phóng dật thường bị trách.

8. Một Tỳ Kheo Chứng A-La-Hán

Vui thích không phóng dật ...

Giáo lý này Thế Tôn nói trong khi ngụ ở Kỳ Viên liên quan đến một Tỳ-kheo.

Một Tỳ-kheo nhận đề tài thiền quán từ Thế Tôn xong lui vô rừng. Dù cố gắng hết sức mình ông vẫn không chứng được quả A-la-hán. Ông rời nơi an cư trở về chỗ Thế Tôn định xin đổi đề tài thiền quán khác. Trên đường đi ngang một khu rừng lớn đang cháy dữ dội, ông trèo lên

đỉnh một ngọn núi trọc và ngồi xuống ngắm ngọn lửa bừng cháy đang thiêu đốt mọi vật lớn và nhỏ. Ông cũng muốn tất cả những chướng ngại lớn và nhỏ sẽ được ngọn lửa trí tuệ của Thánh đạo đốt cháy hết.

Đức Phật ngồi trong hương thất thấy hết diễn biến tư tưởng của Tỳ-kheo liền phóng quang đến trước mặt Tỳ-kheo nói kệ:

(31) Vui thích không phóng dật, Tỳ-kheo sợ phóng dật Bước tới như lửa bừng, Thiêu kiết sử lớn nhỏ.

Dứt câu kệ, vẫn ngồi tại chỗ, Tỳ-kheo thiêu đốt hết mọi trói buộc và chứng Ala-hán cùng những thần thông Sau đó ông bay lên không đến gặp Thế Tôn, tán

thán và ca ngợi kim thân Phật.

9. Tissa Ở Phố Chợ

Vui thích không phóng dật ...

Giáo lý này Thế Tôn dạy khi ngụ tại Kỳ Viên liên quan đến Trưởng lão Tissa ở phố chợ, tức Nigamavàsì Tissa.

Một chàng trai có địa vị sinh sống tại phố thị không xa Xá-vệ, một hôm xuất gia thành Tỳ-kheo trong giáo đoàn của Phật. Nhờ làm tròn bổn phận ông thường được gọi là Tissa ở phố chợ. Ông nổi tiếng sống thanh đạm, trí túc, trong sạch và kiên quyết. Ông hay đi khất thực trong làng có thân quyến cư ngụ mà không bao giờ đến Xá-vệ ở gần bên, dù ông Cấp Cô Đ

hạng.

Các Tỳ-kheo bàn tán về ông, cho rằng ông chỉ giao thiệp thân mật với quyến thuộc mà chớ hề đến Xá-vệ nơi được cúng dường dồi dào. Chuyện đến tai Phật, ông được gọi đến. Phật hỏi:

- Tỳ-kheo, có thật ông đã sống như người ta báo không?

Tissa đáp:

- Bạch Thế Tôn, không đúng sự thật khi nói con giao thiệp thân thiết với họ hàng. Con chỉ nhận nơi họ thức ăn vừa đủ. Chỉ vì nhu cầu gìn giữ mạng sống, nên dù ngon dù dở, con thấy rằng không cần phải trở về tinh xá để tìm vật thực nữa. Con không giao thiệp thân mật với quyến thuộc, bạch Thế Tôn!

Phật biết được tâm ý của Tỳ-kheo liền khen:

- Lành thay! Lành thay! Tỳ-kheo! Không có gì lạ, là đệ tử của Ta tất nhiên ông phải biết sống thiểu dục. Thiểu dục là ý hướng và thói quen của Ta.

Chuyện quá khứ

9A. Sakka Và Con Vẹt

Ngày xưa mấy ngàn con vẹt sống ở rừng cây sung xứ Hy-mã-lạp-sơn trên bờ sông Hằng. Khi những trái trên cây nơi con vẹt chúa đậu rụng hết, nó bèn ăn những gì tìm được dù chồi non, lá xanh hay cỏ cây, ống nước sông Hằng và rất hạnh phúc mãn nguyện ở lại nơi ấy. Vẹt hạnh phúc và mãn nguyện đến nỗi cung trời của Đế Thích (Sakka) rúng động. Đế

Thích tìm lý do, thấy là vì chim vẹt liền quyết định thử thách nó. Ông dùng thần lực giáng xuống cây sung làm cành lá đổ la liệt, chỉ còn gốc cây đầy lỗ hổng và vết nứt. Khi tiếng ầm vang lên từ bên trong cây bụi tuôn mù mịt, và đó là nguồn thức ăn của chim vẹt cùng với nước sông Hằng, nó không đi đâu khác, nó vẫn đậu trên cây sung chẳng ngại gì nắng gió.

Đế Thích thấy vẹt vẫn hạnh phúc và mãn nguyện, bèn biến thành ngỗng chúa có Thiện Sanh trong hình dáng nữ thần Asura dẫn đường đến rừng cây sung. Ông đậu xuống một cây gần chỗ của vẹt và mở đầu câu chuyện bằng bài kệ:

Có những cây lá xanh Những cây nặng trĩu trái Tại sao vẹt lại thích Ở trên cây bị đốn ngã trơ

trọi?

Kể đến đây đức Phật nói tiếp:

- Lúc ấy Đế Thích là Ananda là vẹt chúa chính là Ta. Vì thế này các Tỳ-kheo, thiểu dục là ý hướng và thói quen của Ta. Do đó không có gì lạ khi đệ tử của Ta là Nigamavàsì Tissa biết sống hạnh phúc và mãn nguyện không bị sa đọa, không những thế còn gần đến Niết-bàn.

Đức Phật nói tiếp Pháp Cú sau:

(32) Vui thích không phóng dật, Tỳ-kheo sợ phóng dật, Không thể bị thối đọa, Nhất định gần Niết-bàn.

III. Phẩm Tâm 1. Trưởng Lão Meghiya

Tâm hoảng hốt giao động ...

Thế Tôn dạy giáo lý này khi ngụ trên núi Càlikà liên quan đến Tôn giả Meghiya.

Trưởng lão Meghiya bị tam độc tham sân si quấy nhiễu không thể hành thiền tinh tấn trong khu rừng xoài, nên trở về chỗ Thế Tôn.

Thế Tôn dạy ông:

- Meghiya, ông đã phạm một lỗi lớn. Ta đã bảo rằng Ta chỉ một mình, ông nên ở lại đợi đến khi có Tỳ-kheo khác đến hãy đi. Nhưng ông không đếm xỉa đến lời Ta,

cứ làm theo ý mình. Một Tỳ-kheo không bao giờ nên bỏ Ta mà đi khi Ta yêu cầu ở lại. Một Tỳ-kheo không bao giờ nên để tâm ý dẫn dắt như thế. Khi tâm ý giao động, ta phải luôn luôn biết chế ngự.

Và Thế Tôn nói hai câu Pháp Cú sau:

(33) Tâm hoảng hốt giao động, Khó bộ trì, khó nhiếp, Người trí làm tâm thẳng, Như thợ tên, làm tên.

(34) Như cá quăng lên bờ, Vất ra ngoài thủy giới, Tâm này vùng vẫy mạnh, Hãy đoạn thế lực ma.

Ngay khi Thế Tôn dứt câu, Trưởng lão Meghiya chứng quả Dự lưu và nhiều

người khác chứng Nhị quả và Tam quả.

2. Người Đọc Được Tâm

Khó nắm giữ, khinh động ...

Đức Phật dạy câu này khi ở Xá-vệ, liên quan đến một Tỳ-kheo.

Trong xứ của vua Ba-tư-nặc, dưới chân một ngọn núi, có một làng an cư lạc nghiệp tên Màtika. Sau khi nhận đề tài thiền quán từ Phật, một hôm sáu mươi Tỳ-kheo đến làng khất thực. Mẹ của thôn trưởng Màtika trông thấy liền mời các Tỳ-kheo ngồi, dâng cúng cháo đặc nấu thật ngon với gia vị chọn lọc, và hỏi thăm. Biết các Tỳ-kheo tìm một chỗ thích hợp để an cư trong mùa mưa, bà

gieo mình xuống chân họ thưa thỉnh:

- Xin chư Tỳ-kheo ở đây an cư trong ba tháng hạ, tôi sẽ tuân giữ Tam quy và Ngũ giới, và sẽ làm tròn bổn phận ngày chay.

Các Tỳ-kheo chấp nhận. Với sự giúp đỡ của bà họ sẽ khỏi lo lắng về ăn uống, và có thể tu chứng giải thoát sanh tử.

Mẹ của Màtika xây cất tinh xá xong, rước các Tỳ-kheo đến ở. Họ nhắc nhở lẫn nhau:

- Chư huynh đệ! Chúng ta không nên sống phóng dật, vì trước mặt chúng ta là tám cửa địa ngục sừng sững luôn rộng mở như cửa nhà chúng ta. Chúng ta đã nhận đề tài thiền quán từ Thế Tôn và đã đến đây. Ân huệ của chư Phật không thể đến với người dối trá, dù hắn có bước

theo dấu chân của các Ngài. Chỉ khi nào hành theo ý chư Phật dạy mới được ân huệ của các Ngài. Vì vậy chúng ta phải chú tâm tỉnh giác. Hai Tỳ-kheo không được đứng hay ngồi chung một chỗ. Chúng ta chỉ phải gặp nhau vào buổi chiều để hầu hạ Trưởng lão và sáng sớm trước khi đi khất thực. Những lúc khác, chúng ta không được tụ tập hai người. Nếu có Tỳ-kheo mắc bệnh, hãy đưa ông ta đến trước sân tinh xá và đánh chuông, lúc đó chúng ta sẽ tụ đến lo chữa trị.

Tất cả đều đồng ý.

Một buổi chiều, bà mẹ của Màtika mang bơ, mật mía và những thức ăn khác cùng đám người hầu đến tinh xá. Không thấy bóng dáng các Tỳ-kheo, bà ngạc nhiên hỏi thăm và được biết các Tỳ-kheo đã quy định với nhau như thế, và bà đã

được khuyên hãy đánh chuông nếu muốn gặp họ. Khi tiếng chuông vang lên, tưởng rằng có người bị bệnh. Các Tỳkheo từ chỗ riêng của mình đến họp trước sân tinh xá, không có hai Tỳ-kheo đến cùng một đường. Bà cư sĩ thấy vậy lại đoán họ cãi nhau, nên đảnh lễ Tăng chúng xong bà liền hỏi thăm:

- Các Ngài đã cãi nhau phải không, chư Tôn giả?

- Không đâu, cư sĩ.

- Thế tại sao khi đến nhà chúng tôi, các Ngài đi chung mà bây giờ mỗi người từ chỗ riêng của mình đến từng người một?

- Cư sĩ! Chúng tôi đang hành thiền ở thất riêng.

- Hành thiền là sao, chư Tôn giả?

- Chúng tôi tu tập ba mươi hai yếu tố của thân, từ đó nhận thức rõ ràng sự hoại diệt nằm trong thân.

- Chư Tôn giả, chỉ có các Ngài mới được phép tu tập, còn chúng tôi có được phép không?

- Pháp tu này không cấm cản ai, cư sĩ ạ!

- Vậy xin chư Tôn giả giảng dạy cho tôi.

- Tốt lắm !

Học xong bà bắt đầu ngay tu tập về ba mươi hai yếu tố của thân. Kết quả là, trước cả các Tỳ-kheo, bà chứng quả Ana-hàm đạt tứ thông và những thần thông khác cao hơn.

Từ niềm an lạc của đạo quả, vì muốn biết lúc nào những đứa con trai của mình (bà quý trọng các Tỳ-kheo và xem họ như con) chứng đạo, bà dùng Thiên nhãn xem xét và thấy rằng họ vẫn còn bị trói buộc trong tham sân si, tuy có hành thiền nhưng vẫn chưa đạt Minh sát tuệ. Bà thắc mắc không biết họ có đủ khả năng chứng A-la-hán không và thấy rằng họ có. Chỗ ở có thích hợp hay không? Thính hợp. Bạn đồng tu có xứng đáng hay không? Có. Thức ăn có đủ hay không? Không đủ.

Từ đó bà cung cấp cho những Tỳ-kheo nhiều loại cháo đặc vớt tất cả thức ăn cứng và mềm, nêm nếm bằng nhiều loại gia vị chọn lọc. Các Tỳ-kheo thọ nhận thức ăn tốt lành, tâm trở nên yên tĩnh, và do tĩnh tâm họ khai mở Minh sát tuệ, chứng A-la-hán cùng những thần thông.

Hết thời gian an cư, hành lễ Tự Tứ xong, các Tỳ-kheo từ giã bà Màtika về thăm Thế Tôn. Bà đưa tiễn một đoạn đường và thỉnh cầu họ mùa an cư năm sau trở lại.

Đến Xá-vệ, các Tỳ-kheo đảnh lễ thế Tôn và kính cẩn ngồi một bên. Phật hỏi thăm:

- Các Tỳ-kheo Trông các ông có vẽ khỏe mạnh, được bồi dưỡng đầy đủ, không lo lắng về ăn uống.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Chúng con được khỏe mạnh, bạch Thế Tôn, được bồi dưỡng đầy đủ và khỏi bận tâm về ăn uống là nhờ mẹ của Màtika biết được tâm ý của chúng con. Bà ta nấu đúng món ăn chúng con nghĩ đến.

Một Tỳ-kheo nghe huynh đệ mình ca

ngợi những đặc tính của bà cư sĩ thí chủ, muốn đến nơi đó. Ông nhận đề tài thiền quán từ Thế Tôn và xin đi. Rời Kỳ-viên, ông đến làng Màtika. Bước vào tinh xá, ông khởi nghĩ bà cư sĩ này biết được tâm người khác chắc sẽ hiểu rằng ta đi đường mệt mõi không thể quét dọn được, và chắc chắn bà sẽ cho người tạp dịch. Quả nhiên bà cho người đến. Và cứ thế Tỳkheo này nghĩa đến nước uống thì có nước uống, nghĩ đến cháo đặc với nhiều bơ cùng thức ăn ngon liền có ngay, muốn có thức ăn cứng cũng có, thậm chí muốn gặp bà cư sĩ cùng thức ăn mềm nêm nếm với gia vị chọn lọc thì bà đích thân mang tới ngay. Khi ăn xong, Tỳ-kheo hỏi bà:

- Cư sĩ, bà là mẹ Màtika?

- Phải con ạ.

- Bà biết được tâm ý người khác phải không?

- Tại sao con hỏi ta như thế?

- Vì bà đã mang đến cho tôi mọi thứ tôi mong muốn.

- Có nhiều Tỳ-kheo biết được tâm ý người khác con ạ.

- Tôi không hỏi người khác, tôi hỏi bà.

Bà Màtika tránh không xác nhận là mình đọc được tư tưởng người khác, thay vào đó bà bảo:

- Những ai không biết tư tưởng người khác mới làm vậy, con ạ.

Vị Tỳ-kheo cảm thấy bối rối. Ông nghĩ:

"Người chưa chứng quả đều có những ý tưởng thầm kín có thể cao qúy hoặc ti tiện. Nếu ta khởi nghĩ một tư tưởng tội lỗi nào, chắc chắn bà ta như đi guốc trong bụng ta, sẽ nắm chóp ta ngay, tóm gọn cả bao lẫn bị như chộp bắt một tên trộm, ôi thôi tai hại! Ba mươi sáu kế chỉ có chuồn đi là tốt nhất."

Ông liền từ giã bà cư sĩ trở về Thế Tôn, và kể lại tự sự. Thế Tôn khuyên:

- Tỳ-kheo, chỉ nơi ấy là nơi ông cần phải ở lại.

- Con không thể, bạch Thế Tôn! Con không muốn ở lại đó nữa.

- Vậy Tỳ-kheo! Ông có canh chừng được một việc duy nhất hay không?

- Nghĩa là gì, bạch Thế Tôn?

- Chỉ canh chừng tâm của ông. Tâm ý rất khó kiểm soát. Đứng nghĩ thêm việc gì khác, hãy chế ngự tâm mình vì tâm thường chao động.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(35) Khó nắm giữ, khinh động, T cuồng, Lành thay, điều phục tâm, Tâm điều, an lạc đến.

Rồi Thế Tôn dạy Tỳ-kheo hãy tiếp tục trở lại chỗ cũ, và không nên lo nghĩ gì khác ngoài việc canh chừng tâm ý của mình. Bà cư sĩ biết trước Tỳ-kheo sắp trở lại, nên chuẩn bị sẵn thức ăn ngon dâng cúng, và chỉ trong vài ngày ông chứng quả A-la-hán. Nếm được pháp lạc của đạo quả và một lòng biết ơn bà cư sĩ, ông

muốn biết xem trong quá khứ bà có từng giúp đỡ mình hay không. Ông nhớ lại được chín mươi chín kiếp trước và thấy bà đã từng là vợ ông, nhưng lại dành tình cảm cho người đàn ông khác, và bà đã khiến ông mất mạng. Thật độc ác làm sao!

Bà cư sĩ ngồi tại nhà quan sát thấy Tỳkheo đã đạt đến cứu cánh đạo quả, và cũng biết là ông đã nhớ lại chín mươi chín kiếp trước và đã biết tâm độc ác của bà trong quá khứ. Bà bèn nhớ lại tới kiếp thứ một trăm bà cũng là vợ ông, và trong hoàn cảnh phải giết chồng, bà đã tha mạng ông. Bà liền bảo vị Tỳ-kheo hãy nhớ đến tiền kiếp xa hơn và quan sát sự việc. Nhờ thiên nhĩ thông, vị Tỳ-kheo nghe được lời bà và làm theo. Ông nhận ra quả bà cư sĩ đã giúp đở ông nhiều. Ông giải đáp cho bà cư sĩ những vấn đề

liên quan đế A-la-hán quả. Sau đó, ông nhập Vô dư y Niết-bàn.

3. Một Tỳ Kheo Bất Mãn

Tâm khó thấy, tế nhị ...

Phật dạy câu này khi ngụ tại Kỳ-Viên vì một Tỳ-kheo bất mãn.

Tại Xá-vệ, con của một chưởng khố đến vị Trưởng lão thường khất thực tại nhà mình, xin dạy con đường giải thoát phiền não. Trưởng lão khuyên anh ta hãy bố thí những thứ như thức ăn chia theo phiếu, thức ăn ngày rằm và ba mươi, phòng xá trong mùa mưa đến an cư, y bát và những nhu cầu khác. Ngài còn dạy thêm nên chia tài sản ra làm ba, một phần để

làm ăn sinh sống, một phần dành cấp dưỡng cho vợ con và phần thứ ba cúng dường Tam Bảo.

Anh ta thi hành đúng lời dạy, rồi đến gặp lại Trưởng lão, hỏi xem còn phải làm điều gì nữa. Ngài dạy anh tuân giữ Tam quy Ngũ giới. Và anh hỏi tiếp thì được khuyên giữ mười giới, cứ thế anh hoàn tất từ từ việc công đức này đến công đức khác nên được gọi là Anupubla. Anh lại tiếp tục hỏi Trưởng lão và được dạy là nên xuất gia. Lập tức anh từ bỏ thế gian đi tu, và dưới quyền dạy dỗ của một Giáo thọ sư thông thuộc tạng Luận và một Giám luật thông thuộc tạng Luật. Sau khi làm tròn bổn phận anh đến vị Giáo thọ thưa thỉnh và được dạy bảo theo tạng Luận:

- Trong giáo lý Phật đà điều này đúng

pháp, điều kia không đúng pháp.

Nếu thưa thỉnh với vị Giám luật thì cũng được dạy bảo theo tạng Luật:

- Trong giáo lý Phật đà điều này chính đáng, điều kia không chính đáng.

Thời gian trôi qua, anh chán nản vì cảm thấy khó nhọc với nhiệm vụ tu sĩ. Anh muốn giải thoát mà giờ đây ngay cả chỗ để duỗi thẳng tay cũng không có. Sống đời cư sĩ có khi cũng được giải thoát phiền não. Vì thế anh có ý định hoàn tục.

Từ đó anh bất mãn và khó chịu trong lòng, thôi không tu tập ba mươi hai yếu tố thân nữa, và cũng không nghe lời dạy bảo nữa. Mặt anh trở nên hốc hác,da dẻ nhăn nheo, nổi gân xanh, mệt nhọc đè nặng, ghẻ chóc đầy người. Những người

tu tập và Sa-di hỏi thăm, anh cũng kể thật là đang bất mãn. Họ cho vị Giáo thọ và Giám luật của anh hay, và hai vị này đưa anh đến Thế Tôn. Anh thuật lại tâm tư mình cùng ý định hoàn tục, Phật bảo:

- Tỳ-kheo! Nếu ông chỉ canh chừng được một việc mà thôi, thì khỏi phải cần để ý đến những việc khác.

- Việc đó là gì, thưa Thế Tôn?

- Ông có thể canh chừng tâm ý của ông chăng?

- Dạ được, bạch Thế Tôn.

- Vây thì ông chỉ canh chừng tâm của ông.

Rồi Thế Tôn nói Pháp Cú:

(36) Tâm khó thấy, tế nhị, Theo các dục cuồng quay, Người trí phòng hộ tâm, Tâm hộ an lạc đến.

4. Tăng Hộ Cháu

Chạy xa sống một mình ...

Thế Tôn dạy lời này khi ở Xá-vệ liên quan đến ngài Tăng Hộ (Sangharakkhita).

Thành Xá-vệ có một chàng trai thuộc gia đình khá giả, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, đã từ bỏ thế gian, được nhận vào Tăng đoàn, làm tròn bổn phận, và chỉ trong mấy ngày đắc quả A-la-hán. Đó là Trưởng lão Tăng Hộ.

Người em gái út của Trưởng lão sanh bé trai cũng đặt tên là Tăng Hộ, tức Tăng Hộ cháu. Đến tuổi trưởng thành Tăng Hộ cháu gia nhập Tăng đoàn theo Trưởng lão, và khi làm tròn bổn phận, ông an cư suốt mùa hạ trong tinh xá một làng nọ. Nhận được hai bộ y dành cho Tỳ-kheo mặc trong mùa mưa, một cái dài bảy cubits, một cái dài tám cubits, ông chọn chiếc dài định dâng cúng cho vị thân giáo sư của mình và giữa lại chiếc ngắn, Mãn hạ, ông rời tinh xá về thăm thầy, vừa đi, vừa khất thực. Đến nơi ông quét dọn, lấy nước rữa chân, sửa soạn chỗ ngồi cho Trưởng lão rồi ngồi ngắm con

đường Trưởng lão sẽ đi qua. Ông Trưởng lão đến, ông xá chào, đở y bát và mời ngồi. Rồi ông lấy cây quạt lá cọ quạt cho trưởng lão, dâng nước uống, nước rữa chân, cuối cùng dâng y, đặt dưới chân Trưởng lão thưa:

- Tôn giả! Xin đắp y này!

- Tăng Hộ! Ta đủ y rồi, ông cứ mặc y này đi!

- Bạch Tôn giả, tự lúc nhận y con đã định dâng cho Ngài. Xin Ngài nhận cho.

- Đừng bận tâm, Tăng Hộ, ta đã đủ y.

- Tôn giả, xin đừng từ chối. Ngài nhận y con sẽ được phước baó lớn.

Dù Tăng Hộ cháu lặp đi lặp lại lời thỉnh cầu nhiều lần, Trưởng lão vẫn từ chối chiếc y tặng. Ông vừa quạt cho Trưởng lão lòng ngỗn ngang trăm mối: "Lúc còn cư sĩ ta là cháu, xuất gia thì cùng ở chung, nhưng Trưởng lão vẫn không muốn với cương vị thầy nhận cho ta cúng dường. Như vậy ta còn ở lại đây tu

nữa làm gì, ta nên hoàn tục." Nhưng ông lại lo là không biết trở lại làm gia chủ sẽ sống ra sao. À, ta sẽ bán chiếc y dài tám cubits này để mua một con dê cái. Có dê cái nhiều rồi ta bán dê con, cứ thế túi tiền sẽ to dần, chẳng mấy chốc giàu sang đến nơi. Rồi ta sẽ tìm một cô vợ, vợ ta sẽ sinh cho ta một đứa con. Thế rồi những hình ảnh kế tiếp lần lượt xuất hiện trong đầu ông. Ông và vợ đẩy đứa bé trong xe đi thăm người chú, vừa đi vừa trò chuyện:

- Này, đưa con cho tôi bế một tí nào!

- Lắm chuyện, bế nó làm chi. Đến đây mà đẩy cái xe này!

Miệng nói tay bế, khốn khổ cô vộ lính quính thế nào làm rớt tọt đứa bé xuống đường ngay dưới bánh xe. Ông ta giận

dữ giáng một cây gậy vào lưng cô ta, đồng thời chiến quạt lá cọ cũng bay xuống đầu Trưởng lão. Trưởng lão quán sát và hiểu hết chuyện, bảo:

- Tăng Hộ ! Ông không đánh trúng người đàn bà, nhưng một Trưởng lão già đã làm gì để đáng ăn một gậy?

Vị tăng trẻ hoảng hốt:

- Ôi! Chết ta rồi! Thầy ta đã hiểu biết hết mọi ý nghĩa của ta. Làm sao dám ở lại tu nữa?

Ông ném quạt đi và bỏ chạy. Những người tập tu và Sa-di đuổi theo, bắt ông dẫn đến Phật kể hết mọi chuyện, Phật dạy:

- Tỳ-kheo! Tại sao ông lại phạm lỗi nặng

như thế? Ông không phải là đệ tử của một vị Phật có thần lực vô hạn hay sao? Đã từ bỏ thế gian sống trong Giáo đoàn của Phật, mà ông lại quên không tự điều phục mình hướng đến Sơ quả, Nhị quả, Tam quả hay A-la-hán. Tại sao ông lại phạm lỗi trầm trọng như thế?

- Bạch Thế Tôn, con bất mãn.

- Tại sao ông bất mãn?

Tăng Hộ cháu thuật lại toàn bộ câu chuyện, từ ngày nhận y nơi an cư đến lúc đập quạt lên đầu Trưởng lão, và ông thưa tiếp:

- Bạch Thế Tôn, đó là lý do tại sao con muốn bỏ đi không tu nữa.

Phật dạy:

- Này, Tỳ-kheo! Đừng bối rối. Tâm thường chạy theo những chuyện dẫn đi rất xa. Ta phải cố gắng thoát khỏi sự trói buộc của tham sân, si.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(37) Chạy xa, sống một mình, Không thân, ẩn hang sâu, Ai điều phục được tâm, Thoát khỏi ma trói buộc.

5. Trưởng Lão Tâm Được Điều Phục

Ai không tâm an trú ...

Lúc ngụ tại Xá-vệ, Phật đã dạy Trưởng lão Cittahattha, người-bị- tâm-sai-sử câu

kệ trên.

Một chàng trai thuộc gia đình khả kính sống ở Xá-vệ vào rừng kiếm con bò bị lạc. Giữa trưa anh tìm thấy và đưa nó về bầy. Nhưng đói khát quá, anh vào tinh xá gặp các Tỳ-kheo cúi chào và đứng cung kính một bên. Thấy anh quá kiệt sức, các Tỳ-kheo chỉ thức ăn thừa trong bình, bảo anh lấy ăn (khi Phật còn hiện đời luôn luôn có cháo được cùng dường dồi dào cùng với nhiều thứ nước sốt và cà ri). Chàng trai ăn uống no nê xong rửa tay, chào các Tỳ-kheo và hỏi:

- Chư Tôn giả! Chắc hôm nay nhà nào mới thỉnh các Ngài?

- Không cư sĩ ạ! Các Tỳ-kheo thường xuyên nhận được thức ăn như thế.

Chàng trai thấy rằng dù làm lụng tích cực vất vả liên tục ngày và đêm cũng không bao giờ được cháo ngon như vậy. Trong khi các Tỳ-kheo, theo lời họ, vẫn được ăn liên miên. Thế tại sao ta cứ sống đời cư sĩ ? Ta sẽ xuất gia. Anh đến các Tỳ-kheo xin và được nhận vào Tăng đoàn. Sau khi làm tròn bổn phận chính và phụ chỉ trong vài ngày được chia phần trong số phẩm vật cúng dường, anh tròn trịa và phương phi hẳn ra, nhưng rồi anh hết thích đời sống khất thực nên hoàn tục. Trở về nhà làm việc chỉ vài ngày thân hình anh lại tiều tụy. Anh lại xuất gia, rồi bất mãn, rồi lại về nhà. Thời gian ở chung, anh hay giúp đở các Tỳ-kheo nên về nhà rồi xin tu trở lại, họ nghĩ tình chấp nhận. Cứ như thế anh ra vào đến sáu lần liên tiếp. Các Tỳ-kheo đặt tên anh là Cittahattha, tức người bị tâm sai sử.

Ra vào lui tới như thế, vợ anh mang thai. Lần thứ bảy anh từ rừng trở về mang theo nông cụ. Cất nông cụ xong anh bước vào phòng, lòng phân vân ray rứt muốn khoác y trở lại. Bấy giờ vợ anh đang ngủ, quần áo trong tuột ra, nước miếng nhễ nhại, miệng

mở toang hoác, ngáy vang trời, trông chẳng khác nào một tử thi trương phình lên. Anh thấy rõ trong thế gian này tất cả đều vô thường và khổ não. Liền đó anh nhận ra suốt thời gian đi tu chỉ vì nghĩ đến cô ta mà anh thối tâm nản chí. Tay nắm viền chiếc y vàng vừa anh quấn vào bụng vừa chạy ra khỏi nhà.

Mẹ vợ anh chợt thấy anh phóng vụt qua, kêu lên thất thanh, nhưng anh chẳng thèm nghe, một mực chạy thẳng. Bà chỉ còn biết lầm bầm:

- Cái gã phản bội này, vừa mới từ rừng về, lại bỏ nhà, mình quấn y mà chạy vào tinh xá. Thế là sao?

Bước vào nhà thấy con gái nằm ngủ, bà hiểu ngay lý do. Bà lay con gái dậy mắng:

- Dậy đi, đồ phù thủy! Chồng mày thấy mày nằm ngủ, nó gớm ghiếc quá nên bỏ đi rồi. Mày không còn chồng nữa kể tù đây!

Cô gái dịu mắt, giọng lè nhè:

- Đi đi, mẹ! Anh ta đi hay ở có gì quan trọng đâu! Vài bữa nữa anh ta lại về.

Trên đường, Cittahattha ôn đi ôn lại câu "Các pháp trong thế gian đều vô thường, trói buộc trong đau khổ", và anh chứng

quả Dự lưu. Đến gặp các Tỳ-kheo anh cúi chào và xin vào Tăng đoàn. Lần này anh bị từ chối quyết liệt:

- Không! Chúng tôi không thể nhận anh. Tại sao anh đi tu nữa? Đầu anh cứng như cục đá mài.

Anh khẩn khoản:

- Chư Tôn giả! Hãy nhận con vào Tăng đoàn một lần nữa thôi!

Và chỉ sau vài ngày ông chứng quả A-lahán cùng các thần thông. Các Tỳ-kheo không hiểu tại sao lần này ông ở lâu, được các ông giải thích là trước đây ông còn quyến luyến thế gian nên rời bỏ Tăng đoàn, nay đã cắt hết mọi trói buộc nên không bỏ đi nữa. Các Tỳ-kheo không tin, thưa lại với Thế Tôn câu chuyện.

Phật bảo:

- Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Đệ tử của Ta khi tâm không kiên định, khi không biết pháp lành thì đi tu cứ hay về nhà. Nhưng bây giờ ông ta đã buông bỏ cả thiện và ác.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(38) Ai tâm không an trú, Không biết chân diệu pháp, Tịnh tín bị rúng động, Trí tuệ không viên thành.

(39) Tâm không đầy tràn dục Tâm không (bận) công phá, Đoạn tuyệt mọi thiện ác, Kẻ tỉnh không sợ hãi.

Một hôm các Tỳ-kheo lại bàn tán về Tỳ-

kheo đi tu bảy lần và hoàn tục bẩy lần, cũng vì tham dục xấu xa tại hại ghê gớm. Phật vào Pháp đường ngồi xuống Phật tòa, nghe thế liền dạy:

- Quả vậy các Tỳ-kheo! Tham dục xấu xa rất là tai hại. Giả sử mấy thứ tham dục ấy có hình dạng cụ thể để ta đem bỏ đâu, thì một thế giới cũng còn quá nhỏ, cõi trời Đại Phạm cũng còn quá thấp, không chứa nổi chúng. Ta không thể đắt chúng vào đâu cả. Ngay một người trí tuệ và dòng dõi cao qúy như Ta cũng bị chúng áp đảo nữa. Thử hỏi ai có thể tả được ảnh hưởng của nó? Trong một tiền kiếp, chỉ vì một xị đậu giống và cái cuốc cùn mà Ta đã đi tu và ra đời sáu lần liên tiếp.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Chuyện đó xảy ra hồi nào, Bạch Thế

Tôn?

- Các ông muốn nghe sao? Đó là:

Chuyện quá khứ

Kuddàla Và Cái Cuốc

Ngày xưa, thời Phạm-ma-đạt cai trị Bala-nại, có một người thiện trí tên Kuddàla, có nghĩa là "vị Thánh Cuốc"

Ông là một tu sĩ ngoại đạo đã sống tám tháng trong Hy-mã-lạp-sơn. Một đêm vào mùa mưa, thấy mặt đất ẩm ướt ông nhớ đến ở nhà còn một chai đậu giống. Sợ giống hư ông trở lại thế gian lấy cuốc dọn một miếng đất nhỏ, tỉa đậu và rào chung quanh. Đậu già, ông hái xuống, để một số trong chai làm trái giống, phần

còn lại thì ăn. Nhưng chẳng bao lâu ông lại chán cuộc sống thế gian, vào núi tu suốt tám tháng. Cứ như thế, chỉ vì chai đậu giống và cái cuốc cùn, ông đi tu đến bảy lần.

Lần thứ bảy, ông chợt nghiệm ra rằng chỉ vì cây cuốc cùn này mà phải đi tu rồi lại hoàn tục mãi nên quyết định ném bỏ nó, luôn cả chai đậu giống. Ông đến bờ sông Hằng buộc cái chai đậu giống trong một miếng vải buộc vào cán cuốc, tay nắm chạt đầu cuốc, nhắm mắt lại, quay cuốc ba vòng trên đầu rồi ném xuống sông. Ông cố tình làn như thế để đừng thấy chỗ cuốc rơi, sợ sau này động tâm lại xuống sông vớt lên. Và ông la lớn ba lần lớn:

- Ta đã chiến thắng! Ta đã chiến thắng!

Lúc bấy giờ vua Ba-la-nại vừa trở về sau

cuộc dẹp loạn ở biên giới, cắm trại bên bờ sông Hằng và xuống sông tắm. Chợt nghe tiếng Kuddàla vang lên liền hỏi:

- Chỉ có ta vừa mới hạ được kẻ thù mới gọi là chiến thắng, còn ngươi cũng xưng chiến thắng, nghĩa là sao?

Kuddàla đáp:

- Ngài đã chiến thắng bọn giặc cướp ở bên ngoài. Chiến thắng của Ngài có thể sẽ bị thua trở lại. Còn tôi đã chiến thắng một kẻ thù ở bên trong, kẻ cướp tên là Tham Dục. Hắn sẽ không bao giờ thắng tôi được nữa. Chiến thắng được hắn mới thực sự là chiến thắng.

Rồi ông đọc bài kệ sau:

Chiến thắng không thực sự. Khi bị thua trở lại. Chiến thắng là thật sự. Khi chẳng còn bị bại.

Cùng lúc ấy, do nhìn sông Hằng và quán tưởng về yếu tố nước, ông đạt thần thông. Ông bay lên trời, ngồi kiết già trong hư không.

Nhà vua sau khi nghe bài thuyết của Bồtát Kuddaala liền đảnh lễ Ngài, xin được nhận làm tu sĩ. Vua cùng toàn quân đông dài khoảng một dặm đường đều đi tu. Vua nước láng giềng nghe tin muốn đánh chiếm vương quốc Ba-la-nại, nhưng khi thấy thành quách thịnh vượng đó trống không, mới hiểu rằng một vị vua từ bỏ một kinh thành tráng lệ như thế để đi tu chắc chắn là không phải muốn bị trói buộc. Vua bèn đảnh lễ Bồ-tát xin được đi tu với đoàn tùy tùng của mình. cứ như

thế bảy vị vua lần lượt đi tu. Cùng với hội chúng đông đảo đó, Bố-tát Kuddaala sống đời Phạm hạnh và sanh lên cõi trời Đại phạm.

Thế Tôn kết luận:

- Các Tỳ-kheo! Lúc đó Ta là Kuddàla. Hãy học từ chuyện này để biết tham dục nguy hiểm trầm trọng đến mức nào.

6. Tỳ Kheo Và Thần Cây

Biết thân như đồ gốm ...

Thế Tôn đã dạy như thế khi ngụ tại Xá- vệ, liên quan đến các Tỳ-kheo khai mở Minh-sát-tuệ.

Tại Xá-vệ có năm trăm Tỳ-kheo nhận từ Phật để mục thiền quán hướng đến quả vị A-la-hán. Với ý định hết lòng hành thiền, họ đi xa một trăm dặm đến một làng rộng lớn. Dân làng dâng chỗ ngồi, cúng cháo ngon và các loại thức ăn khác, và khi biết các Tỳ-kheo cần chỗ ở thích hợp, liền mời thỉnh ở lại suốt ba tháng, nghĩ rằng dưới sự chỉ dạy của các Ngài họ sẽ có nơi vững vàng để thọ Tam quy Ngũ giới. Các Tỳ-kheo ưng thuận và được chỉ đến khu rừng lớn kế cận.

Kể từ đó những vị thần đức hạnh trong rừng lo lắng không dám để vợ con trèo lên cây trú ngụ. Họ tuột hết xuống đất, chưa biết tính sao, cứ đoán già đoán non là nếu các Tỳ-kheo ngồi dưới cội cây đêm nay thì sáng mai họ sẽ rời khỏi rừng. Nhưng ngày kế, sau khi khất thực trong làng các Tỳ-kheo lại trở về khu

rừng cũ. Thần cây lại hy vọng nếu bây giờ các Tỳ-kheo chưa đi thì ngày mai có người thỉnh cúng chắc sẽ đi. Nhưng ngày qua ngày chẳng có gì thay đổi, thần cây và vợ con rất khổ sở vì phải ở dưới đất hết nữa tháng. Vì nghi các tỳ-kheo có thể sẽ ở lại đến ba tháng, họ tính kế đuổi các Tỳ-kheo đi. Họ biến hóa cho các Tỳkheo thấy những chiếc

đầu không thân, những thân mình không đầu và cho nghe tiếng yêu quái. Đồng thời các Tỳ-kheo phiền não vì hắt hơi, ho và những bệnh tật khác nữa, nên quyết định rời khu rừng trở về chỗ của Phật. Sau khi đảnh lễ Phật, cung kính ngồi xuống một bên và được Phật hỏi, các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn, nhiều việc đáng sợ đã xuất hiện trước mặt chúng con, Chỗ đó thật khó ở, chúng con phải quyết định ra di.

Phật dạy:

- Các Tỳ-kheo, các ông nên trở về ở lại chính ngay chỗ đó mới tốt.

- Chúng con không dám, bạch Thế Tôn.

- Các Tỳ-kheo, lần đầu đến đó các ông không đem theo vũ khí. Bây giờ các ông phải đem theo vũ khí.

- Vũ khí gì, bạch Thế Tôn?

- Ta sẽ cho.

Và Ngài đọc toàn bộ kinh Từ Bi, bắt đầu là người muốn tìm lợi ích tinh thần cho mình, tức là muốn đạt đến cõi tịch tĩnh an lạc, cần phải lương thiện, chánh trực, hiền lành, hoà nhã và không tự cao tự đại. Ngài dạy tiếp:

- Các Tỳ-kheo, hãy tụng đọc kinh này trong rừng, bên ngoài ngôi tinh xá ẩn tu, thì các ông sẽ vào được tinh xá.

Các Tỳ-kheo vâng theo, đảnh lễ Thế tôn rồi ra đi. Đến bên ngoài nơi ẩn tu, họ đồng loạt tụng bài kinh và vào chỗ cư ngụ. Kết quả, những vị thần khắp khu rừng đều có cảm tình thân thiện với các Tỳ-kheo. Họ đến gặp các Ngài, xin cho đỡ y bát, dâng nước rửa tay chân, bố trí canh gác bảo vệ khắp nơi và cùng ngồi chung với các Tỳ-kheo. Không còn nghe tiếng ma quái, tâm các Tỳ-kheo trở nên yên tĩnh. Tọa thiền dù đêm dù ngày, các Tỳ-kheo đều cố gắng đạt Minh sát tuệ. Họ chuyên tâm thiền quán về tính hoại diệt ngay trong thân mình: "Thân này mỏng manh, không bền, như chiếc bình gốm." Cuối cùng các Tỳ-kheo khai mở Minh sát tuệ.

Đức Thế Tôn ngồi ở hương thất biết như thế liền dạy:

- Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Thần này mỏng manh không bền, giống như chiếc bình gốm.

Rồi vẫn ngồi ở hương thất cách các Tỳkheo một trăm dặm, Ngài phóng quang ảnh, hiện đến trước mặt các Tỳ-kheo, thân phát hào quang sáu màu rực rỡ và dạy Pháp Cú:

(40) Biết thân như đồ gốm, Trú tâm như thành trì, Chống ma với gươm trí, Giữ chiến thắng không tham.

7.Vì Bạo Ác Nổi Mụn Nhọt

Không bao lâu thân này ...

Đức Phật dạy câu trên lúc ở Xá-vệ liên quan đến Trưởng lão Pùtigatta Tissa.

Một chàng trai sống ở Xá-vệ, nghe Phật thuyết pháp liền hướng tâm về đạo, xin được xuất gia vào Tăng đoàn, khi thành Tỳ-kheo được gọi là Trưởng lão Tissa. Thời gian sau, mụn nhọt bỗng nổi lên khắp người ông. Trước tiên là những mụt mủ không lớn hơn hột cải, rồi tăng dần bằng hột đậu tây, đậu Hà Lan, hạt táo,và bằng trái "vilva". Cuối cùng mụn nhọt vỡ ra và toàn thân trưởng lão lở loét, vì thế Ngài có tên là Pùtigatta tissa. Về sau xương Ngài bắt đầu hư thối, không ai muốn săn sóc Ngài. Y trong và ngoài của Ngài bị dính máu khô nhìn như bánh lưới. Bạn cùng liêu không thể săn sóc nên đuổi Ngài ra khỏi liêu, để nằm dưới

đất chẳng ai giúp đỡ.

Đức Phật không bao giờ quên quan sát thế gian mỗi ngày hai lần, bình minh và chiều đến. Ngài nhìn từ chân trời đến hương thất không thiếu sót, và thấy Trưởng lão Tissa. Biết rằng ông sắp chứng A-la-hán và không còn ai nương tựa ngoài Phật, Thế tôn từ hương thất đi một vòng tinh xá đến nhà bếp. Ngài rửa nồi nước đặt lên lò than và đợi. Khi nước đã nóng Ngài đến nắm lấy chân giường tissa.

Lúc đó các Tỳ-kheo thưa với Phật:

- Xin Thế Tôn đi trước, chúng con sẽ khiêng ông ta đến nhà bếp.

Thế Tôn bảo mang đến một cái chậu và đổ nước nóng vào. Ngài bảo các Tỳ-kheo

cởi ngoại y của Tissa, giặt bằng nước nóng cho thật sạch rồi phơi khô dưới ánh nắng. Sau đó, Ngài dùng nước nóng lau mình, kỳ cọ và tắm nắng. Tắm xong thì ngoại y của ông cũng vừa khô. Thế Tôn sai mặc ngoại y cho ông và bảo lấy nội y giặt nước nóng và vừa khô. Khi người ông đã khô ráo thì nội y cũng vừa khô. Được mặc y vàng làm nội y và một cái khác làm ngoại y Tissa nằm xuống giường, thân khỏa khắn và tâm an tĩnh. Thế Tôn đứng nơi đầu giường bảo ông:

- Tỳ-kheo, thần thức sắp rời ông, chẳng bao lâu thân ông sẽ thành vô dụng như khúc gỗ nằm lăn trên đất.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(41) Không bao lâu thân này, Sẽ nằm dài trên đất, Bị vất bỏ,

vô thức, Như khúc cây vô dụng.

Cuối Bài kệ Trưởng lạo Pùtigatta Tissa chứng A-la-hán và nhập Niết-bàn. Thế Tôn cho tiến hành lễ Trà-Tỳ, lấy xálợi và xây bảo tháp thờ phụng.

Các Tỳ-kheo thắc mắc hỏi Thế Tôn:

- Bạch Thế tôn! Trưởng lão Tissa tái sanh về đâu?

- Ông ta nhập Niết-bàn.

- Bạch thế tôn! một Tỳ-kheo sắp chứng A-la-hán tại sao thân còn bệnh như thế, xương ung thối? Hành nghiệp kiếp trước của ông như thế nào mà ông chứng được A-la-hán?

- Các Tỳ-kheo, mọi việc xảy ra đều do hành nghiệp kiếp trước.

- Ông ta đã làm gì, thưa Thế Tôn?

- Các Ông hãy lắng nghe:

Chuyện quá khứ:

Người Bẫy Chim Bạo Ác.

Trong thời Phật Ca-diếp, trưởng lão Tissa là người bẫy chim. Ông bắt được rất nhiều chim, đa số mang vào hoàng cung hoặc mang đi bán. Nếu giết chim đi và cất lại quá lâu không đem bán thì thịt chim sẽ hư thối, và để giữ chim khỏi bay mất ông thường bẻ xương chân và xương cánh của chúng, dồn đống chúng lại một chỗ để đem ra bán ngày hôm sau. Nếu bẫy được quá nhiều, ông

cũng đánh chén vài con.

Một hôm thức ăn nấu chín thơm phức vừa dọn lên, có một vị A-la-hán dừng chân trước cửa nhà ông khất thực. Ông bỗng thấy lòng thanh thản, thầm nghĩ mình đã giết hại và thịt nhiều sinh mạnh nên muốn cúng dường Ngài. Và ông đỡ bình bát, bỏ đầy những món ăn thơm, năm vóc gieo xuống đất, đảnh lễ về thưa:

- Tôn giả! Xin cho con được vào quả vị cao nhất mà Ngài đã chứng.

Trưởng lão hồi hướng công đức cho ông sẽ được như vậy.

Các Tỳ-kheo, do công đức đã làm này, phước báo đã đến với ông như thế. Vì ông đã bẻ chân chim nên tứ chi ông bệnh hoạn và xương ông ung thối. Vì ông

cúng dường thức ăn ngon cho A-la-hán nên ông chứng quả A-la-hán.

8. Nanda Chăn Bò

Kẻ thù hại kẻ thù...

Đức Phật lúc ngụ tại Kosala đã dạy cho Nanda người chăn bò giáo lý này.

Trưởng giả Cấp-cô-độc ở Xá-vệ có người chăn bò tên Nanda. Ông giàu có, tài sản dư dả, nhiều thú vui. Người ta nói, giống như nhà ẩn sĩ bện tóc Kennigan xuất gia làm đạo sĩ. Nanda chăn bò và quản lý tài sản cho vua để giữ vững tài sản riêng của mình. Nhiều lần Nanda đem năm sản phẩm lấy từ bò đến nhà ông Cấp-cô-độc, gặp đức Đạo sư, nghe pháp và thỉnh Đạo

sư đến nhà riêng. Phật không nhận lời ngay mà chờ đến khi trí huệ của Nanda chìn muồi. Khi đó Phật cùng chúng Tỳkheo đi khất thực. Đến gần nhà Nanda, Ngài và chư Tăng ngồi xuống dưới một cội cây.

Nanda đến đảnh lễ Thế tôn, chào hỏi thân tình và thỉnh Thế Tôn cho phép ông cúng dường cả Tăng chúng trong bảy ngày vời năm thực phẩm chọn lọc từ bò. Ngày cuối tuần cúng dường, Thế Tôn hồi hướng công đức cho ông và giảng thêm những bài pháp về bố thí cúng dường. Cuối thời pháp, Nanda người chăn bò chứng quả Dự Lưu. Sau đó ông cầm binh bát cho Thế Tôn, đưa tiễn một dặm đường, đến khi

Phật bảo dừng ông mới trở lui về nhà.

Trên đường đi, Nanda bị một thợ săn bắn tên chết. Các Tỳ-kheo trên đường trở về, thấy vậy bèn đến gặp thế tôn thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Vì Ngài đến đó, Nanda đã cúng dường nhiều thực phẩm, tiễn Ngài một đoạn đường và bị giết khi trở về. Nếu Ngài không đến đó thì ông ta không chết.

Phật đáp:

- Các Tỳ-kheo! Dù ta có đến hay không, dù Nanda có đi bốn phương Tám hướng, ông ta cũng không tránh khỏi cái chết. Bởi vì một khi giặc cướp hay kẻ thù không làm hại chúng sanh trong cõi đời này được, thì chính cái tâm hư hỏng, tà

vạy của họ có thể hại họ được vậy.

Và Phật nói kệ sau:

(42) Kẻ thù hại kẻ thù, Oan gia hại oan gia, không bằng tâm hướng tà, Gây ác cho tự thân

Vì các Tỳ-kheo không hỏi Nanda đã làm gì trong kiếp trước nên Phật không nói đến.

9. Vừa Là Cha Vừa Là Mẹ

Điều mẹ cha, bà con...

Thế Tôn dạy câu trên khi ngài ngụ tại Kỳ viên trong Thành Xá-vệ, cho vị chưởng khố, tức trưởng lão Soreyya. Chuyện bắt

đầu tại thành Soreyya và kết thúc ở Xá- vệ.

Khi bậc Chánh Đẳng Giác ngụ tại Xá-vệ, thì ở thành Soreyya con của vị chưởng khố tên Soreyya, ngồi trên xe kiệu với một người bạn thân và đám tùy tùng đông đảo, ra ngoài thành đi tắm. Họ gặp trưởng lão Đại ca-chiên-diên đang đắp đại y trước khi vào thành khất thực. Thân thể vàng óng của trưởng lão đập vào mắt Soreyya khiến anh không khỏi buột miệng: "Ồ! phải chi Trưởng lão này là vợ ta! Hoặc giả vợ ta có nước da được như thế!" Ý muốn vừa dấy khởi thì anh biến thành đàn bà. Bối rối và hổ thẹn, anh bước xuống xe và vụt bỏ chạy. Những người đi theo không biết việc gì xảy ra nhao nhao lên:

- Thế nghĩa là gì? Thế nghĩa là gì?

Soreyya mang thân phụ nữ bỏ đi về phía Takkasilà. Người bạn chung xe kiếm anh khắp nơi không thấy. Tắm xong mọi người về nhà. Họ lắp bắp trả lời với cha mẹ anh là anh đã về trước. Đến phiên cha mẹ anh đi tìm khắp nơi vẫn không thấy, hai ông bà khóc lóc than van; cuối cùng cho là anh đã chết, họ làm đám tang.

Soreyya, bấy giờ là phụ nữ gặp đoàn thương buôn cùng hướng về Takkasilà, bèn theo sát xe ông trưởng đoàn. Trong đoàn chú ý đến cô, và thắc mắc không biết cô là con cái nhà ai. Cô bảo họ cứ đi xe còn cô đi bộ theo. Đi hết một đoạn đường

dài, cô lo lót họ với chiếc nhẫn làm quà để xin một chỗ ngồi trên xe. Họ nghĩ, đến con trai chưởng khố thành Xá-vệ chưa có vợ, và muốn làm mai cho cô, mong được quà cáp hậu hỷ. Thấy cô hợp tuổi mình và quá đẹp, anh ta bằng lòng cưới cô.

(Ai cũng phải trải qua thân phận khi làm đàn ông, khi làm đàn bà. Như ngài Anan, người đầy đủ đức tính toán hảo trong trăm ngàn kiếp, và là một Đại đệ tử, đã từng là thợ rèn ở một kiếp trong vòng luân hồi, phạm tội với vợ người khác bị đọa địa ngục, và sau đó vì quả báo của hành động xấu chưa hết, Ngài phải trải qua mười bốn kiếp làm vợ người khác cộng thêm bảy kiếp nữa mới dứt nghiệp. Mặt khác, không muốn làm

đàn bà nữa, và lập nghiệp được tái sanh làm đàn ông, sẽ được như ý. Ngoài ra, những đàn bà vợ cư xử tốt với chồng sẽ tái sanh làm đàn ông. Nhưng Soreyya đã dại dột mơ tưởng tới Trưởng lão, nên ngay trong kiếp này đã biến thành đàn bà).

Cô Soreyya có thai và sau mười tháng sanh một bé trai. Khi đứa bé chập chững biết đi thì cô sanh đứa thứ hai. Như thế Soreyya trước là cha hai đứa con sanh ở thành Soreyya, nay là mẹ hai đứa nữa sanh ở thành Takkasilà, tất cả là bốn đứa. Một hôm con vị chưởng khố, bạn đồng hành khi xưa của Soreyya, rời thành Soreyya với năm trăm xe đi đến thành Takkasilà. Lúc đó cô Soreyya đứng nơi cửa sổ trên lầu cao nhất trong lâu đài nhìn xuống đường nhận ra anh bạn, liền sai tỳ nữ mời vào căn phòng lớn, tiếp đãi

kính trọng như thường lệ.

Khách nói với chủ nhà:

- Thưa bà, tôi chưa hề biết bà nhưng bà đón tiếp tôi quá tốt. Bà biết tôi sao?

Chủ nhà từ tốn:

- Phải ông ạ. Tôi biết ông rất rõ. ông không còn ở trong thành Soreyya à?

- Vâng, thưa bà.

Và bà chủ nhà hỏi thăm sức khỏe cha mẹ vợ con mình lúc trước. Khách trả lời tất cả đều khỏe và chất vấn tiếp:

- Bà biết họ à?

- Vâng ông ạ, tôi biết họ rất rành. Và này ông, họ có một anh con trai, hiện nay

không biết ở đâu?

Khách buồn bã kể lại chuyện đau lòng năm xưa, chủ thú thật:

- Này ông, chính tôi là anh ta đấy!

- Thôi đi bà! Bà nói gì lạ thế? Anh ta là bạn thân của tôi, anh ta như một thiên thần trẻ trung, là một người đàn ông.

- Ấy thế đó! Nhưng tôi lại chính là anh ta đấy, hoàn toàn đúng như thế.

- Thế là thế nào?

- Ngày đó, ông có nhớ là đã trong thấy Trưởng Lão Đại ca-Chiên-diên không?

- Vâng, tôi nhớ là có gặp Ngài.

- Bỗng dưng lúc đó tôi chợt nghĩ phải chi

Trưởng lão là vợ mình hoặc vợ mình có được nước da như Trưởng lão. Tức khắc tôi biến thành đàn bà. Tôi liền bỏ chạy một mạch đến xứ này.

- Ồ thật là tai hại! Tại sao anh không nói với tôi? Mà anh đã sám hối không?

- Ngài đang ở gần đây, ngay trong thành này.

- Ngài đến đây ư? Tôi muốn cúng dường vật thực cho Trưởng lão.

- Tốt lắm, hãy chuẩn bị đầy đủ. Tôi sẽ thuyết phục Trưởng lão tha lỗi cho anh.

Rồi người bạn ngày xưa của Soreyya đến chỗ Trưởng lão, đảnh lễ Ngài, cung kính ngồi một bên xin Trưởng lão nhận lời cúng dường ngày mai. Ngài nhận lời.

Sáng hôm sau Ngài đến đứng trước cửa nhà. Con của chưởng khố dâng Ngài chỗ ngồi và những thức ăn chọn lọc. Rồi ông dẫn người đàn bà đến phủ phục dưới chân Ngài kể lại tự sự và xin được tha thứ.

Trưởng lão hoan hỷ:

- Tốt lắm, hãy đứng lên. Ta tha thứ cho bà.

Trưởng lão vừa dứt câu, Soreyya lập tức biến trở lại thành đàn ông. Người chồng cũ của Soreyya trấn an anh:

- Bạn thân! Vì anh đã là mẹ trong khi tôi là cha của hai đứa bé này. Chúng thật sự là con của cả hai chúng ta. Vậy chúng ta vẫn tiếp tục sống lại đây. Đừng khó chịu.

Soreyya:

- Này bạn, tôi trải qua hai lần chuyển hóa trong một đời người. Trước tiên tôi là đàn ông, biến thành phụ nữ giờ trở lại làm đàn ông. Ban đầu tôi là cha của hai đứa bé, mới đây là mẹ của hai đứa nữa. Bạn đừng nghĩ rằng sau khi đã trải qua hai lần chuyển hóa trong một kiếp sống, tôi bằng lòng sống đời tại gia nữa. Tôi sẽ đi tu theo Trưởng lão của tôi. Bổn phận của bạn là nuôi dưỡng hai đứa bé này. Chớ xao lãng.

Nói xong Soreyya hôn hai đứa con, ôm vào lòng và trao lại cho người cha, bước ra khỏi nhà, và trở thành tu sĩ theo Trưởng Lão. Trưởng lão thuận cho anh vào Tăng đoàn, nhận cho anh làm tròn bổn phận, dẫn anh cùng về thành Xá-vệ. Và anh trở thành Trưởng lão Soreyya.

Dân cư trong xứ nghe chuyện rất xúc động và xôn xao, đến hỏi Trưởng lão Soreyya có thật như thế không, và tình cảm dành cho hai đứa con nào mạnh hơn. Trưởng lão trả lời thương hai đứa gọi bằng mẹ hơn. Xong trưởng lão rút lui khỏi đám đông. Khi ngồi thì ngồi một mình, khi đứng thì đứng một mình. Sống độc cư như thế, Ngài quán chiếu về sự hoại diệt, và chúng A-la-hán cùng những thần thông. Kể từ đó có ai hỏi Ngài

thương hai đứa bé nào hơn thì Ngài trả lời rằng không đặt tình cảm lên đứa nào cả. Các Tỳ-kheo nghe vậy cho là Ngài nói dối, và thưa chuyện đến Phật. Phật trả lời:

- Các Tỳ-kheo! Đệ tử ta không nó dối. Tâm đệ tử Ta hoàn toàn chất trực từ khi ông ta thấy đạo. Không có cha mẹ nào có thể mang đến lợi lạc cho mình mà chỉ có

tâm hướng về chánh đạo làm được điều tốt đẹp.

Nói xong Phật nói Pháp Cú:

(43) Điều mẹ cha, bà con, Không có thể làm được, Tâm hướng chánh làm được, Làm được tốt đẹp hơn.

IV. Phẩm Hoa 1. Đất Của Tâm

Ai chinh phục đất này...

Thế Tôn nói như trên khi ngài ở Xá-vệ để dạy năm trăm Tỳ-kheo đang phí thì giờ bàn luận về đất.

Một buổi chiều, các Tỳ-kheo trở về Kỳviên sau cuộc hành trình khắp xứ với đức Thế Tôn và tụ tập tại giảng đường. Họ bắt đầu bàn về dạng đất khác nhau từ làng này đến làng nọ, tức là bằng phẳng và không bằng phẳng, nhiều bùn, nhiều sỏi, đất sét đen, đất sét đỏ.

Đức Phật đến, hỏi chuyện và dạy rằng:

- Các Tỳ-kheo! đó là đất ở bên ngoài. Các ông có bổn phận làm sạch mảnh đất tâm bên trong.

Rồi ngài nói Pháp Cú:

(44) Ai chinh phục đất này, Dạma, thiên giới này, Ai khéo giảng Pháp cú, Như người khéo hái hoa?

(45) Hữu học chinh phục đất, Dạ-ma, Thiên giới này, Hữu học giảng Pháp Cú, Như người khéo hái hoa.

2. Một Tỳ Kheo Chứng A-La-Hán

Biết thân như bọt nước...

Đức Phật dạy câu trên cho một Tỳ-Kheo đang quán chiếu về ảo ảnh khi Ngài ngụ tại Xá-vệ.

Một Tỳ-kheo nhận đề tài thiền quán từ Phật, vào rừng để hành thiền. Dù đã dốc hết sức lực phấn đấu vẫn chưa chứng quả A-la-hán, ông bèn đến Thế Tôn xin để tài thiền quán khác thích hợp hơn.

Trên đường đi ông thấy ảo ảnh, và biết rằng vào mùa nắng ở xa ta thường thấy những hình ảnh trông như thật, nhưng đến gần thì biến mất, cuộc đời này cũng vậy, không thật vì có sanh có diệt. Và chú tâm vào ảo ảnh ông Thiền quán. Trên đường về mệt mỏi, ông tắm trong dòng Aciravatì, rồi ngồi dưới bóng cây trên bờ sông gần một thác nước.

Ông nhìn những bọt nước to, nổi lên rồi vỡ toang do sức nước đập mạnh vào đá. Ông nhận ra rằng cuộc đời cũng vậy, sinh rồi diệt, và ông lấy đó làm đề tài thiền quán.

Đức Thế Tôn ngồi trong hương thất, thấy biết vị Tỳ-kheo như vậy liền bảo:

- Này Tỳ-kheo, đúng vậy. Cuộc đời này cũng giống như bọt nước hoặc ảo ảnh, có sinh và có diệt.

Và ngài nói Pháp cú:

(46) Biết thân như bọt nước, Ngộ thân là như huyễn, Bẻ tên hoa của ma, Thoát tầm mắt thần chết.

3. Vua Vidùdabha Trả Thù Họ Thích Ca

Người nhặt các loại hoa ...

Thế Tôn dạy câu này ở Xá-vệ do câu chuyện vua Lưu Ly (Vidùdabha) cùng binh lính bị lũ lụt cuốn chết.

Tại Xá-vệ có hoàng tử Ba-tư-nặc con vua Kosala, tại Tỳ-xá-ly có hoàng tử Mahàli thuộc dòng Lệ-xá, tại Câu-thi-

na có hoàng tử Bandhuala con vua nước Mallas. Cả ba đều đến một vị thầy lỗi lạc ở thành Hoa Thị để học tập. Tình cờ gặp nhau trong một quán trọ ngoại thành, họ hỏi thăm nhau lý do đến đây, tên tuổi, dòng họ, và sau đó họ kết bạn với nhau. Họ cùng học chung một thấy, chẳng bao lâu sở đắc nhiều học thuật, họ rời thầy cùng lên đường về nhà.

Ông hoàng Ba-tư-nặc đã làm vua cha mãn nguyện với tài nghệ của mình nên được truyền ngôi. Ông hoàng Mahàli thì tận tụy giáo hóa các ông hoàng Lệ-xá đến nỗi mù mắt. Các ông hoàng đồng lòng cấp dưỡng cho ông, và ông tiếp tục dạy năm trăm ông hoàng Lệ-xá nhiều môn học thuật khác nhau. Riêng ông hoàng Bandhuala thì bị các ông hoàng dòng Mallas thách thức bảo chặt những bó tre gồm sáu mươi cây tre, mỗi bó có

chèn thêm một thanh sắc vào giữa và được treo lơ lửng trên không. Bandhula nhảy cao tám mươi cubits (khuỷu tay) dùng kiếm chém. Khi chặt đến bó cuối, nghe tiếng sắt lách cách ông không biết tại sao, và khi hiểu tự sự ông quăng kiếm bặt khóc, trách bà con và bạn bè chẳng ai báo cho ông biết, vì nếu biết, ông sẽ có cách chặt mà không làm cho miếng sắt kêu. Xong ông thưa với cha mẹ ông xin giết hết các ông hoàng Mallas, và sẽ thay họ cai trị dân. Cha mẹ ông ngăn cản với lý do là vương quốc phải được cha truyền con nối và dùng mọi cách thuyết phục ông bỏ ý định này. Ông bèn bỏ đi đến Xá-vệ sống với bạn mình.

Vua Ba-tư-nặc nghe tin đón ông vào thành với vinh dự đặc biệt, và tấn phong chức thống lãnh quân đội. Bandhula cho mời cha mẹ đến và ngụ luôn tại Xá-vệ.

Một hôm, vua Ba-tư-nặc đứng trên sân thượng nhìn xuống đường, thấy hàng ngàn Tỳ-kheo đi thọ thực về hướng nhà ông Cấp Cô Độc, tiểu Cấp Cô Độc, Tỳxá-khư và

Suppavàsà. Vua ngạc nhiên hỏi và khi biết rằng mỗi ngày có hai ngàn Tỳ-kheo đến nhà ông Cấp Cô Độc, năm trăm đến nhà ông Tiểu Cấp Cô Độc và cũng khoảng số đó đến nhà của Tỳ-xákhư và Suppavàsà để nhận cúng đường thức ăn, thuốc men và nhiều thứ khác, vua cũng muốn cúng đường nên đến tinh-xá thỉnh Phật và một ngàn Tỳ-kheo đến hoàng cung thọ thực. Vua dâng cúng bảy ngày và đến ngày cuối đảnh lễ và thỉnh Phật với năm trăm Tỳ-kheo tiếp tục thường xuyên đến thọ thực. Vì chư Phật không bao giờ đến thọ thực thường xuyên một chỗ, nên Thế Tôn cử trưởng lão A-nan dẫn Tăng Chúng.

Trong bảy ngày, nhà vua đích thân sớt bát cho chúng Tăng, không cho phép ai làm thế. Đến ngày thứ tám vua xao lãng bổn phận. Các Tỳ-kheo đến cung vua thọ trai nghĩ rằng vua không hạ lệnh cho ai làm thế nên không có ai lo chỗ ngồi và phục vụ chúng Tăng. Nhiều vị bỏ đi. Ngày kế tiếp cũng vậy và thêm một số nữa ra đi. Đến hôm sau nữa, các Tỳ-kheo đi hết trừ Trưởng lão A-nan.

Những người thực sự hằng sống với chánh kiến thì làm chủ được mọi tình huống để giữ vững niềm tin cho thí chủ. Thế Tôn có hai đệ tử tăng nòng cốt là Trưởng lão Xá-lợi-Phất và Mục-kiềnliên, hai ni nồng cốt là Khemà và Liên Hoa Sắc, hai nam cư sĩ nồng cốt trưởng giả Citta và Hatthaka Alavaka, hai nữ cư sĩ nồng cốt Velukantakì, mẹ của ngài Nan-đà và Khujjutarà. Tóm lại, tất cả

những môn đệ, bắt đầu với tám vị này, những vị nào đã lập nguyện, đã viên mãn Thập độ Ba-la-mật và như thế là những bậc đại công đức. Trưởng lão A-nan cũng vậy, đã lập nguyện, đã viên mãn Thập độ suốt một trăm ngàn kiếp, và đã là một bậc đại công đức. Do đó Ngài không sờn lòng trước bất cứ cảnh nào, và đã ở lại để giữ tín tâm cho nhà vua. Như vậy, chỉ một mình ngài A-nan được dâng chỗ ngồi và cúng đường.

Mãn giờ thọ trai, vua đến và thấy thức ăn còn nguyên chưa đụng đến, bèn hỏi lý do. Được biết các Tỳ-kheo đã về hết, ngoại trừ ngài A-nan, ông giận dữ thấy sự thiệt hại và đến ngay Phật thưa:

- Bạch Thế tôn, con đã chuẩn bị cho năm trăm Tỳ-kheo mà hiện giờ chỉ có một mình ngài A-nan. Thức ăn còn nguyên

không ai đụng đến, mà không thấy bóng dáng các Tỳ-kheo tại hoàng cung. Xin Thế tôn cho con biết lý do.

Đức Phật không quy lỗi cho các Tỳ- kheo, chỉ trả lời:

- Đại vương, đệ tử của Ta không tin cậy nơi Đại vương. Đó là lý do họ không đến.

Rồi Phật dạy các Tỳ-kheo trong những điều kiện nào các Tỳ-kheo không bắt buộc phải đến nhà thí chủ, và điều kiện nào thích đáng để các Tỳ-kheo nên đến, trong bài kinh như sau:

- Này các Tỳ-kheo, một gia đình thí chủ nếu có chín điểm không đủ tư cách thì Tỳ-kheo không nên đến viếng. Như vậy Tỳ-kheo không đến viếng gia đình ấy vì

họ không có bổn phận phải đến. Nếu họ có đến thăm thì cũng không có bổn phận phải ngồi lại. Chín điểm ấy là gì? Đó là:

1) Người trong gia đình không đứng lên đón các Tỳ-kheo một cách vui vẻ. 2) Họ không chào mời các Tỳ-kheo một cách vui vẻ. 3) Họ không mời ngồi một cách vui vẻ. 4) Họ giấu giếm những gì họ có. 5) Có nhiều, cho ít. 6) Có thức ăn thượng hạng, cho thức ăn tồi tàn. 7) Thay vì cúng dường một cách tôn kính, họ cúng dường một cách vô lễ. 8) Họ không ngồi nghe pháp. 9) Họ không nói chuyện với giọng hoan hỷ.

Ngược lại, một gia đình có chín điểm đủ

tư cách thì có quyền nhận sự thăm viếng của các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo chưa đến gia đình ấy thì nên đến, đã đến rồi thì nên ngồi. Chín điểm ấy là gì?

1) Họ đứng lên để gặp các Tỳkheo một cách vui vẻ. 2) Họ chào hỏi một cách vui vẻ. 3) Họ mời ngồi một cách vui vẻ. 4) Họ không giấu diếm những gì họ có. 5) Có nhiều, cho nhiều. 6) Có thức ăn thượng hạng, cho thức ăn thượng hạng. 7) Họ không cúng dường một cách vô lễ. Họ cúng dường một cách tôn kính. 8) Họ ngồi nghe pháp. 9) Họ nói chuyện với giọng hoan hỷ.

Phật nói tiếp:

- Đại vương, vì lý do này đệ tử của Ta thiếu lòng tin nơi ông, vì lý do này họ đã không đến. Ngay cả những bậc minh triết thuở xưa ở nhằm một nơi không an vui, tin tưởng, dù được phục vụ đầy đủ vẫn bị khổ sở đến lâm trọng bệnh, phải bỏ đến một nơi lòng họ thấy an vui, tin cậy.

Vua hỏi chuyện xảy ra lúc nào, Thề Tôn kể lại:

Chuyện quá khứ:

3A. Kesava, Kappa, Nàrada Và Vua Thành Ba La Nại.

Thuở xưa khi Phạm-ma-đạt cai trị xứ Bala-nại có một nhà vua tên Kesava từ bỏ ngai vàng, đi tu cùng với năm trăm tùy tùng sống đời ẩn sĩ. Kappa, người giữ kho báu cho vua cũng đi tu và trở thành

đệ tử của vua. Kesava và đoàn tùy tùng ở tám tháng trong xứ Hy-mã-lạp-sơn. Mùa mưa, họ đến thành Ba-la-nại tìm muối, giấm, và vào thành khất thực. Vua Ba-lanại hân hoan đón họ, được Kesava hứa ở lại suốt bốn tháng mưa. Vua cất nhà trong vườn và sáng chiều lui tới phục vụ.

Những ẩn sĩ đệ tử của Kesava, ở đó được vài ngày thì rất bực mình vì tiếng voi và thú khác nên đến gặp Kesava cằn nhằn và đòi đi về Hy-mã-lạpsơn. Kesava không thuận vì đã hứa ở lại bốn tháng mưa, nhưng họ vẫn khăng khăng xin đi, viện cớ họ không được thầy họ cho biết trước. Cuối cùng họ xin đến một nơi cách đây không xa, để có thể biết được tin tức vế thầy họ. Rồi họ đảnh lễ Kesava, lên đường, để lại một mình Kesava ở lại trong cung vua. Không bao lâu Kappa cũng bất mãn. Dù

vị thầy cố gắng thuyết phục nhiều lần, Kappa cũng bỏ đi và gặp lại những người trước.

Vị thầy nhớ nghĩ liên miên đến các đệ tử của mình. Sau một thời gian, ông nhuốm bệnh vì nội tâm bất an. Vua mời thầy thuốc nhưng không thuyên giảm. Cuối cùng ẩn sĩ Kesava bảo vua nếu muốn cho ông được khỏe thì đưa ông đến các đệ tử. Vua chấp thuận, đặt ẩn sĩ lên giường, sai bốn quan đại thần dẫn đầu bởi Nàrada khiêng ông đến nhóm đệ tử, không quên dặn họ cho vua biết tin ẩn sĩ sống ra sao.

Kappa nghe tin đến gặp ông, và các đệ tử cũng tụ tập lại, dâng thầy nước nóng, nhiều loại trái cây. Ông khỏi bệnh chỉ trong vài

ngày, thân thể trở lại màu vàng chói.

Nàrada hỏi ông:

Ngài bỏ vị vua giàu mạnh. Sẵn lòng đáp đủ nhu cầu. Đến Kappa, chốn Rừng sâu. Thiếu thốn, Ngài sao an ổn?

- Cây cối đây xanh tươi, êm ả, Làm lòng ta khoan khoái vô cùng. Lời Kappa dịu ngọt, khiêm cung. Ta mãn nguyện, Nàrada ạ.

- Gạo nàng hương nấu chung thịt ngọt. Ngài từng quen vị tột đậm đà. Nay kê cùng gạo lạt rừng già. Mùi thanh đạm Ngài Kham

có nổi?

- Vật thực cho dù ngon dù dở. Ít oi hay là được phong nhiêu. Tin tưởng nhau, vui sống thương yêu Lòng tin tưởng, vị ngon nào sánh nổi?

Thế Tôn kết thúc bài học và hợp nhất.

- Vua lúc đó là Mục-kiền-liên, Nàrada là Xá-lợi-phất, đệ tử Kappa là A-nan và Ẩn sĩ là Ta. Như thế, Đại Vương, thuở xưa người trí cũng phải chịu đựng sự đau đớn và cần đến nơi xứng đáng với lòng tin. Đệ tử của Ta không tin cậy ông, không còn nghi ngờ gì nữa.

(Hết chuyện quá khứ)

Nhà vua vì muốn mua chuộc lại lòng tin

của Tăng đoàn nên nghĩ cách là cưới một cô gái thân tộc của Thế Tôn. Như thế các Sa-di và những người tập tu sẽ đến cung vua, vì bây giờ là thân tộc với Thế Tôn.

Vua gởi sứ giả đến. Họ Thích bối rối không biết tính sao vì vua là kẻ thù của họ, nếu từ chối sẽ bị vua phá hoại, hơn nữa vua lại không cùng đẳng cấp.

Vua Thích Mahànàma đề nghị gả con gái của mình tên Vàsabhakhattiyà, là một con của một tỳ thiếp. Sứ giả về thuật lại. Vua hân hoan vì biết Thích Mahànàma là anh em chú bác với Thế Tôn. Vua cử sứ giả đi đón cô gái, không quên dặn dò.

- Những ông hoàng thuộc giai cấp chiến sĩ này rất dối trá, ngươi chỉ đưa cô ta về khi chắc chắn cô ta cùng ngồi ăn với cha.

Mọi việc xong xuôi, và sau đó Vàsabhakhattihà được tấn phong hoàng hậu với năm trăm cung nữ theo hầu. Chẳng bao lâu bà sanh một hoàng nam. Vua vui sướng sai

người hầu đem tin đến cho Thái Thái hậu, tức là bà nội vua để xin đặt tên. Thái thái hậu thốt lên:

- Trước khi sanh hoàng nam, hoàng hậu đã được lòng mọi người. Bây giờ chắc vua càng phải "sủng ái" hoàng hậu hơn hết.

Nhưng người hầu này lãng tai, do anh ta nghe lầm chữ "Vallbhà" là sũng ái thành "Vidùdabha" (tức lưu ly) nên về tâu với vua.

- Thái thái hậu bảo đặt tên cho hoàng tử là Lưu Ly.

Vua tuân theo, vì nghĩ rằng đó là một tên rất xưa trong hoàng tộc. Dù còn nhỏ, hoàng tử được ban chức cho thống lãnh quân đội vì vua tin rằng như thế sẽ làm vui lòng Thế tôn.

Hoàng tử lúc bảy tuổi thấy các hoàng tử khác được bà ngoại tặng voi, ngựa và nhiều quà khác, thèm thuồng hỏi mẹ sao mình không có. Hoàng hậu đành trả lời là ông bà ngoại thuộc dòng họ Thích ở xa lắm. Lên mười sáu tuổi chàng lại nói với mẹ muốn đi thăm bên ngoại, bà lại thối thác bảo xa lắm đi làm gì, chàng đòi mãi, cuối cùng bà mẹ xiêu lòng cho đi với đoàn tùy tùng đông đảo và một lá thư dặn dò. Dù vậy, họ Thích vẫn đối xử với chàng lạnh nhạt, họ cho các ông hoàng nhỏ về quê hết nên không ai đến chào kính chàng. Họ giới thiệu với chàng cộc lốc:

- Đây là ông ngoại bạn, đây là chú bạn.

Ở lại vài ngày, hoàng tử Lưu ly cùng đoàn tùy tùng lên đường trở về. Một tỳ nữ lau chùi chỗ ngồi của chàng tại nhà nghỉ hoàng gia với nước và sữa, đã nói giọng khinh bỉ:

- Đây là chỗ ngồi của con trai nàng hầu Vàsabhakhattyyà.

Một người lính bỏ quên thanh kiếm trở lại lấy, nghe hết lời cô tỳ nữ. Điều tra và biết rằng Vàsabhakhattyyà là con gái của một tỳ nữ của Thích Mahànàma, anh ta loan tin trong quân đội làm náo động mọi người. Hoàng tử Lưu Ly biết chuyện thề rằng: "Bây giờ họ Thích lau chỗ ngồi của ta bằng sữa với nước, khi ta làm vua trong vương quốc của ta, ta sẽ lau chỗ ngồi của ta bằng máu phun ra từ cổ họng

họ."

Đoàn quân về đến Xá-vệ thì tin tức cũng đến tai vua. Tức giận giòng họ Thích, ông truất phế hoàng hậu và hoàng tử, giáng xuống làm người hầu.

Vài ngày sau, Thế Tôn đến hoàng cung, vua bạch lại tự sự. Thế Tôn khuyên vua:

- Đại vương! họ Thích làm thế không đúng. Muốn gả con cho vua họ phải lựa người cùng đẳng cấp. Nhưng này Đại vương! Ta cần nói thêm cho ông rõ Vàsabhakhattyyà là con gái của vị vua đã nhận lễ phong vương thuộc giai cấp chiến sĩ, và Vidùdabha cũng là con của vua. Có quan trọng gì gia đình người mẹ? Chỉ có gia đình người cha mới thật là thước đo địa vị xã hội. Minh quân thời xưa vẫn phong hoàng hậu cho một cô gái

lượm củi nghèo nàn, và hoàng tử con của cô là vua xứ Ba-la-nại, một thành rộng mười hai dặm, tên vua là Katthavàhana.

Rồi Thế Tôn kể chuyện bổn sanh Katthavàhana. Vua nghe pháp sanh tâm hoan hỷ và phục hồi vương tước cho hoàng hậu và hoàng tử.

Tại Câu-thi-na, cô Mallikà con gái của ông Mallikà, và bà vợ của Bandhula vị thống lãnh quân đội, đã từ lâu hiếm muộn không sinh nở. Bandhula đuổi cô về nhà. Trước khi về cô vào kỳ-viên đảnh lễ Thế Tôn và đứng hầu. Thế Tôn hỏi thăm, cô kể lại và được Ngài khuyên hãy trở lại nhà chồng. Bandhula được nàng thuật lời dạy của đấng thập lực, biết rằng Phật có lý do nào đó nên chấp thuận.

Chẳng bao lâu Mallikà mang thai, và chợt thèm được tắm và uống nước trong hồ sen ở Vệ-xá-ly của các ông hoàng Lệxá thường dành cho buổi lễ đăng quang. Bandhula chiều ý lấy cây cung mà một ngàn người mới giương nổi, đặt vợ lên xe và đánh xe từ Xá-vệ đến Vệxá-ly, vào thành bằng cổng dành cho ông hoàng Lệ-xá Mahàli. Nghe tiếng xe của Bandhula, Mahàli đang ở trong ngôi nhà sát bên cổng, hiểu ngay là các ông hoàng Lệ-xá sắp bị phiền nhiễu.

Hồ sen được canh gác kỹ lưỡng từ trong lẫn ngoài. Bên trên hồ có giăng một lưới sắt, mắt nhỏ đến nỗi chim bay không lọt. Tướng lãnh Bandhula ngang nhiên xuống xe, tấn công lính canh, đuổi họ chạy rồi xé lưới sắt, xuống hồ sen cùng tắm với vợ. Xong ông ra khỏi thành, theo con đường cũ trở về.

Lính canh báo động cho các ông hoàng Lệ-xá. Họ phẫn nộ mang năm trăm xe đuổi theo, quyết bắt cho kỳ được Bandhula và Mallikà. Nhưng Mahàli ngăn lại vì sợ họ bị giết hết. Mặc, họ vẫn ra đi. Mahàli lại cảnh cáo họ, hãy quay lại khi thấy xe của Bandhula lún xuống đất trên trục xe, nếu họ vẫn chạy tiếp sẽ nghe tiếng sét nổ trước mặt, nếu họ không quay lại sẽ thấy một lỗ hổng trên ách xe của họ, khi đó họ chớ nên đi xa hơn. Mặc, họ vẫn đuổi theo không quay lại.

Mallikà trông thấy xe đuổi phía sau, báo với chồng, Bandhula dặn khi tất cả xe xếp thành hàng chữ nhất thì cho biết. Lúc đó ông trao dây cương cho vợ rồi nâng cung lên,

bánh xe của ông liền lún xuống đất đến trục xe. Các ông hoàng vẫn đuổi theo. Ông búng dây cung, tiếng nổ vang lên như sét đánh. Họ vẫn không quay lại. Ông bắn một mũi tên thành một lỗ hổng trước mỗi xe, xuyên qua thắt lưng của năm trăm ông hoàng và chui xuống đất. Các ông hoàng Lệ-xá không biết là mình đã bị bắn, lại cố la to:

- Dừng lại! Dừng lại!

Và họ vẫn tiếp tục đuổi theo. Bandhula dừng xe nói:

- Các anh toàn là người chết. Ta không đánh nhau với người chết!

- Chúng ta là người chết sao?

- Hãy nới lỏng thắt lưng của vị chỉ huy trưởng các anh!

Họ nới lỏng thắt lưng ông hoàng kia. Ngay lúc ấy, ông ta ngả xuống chết.

Bandhula nói:

- Tất cả các anh cùng chung cảnh ngộ. Hãy về nhà giải quyết mọi việc cần thiết, dặn dò vợ con lần cuối, sau đó hãy cởi giáp.

Họ làm theo lời, và cuối cùng những ông hoàng ấy ngã ra chết hết.

Bandhula dẫn Mallikà về xá-vệ.

Mallikà sinh đẻ tất cả mười sáu

lần, lần nào cũng sinh đôi. Con của bà đều dũng kiện, sức mạnh phi thường thành đạt nhiều học thuật. Mỗi người có một ngàn tùy tùng. Mỗi khi theo cha đến hoàng cung, sân chánh điện chật ních người của họ.

Có lần trong một vụ án lừa đảo, Bandhula xử lại vụ kiện sáng suốt và công bằng, người chủ thật sự được quyền hợp pháp. Dân chúng hoan hô và tán thán ông. Chuyện đến tai vua, các quan tòa bị cách chức, mọi quyền hành được vua giao lại cho Bandhula. Thấy quyền lợi bị thiệt hại, các quan tòa gây chia rẽ trong hoàng tộc bèn loan tin Bandhula muốn chiếm ngai vàng. Vua tin lời họ, muốn trừ khử Bandhula nên mua chuộc một số người, bảo họ nổi

loạn ở biên giới và phái Bandhula đi dẹp loạn, đồng thời ngầm sai một nhóm lính hùng mạnh đi theo ông để chặt đầu ông và ba mươi hai người con mang về. Kết quả xảy ra đúng như vua mong muốn.

Ngày hôm ấy, Mallikà mời hai đại đệ tử của Phật cùng năm trăm Tỳ-kheo đến nhà trai tăng. Bà nhận thư báo hung tin, xem xong thản nhiên cất thư vào túi áo, và tiếp tục thết đãi tăng chúng như không có việc gì xảy ra. Lúc bấy giờ các tỳ nữ đang dâng thức ăn, sẩy tay làm bể hũ mật trước mặt các Trưởng Lão. Ngài xá-lợiphất khuyên bà đừng quan tâm đến đồ vật vì bản chất của chúng là bể nát. Mallikà rút bức thư trong túi ra thưa:

- Con vừa nhận được tin chồng và các con đều bị chặt đầu, lòng con chẳng hề xao xuyến, huống hồ một cái hũ bể, thưa

tôn Giả?

Vị thống soát của niềm tin đọc bài kệ bắt đầu như sau: "Tuổi thọ chúng sanh đây, bao lâu thật khó biết...".

Thuyết pháp xong ngài đứng dậy trở về tinh xá, Mallikà gọi ba mươi hai nàng dâu đến khuyên nhủ:

- Chồng các con không có tội lỗi gì, chỉ lãnh quả báo nghiệp ác đời trước. Đừng đau buồn, đừng than khóc! Hãy yêu thương, đừng oán giận nhà vua!

Gián điệp của vua nghe được, tâu lại, vua cảm động vô cùng, đến gặp Mallikà xin bà và các con dâu tha thứ, và vua sẽ ban cho bà một ân huệ. Bà nhận lời.. Cúng giỗ cho chồng và các con xong, bà đi tắm rồi đến cung vua xin được ân huệ là trở

về quê với các con dâu. Các con dâu về nhà họ, còn bà về nhà mình ở Câu-thi-na. Vua ban chức thống lãnh quân đội cho Dìghakàràyana, một người cháu của Bandhula.

Nhưng ông này đi đâu cũng mắng nhiếc vua là đã giết chú của mình.

Kể từ ngày giết oan Bandhula, vua ăn năn đau khổ, lòng bất an và chẳng còn niềm vui nào trong việc an dân trị nước. Thời gian đó đấng Đạo sư đang ngụ gần ngôi làng nhỏ Ulumpa của họ Thích. Vua cắm trại cách đó không xa. Ông đến tinh xá đảnh lễ Thế Tôn với số ít người hầu thân tín. Vua bước vào hương thất một mình, sau khi giao năm thứ biểu trưng vương vị cho Dìghakàràyana (Kinh Dhammacetiya đã kể như vậy).

Ông này nhận năm món ấy xong liền tôn

hoàng tử Lưu Ly lên ngôi, trở về Xá-vệ, chỉ để lại một con ngựa và một tỳ nữ.

Vua thăm hỏi Thế Tôn xong trở ra không thấy quân lính, hỏi tỳ nữ biết tự sự, bèn định cùng với cháu bắt Lưu ly. Ông đi Vương-xá, đến cổng thành trời đã tối. Kiệt sức vì phơi mình ngoài nắng gió, vua Ba-tư-nặc nằm nghỉ trong một quán trọ và tắt thở ngay đêm ấy.

Trời hừng sáng, người ta nghe tiếng đàn bà than khóc:

- Vua của xứ Kosala hỡi! Ngài chỉ còn một mình, mất hết người che chở rồi!

Tân vương thành Vương Xá được họ đến báo tin bèn cử hành tang lễ trọng thể.

Nhớ lại thù xưa, vua Lưu Ly dẫn một

đoàn quân ra khỏi thành cốt giết cả dòng họ Thích. Thế Tôn quan sát thế gian vào buổi sáng, thấy thân tộc sắp bị tiêu diệt, có ý muốn bảo vệ. Ngài đi khất thực, trở về nằm nghiêng bên phải như sư tử trong hương thất. Chiều, Ngài bay lên trời và ngồi xuống một gốc cây trơ trọi, ít bóng mát, trong vùng lân cận Ca-tỳ-la-vệ. Cách đó không xa, có một cây đa thật to, bóng mát che rợp, nằm ở bên biên giới của vương quốc Lưu Ly. Vua Lưu Ly ngạc nhiên tại sao Thế Tôn không ngồi dưới bóng mát cây đa khi trời quá nóng bức, bèn hỏi Thế Tôn và được Ngài trả lời:

- Đừng lo lắng! Đại vương! Bóng mát của thân bằng quyến thuộc là Ta mát mẻ.

Vua biết ý Thế Tôn muốn che chở dòng họ nên đảnh lễ Ngài, quay về Xá-vệ. Thế

Tôn cũng đứng lên bay về Kỳ Viên.

Lòng thù hận học Thích vẫn chưa nguôi ngoai, vua lại ra đi lần thứ hai. Thấy Thế Tôn còn ở chỗ cũ, vua đành quay về. Lần thứ ba cũng vậy. Đến lần thứ tư, Phật quán sát thấy rõ hành động quá khứ của dòng họ Thích là đã ném thuốc độc xuống sông; biết không thể ngăn chặn được quả báo nên Ngài không đi đến gốc cây trơ trọi nữa. Thế là vua Lưu Ly với binh lực hùng hậu mặc tình tiến tới.

Thân tộc của Thế Tôn giữ giới nên không giết hại kẻ thù mình, họ thà chết hơn đoạt mạng sống kẻ khác. Họ mặc giáp lên đường chiến đấu, hy vọng dùng tài ba của mình khiến kẻ địch bỏ chạy. Những xạ thủ tài giỏi họ Thích khéo léo điều khiển mũi tên bắn xuyên qua khiên và kẽ hở lỗ tai, mà không trúng ai cả.

Vua Lưu Ly thấy tên bay không tin rằng họ Thích giữ lời hứa không sát hại kẻ thù, nhưng khi đếm lại số người của mình còn nguyên, ông mới hết nghi ngờ. Tuy vậy ông vẫn ra lệnh bộ hạ giết hết họ Thích, trừ những người theo Thích Mahànamà.

Họ Thích đứng trên đất của mình, không còn biết cách xoay sở nào khác nên một nhóm ngậm lá cỏ trong răng, nhóm khác cầm lau sậy chực sẵn. Khi được hỏi có phải họ Thích Sàkiyas không, thì họ trả lời hoặc không phải Sàka(rau) mà là cỏ, hoặc không phải Sàka (rau) mà là sậy. Nhờ vậy, hai nhóm này thoát chết. Sau, những người cầm lau sậy có tên là Thích-lau. Vì chữ sàka (rau) có âm tương tự chữ Sàkiyas (Thích) nên họ nói trớ để khỏi phạm giới vọng ngữ. Vua Lưu Ly chỉ tha những người đi theo

Thích Mahànamà, ngoài ra trừ tiệt hết họ Thích không chừa đứa trẻ nằm nôi. Vua Lưu Ly đã gây ra một dòng sông máu, lau chỗ ngồi của mình bằng máu phun từ cổ họ Thích.

Vua trở về, bắt theo Thích Mahànama. Đến giờ ăn sáng, vua muốn cùng ăn với ông ngoại Mahànama. Giai cấp chiến sĩ thà chịu chết hơn cùng ăn với con của nô lệ, vì vậy ông từ chối, nhưng lại sợ vua giết mình, tấn thoái lưỡng nan đành chọn tự kết liễu đời mình. Ông viện cớ tay chân lấm bẩn xin đi tắm. Rồi ông xỏa tóc xuống, thắt gút ở đuôi, thóc ngón chân to lớn của ông vào tóc, lao mình xuống nước. Do công đức của ông, long cung bị nóng lên. Long vương ngạc nhiên bèn đến chỗ ông, đặt ông ngồi trên vây và đưa ông đến long cung.Ông ở lại đó mười hai năm. Vua Lưu Ly đợi mãi

không thấy ông, cho lệnh rọi đèn xuống hồ tìm, khám xét trong mớ quần áo của bộ hạ ông nhưng không thấy ông đâu cả. Cho rằng ông đã đi, vua Lưu Ly lên đường. Vua đến sông Aciravatì trong đêm và cắm trại ở lại. Đoàn tùy tùng của vua một số nằm trên bờ trên cát trong lòng sông cạn, một số nằm trên bờ đất cứng. Người nằm trên bờ cát là những người không phạm tội ác đời trước, bị kiến cắn nên lội khỏi bờ cát lên nằm trên bờ đất; còn những người nằm trên bờ đất là những người phạm tội các đời trước, nên khiến lội xuống bờ cát trong lòng sông. Ngay lúc ấy một cơn bão thổi đến, mưa trúc xuống không ngớt. Lũ lụt tràn ngập con sông, cuốn vua Lưu Ly và đoàn tùy tùng xuống biển làm mồi cho cá và rùa.

Dư luận xôn xao về việc họ Thích bị tàn

sát và cho đó là bất công. Đức Phật giải thích là không phải bất công nếu biết nghiệp quá khứ, vì kiếp trước họ đã âm mưu ném thuốc độc xuống sông. Các Tỳkheo cũng lại bàn tán trong Pháp đường, Phật liền dạy:

- Các Tỳ-kheo! Trong lúc các chúng sanh này lo thỏa mãn tham vọng của họ, Diêm vương cắt ngắn mạng sống của họ và ném họ vào bốn biển phiền não, giống như lũ lụt cuốn trôi ngôi làng đang say ngũ.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(47) Người nhặt các loại hoa, Ý đắm say, tham nhiễm, Bị thần chết mang đi, Như lục trôi làng ngũ.

4. Người Tôn Vinh Chồng

Người nhặt các loại hoa ....

Thế Tôn nói lên câu này lúc ở Xá-vệ, liên quan đến cô Patipùjikà, tức là người tôn vinh chồng.

Ở cõi trời ba mươi ba có một vị trời tên là Màlabhàrì - người mang vòng hoa vào vườn cảnh cùng với một ngàn thiên nữ. Một nửa số thiên nữ trèo lên cây ném hoa xuống, một nửa ở dưới đất nhặt hoa rơi, trang điểm cho vua trời. Một thiên nữ đang ngồi trên cành cây thì qua đời, thân biến mất như một ánh đèn tắt, và tái sanh trong một gia đình có địa vị tại Xávệ. Cô nhớ lại tiền kiếp nên lớn lên thường dâng cúng hương hoa, để cầu

nguyện được tái sanh về với người chồng kiếp trước.

Mười sáu tuổi cô được gả chồng. Bất cứ khi nào cúng dường chư Tỳ-kheo thức ăn theo phiếu rút thăm, thức ăn ngày rằm và ba mươi mỗi tháng hay suốt mùa mưa, cô đều nguyện được trở về với người chồng kiếp trước. Các Tỳ-kheo bảo cô luôn tích cực và bận rộn chỉ vì ước muốn đó, và gọi cô là Patipùjikà, người tôn vinh chồng. Cô thường phục vụ tại hội đường, lo nước uống và chỗ ngồi cho các Tỳ-kheo. Mỗi khi có ai muốn cúng dường thức ăn theo phiếu rút thăm, hoặc thức ăn ngày rằm và ba mươi, họ đều đưa đến cho cô để dâng lên Tăng chúng. Phục vụ như thế, cô đã được năm mươi sáu thiện pháp cùng một lúc. Về đời sống gia đình, cô lần lượt sanh được bốn người con.

Một hôm sau khi cúng dường và đảnh lễ các Tỳ-kheo, nghe pháp và thọ trì giới xong, đến chiều tối, cô thình lình mắc bệnh, qua đời và tái sanh về với chồng trước. Suốt thời gian đó các thiên nữ vẫn đang nhặt hoa trang điểm cho vua trời. Màlabhàrì thấy cô hỏi thăm cô đi đâu, cô kể lại đầu đuôi và sống buông lung thay vì bố thí cúng dường, và cứ luân hồi vô số kiếp, không biết đến già và chết. Vua trời tội nghiệp và thay cho thế gian, cứ sống say chết ngủ,không biết đến bao giờ mới thoát khỏi phiền não đau khổ. (Một trăm năm cõi người bằng một ngày đêm cõi trời. Ba mươi ngày đêm cõi trời thành một tháng, mười hai tháng là một năm và một kiếp trời dài một ngàn năm trời, tức ba mươi sáu triệu năm ở cõi người).

Hôm sau các Tỳ-kheo vào làng, đến hội

đường không có ai chăm lo, không chỗ ngồi, không nước uống và được biết là Patipùjikà đã qua đời. Tỳ-kheo nào chưa chứng Sơ quả, nhớ lại lần ân cần tiếp đãi của cô, không cầm được nước mắt; còn những Tôn giả đã chứng A-lahán thì thấm thía pháp vị.

Các Tỳ-kheo sau giờ tiểu thực, thưa hỏi Thế Tôn về cô, và được biết cô đã tái sanh về cõi trời ba mươi ba với người chồng trước đúng theo sở nguyện. Họ ngậm ngùi cho kiếp người quá ngắn ngủi, mới sáng nay dâng thức ăn cho Tăng chúng, chiều đã bệnh và qua đời. Đức Phật bèn dạy:

- Các Tỳ-kheo! Thế gian này mạng sống của chúng sanh rất ngắn ngủi. Do đó trong khi họ đang còn mong muốn danh lợi thế gian, và tham đắm dục lạc chưa

thỏa mãn, thì tử thần đã áp đảo họ mang đi trong tiếng khóc than.

Rồi Thế Tôn nói kệ:

(48) Người nhặt các loại hoa, Ý đắm say tham nhiễm, Các dục chưa thỏa mãn, Đã bị chết chinh phục.

5. Kosiya Keo Kiệt

Như ong đến với hoa ...

Khi ngụ tại Xá-vệ, Thế Tôn dạy câu này, liên quan đến chưởng khố Niggardly Kosiya.

Tại thành phố Jaggery, gần Vương Xá có

chưởng khố Niggardly Kosiya tài sản lên đến tám trăm triệu đồng, nhưng chẳng bao giờ bố thí, dù chỉ một giọt dầu nhỏ xíu đủ đọng trên đầu ngọn cỏ, thậm chí còn không dám ăn. Của cải nhiều như thế mà con trai, con gái và cả Tỳ-kheo, Bàla-môn đều không được hưởng cứ còn nguyên vẹn, giống như một hồ nước bị ma ám.

Sáng sớm đức Phật xuất định Đại bi Tam-muội, dùng Phật nhãn quán sát hàng tín hữu của Ngài trong khắp vũ trụ, và thấy cách Ngài bốn mươi lăm dặm có vị chưởng khố và bà vợ đủ duyên lành được hóa độ.

Ngày trước đó, chưởng khố đến hoàng cung chầu vua. Trên đường về ông thấy một người nhà quê gần chết đói, đang ăn cái bánh tròn đầy cháo chua. Ông phát

đói bụng. Khi về nhà, ông nghĩ nếu nói ra chuyện mình đói người khác cũng đói ăn theo, thì sẽ tốn biết bao, nào mè, mật mía, đường thô và nhiều thứ khác, chi bằng im đi. Ông đi bách bộ, chịu đựng cơn đói. Hàng giờ trôi qua, mặt ông tái mét, càng lúc càng xanh xao vàng vọt, gân nổi khắp người. Cuối cùng hết chịu nổi, ông về phòng, nằm vật xuống ôm chặt thanh giường. Tuy quá đau đớn vì đói, nhưng nghĩ đến của cải bị tốn kém hao phí, ông chẳng dám hé môi.

Vợ ông đến thăm ông, xoa lưng hỏi han:

- Phu chủ, có việc gì vậy?

- Không.

- Nhà vua làm ông buồn bực?

- Không.

- Nếu thế thì ... hay là ông cần gì, thèm gì?

Ông nhảy nhổm vì đúng ngay vết thương lòng. Nhưng lòng tiếc của cũng bừng dậy khiến ông một lần nữa ôm bụng im lặng chịu trận.

Bà vợ, chắc nghĩ rằng mình đoán gần đúng nên năn nỉ tiếp:

- Phu chủ, nói cho tôi nghe đi! Ông thèm món gì?

Chưởng khố chịu hết nổi, thều thào chữ còn chữ mất:

- Ừ, tôi thèm một thứ.

- Thèm gì nào, phu chủ?

- Tôi muốn ăn một cái bánh chiên!

- Ồ! sao không nói sớm? Ông có nghèo túng gì đâu! Tôi đủ sức bao ăn hết cả thành Jaggery.

- Trời! Ai bảo bà lo cho thiên hạ vậy? Họ muốn ăn thì ráng làm ra tiền mà mua chứ?

- Thế thì, tôi chỉ đãi bà con dọc đường này.

- Bà lại phung phí quá!

- Nếu thế thì mình mời trong nhà thôi!

- Tốn kém lắm!

- Để tôi nướng đủ cho vợ chồng con cái

mính ăn thôi.

- Sao bà tính chi nhiều dữ vậy?

- Được rồi, chỉ có tôi với ông ăn nhe!

- Bà cũng cần ăn sao?

- Được lắm, một mình ông thôi.

Để tránh cặp mắt nhiều người, ông dặn vợ để lại hạt gạo nguyên, chỉ dùng hạt bể, lấy lò than, khuôn nướng bánh, một chút sữa với mật mía, mật ong và đướng thô, rồi leo lên tầng chót tòa nhà bảy tầng nướng bánh, và ông sẽ ngồi ăn tại chỗ. Bà vợ chỉ biết vâng theo.

Sáng sớm, Thế Tôn bảo Trưởng lão Mục- kiều-liên đến thành Jaggery trên tầng thứ bảy nhà chưởng khố để độ ông ta, dạy

cho ông biết xả bỏ, rồi đem cả hai ông bà về Kỳ Viên cùng với bánh, sữa, mật, đường bằng thần thông. Phật sẽ cùng năm trăm Tỳ-kheo ngồi trong tinh xá thọ thực bánh chiên.

Chỉ trong khoảnh khắc, Trưởng lão đã đứng lơ lửng giữa trời, trước cửa sổ lầu bảy, hào quang rực rỡ. Chưởng khố trông thấy Ngài, run như cầy sấy. Ông đã trốn lên tận đây cũng vì sợ có người đến khất thực. Vậy mà ông bạn này lại lù lù hiện ra. Không biết rằng Trưởng lão muốn là được, chưởng khố thở phì phò giận dữ, nghe như muối và đường ném vào lửa. Ông quát lên:

- Ông Tỳ-kheo! Ông muốn gì mà đứng lơ lửng trên không vậy? Ông có tới tới lui lui cho đến khi vạch thành một con đường trên trời cũng chẳng được gì đâu!

Trưởng lão vẫn thản nhiên đi tới đi lui trước cửa sổ như trước. Chưởng khố quát tiếp:

- Ông chờ đợi gì mà đi tới đi lui hoài vậy? Ông có ngồi kiết già đi nữa cũng chẳng được gì.

Trưởng lão bắt chân ngồi kiết già.

- Dù ông có đứng trên thành cửa sổ cũng thế thôi.

- Dù ông phun ra khói cũng thế thôi.

Chưởng khố nói thế nào là Trưởng lão làm đúng y. Cho nên, cuối cùng toàn bộ ngôi nhà khói phủ mù mịt. Chưởng khố cảm thấy như mắt bị kim đâm. Sợ cháy nhà, ông ráng nén không dám nói: "Dù ông có phun ra lửa cũng thế thôi." Ông

nghĩ thầm: "Ông thầy này bám dai như keo. Nếu không cho cái gì, ổng không chịu đi đâu." Ông đành bảo vợ làm một cái bánh nhỏ để tống khứ trưởng lão. Bà lấy cục bột nhỏ bỏ vào nồi. Bột phồng lên thành cái bánh to đầy tràn cả chảo. Ông vò đầu bứt tai:

- Trời! Bà lấy cục bột lớn quá!

Rồi đích thân ông dích một cục bột nhỏ xíu trên đầu muỗng bỏ vào nồi. Bột lại phình to hơn cái trước. Cứ thế, cái bánh nướng sau to hơn cái trước. Cuối cùng rứt cái bánh ra khỏi rổ, nhưng tất cả dính lại với nhau. Bà cầu cứu ông, nhưng cố hết sức ông cũng không tách ra được. Mồ hôi tuôn khắp mình, ông hết thèm, liền bảo bà đưa hết rổ bánh cho Tỳ-kheo. Trưởng lão thuyết pháp cho hai ông bà, nêu công hạnh của Tam bảo, bắt đầu với

câu "Sự bố thí là cách tế lễ chơn chánh nhất". Ngài giải thích phước báo của hạnh bố thí và các công đức khác, rõ ràng như mặt trăng trong bầu trời.

Nghe xong ông phát tín tâm, mời Trưởng lão đến gần, ngồi xuống giường thọ thực. Mục-kiền-liên bảo ông bà mang bánh đến chỗ Thế Tôn cúng dường. Ngài sẽ mang cả hai đi bằng thần thông. Đầu cầu thang trong lâu đài sẽ vẫn ở chỗ cũ nhưng chân cầu thang sẽ nằm ngay cổng tinh xá kỳ Viên. Ngài sẽ mang hai ông bà đến Kỳ viên nhanh hơn là đi từ tầng lầu trên xuống tầng lầu dưới.

Chưởng khố đồng ý đề nghị ấy. Trưởng lão bèn để đầu cầu thang yên chỗ cũ và ra lệnh:

- Chân thang hãy nằm tại cổng Kỳ Viên.

Thang hiện ra y như thế. Hai vợ chồng Chưởng khố đến Kỳ Viên bèn đến trước Thế Tôn thưa đã đến giờ thọ trai. Thế Tôn vào phòng ăn, ngồi trên Phật tòa soạn sẵn cùng với Tăng đoàn vây quanh. Chưởng khố dâng nước khai mạc buổi cúng dường Phật và chư Tăng. Bà vợ đặt bánh vào bình bát Như Lai. Thế Tôn lấy vừa đủ dùng, các Tỳ-kheo dùng xong, cả hai ông bà cũng ăn no, nhưng bánh vẫn còn. Sau khi chia bánh cho toàn thể Tỳkheo trong tinh xá và cho những người xin ăn đồ thừa, bánh vẫn không giảm. Phật dạy đem bánh ra đổ ngoài cổng Kỳ Viên. Đến ngày nay chỗ đó có tên là Hang Bánh.

Hai ông bà đến chỗ Thế Tôn, đứng kính cẩn một bên. Thế Tôn hồi hướng công đức, dứt lời cả hai chứng quả Dự lưu. Rồi họ chào Phật, lên cầu thang ở cổng

Kỳ Viên và về nhà. Từ đó về sau Chưởng khố dùng gia sản tám trăm triệu đồng dành riêng phục vụ cho Giáo đoàn của Phật.

Chiều hôm sau, các Tỳ-kheo đến pháp đường bàn tán thần thông cùng oai lực của Mục-kiền-liên đã chiêu phục chưởng khố. Phật nghe qua dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Một Tỳ-kheo muốn giáo hóa một gia chủ không làm hại đức tin, không làm hao của cải, không áp chế cũng không làm họ để giảng cho họ hiểu công hạnh của Phật, như con ong đậu trên hoa hút mật. Con ta, Mục-kiên-liên, đúng là một Tỳ-kheo như thế.

Để tán thán Trưởng lão Mục-kiền-liên, Phật nói Pháp cú:

(49) Như ong đến với hoa, Không hại sắc và hương, Che chở hoa, lấy nhụy, Bậc thánh đi vào làng.

Đức Phật nói tiếp về công hạnh của Ngài, và cho biết đây không phải lần đầu mà trong kiếp trước Ngài đã từng cải hóa chưởng khố Niggardly khi thuyết giảng mối tương quan giữa hành nghiệp và quả báo. Và Phật kể lại chuyện Bổn sanh Illìsa.

Cả hai đều chân vòng kiềng Cả hai cũng lại khập khiềng què luôn Nốt ruồi, mắt lác đúc khuôn Ta không thể nói ai là Illìsa.

6. Ẩn Sĩ Lõa Thể Pàthika.

Không nên nhìn lỗi người...

Tại Xá-vệ Phật đã dạy câu trên liên quan đến ẩn sĩ lõa thể Pàthika.

Vợ một gia chủ tại Xá-vệ lo cung cấp mọi nhu cầu cho ẩn sĩ lõa thể Pàthika, xem ông như con đẻ của mình. Bà được người láng giềng ca tụng pháp nhũ của Phật nên muốn đến tinh xá nghe Pháp. Nhưng mấy lần đến xin ẩn sĩ đều bị ông khuyên không nên đi. Vì vậy bà định sẽ mời Thế Tôn đến tư gia để thuyết pháp.

Chiều hôm đó, bà cho cậu con trai đến tinh xá để thỉnh Thế Tôn sáng mai. Cậu bé đi ngang qua thất ẩn sĩ chào, bị ông ta bảo đừng đi. Cậu không dám cãi lệnh mẹ sợ bị rầy. Ông ta bèn bảo cậu đừng chỉ

cho Thế Tôn đúng đường đi đến nhà mà chỉ giả bộ như nhà cậu ở gần đó. Rồi khi về thì cậu phải chạy thật mau, làm như định đi đường khác. Sau đó, hãy đến gặp ẩn sĩ. Cậu bé vâng lời làm theo. Khi cậu thi hành mọi việc xong xuôi và trở lại nhà ẩn sĩ, ông khen ngợi cậu bé và hứa hẹn sẽ cùng nhau ăn phần dành cúng dường Phật.

Sáng tinh mơ ngày hôm sau, ẩn sĩ đến nhà bà thí chủ, cùng với cậu bé ngồi phòng bên trong. Các người láng giềng trét phụ nhà với phân bò, tô điểm bằng năm thứ hoa, có cả hoa Làja, và soạn sẵn chỗ ngồi thượng hạng cho Thế Tôn. (Những người chưa thân cận với chư Phật không biết cách sửa soạn Phật tòa. Chư Phật cũng không bao giờ cần đến một người dẫn đường. Khi chư Phật giác ngộ dưới cội Bồ-đề, làm rúng động mười

ngàn thế giới, mọi con đường đều trở nên rõ ràng đối với các Ngài: đường xuống địa ngục, đường đến cõii súc sanh, cõii ngạ quỷ; lên cõi người, cõi trời; đến cõi bất tử,

Niết-bàn. Chư Phật không cần phải được chỉ đường đến làng mạc, phố thị hay bất cứ chỗ nào).

Do đó sáng sớm đức Phật cầm bát, đắp y đến thẳng nhà bà thí chủ. Bà ra khỏi nhà một đoạn thật xa để đón Phật, năm vóc gieo xuống kính lễ và theo Phật về nhà. Bà xối nước lên tay phải của Phật và cúng dường thức ăn hảo hạng cứng và mềm. Bà đỡ lấy bát khi Thế Tôn thọ thực xong, và thỉnh Ngài hồi hương công đức. Bà lắng nghe pháp và tán thán Như lai:

- Hay thay! Hay thay!

Ẩn sĩ ngồi phía sau nghe thế nổi cáu,

không nhận bà là đệ tử mình nữa, và đứng dậy ra về, không quên hăm he:

- Đồ phù thủy! Mi sẽ thiệt hại vì tán thán ông ta.

Sau đó ông ta dùng đủ lời lăng mạ vị tín nữ và Thế Tôn, Rồi bỏ đi. Bàng hoàng vì những lời mắng chửi của ẩn sĩ lõa thể, bà tán tâm, không thể chú ý nghe Thế Tôn thuyết pháp. Bà thú thật với Thế Tôn và được Ngài khuyên:

- Đừng bận tâm đến lời của kẻ ngoại đạo, không cần chú ý đến một người như thế. Chỉ nên nhìn lỗi mình; đã phạm hay chưa phạm.

Và nói Pháp cú:

(50) Không nên nhìn lỗi

người, Người làm hay không làm, Nên nhìn tự chính mình, Có làm hay không làm.

7. Vua Và Vua Các Vua

Như bông hoa đẹp tươi...

Thế Tôn dạy câu này liên quan đến cư sĩ Chattapàni khi ngài ngụ tại Xá-Vệ.

Cư sĩ Chattapàni ở Xá-vệ làu thông Tam tạng Kinh điển và đã chứng Nhị quả. Một sáng sớm, tuân giữ Bát quan trai giới, đến đảnh lễ Thế Tôn. Đối với những vị chứng Nhị quả và các Thánh đệ tử của Phật, vì đã thệ nguyện trước, không cần giữ giới Bát quan trai. Những vị ấy, chỉ do công hạnh của đạo quả,

sống đời thánh thiện, ăn ngày chỉ một bữa. Do đó, đức Thế Tôn nói: "Đại Vương! Người thợ gốm Ghatikàra ăn ngày chỉ một bữa, sống đời phạm hạnh, thì đã là người đạo đức, chính thực." Do đó, những vị đã chứng Nhị quả đương nhiên ăn ngày một bữa và sống đời thánh thiện).

Nhưng Chattapàni cũng vẫn giữ giới Bát quan trai. Ông đến đảnh lễ Thế Tôn rồi cung kính ngồi xuống nghe pháp.

Lúc bấy giờ vua Ba-tư-nặc ở Kosala cũng đến để đảnh lễ Thế Tôn, Chattapàni trông thấy thoáng lo nghĩ không biết phải xử sự thế nào. Ông đang ngồi với sự hiện diện của Phật, tức vua của các vua, thì không thể đứng lên chào vua của một nước được. Thế rồi

ông quyết định ngồi yên không đứng

dậy, dù vua Ba-tư-nặc có bất bình cũng đành chịu. Quả nhiên, vua đảnh lễ Thế Tôn xong cung kính ngồi một bên, mặt không vui. Thế Tôn thấy vậy bèn bảo:

- Đại vương, cư sĩ Chattapàni là bậc Thiện trí, hiểu biết giáo pháp và thông thuộc Tam tạng kinh điển, bình thản cả lúc thành công hay thất bại.

Vua nghe Ngài ca tụng đức hạnh của ông, lòng dịu lại hết giận.

Sau đó, một hôm, điểm tâm xong, vua đứng trên lầu hoàng cung thấy Chattapàni đi qua sân, tay cầm dù chân mang dép liền ra lệnh gọi ông đến. Ông bỏ dù, cởi dép đến chào vua và cung kính đứng một bên.

Vua hỏi ông:

- Tại sao ông bỏ dù và cởi dép?

Ông đáp:

- Khi thần nghe Đại Vương cho đòi vào liền để dù và dép qua một bên trước khi đến gặp ngài.

- Thế thì, rõ ràng hôm nay ông mới biết ta là vua?

- Thần luôn luôn biết ngài là vua.

- Sao hôm trước gặp ta chỗ Thế Tôn, ông không đứng dậy?

- Đại vương! Nếu đứng trước vua của các vua mà thần đứng dậy chào vua một nước thì thiếu cung kính với đấng Thế Tôn. Vì vậy thần đã không đứng dậy.

- Không sao, cái gì đã qua hãy cho qua. Ta nghe nói ông thông thạo những vấn đề liên quan đến đời này và đời sau, và thông thuộc Tam tạng kinh điển, vậy hãy đến cung cấm tụng đọc cho các cung phi.

- Thần không thể làm, Đại vương!

- Tại sao vậy?

- Hoàng cung là nơi nghiêm mật. Đúng hay sai đều nghiêm trọng, tâu bệ hạ.

- Đừng nói thế. Ngày hôm kia, khi gặp ta ông thấy không cần đứng dậy chào mà. Đừng làm thương tổn vết thương thêm nữa.

- Đại vương, nếu một gia chủ làm nhiệm vụ của một Tỳ-kheo thì là phạm lỗi nặng. Xin thỉnh một Tỳ-kheo đến giảng kinh.

Vua chấp thuận, ra lệnh bãi hầu. Sau đó, vua sai sứ giả đến bạch với Phật, xin Thế Tôn đến hoàng cung thường xuyên với năm trăm Tỳ-kheo để nói pháp cho hai vương phi là Mallikà và Vàsabhakhattyyà. Vì như Phật không thể đến hoài một chỗ, nên Thế Tôn cử Trưởng lão A-nan đều đặn đến trùng tuyên giáo pháp cho hai bà. Mallikà học rất chăm chỉ, ôn luyện nghiêm túc và chú tâm đến lời giảng, còn Vàsabhakhattyyà thì không được như vậy. Được Thế Tôn hỏi thăm, Trưởng lão trình bày sự học của hai bà. Phật

dạy:

- Này A-nan! Khi Ta thuyết pháp, ai không thành tâm lắng nghe, học tập, ôn luyện và giảng giải được thì không chút gì lợi lạc, như bông hoa có sắc mà không hương. Nhưng người nào nghe, học, lặp lại và giảng giải được sẽ hưởng nhiều lợi

lạc.

Rồi Thế Tôn đọc Pháp cú:

(51) Như bông hoa đẹp tươi, Có sắc mà không hương, Cũng vậy, lòi khéo nói, Không làm không kết quả.

(52) Như bông hoa đẹp tươi, Có sắc lại thêm hương, Cũng vậy, lòi khéo nói, Có làm, có kết quả.

Khi Phật kết thúc bài giảng, nhiều người chứng sơ quả, Nhị quả và Tam quả. Hội chúng cũng được nhiều lợi lạc.

(Xem tiếp Phần 2)

IV. Phẩm Hoa (2)

8. Đám Cưới Bà Tỳ Xá Khư.

Như từ một đống hoa...

Khi ngụ tại Pubbàràma, gần Xá-vệ, Thế Tôn dạy câu trên liên quan đến bà Tỳ-xá- khư (Visàkhà).

Tỳ-xá-khư sinh ra trong thành Bhaddiya, thuộc vương quốc Anga. Cha là chưởng khố Dhananjaya, con của chưởng khố Ram, và mẹ là Sumanaa Devii chánh thất. Năm bà lên bảy tuổi, Thế Tôn thấy người Bà-la-môn Sela và tín hữu của ông đủ duyên lành nhập đạo nên đến thành này cùng với đông đảo Tăng chúng. Lúc bấy giờ chưởng khố Ram đang giữ chức chưởng khố của thành này, là người đứng đầu năm nhân vật có phước đức lớn. (Đó là

khố Ram, bà Candapadumà chánh thất của ông, trưởng nam Dhananajaya và vợ là Sumanà Devì, và gia nhân của chưởng khố Ram là Punna. Không riêng gì chưởng khố Ram có gia sản kết xù mà tại vương quốc của vua Bình-sa vương cũng có năm người là Jotiya, Hatila, Ram, Punnaka, và Kàkavaliya).

Chưởng khố Ram nghe tin đấng Thập lực đến liền bảo Tỳ-xá-khư:

- Hôm nay là ngày hạnh phúc của ông và cũng là hạnh phúc cho con. Hãy dẫn năm trăm trinh nữ gia nhân của con cưỡi năm trăm xe cùng năm trăm nô lệ nữ đi khoảng xa đón đấng Thập lực.

Tỳ-xá-khư liền vâng lời ông nội.

Cô biết rõ điều gì nên làm, điều gì không

nên làm, vì thế cô cho xe đi hết khoảng đường xe có thể đi được, rồi xuống xe đi bộ đến Thế Tôn, đảnh lễ Ngài và đứng qua một bên. Hoan hỉ vì cung cách tiếp rước của cô bé, Thế Tôn thuyết pháp cho cô, cuối bài pháp cô với năm trăm gia nhân cùng chứng quả Dự lưu.

Chưởng khố Ram cũng đến chỗ Thế Tôn nghe pháp và cũng chứng Sơ quả. Sau đó ông thỉnh Thế Tôn với Tăng đoàn đến nhà thọ thực, và ông dâng cúng thực phẩm chọn lọc, cứng lẫn mềm, suốt hai tuần thật dồi dào. Sau nửa tháng ở lại trong niềm hoan hỷ, Thế Tôn rời thành Bhadiya.

Thuở đó vua Bình-sa vương và vua Batư-nặc nước Kosala là anh em rể, vua này cưới em của vua kia. Vua Kosala thấy trong nước mình không có người

nào giàu có vô tận như năm nhân vật thế phiệt của Bình Sa Vương, nên đến xin một nhân vật về xứ mình. Vua Bình-sa vương từ chối, vua Kosala quyết chí xin cho được, nếu không sẽ không về xứ. Túng thế Bình-sa vương họp bàn với các quan rồi hứa sẽ cử chưởng khố Dhananjaya.

Đúng hẹn, chưởng khố Dhananjaya đi theo vua Ba-tư-nặc rời Xá-vệ về Kosala, chỉ mất một đêm. Dừng trước một cảnh đẹp, và khi được biết nơi đó chỉ cách Xávệ bảy dặm và là xứ sở của vua Ba-tưnặc, chưởng khố xin vua ở lại đây. Vua chuẩn y, dựng thành quách tại đây cho ông, đặt tên thành là Sàketa, có nghĩa là thành có người đầu tiên ở vào chiều tối.

Lúc đó ở Xá-vệ Chưởng khố Migàra được một mụn trai

tên Punnavaddhana đến tuổi trưởng thành. Hai ông bà bảo con nên lập gia đình, ban đầu anh thoái thác, sau đặt điều kiện vị hôn thê phải hội đủ năm vẻ đẹp về tóc, thịt, xương, da, và tuổi trẻ. (Phụ nữ đẹp con nhà trâm anh tóc phải giống như đuôi công lòa xòa đến viền váy và cuốn cong. Đó là vẻ đẹp của tóc. Môi có màu đỏ tươi như màu bí và phải tròn đầy mềm mại, đó là vẻ đẹp của thịt. Răng phải trắng, đều không kẽ hở, sáng bóng như kim cương hay vỏ ốc xà cừ, đó là vẻ đẹp của xương. Làn da không xông ướp với gỗ đàn hương, phấn hồng hay bất cứ mỹ phẩm nào, vẫn mịn màng như vòng hoa huệ và trắng muốt như hoa Canikàra, đó là vẻ đẹp của da. Dù có sinh đẻ mười lần đi nữa cô ta trông như gái một con, đó là vẻ đẹp của tuổi trẻ.)

Hai ông bà mời tám Bà-la-môn đến nhà

dùng bữa, để nhờ họ tìm một nàng dâu như thế. Họ hứa và đi tìm với tiền trợ cấp đáng kể, và một vòng hoa bằng vàng trị giá một trăm ngàn đồng tiền để đeo vào cổ cô dâu. Họ sốt sắng tìm kiếm nhưng hoài công, đành trở về, trúng ngay ngày lễ hội hằng năm. Ngày đó các gia đình ngày thường ít khi ra ngoài sẽ dẫn gia nhân, người hầu đi bộ đến tận bờ sông. Những cậu trai gia thế, có địa vị và giàu có thuộc giai cấp chiến sĩ, sẽ đứng dọc đướng, và khi cô gái đẹp nào lọt và mắt xanh và cùng giai cấp, họ sẽ ném vòng hoa lên đầu nàng. Các ông Bà-la-môn cũng đến đó chờ đợi trong một gian nhà. Lúc đó Tỳ-xá-khư độ mười lăm mười sáu tuổi, trang sức đầy mình với năm trăm tỳ nữ hộ tống, đến bờ sông định xuống tắm. Bất ngờ cuồng phong nổi lên và trời mưa. Năm trăm tỳ

nữ chạy nhanh đến trú trong gian nhà, còn tỳ-xá-khư vẫn bước

đi như bình thường. Vào đến gian nhà đồ trang sức và quần áo nàng ướt sũng.

Các ông Bà-la-môn thấy nàng hội đủ bốn vẻ đẹp. Họ tìm cách để xem xét hàm răng của nàng. Vì thế họ kháo chuyện với nhau:

- Con gái tôi thật là đoảng! Chồng nó chỉ hưởng được có thứ cháo chua, không biết tôi nói có ngoa không!

Tỳ-xá-khư lên tiếng:

- Các ông đang bàn việc gì thế?

- Nói về cô đấy.

- Về điểm gì?

- Tỳ nữ của cô chạy nhanh nên không bị

ướt,còn cô vẫn chậm bước nên ướt hết.

- Tôi khỏe hơn họ, vả lại tôi có lý do để chậm bước.

- Lý do gì?

- Có bốn hạng người không thể chạy bừa vì bất lợi cho họ.

- Là người nào?

Một vị vua vừa được xức dầu, trang sức đầy mình mà chạy trong sân hoàng cung sẽ bất lợi vì bị thiên hạ chế giễu "Vua chúa gì mà chạy lung tung như thường dân". Lại nữa con voi nghi lễ của vua sẽ rất khó coi nếu chạy nhảy, nhưng nếu đi đứng oai vệ một cách tự nhiên thì thấy đàng hoàng. Một Tỳ-kheo sẽ mất oai nghi nếu chạy hoặc đi nhanh và sẽ bị phê

phán. "Tỳ-kheo gì mà chạy đi chẳng khác gì kẻ phàm tục". Một phụ nữ nếu chạy đi thì cũng sẽ bị chê bai "Nữ nhi mà chạy băng băng y như đàn ông". Đó là bốn hạng người không nên chạy bừa vì sẽ bất lợi cho họ.

- Còn lý do nào khác không thưa cô?

- Thưa quý ông, các bậc cha mẹ nuôi nấng con gái đều cố gìn giữ nguyên vẹn tay chân. Chúng tôi như của quý để gả bán. Nếu chúng tôi chạy nhảy vấp tà áo hay va đất đá bị té có thể gãy tay chân, lúc đó sẽ là gánh nặng cho gia đình. Còn bây giờ nếu áo quần ướt thì sẽ khô thôi. Vì nghĩ như thế nên tôi không dám chạy.

Trong lúc Tỳ-xá-khư nói chuyện, các ông Bà-la-môn quan sát hàm răng của nàng, quả nhiên tuyệt đẹp chưa hề có. Họ ca

tụng nàng:

- Thưa cô, chỉ có cô mới xứng đáng nhận lãnh tặng phẩm này.

Rồi họ đeo vào cổ nàng chiếc vòng vàng. Cô nhận lời xin cưới của họ vì được họ cho biết con của chưởng khố Migàra là Punnavaddhana Cumàra đồng giai cấp với cô. Dù đã đi bộ đến đây, nhưng từ khi cô nhận chiếc vòng vàng rồi thì đi bộ không còn thích hợp nữa. Cô nhắn cha gởi cho cô chiếc xe, nhưng ông cha lại cho năm trăm xe đến, rồi cô lên xe cùng với đoàn tùy tùng. Các ông Bà-lamôn đi theo. Về nhà hai bên bàn bạc với nhau. Gia sản bên Migàra khoảng bốn mươi triệu, không đáng chi so với nhà Tỳ-xá-khư. Nhưng nghĩ đến được một người bảo hộ con gái mình, cha nàng bằng lòng gả nàng. Và ông tiếp đãi các

ông Bà-la-môn thật chu đáo và thịnh soạn trong hai ngày.

Chưởng khố Migàra nghe các ông Bà-lamôn trở về thuật lại đầu đuôi câu chuyện, ông rất hài lòng và cũng muốn rước dâu nhanh chóng. Ông báo tin cho sui gia biết là sẽ đến với vua Kosala và đông đảo tùy tùng. Chưởng khố Dhananjayanhắn người trả lời: "Chúng tôi xin hân hạnh tiếp đón ngay cả mười vị vua cũng được". Thế là Migàra đem tất cả dân chúng trong thành đi, trừ một số phải ở lại giữ nhà. Họ dừng lại cách Sàketa nửa dặm, gửi tin đến Dhananjaya. Ông lập tức gửi quà quí giá đến cho họ. Rồi ông hỏi ý kiến con gái là Tỳ-xá-khư:

- Cha chồng con đã đến rước dâu cùng với vua ở Kosala, nhà nào dành để đón

ông, nhà nào cho vua ở, và nhà nào tiếp các vương tôn?

(Tỳ-xá-khư rất thông minh, tài trí sắc bén như góc cạnh viên kim cương là do cô đã phát lời thệ nguyện cũng như do bổn nguyện cô hằng ôm ấp trong một trăm ngàn kiếp).

Cô sắp đặt mọi việc thật thỏa đáng, từ sửa soạn những căn nhà cho cha chồng, vua, vương tôn và đoàn tùy tùng trú ngụ, chí đến phân công tác cho đám gia nhân phục vụ không những quan khách mà cả chuồng ngựa, voi,... Để mọi người đều được hài lòng vui vẻ. Riêng phần mình, cô được cha xuất kho cả ngàn miếng vàng ròng, rồi bạc, ngọc ru-bi, ngọc trai, san hô và kim cương, để đặt làm cho cô một món trang sức thật vĩ đại và lộng lẫy.

Vài ngày sau, vua Kosala hỏi thăm chừng nào rước dâu, cứ thế, ba tháng trôi qua mà món trang sức cho cô dâu vẫn chưa làm xong, bên đàng gái trả lời là mùa mưa đến, vua không thể đi đâu được trong vòng bốn tháng và bổn phận của họ là sẵn sàng phục vụ những gì vua và quân lính dùng. Từ đó, thành Sàketa như đang trong một kỳ lễ hội dài. Từ vua cho đến người thấp kém nhất, ai cũng được trang sức hương hoa lộng lẫy. Tuy nhiên bên đàng gái gặp khó khăn vì thiếu củi đốt. Họ phải hạ chuồng voi và những căn nhà xiêu vẹo trong thành để lấy gỗ làm củi. Nhưng rồi cũng không đủ, và đang trong mùa mưa nên càng khó kiếm củi, họ phải mở cửa kho, lấy vải thô làm thành dây bấc nhúng vào dầu để nấu nướng.

Bốn tháng trôi qua, món trang sức mới

xong. Đã chi hết bốn bình kim cương (một bình chừng nửa lít), mười một bình ngọc trai, hai mươi bình san hô, ba mươi ba bình ru-bi, và nhiều loại đá quý khác. Họ đã

dùng bạc làm dây xâu thay cho chỉ. Món nữ trang được kết từ đầu rủ xuống chân. Những móc vàng, dây bạc được gắn, thắt vào những chỗ khác nhau để giữ món trang sức dính chắc và thẳng đứng, một trên chóp mỗi tai, một ngang giữa cổ, một ở một đầu gối, một ở mỗi khuỷu tay, một ở rốn, và một ở thắt lưng. Trên nền món trang sức này, thợ chạm một con công. Hai cánh của công mỗi bên gồm năm trăm sợi lông bằng vàng ròng. Mỏ công bằng san hô, hai mắt bằng ngọc, cổ và lông đuôi cũng bằng ngọc. Gân nổi trên lông công bằng đá quý và chân cũng vậy. Khi nó được gắn lên đỉnh đầu của Tỳ-xá-khư, trông như một con chim công đang đứng trên đỉnh núi xòe

cánh múa; và tiếng của những gân của ngàn lông rung lên nghe như nhạc trời hợp xướng, hoặc như bài hợp tấu của năm loại nhạc khí. Chỉ khi nào đứng thật gần mới biết đó không phải con công thật. Trị giá món trang sức này lên đến chín mươi triệu đồng và tiền công hết cả trăm ngàn đồng.

(Vào thời Phật Ca-diếp, Tỳ-xá-khư đã cúng dường cho hai mươi ngàn Tỳ-kheo y và bát, cả kim chỉ và thuốc nhuộm, do phước báo đó, ngày nay cô được món trang sức vĩ đại này, tức phần thưởng cho tín nữ. Đối với thiện nam nếu cúng y sẽ được y bát tạo bằng thần thông).

Ngoài ra Tỳ-xà-khư còn được của hồi môn gồm năm trăm xe chất đầy tiền, năm trăm xe đầy hũ vàng, năm trăm xe đầy hũ bạc, năm trăm xe đầy hũ đồng, năm trăm

xe vải vóc tơ lụa, năm trăm xe bơ, năm trăm xe gạo trắng sạch và năm trăm chiếc xe chở đầy nào cày, cào và các thứ nông cụ khác. Chưa kể một ngàn năm trăm tỳ nữ trang sức sang trọng để tắm, giặt, nấu ăn và mặc đồ cho cô, tất cả đều ngồi trên năm trăm chiếc xe. Chưởng khố muốn rằng con mình không thiếu một thứ gì khi về nhà chồng.

Chưa vừa ý, ông còn cho thêm gia súc. Ông ra lệnh:

- Các ngươi hãy đến bãi gia súc nhỏ, mở cổng ra. Xong, hãy đứng hai bên làm thành một đường dài ba phần tư dặm và rộng tám sào (bốn mươi mét). Cứ cách một phần tư dặm đường, để một cái trống. Đừng cho trâu bò đứng ra khỏi giới hạn này. Khi các ngươi đến đứng đúng vị trí, hãy đánh trống lên.

Họ làm theo lệnh. Rời khỏi bãi gia súc, họ tiến đến một phần tư dặm liền đánh trống, rồi nữa dặm lại đánh trống, rồi đến ba phần tư dặm lại đánh trống. Và họ đứng gác những lối ra hai bên. Khi họ xong thì trâu bò đã đứng chen vai nhau trên khoảng đất dài ba phần tư dặm và ngang tám sào. Lúc đó, chưởng khố ra lệnh đóng cửa chuồng trâu bò. Tuy nhiên cô không chỉ hưởng số gia súc đó mà còn thêm sáu mươi ngàn bò đực mạnh khỏe, sáu mươi ngàn bò sữa cái với bò con theo sau, đã sổng chuồng chạy theo.

(Kiếp trước, vào thời Phật Ca-diếp, Tỳxá-khư là Sanghadàsì, công chúa út trong bảy công chúa con vua Kiki, cúng dường năm phẩm vật từ bò cho hai mươi ngàn Tỳ-kheo và Sa-di. Dù họ đã lấy tay che bát, cô vẫn sớt thêm, bảo rằng thức ăn này vừa ngon miệng vừa mát lòng. Do

quả báo này cô nhận thêm số bò sổng chuồng.)

Tuy nhiên như thế bà vợ ông còn nhắc thêm sao ông không cho gia nhân theo để cô sai bảo. Thật ra ông không quên, chỉ vì ông muốn khi cô lên xe rồi, ông sẽ cho những người tự nguyện đi theo, chớ không muốn ép buộc họ. Vào ngày trước khi đưa dâu, ông dạy cô mười điều nên nhớ về nhà chồng:

1) Lửa trong nhà không nên mang ra ngoài. 2) Lửa bên ngoài không nên mang vào nhà. 3) Chỉ cho người nào nên cho. 4) Không cho người nào không nên cho. 5) Cho cả người đáng cho và không đáng cho. 6) Ngồi một cách vui vẻ. 7) Ăn một cách vui

vẻ. 8) Ngủ một cách vui vẻ. 9) Giữ gìn lửa. 10) Thờ phụng thần thánh.

Mười điều này cũng lọt vào tai cha chồng cô, lúc đó đang ở phòng bên cạnh.

Đến ngày đưa dâu, Chưởng khố Dhananjaya tập trung các phường hội thủ công, và giữa đoàn người của nhà vua ông chỉ định tám gia chủ giám hộ cô dâu, nếu nàng có bị buộc tội gì xin họ làm sáng tỏ sự việc.

Rồi cô dâu khoác lên món trang sức trị giá chín mươi triệu đồng, còn nhận thêm năm trăm bốn mươi triệu để sắm hương phấn tắm mình. Rồi chưởng khố đỡ con gái lên xe hoa. Ông hộ tống cô qua mười bốn làng quanh Sàketa, những làng chư hầu nộp lễ cống cho ông, cho đến

tận Anuràdhapura. Dọc đường, ông cho rao lớn rằng: "Ai muốn đi theo con ta thì đi." Dân mười bốn ngôi làng đều đi theo, mang theo hết không còn một thứ gì để lại. Dhananjaya cũng tiễn đưa một đoạn đường, chào từ giã và phó thác con gái cho Migàra và vua. Migàra thấy đám người theo hầu quá đông như một đoàn quân, sợ không nuôi nổi liền ném đất và vung gậy gộc đuổi về bớt, mặc lời phản đối của cô dâu Tỳ-xá-khư.

Cô vào cổng thành Xá-vệ, đứng trên xe hoa để dân chúng chiêm ngưỡng món trang sức. Mọi người tấm tắc khen ngợi vẻ lộng lẫy rực rỡ, nét đài các phong lưu của nàng. Ngay hôm ấy, dân chúng gởi mừng nhiều quà tặng, nàng tặng lại hết cho các gia đình trong thành với lời lẽ dịu dàng êm ái, thích hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh từng người,xem họ như là

thân quyến của mình. Một lần giữa đêm, nàng đến thăm con ngựa mới đẻ, có người hầu nam nữ cầm đuốc theo, để coi sóc cho ngựa mẹ được tắm nước nóng và xức dầu.

Chưởng khố Migàra, để mừng ngày cưới vợ cho con, đã mời năm trăm ẩn sĩ lõa thể đến cúng dường, ông hoàn toàn không biết gì về Thế Tôn lúc đó đang ngụ trong tinh xá gần đây. Cháo ngon hảo hạng được nấu trong những đồ dùng nhà bếp mới toanh. Ông gọi cô dâu đến chào các ẩn sĩ mà ông gọi là những vị Ala-hán. Tỳ-xá-khư lúc bấy giờ đã chứng quả Dự lưu và là Thánh đệ tử của Phật, nghe đến danh hiệu A-la-hán, nàng vô cùng hoan hỷ. Nhưng bước vào phòng đãi ăn các ẩn sĩ và nhìn họ, nàng bảo họ thiếu tính khiêm cung và không biết sợ trọng tội, không xứng với danh xưng A-

la-hán. Nàng lên tiếng trách cha chồng và trở về phòng. Trong khi các ẩn sĩ cũng trách Migàra sao không tìm một nàng dâu khác, mà lại chọn một đệ tử cư sĩ của ông Cồ-đàm. Nhận cô ta vào nhà chẳng khác nào nhận đồ xúi quẩy. Họ còn đòi ông tống khứ cô ta

đi. Ông không bằng lòng, trả lời với họ là "Đàn bà họ ưng chi làm nấy, xin các ông bỏ qua cho." Rồi ông tiễn họ ra về, và ngồi xuống trên một chiếc ghế sang trọng, ăn cháo thượng vị với mật trong dĩa vàng.

Lúc đó có một Tỳ-kheo vào nhà khất thực. Tỳ-xá-khư đang quạt hầu cha chồng, nghĩ rằng mình không nên báo cho cha biết có vị Tỳ-kheo khất thực, vội đứng lên một bên cho ông trông thấy Trưởng lão, nhưng ông quá ngu si có thấy nhưng làm như không thấy, vẫn cắm cúi ăn. Tỳ-xá-khư bảo Trưởng lão xin cứ

đi vì cha chồng đang ăn cháo thiu. Migaara tuy bất bình các ẩn sĩ, nhưng nghe nàng dâu nói thế, ông nổi giận bảo dẹp dĩa cháo và ra lệnh đuổi Tỳ-xá-khư ra khỏi nhà. Vì gia nhân và tỳ nữ đều thuộc về nàng nên không ai dám hé môi. Riêng cô thì trả lời cha chồng như sau:

- Thưa cha, lý do đó không đáng để con phải bị đuổi đi. Con không phải là cô gái tầm thường ngoài đường, ở một chỗ tắm nào đó trên bờ sông, được cha lượm về. Con gái nhà gia giáo, có cha mẹ đàng hoàng, không thể rời nhà chồng bởi lý do đó. Ngoài ra cha con có giao con cho tám gia chủ bảo hộ, và khi có lỗi lầm họ sẽ chịu trách nhiệm làm sáng tỏ vấn đề. Xin cha cho mời tám gia chủ đến phân xử.

Họ được mời đến và cuộc đối thoại để xét xử Tỳ-xá-khư bắt đầu giữa họ với cha

chồng của cô.

Migàra bảo:

- Ngày đại lễ như thế, địa vị của tôi như vầy, mà cô ta lại bảo tôi ăn cháo. Các ông hãy buộc tội cô ta và đuổi đi khỏi nhà này.

Các gia chủ hỏi:

- Có phải thế không, thưa cô?

- Lời tôi nói không đúng hẳn như thế. Số là có một Tỳ-kheo đi khất thực dừng chân trước cửa nhà. Cha chồng tôi đang dùng cháo ngon với mật, hoàn toàn không thấy Trưởng lão. Tôi thiết nghĩ ông không tạo được công đức mới hiện đời mà chỉ hưởng phước đức cũ của đời trước. Do đó tôi đã nói với Tỳ-kheo là

ông đang ăn đồ cũ. Vậy tôi có lỗi gì?

Tỳ-xá-khư đã trả lời như trên. Các gia chủ đều đồng ý là nàng nói đúng, rồi họ hỏi lại Migàra:

- Tại sao ông lại giận nàng?

Ông đáp:

- Tôi cũng đồng ý là cô ta không có lỗi trong việc này, nhưng tại sao nửa đêm cô ta đi ra sau nhà có tớ trai, tớ gái theo sau?

Tỳ-xá-khư giải thích là vì con ngựa giống đẻ, cô không yên tâm nếu ngồi nhà, nên đã ra chuồng ngựa xem nó được săn sóc ra sao. Lần này nàng cũng không có lỗi gì. Cha

chồng lại buộc tội là ngày xuất giá cha nàng đã dạy bảo Mười điều

có nhiều ẩn ý, tỷ như điều một là "không cho đem lửa trong nhà ra ngoài", nếu vậy đối với láng giềng hai bên xin lửa thì sao? Cô cũng giải thích rành rẽ ý của cha nàng dạy là không nên đem việc trong nhà nói ra bên ngoài. Rồi cô từ từ giải trình điều hai là "không đem lửa ở ngoài vào trong nhà" có nghĩa láng giềng nếu nói xấu nhà chồng cũng không nên về nhà học lại. Còn điều "Chỉ cho người nào nên cho" nghĩa là chỉ cho vay những ai trả lại. "Không cho người nào không nên cho" nghĩa là không cho vay những ai không trả. "Cho cả người đáng cho" nghĩa là đối với bà con thân hữu cần giúp đỡ, dù họ có đền đáp hay không thì vẫn cho. "Ngồi một cách vui vẻ" nghĩa là khi cha, mẹ chồng hoặc chồng ngồi thì phải đứng dậy, không được ngồi. "Ăn một cách vui vẻ" tức là người vợ không được ăn khi cha, mẹ chồng hoặc chồng chưa

ăn xong, phải hầu hạ cơm bưng nước rót xong xuôi mới được ăn. "Ngủ một cách vui vẻ" tức là người vợ không được đi ngủ trước cha, mẹ chồng hoặc chồng, phải làm hết bổn phận lớn và nhỏ của mình đối với họ rồi mới được đi ngủ. "Giữ gìn lửa" tức là cung kính đối với lửa sáng hoặc xà vương. "Thờ phụng thần thánh trong nhà" tức là thờ phụng họ như thần thánh.

Khi dâu của mình là Tỳ-xà-khư bộc bạch ý nghĩa Mười điều dạy bảo, Chưởng khố Migàra chỉ biết ngồi đó cúi đầu, không nói nên lời. Các gia chủ bèn hỏi ông:

- Thưa chưởng khố, dâu của ông có phạm lỗi gì không?

Ông đáp:

- Thưa các Ngài, không.

- Tại sao cô không có lỗi mà ông tìm cách đuổi cô ta ra khỏi nhà?

Tỳ-xá-khư ngắt lời:

- Thưa các ông, ban đầu thật không đúng pháp nếu tôi ra khỏi nhà theo lệnh của cha chồng tôi, bởi vì khi tôi đi xa, cha tôi đã phó thác tôi cho các ông chịu trách nhiệm xem xét tôi có tội hay vô tội. Nhưng giờ đây các ông đã chứng minh tôi vô tội, thì thật đúng pháp để tôi ra đi.

Rồi Tỳ-xá-khư truyền lệnh cho gia nhân, tỳ nữ chuẩn bị xe cộ để lên đường. Chưởng khố Migàra cầm các gia chủ ở lại và bảo nàng:

- Con dâu yêu quý, ta đã xử sự một cách

ngu si, con hãy tha thứ cho ta.

Nàng đáp:

- Kính thưa cha, con tha thứ hết sạch cho cha. Nhưng con là con trong một gia đình có niềm tin kiên cố vào đạo Phật, và chúng con không thể sống mà không có Tăng đoàn. Nếu con được phép chăm lo cho chúng Tăng theo sở nguyện, con sẽ ở lại.

- Con yêu quý, con có thể chăm lo cho chúng Tăng theo ý con muốn.

Tỳ-xá-khư chuyển lời thỉnh mời đấng Thập lực đến nhà cúng dường vào ngày hôm sau. Các ẩn sĩ ngoại đạo nghe tin cũng đến và ngồi thành vòng tròn quanh nhà. Trong lúc nàng dâng nước cho Như Lai, nàng nhắn tin cho cha chồng đến

đích thân phục vụ. Ông cũng muốn đi nhưng bị các ẩn sĩ ngăn cản, nên phải trả lời rằng cô cứ phục vụ Như Lai. Trong khi nàng dâng thức ăn và đức Phật cùng Tăng chúng dùng xong, nàng lại nhắn tin lần hai mời cha chồng đến nghe pháp. Ông thầm nghĩ nếu lần này mà không đi thì thật là không đúng phép, nhưng các ẩn sĩ vẫn cản trở, và lần này bảo ông nếu muốn đến nghe Cồ-đàm nói pháp thì phải ngồi ở ngoài màn. Rồi họ đi trước, kéo một tấm màn chung quanh.

Khi ấy, Thế Tôn bảo:

- Dù ông có ngồi bên kia tấm màn, hay bên kia bức tường, hay bên kia quả núi, hay bên kia cả rặng núi bao quanh hết quả đất, Ta là Phật và Phật âm sẽ đến tai ông.

Và Thế Tôn thuyết pháp tuần tự từ thấp lên cao, cất tiếng như mây mưa, như thể rung chuyển những cây táo hồng cổ thụ, như mưa trời rơi xuống. Dù ai đứng trước, đứng sau hay ở cách xa tận cả năm Cakkavàlas, ngàn Cakkavàlas, hoặc tận đỉnh tầng trời cao nhất đều cảm thấy như Ngài chỉ nhìn thấy mình, chỉ thuyết cho mỗi mình nghe. Chư Phật giống như mặt trăng đối với chúng sanh, ai cũng thấy ngay trên đầu mình. Đó là quả báo do sự đại bố thí của Ngài khi chặt đầu, móc mắt, lóc thịt moi tim. Ngài bố thí cả con trai là Jàli, con gái là Kanhàjinà, vợ là Maddì làm tôi tớ cho người.

Chưởng khố Migàra ngồi bên ngoài màn suy tư về lời pháp của Như Lai, và chứng quả Dự lưu, phát lòng tin kiên cố vào Tam Bảo. Ông nâng màn, tiến tới cô dâu, cúi đầu trước nàng, nhận nàng làm mẹ,

từ đó nàng có tên là Mẹ của Migàra. Sau này có con nàng đặt tên là Migàra. Khi ấy, trưởng giả phủ phục xuống chân Thế Tôn, hôn chân Ngài và ba lần đọc lên tên mình, rồi thưa:

- Bạch Thế Tôn, từ trước đến giờ con chưa hề hiểu phước báo to lớn trong sự cúng dường Ngài, nhưng giờ đây, nhờ con dâu mới được hiểu và đã thoát hết đau khổ, phiền não. Khi con dâu con vào nhà con là nó mang hạnh phúc đến, và đã tế độ con. Rồi ông nói kệ:

Rõ ràng hôm nay mới thấy Phước báo vô biên thế ấy Có từ nhân biết cúng dường Quả nàng dâu thảo đã mang Hạnh phúc cho nhà tôi vậy.

Tỳ-xá-khư lại thỉnh Thế Tôn đến ngày

hôm sau, và mẹ chồng nàng nhờ thế chứng quả Dự lưu. Từ đó nhà chồng nàng rộng mở theo đạo Phật.

Muốn đền đáp công lao nàng, cha chồng nàng định tặng nàng một món trang khác nhẹ hơn để nàng có thể đeo cả ngày cả đêm, trong bốn oai nghi đều thoải mái, vì món đồ trang sức khổng lồ trước đây quá nặng nề. Hoàn thành xong món nữ trang trị giá trăm ngàn tiền, ông thỉnh Thế Tôn cùng Tăng chúng đến mở tiệc cúng dường. Ông bảo nàng

phải tắm trong mười sáu chậu nước hoa và khoác món trang sức mới đến đảnh lễ Thế Tôn. Xong, Phật hồi hướng công đức và trở về tinh xá.

Từ đó nàng thường cúng dường, làm nhiều công đức khác và được Tám thánh ân của Phật. Như mặt trăng lưỡi liềm

tròn dần trên trời, nàng cũng lớn dần với mười đứa con trai, mười đứa con gái, và mỗi đứa lại sanh mười trai mười gái, cứ thế con, cháu, chắt dòng họ nàng... lên đến tám ngàn bốn trăm hai mươi người. Nàng thọ được một trăm hai mươi tuổi, không có một sợi tóc bạc trên đầu, lúc nào cũng trông như mười sáu tuổi. Thấy nàng trên đường đi đến tinh-xá với bầy con cháu, không thể biết ai là Tỳ-xá-khư. Ai cũng muốn ngắm nhìn nàng thật lâu khi đi, đứng, nằm, ngồi, vì trong bốn oai nghi dáng dấp nàng đều trang nghiêm, đẹp đẽ.

Ngoài những đức tính trên, nàng còn có sức mạnh bằng năm con voi. Vua biết được định thử nàng. Sau khi nghe pháp xong, trên đường nàng về từ tinh xá vua thả một con voi rượt bắt nàng. Năm trăm tỳ nữ theo hầu nàng, một số quá khiếp

đảm đã chạy mất, số còn lại ôm quanh nàng. Cô suy nghĩ: Nếu bắt voi lại một cách mạnh bạo, nó sẽ chết. Do đó nàng dùng hai ngón tay túm lấy vòi bắt nó trở lui. Voi không thể cự lại sức mạnh của nàng và cũng không thể đứng vững, té ngã ngửa trên sân hoàng cung. Dân chúng hoan hô nàng, và nàng về nhà an ổn với đoàn tuỳ tùng.

Tỳ-xá-khư, mẹ tinh thần của chưởng khố Migàra, cùng đám con cháu chắt chẳng hề đau ốm, chẳng ai chết yểu. Người ta cho rằng nàng là người mang phúc lành đến. Yến tiệc lễ lộc gì, dân trong thành Xá-vệ đều vinh hạnh thỉnh mời nàng trước tiên.

Trong một ngày lễ, như mọi người, nàng phục sức sang trọng với món đồ trang sức vĩ đại của cha ruột tặng đến dự tiệc

tại một nhà nọ, xong đến tinh-xá nghe pháp. Dừng lại trước cửa tinh xá, nàng cởi món trang sức khổng lồ đưa nữ tỳ cất và đeo vào món trang sức nhỏ của cha chồng đến đảnh lễ Thế Tôn nghe pháp. Cuối bài pháp, nàng đứng dậy chào Phật. Tỳ nữ bỏ quên món trang sức lại, theo nàng ra ngoài.

Như thường lệ, Trưởng lão A-nan sau buổi giảng nhìn trước ngó sau xem có vật gì bỏ quên để cất rồi mới đi khỏi. Thấy món đồ trang sức của Tỳ-xá-khư bỏ quên, Trưởng lão trình với Phật và nghe theo lời Phật ngài treo nó cạnh cầu thang. Tỳ-xá-khư với Suppiyà đi vòng tinh xá hỏi thăm xem các Tỳ-kheo có cần thuốc men hay thứ gì khác. Người cần mật mía, mật ong, kẻ thì cần dầu. Họ thường cầm bát đến gặp hai tín nữ, và hôm nay cũng thế. Suppiyà thấy một Tỳ-kheo bị bệnh,

đến hỏi thăm và ông cho biết là cần nước xúp thịt. Ngày hôm sau không tìm ra thịt, Suppiyà cắt thịt đùi của mình dâng cúng. Do lòng tin Phật, thân nàng liền lành lặn như cũ.

Sau khi chăm sóc các Tỳ-kheo bệnh, các tân Tỳ-kheo và Sa-di, Tỳ-xá-khư ra về bằng một cửa khác. Nàng bảo tỳ nữ đưa món trang sức. Tỳ nữ sực nhớ đã để quên bèn trở lại chỗ

cũ tìm. Nàng dặn cô ta nếu Trưởng lão A-nan đã cất thì đừng lấy lại, cứ xem như đã cúng dường cho Trưởng lão. Nhưng nghĩ rằng ngài A-nan sẽ không biết làm gì với món đồ ấy, nàng lại bảo tỳ nữ trở lại lấy mang về để bán lấy tiền cúng dường phải hơn. Món đồ được để lên xe đưa tới thợ kim hoàn định giá là chín mươi triệu một trăm ngàn tiền, nhưng không ai mua nổi. (Cả thế giới chỉ có ba người đàn bà mặc món đồ

trang sức đắt giá như thế, là nữ cư sĩ lỗi lạc Tỳ-xá-khư, vợ vua Bandhula xứ Mallas, và Mallika con gái chưởng khố Ba-la-nại).

Nàng bèn mua lại món trang sức, chở số tiền to lớn đến tinh xá dâng lên Phật, và thưa hỏi trong tứ sự cúng dường Phật cần loại gì.Phật bảo cần xây một tăng đường tại cổng phía đông tinh xá. Nàng mua đất với chín mươi triệu của món trang sức và bỏ thêm chín mươi triệu để xây nhà.

Một hôm Thế Tôn quan sát thế gian sáng sớm, thấy chàng Bhaddiya, con của một chưởng khố ở thành Bhaddiya, đã được tái sinh từ cõi trời, đủ duyên lành nhập đạo. Ngài dùng điểm tâm tại nhà ông Cấp Cô Độc rồi đi về hướng cổng bắc. Thông thường, sau khi độ ngọ tại nhà Tỳ-xá-khư , Ngài đi về bằng cổng nam

và ngự về Kỳ Viên; khi độ ngọ tại nhà Cấp Cô Độc, Ngài đi ra bằng cổng đông và ngự về Pubbaaraama. Do đó khi dân chúng thấy Thế Tôn đi ra cổng bắc, biết rằng Ngài sắp du hành.

Nghe tin Thế Tôn lên đường, Tỳ-xá-khư đến đảnh lễ Ngài và thỉnh cầu ở lại vì nàng cho xây nhà ở cúng dường Phật và chư Tăng với tổn phí bằng số châu báu kia. Nhưng Thế Tôn không thể ở lại, và theo lời yêu cầu của nàng, Ngài cho nàng chọn một Tỳ-kheo ở lại thay mặt theo dõi việc xây cất. Mặc dù nàng rất kính mến Trưởng lão A-nan, nhưng nàng chọn Tôn già Mục-kiền-liên vì nghĩ rằng Tôn giả có thần thông sẽ giúp đỡ nhiều trong công việc. Phật truyền Tôn giả ở lại với năm trăm Tỳ-kheo. Tôn giả có thần thông nên chỉ trong ngày người ta có thể đem về gỗ và đá cách đó khoảng năm

mươi, sáu mươii dặm, không cần phải nặng hỏng. Chỉ trong thời gian ngắn người ta đã dựng lên một tăng đường hai tầng, với năm trăm phòng trên lầu. Thế Tôn du thuyết mất chín tháng, và khi trở về Xá-vệ, công trình của Tỳ-xá-khư đã hoàn tất kể cả chiếc tháp bằng vàng ròng để chứa sáu mươi chậu nước. Nghe tin Thế Tôn trên đường về Kỳ Viên, nàng đến gặp Ngài và thỉnh mời đến thăm tăng đường mới xây. Sau đó, nàng thưa:

- Bạch Thế Tôn, xin người đưa chư Tăng đến đây an cư trong bốn tháng tới. Con sẽ cho hoàn tất xong xuôi khu nhà ở của chư Tăng.

Thế Tôn hoàn hỷ chấp nhận. Từ đó, Ngài cùng Tăng chúng được nàng cúng dường tại đó.

Một người bạn của Tỳ-xá-khư muốn cúng dường một tấm vải trị giá một trăm ngàn tiền làm thảm lót cho tăng đường. Nàng chỉ cho cô ta thấy cả hai tầng nhà gồm một ngàn phòng đều trải thảm hết, không có tấm nào xấu kém hơn tấm của cô ta. Buồn bã vì thấy mình không được công đức gì trong tăng đường, cô đi ra, dừng lại một nơi, òa

khóc.

Trưởng lão A-nan thấy thế hỏi thăm, và chỉ cho cô chỗ thích hợp nhất để trải thảm là chân cầu thang, nơi các Tỳ-kheo rửa chân xong sẽ chùi lên đó trước khi bước vào tinh xá. Cô sẽ được nhiều phước đức. Hình như Tỳ-xá-khư đã bỏ qua chỗ này.

Ngày cuối, say bốn tháng cúng dường Tăng đoàn, Tỳ-xá-khư cúng vải may y đến Tăng đoàn. Mỗi sa-di nhận vải y trị

giá một ngàn tiền mỗi cái. Cuối cùng cô cúng thuốc men cho chư Tăng, sớt đầy bát cho mỗi vị. Nếu tính thêm chín mươi triệu mua đất và chín mươi triệu xây cất tăng đường, cộng chung là hai trăm bảy mươi triệu. Không một phụ nữ nào trên thế gian đã cúng dường nhiều như thế, nhất là đối với một người đang sống trong một gia đình ngoại đạo.

Ngày lễ khánh thành tinh xá, khi bóng chiều ngả dài, Tỳ-xá-khư đi vòng quanh tòa nhà cùng với con, cháu và chắt. Thấy ước nguyện thời xa xưa nay đã thành tựu, nàng cất cao tiếng thanh cao ngâm năm câu kệ:

Khi nào ta dâng cúng Ngôi nhà ở tiện nghi Trét tô hồ, vữa thì Ấy là lúc viên mãn Lời ta thệ nguyện xưa

Khi nào ta dâng cúng Mọi thiết bị, tiện nghi Ghế, giường, thảm và gối Lúc đó lòng ta mới Vui vì thỏa nguyện xưa

Khi nào ta dâng cúng Vật thực theo phiếu phân Nêm nếm ngon bội phần Bằng xúp thịt tinh khiết Ấy là lúc ta biết Đã toại lời nguyện dâng

Khi nào ta dâng cúng Vải y Ba- la-nại Vải mịn, vải sợi bông Ước nguyện hằng bao kiếp

Khi nào ta dâng cúng Đồ bổ dưỡng, thuốc men Bơ lỏng, bơ đặc, mật Dầu ăn cùng đường thô Thế là ta hoàn tất Viên mãn lời nguyện xưa.

Các Tỳ-kheo nghe được cho rằng hoặc mật nàng rối loạn, hoặc loạn trí, nên thưa với Phật. Thế Tôn đáp:

- Này các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta không phải đang hát. Vì ước nguyện được thành tựu, lòng nàng vui mừng mới cất tiếng như thế để long trọng nói lời thệ nguyện.

Các Tỳ-kheo hỏi tiếp:

- Nàng đã ước nguyện lúc nào, thưa Thế Tôn?

Và Thế Tôn kể:

Chuyện quá khứ

8A. Lời Nguyện Của Tỳ-Xá-Khư

Các Tỳ-kheo, cách đây một trăm ngàn

kiếp quá khứ, Phật Padumuttara xuất hiện ở thế gian, thọ mạng của Ngài là một trăm ngàn năm, có một trăm ngàn Ala-hán đệ tử. Thành của Phật là Hamsavatì, cha là

Sunanda, mẹ là Sujàtà Devì. Đệ tử nữ cư sĩ là đại thí chủ. Nữ cư sĩ đó được Tám thánh ân từ Ngài, và như một người mẹ, lo cho Phật tứ sự cúng dường, phục vụ từ sáng đến chiều. Nữ cư sĩ được chuyện trò thân mật với Phật và được Phật quý trọng, một hôm đánh bạo hỏi Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cô bạn tôi đối với Ngài là gì?

Phật đáp:

- Là đại thí chủ của Ta.

- Bằng cách nào cô ta được như vậy?

- Do lời nguyện trước đây trăm ngàn kiếp.

- Bạch Thế Tôn, một người có thể được địa vị ấy không, nếu phát nguyện bây giờ?

- Có thể được.

- Vậy thì, bạch Thế Tôn, xin nhận cho con cúng dường Ngài với trăm ngàn Tỳ- kheo trong bảy ngày.

Phật chấp thuận.

Đến ngày cuối tuần cúng dường, cô ta đỡ lấy y bát của Thế Tôn, đảnh lễ và quỳ dưới chân Ngài phát nguyện:

- Bạch Thế Tôn, con không tìm cầu cho mình một vương quyền nào ở cõi trời,

mà chỉ xin được Tám thánh ân của Phật, xin được như một người mẹ hơn giờ hết lo tứ sự cúng dường cho Ngài.

Thế Tôn muốn biết xem hạnh nguyện của cô ta có được viên mãn hay không, nên dùng Thiên nhãn nhìn về tương lai suốt một trăm ngàn kiếp và bảo:

- Một trăm ngàn kiếp sau, một đức Phật tên Cồ-đàm sẽ xuất hiện ở thế gian. Lúc đó ngươi là đệ tử nữ cư sĩ tên Tỳ-xá-khư, sẽ được Tám thánh ân từ Phật, sẽ được như một người mẹ đối với Phật, và sẽ là cư sĩ nữ xuất sắc nhất trong việc lo tứ sự cúng dường cho Ngài.

Như thế là chắc chắn trong tương lai, cô ta sẽ đạt được những điều này. Cô ta đã làm việc phước thiện trong suốt quãng đời còn lại của kiếp ấy và tái sinh trên

cõi trời. Sau khi qua lại cõi trời và cõi người, nàng tái sanh trong thời Phật Cadiếp, là con gái út của vua Kiki xứ Kàsi. Cô lập gia đình, sống bên nhà chồng, suốt thời gian rất lâu cúng dường và làm nhiều việc công đức khác cùng với các chị.

Một hôm cô ta quỳ dưới chân Phật Cadiếp và phát lời nguyền giống như trước đây. Rồi cô ta cũng luân hồi từ cõi trời qua cõi người, và trong kiếp này tái sanh làm con chưởng khố Dhananjaya, cháu nội của chưởng khố Ram. Và trong kiếp này, cô đã tạo được nhiều đức qua các thiện sự cho giáo đoàn của Ta.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Và Thế Tôn giảng pháp cho các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, giống như từ một đống hoa đủ loại, người khéo léo sẽ kết nhiều kiểu vòng hoa, cũng như thế, tâm Tỳ-xá-khư hướng đến làm các việc công đức bằng nhiều cách.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(53) Như từ một đống hoa Nhiều tràng hoa được làm Cũng vậy, thân sanh tử, Làm được nhiều thiện sự.

9. Câu Hỏi Của Trưởng Lão A Nan

Hương các loài hoa thơm...

Tại Xá Vệ Thế Tôn đã dạy câu Pháp Cú trên khi trả lời câu hỏi của Trưởng lão A-

nan.

Một buổi chiều, trong khi đang ngồi tư duy quán tưởng, Trưởng lão A-nan chợt có nghĩ Thế Tôn hội đủ ba loại hương rất ưu việt là hương gỗ chiên đàn, hương rễ cây và hương hoa. Cả ba thứ hương đều bay theo chiều gió. Không biết có thứ hương nào có thể bay ngược gió, hoặc vừa bay thuận vừa bay nghịch gió? Tôn giả không muốn một mình moi óc tìm hiểu, nên đến hỏi Thế Tôn, và sau đó Ngài được trả lời:

- Này A-nan! Có thứ hương bay theo chiều gió và cũng có thứ hương bay nghịch gió. Này A-nan! Tại bất cứ làng mạc, phố thị nào trên thế gian này, ai cũng vậy, đàn ông hay đàn bà, quy y Tam bảo, giữ giới không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói

dối, không uống rượu và các chất say, nếu người đó đức hạnh, sống đời tại gia đoan chánh, tâm không tham nhiễm, người đó vị tha, rộng lượng, hoan hỷ trong hạnh bố thí, biết lắng nghe lời cầu xin, hoan hỷ trong hạnh cúng dường, thì mọi Tỳ-kheo và đạo sĩ Bà-la-môn khắp nơi sẽ tán thán, mọi thiên thần, thánh thần sẽ tán thán. Và như thế, này A-nan, đó là thứ hương bay thuận và nghịch gió.

Thế Tôn nói Pháp Cú:

(54) Hương các loài hoa thơm,
Không ngược bay chiều gió.
Nhưng hương người đức hạnh, Ngược gió khắp tung bay. Chỉ có bậc chân nhân,
Tỏa khắp mọi phương trời.
(55) Hoa chiên-đàn, già-la, Hoa sen, hoa vũ quý, Giữa những hương hoa ấy, Giới hương là vô thượng.

10. Đế Thích Cúng Dường Đại Ca- Diếp

Ít giá trị hương này...

Thế Tôn dạy câu trên khi ngụ tại Veluvana, liên quan đến sự cúng dường Trưởng lão Đại Ca-diếp. Một hôm Trưởng lão Đại Ca-diếp xuất định sau bảy ngày nhập Diệt tận

định, đi ra ngoài với ý định khất thực tuần tự nhà này qua nhà khác trong thành Vương-xá. Lúc đó năm trăm thiên nữ gót son, vợ của vua trời Đế Thích vừa thức dậy và chuẩn bị

năm trăm phần cúng dường hết cả cho Trưởng lão. Phẩm vật trên tay, họ chặn Trưởng lão giữa đường, xin:

- Thưa Tôn giả, xin Ngài nhận cúng dường cho chúng con ân triêm công đức.

Trưởng lão:

- Tất cả chư vị hãy đi đi! Tôi định ban ân huệ cho người nghèo.

- Bạch Tôn giả, xin đừng hại chúng con, hãy ban phước cho chúng con!

Nhưng Trưởng lão biết họ nên vẫn từ chối, và khi thấy họ không chịu đi mà còn muốn tiếp tục cầu xin nữa, Ngài bảo:

- Các ngươi không biết chỗ của mình. Hãy đi đi!

Rồi Ngài búng tay vào họ.

Nghe Trưởng lão búng tay, các thiên nữ mất bình tĩnh không dám ở lại, phải bay về cõi trời. Họ kể lại tự sự cho Đế Thích nghe. Ông hỏi:

- Các ngươi đi trong hình dạng ra sao?

- Dạ, như thế này, các ngươi làm sao cúng dường Trưởng lão được!

Chính Đế Thích cũng muốn cúng dường Trưởng lão. Ông biến thành một người thợ dệt già lụm khụm, răng long, tóc bạc, lưng còng, thân thể tiều tụy. Ông biến thiên nữ Thiện Sanh thành một bà già. Rồi ông dùng thần lực tạo một ngõ hẻm thợ dệt, và ngồi quay sợi. Lúc ấy, Trưởng lão đang đi vào thành, vẫn tâm niệm dành phước cho người nghèo. Thấy con

hẻm ở ngoại thành, Ngài nhìn quanh rồi chú ý đến hai ông bà già. Ông già Đế Thích đang kéo chỉ và Thiện Sanh quấn chỉ vào thoi. Trưởng lão nghĩ rằng già cả lụm cụm thế đó mà phải làm việc tay chân thì chắc không ai trong thành này nghèo hơn họ, chỉ cần một vá cơm sớt cho Ngài là Ngài có thể ban phước cho họ. Do đó Trưởng lão tiến đến.

Thấy bóng Trưởng lão, Đế Thích dặn Thiện Sanh làm như không trông thấy, cứ ngồi đó im lặng, rồi sẽ nói gạt để cúng dường ông. Trưởng lão dừng trước cửa nhà, họ giả vờ không thấy, cứ tiếp tục làm việc. Một lát, Đế Thích bỗng ngẩng lên bảo vợ:

- Hình như có Trưởng lão đang đứng trước cửa. Bà ra xem!

Thiện Sanh không chịu, bảo ông ra. Gặp Trưởng lão tên gì vì mắt ông kèm nhèm trông không rõ. Xong lấy tay che trán, ông nhìn chăm chú và làm như ngạc nhiên, la lên:

- Chao ôi! Chao ôi! Trưởng lão Đại Cadiếp! Lâu ngày quá xá Ngài mới đến lều rách của chúng tôi. Bà nó ơi, còn gì trong nhà không?

Thiện Sanh tỏ vẻ như đang bối rối, nhưng cũng vội đáp:

- À, à. Vâng, cũng có đấy, ông à!

Đế Thích đỡ lấy bát của Trưởng lão thưa:

- Bạch Tôn giả, xin đừng để ý đến thức ăn ngon hay dở, mà cho chúng con được ân phước.

Trưởng lão đưa bát thầm nghĩ, dù họ cho ta một cọng rau hay một nắm cám vụn, ta vẫn nhận và ban phước cho họ. Đế Thích vào nhà sớt cơm đầy bát và mang ra đặt vào tay Ngài.

Lập tức, phần cúng dường đó, được gia đủ loại nước sốt và cà ri, tỏa mùi thơm ngát cả thành Vương-xá. Trưởng lão thắc mắc sao trông ông lão này yếu đuối thiếu thốn mà thức ăn lại dồi dào như của Đế Thích. Nhìn ra quả là trời Đế Thích, Ngài bảo:

- Ông đã làm một việc sai lầm nghiêm trọng khi cướp đoạt của người nghèo cơ hội tạo công đức. Vì bố thí cho ta hôm nay, bất cứ người nghèo nào cũng sẽ được địa vị tổng tư lệnh hay chưởng khố.

Đế Thích hỏi:

- Bạch Tôn Gỉa, có người nào nghèo hơn con chăng ?

- Sao ông lại nghèo, khi đang hưởng phú quí trên cung trời?

- Bạch Tôn giả, lý do như sau. Trước khi Phật xuất hiện ở thế gian con đã tạo nhiều công đức. Khi Phật xuất hiện ở thế gian , có ba vị trời cùng đẳng cấp với con, vì tạo nhiều công đức nên được nhiều oai lực hơn con. Khi có mặt con đó, ba vị cần mở hội vui chơi là họ cứ đem các tỳ nữ xuống đường, còn con thì phải quay gót vào nhà. Oai lực của họ sáng mạnh hơn con. Vậy, bạch Tôn giả, ai nghèo hơn con?

- Nếu đúng như thế thì từ đây đừng đánh lừa ta để cúng dường nữa.

- Con có được công đức hay không nếu lừa dối để cúng dường?

- Có, đạo hữu ạ.

- Nếu đúng thế, bạch Tôn giả, con có bổn phận phải tạo nhiều công đức.

Nói xong Đế Thích chào Trưởng lão, đi nhiễu quanh Trưởng lão với Thiện Sanh theo sau, rồi họ bay lên không, nói lên câu kệ:

Ôi cúng dường, cúng dường Ba- la-mật, Đã khéo dâng ngài Ca- diếp được rồi!

Trong kinh Udàna cũng có kể câu chuyện tương tự.

Đến đoạn Đế Thích bay lên không và

ngâm câu kệ, trong Udàna ghi tiếp:

"Thế Tôn đứng trong tinh xá, nghe tiếng Đế Thích. Ông ta liền bảo đệ tử:

- Các Tỳ-kheo, hãy xem vua trời Đế Thích. Ông ta vừa ngâm câu kệ, và đang bay trong hư không.

- Bạch Thế Tôn, ông ấy đã làm chi?

- Ông ta đã đánh lừa được Ca-diếp con ta để cúng dường. Xong việc rồi nên ông ta đang bay trên trời và ngâm nga một bài kệ.

- Bạch Thế Tôn, sao ông ấy biết nên cúng dường Trưởng lão?

- Các Tỳ-kheo, cả trời và người đều mến người bố thí như con ta.

Nói xong, chính Thế Tôn cũng ngâm câu kệ ấy."

Ngoài ra, đoạn văn sau cũng được ghi trong kinh:

Với thiên nhãn thanh tịnh siêu vượt loài người, Thế Tôn nghe vua trời Đế Thích, trong khi bay trên không, đã ba lần ngâm câu kệ này trên trời:

Ôi cúng dường, cúng dường Ba- la-mật, Đã khéo dâng ngài Ca- diếp được rồi!

Khi ấy, Thế Tôn thấy thế liền nói kệ:

Tỳ-kheo sống bằng khất thực Tự mình nương tựa chính mình Tịch lặng, chú tâm, hằng giác Chư thiên tôn kính hoan nghinh.

Nói kệ xong, Thế Tôn dạy:

- Các Tỳ-kheo, vua trời Đế Thích qua hương đức hạnh đã đến với con ta để cúng dường.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(56) Ít giá trị hương này, Hương già-la, chiên-đàn, Chỉ hương người đức hạnh, Tối thượng tỏa thiên giới.

11. Godhica Chứng Niết Bàn

Giữa ai có giới hạnh...

Câu này Phật dạy khi ngụ tại Trúc Lâm gần Vương-xá, liên quan đến Trưởng

lão Godhika chứng Niết-bàn.

Trong khi Trưởng lão này ngụ tại Hắc Thạch trên đỉnh núi Isigili, chánh niệm, tinh tấn, kiến quyết, và đã được tâm giải thoát do hành thiền, thì ngài bị ngã bệnh vì tinh cần thái quá và không thể trụ tâm vào đề mục thiền được lâu. Lần thứ hai, lần thứ ba, và đến sáu lần, ngài vào thiền định và lại bị trạo hối quấy nhiễu. Lần thứ bảy, ngài trụ tâm được rồi liền tự nghị: "Sáu lần ta đã bị bệnh làm cho tán tâm. Một người bị tán tâm thì đời sau thật không biết ra sao. Đã đến lúc phải dùng đến lưỡi dao cạo."

Rồi ông lấy dao cạo đầu, xong nằm trên giường định cắt đứt cổ họng. Ma vương biết ý định của Ngài, nghĩ rằng nếu Ngài đạt được Minh sát tuệ, sẽ chứng A-lahán, nên muốn cản Ngài. Tự thấy lời

mình khó thuyết phục Ngài, Ma vương muốn cầu cứu với Thế Tôn, nên biến mình thành một người tầm thường đến gặp Phật và nói:

Hỡi đấng Đại Hùng, bậc Đại Trí Tuệ! Rực rỡ thần lực, rực hào quang, Người vượt thắng hận thù, sợ hãi. Xin đảnh lễ bên chân Ngài, hỡi đấng Chánh Biến Tri! Đấng Đại Hùng! Đệ tử Ngài đã khắc phục sanh tử Lại hướng về cái chết, đang rắp tâm. Hãy cản ngăn, hãy thuyết giảng đạo thâm Hãy thương xót, hỡi người ban ánh sáng! Đức Thế Tôn, lừng lẫy tiếng tăm trong nhân loại! Môn đệ Ngài, đang an vui trong giáo pháp, Sao giờ lại muốn kết thúc đời, Chưa

tròn ý nguyện, chưa thuần thục?

Ngay lúc đó Trưởng lão đưa lưỡi dao lên. Đồng thời Thế Tôn cũng nhận ra Ma vương, bèn nói kệ:

Người với tâm kiên định, hết còn khao khát sống. Godhika diệt danh được dục tham, đã chứng đạt Niết-bàn.

Và Thế Tôn dẫn một số đông Tỳ-kheo vào tận nơi Trưởng lão đang nằm, tay đã buông dao. Trong khi đó ác ma giống như một cột khói hay một khối đen, chạy khắp phương hướng tìm thần thức của Trưởng lão. Ác ma cứ thắc mắc không biết thần thức của Trưởng lão tụ tại đâu. Thế Tôn chỉ cho các Tỳ-kheo cột khói và khối đen, bảo:

- Này các Tỳ-kheo, đó là ác ma đang đi tìm thần thức người thanh niên hiền thiện, vì không biết nó an trụ tại đâu. Nhưng này các Tỳ-kheo, thần thức của Godhika không tụ. Bởi vì, này các Tỳ-kheo, người thanh niên hiền thiện Godhika đã nhập Niết-bàn.

Ma vương không thể tìm thần thức của Trưởng lão, bèn giả trang thành một ông hoàng, tay cầm cây đàn bằng gỗ Vilva màu vàng nhạt, đến gặp Thế Tôn và hỏi:

Bốn phương tám hướng tôi tìm kiếm, Chẳng thấy Godhika, ngài ở đâu?

Thế Tôn đáp:

Người với tâm kiên định Quyết

chí, chuyên thiền định Thiền duyệt bạn hằng vui Ngày đêm đều tinh tấn Đâu còn lòng khát sống Dẹp thắng hết ma quân Chẳng còn nợ tái sanh Hết mối manh tham ái Godhika, Tỳ-kheo ấy Đã chứng đạt Niết-bàn.

Thế Tôn nói xong, Ma vương bèn đáp lại bằng câu kệ:

Tràn ngập thất vọng Quỷ buông đai đàn Lòng buồn trĩu nặng Hắn liền biến tan.

Và Thế Tôn bảo tiếp:

- Ác ma, ngươi có ý đồ gì mà tìm chỗ tụ của thần thức người thanh niên hiền thiện? Một trăm hay một ngàn ngươi

cũng không bao giờ tìm được chỗ đó.

Xong Ngài nói Pháp Cú:

(57) Giữa ai có giới hạnh, An trú không phóng dật, Chánh trí, chân giải thoát, Ác ma không thấy đường.

12. Sirigutta Và Garahadinna

Như giữa đống rác nhớp...

Phật dạy câu này liên quan đến Garahadinna, lúc ngụ tại Kỳ Viên.

Ở Xá Vệ có hai người bạn, Sirigutta đệ tử cư sĩ của đức Phật và Garahadinna môn đồ của ẩn sĩ lõa thể Ni-kiền-tử. Các

ẩn sĩ này thường này thường bảo Garahadinna đến gặp Sirigutta hỏi những câu như:

- Tại sao bạn đến thăm Sa-môn Cồ-đàm?

- Bạn trông mong gì nơi ông ta?

Và họ còn bảo Garahadinna đến khuyên Sirigutta thế này thế nọ, để ông ta đến thăm và cúng dường các ẩn sĩ?

Garahadinna vâng lời, và bất kỳ gặp Sirigutta ở đâu, dù đang đứng hoặc ngồi, đều hỏi như thế. Sirigutta, vẫn cố gắng giữ im lặng nhiều ngày liên tiếp. Một hôm hết kiên nhẫn, ông đáp lời:

- Này bạn, mỗi lần gặp tôi là bạn cứ hỏi như thế... Vậy thì bạn hãy trả lời cho tôi

biết các vị thầy cao quý của bạn biết được những gì?

- Ồ, bạn à. Không có điều gì mà các thầy tôi không biết. Các thầy tôi biết hết từ quá khứ, hiện tại đến vị lai. Biết cả ý, lời và hành động của mọi người. Biết hết những chuyện sẽ xảy ra và những chuyện không xảy ra.

- Bạn không có ý nói thế chứ?

- Tôi nói đúng thế.

- Nếu quả đúng như thế, bạn đã phạm một lỗi lớn, là đã không cho tôi biết từ trước các vị thầy cao quý của bạn có thần thông thần trí như vậy. Hãy mời các vị ấy đến, nhân danh tôi.

Garahadinna đến các thầy ẩn sĩ,

đảnh lễ và chuyển lời mời, họ vui mừng bảo nhau:

- Việc chúng ta đã xong. Một khi Sirigutta đặt niềm tin nới chúng ta thì lợi lạc khỏi chê.

Khu nhà ở của Siragutta rất rộng và giữa hai căn nhà có một khoảng đất trống dài. Anh ta cho đào hố nơi đó và đổ đầy phân và bùn. Ở hai đầu hố, anh ta chôn cọc xuống đất và lấy dây thừng cột vào cọc. Rồi anh ta đặt ghế ngồi với hai chân trước trên mặt đất và hai chân sau trên dây thừng. Ngay khi các ẩn sĩ ngoại đạo ngồi xuống sẽ bật ngửa ra sau, lộn đầu xuống hố. Một khăn trải giường được phủ lên chỗ ngồi để che miệng hố. Nhiều chậu bằng đất nung thật to được rửa sạch, miệng chậu phủ lá và khăn. Những chậu không đó được đặt phía sau nhà,

bên ngoài bôi lên nào là cháo, cơm cục, mật, đường thô và bánh vụn.

Garahadinna đến ngay nhà bạn, hỏi thăm thức ăn đã nấu xong chưa, chỗ ngồi đã chuẩn bị rồi chưa. Được bạn chỉ cho thấy các chậu to đầy tràn cà ra ngoài, nào cháo, cơm, mật, đường thô và bánh cùng những chỗ ngồi tươm tất, anh yên tâm ra về.

Garahadinna vừa đi khỏi thì năm trăm ẩn sĩ lõa thể đến. Sirigutta ra khỏi nhà đón, và năm vóc gieo xuống đảnh lễ họ, rồi đứng trước mặt chắp hai tay đưa cao tỏ dấu chào kính. Và anh ta nói thầm trong đầu với các ẩn sĩ rằng nếu họ thông

suốt hết quá khứ, hiện tại, vị lai thì xin đừng vào nhà anh, vì anh không nấu nướng chuẩn bị gì đãi họ cả. Còn nếu họ chẳng hề thông suốt gì cả mà cứ đi vào nhà anh thì sẽ bị anh cho sụp hố phân rồi cho họ ăn gậy. Nói thầm vậy xong, anh dặn gia nhân khi khách sắp ngồi xuống ghế thì kéo tấm phủ ra khỏi dính bẩn.

Sirigutta mời các ẩn sĩ bước vào nhà. Họ định ngồi xuống ghế thì đám gia nhân bảo hãy khoan, mỗi người phải tìm đúng tên mình và đứng ngay tại đó, xong xuôi tất cả hãy ngồi một lượt. Sở dĩ phải làm như thế để không người nào bị té xuống hố trước

một mình, và có thể báo động cho người đã ổn định đúng chỗ ngồi, đám gia nhân đồng thanh hô to:

- Mời các Ngài ngồi xuống một lượt nhanh lên!

Thấy họ sắp ngồi, đám gia nhân kéo mạnh tấm phủ, cùng một lúc các ẩn sĩ ngồi xuống một lượt. Chân ghế đặt trên dây thừng liền chệch ra ngoài, và họ bật ngửa ra sau đó, lộn đầu xuống hố bùn. Sirigutta đóng cửa lại. Họ vừa ngoi lên khỏi đám bùn liền lãnh gậy gộc tới tấp xuống lưng, kèm theo tiếng la hét:

- Nè, mấy ông biết hết quá khứ, hiện tại, vị lai!

Thấy trận đòn đủ cho các vị ẩn sĩ bài

học, Sirigutta truyền mở cửa cho họ ra về. Họ ào ạt phóng chạy, nhưng khổ thay đường trơn trợt vì Sirigutta đã cho phết nước vôi, nên họ té lăn bò càng. Lại thêm trận đòn gậy gộc thứ hai. Họ vừa lết vừa than vãn:

- Sirigutta đã hại chúng ta!

Cuối cùng họ cũng đến được nhà người ủng hộ họ là Garahadinna. Thấy hoàn cảnh bi đát của các ẩn sĩ, anh ta nổi giận nghĩ rằng bạn mình đã hại mình; dù các vị thầy của mình đã đưa tay lên và lạy anh ta, họ cũng hứng gậy gộc tơi bời. Anh ta đã làm nhục các thầy cao quý của mình, phước điền của mình, những vị có thể tùy thích ban phước cho cả sáu cõi thiên giới. Anh ức lòng đi đến vua thưa bạn mình, đòi bồi thường một món tiền là một ngàn đồng. Vua cho trát

đòi Sirigutta, anh đến chầu, xin vua cho điều tra trước khi xử phạt. Vua bằng lòng, và Sirigutta kể lại từ đầu đến đuôi. Vua hỏi lại Garahadinna có phải đúng thế không, anh xác nhận đúng. Vua buộc tội về phía Garahadinna vì đã chọn người quá kém cỏi làm thầy, mà còn khoe với đệ tử của Thế Tôn là biết tất cả. Vua còn phạt đòn các ẩn sĩ và trục xuất họ.

Căm hận chưa nguôi, hai tuần liên tiếp Garahadinna không nói chuyện với Sirigutta. Anh ta cũng nghĩ cách để làm nhục lại các Tỳ-kheo thường lui tới nhà bạn mình. Anh làm hòa trước với bạn và hai người trở lại đứng chung, ngồi chung như trước.

Một hôm Sirigutta gợi ý cho Garahadinna thỉnh Phật và các Tỳ-

kheo đến nhà cúng dường. Đúng là dịp anh chờ đợi từ lâu, như thể Sirigutta gãi đúng chỗ ngứa. Anh hỏi Thế Tôn hiểu biết đến đâu. Sirigutta đáp là không có điều gì ngoài tầm hiểu biết của Thế Tôn, từ quá khứ, hiện tại đến vị lai, Ngài đọc được tâm ý của chúng sanh dù kiểu nào đi nữa. Thế là anh bằng lòng nhờ Sirigutta mời thỉnh Thế Tôn cùng năm trăm Tăng chúng đến nhà cúng dường.

Đến chỗ Thế Tôn và đảnh lễ Ngài xong, Sirigutta trình bày chuyện xảy ra cách đây bảy ngày về các ẩn sĩ thường lui tới nhà bạn mình, nhơn đó không đoan chắc là bạn mình có ý định trả thù hay không, cũng như lời mời thỉnh Thế Tôn không biết có phải thuần là cúng dường hay không. Nếu thấy ý đồ tốt, xin Thế Tôn nhận lời, nếu không xin từ chối.

Thế Tôn thấy rõ mưu định của Garahadinna và hậu quả ra sao, và cũng thấy bổn phận phải tế độ chàng trẻ tuổi hiền thiện này, nên Ngài nhận lời.

Được tin Phật nhận lời, Garahadinna tiến hành ngay cho đào một cái hầm to lớn giữa hai căn nhà. Tám chục xe chất đầy cây keo được chở về và đổ xuống đầy hầm, sau đó đốt thành than, có cả ống bể thổi gió vào cho lửa cháy suốt đêm, đến khi đống cây keo biến thành một khối than nóng rực. Trên miệng hầm anh ta thả những khúc gỗ chưa đẽo và đậy lại với một tấm thảm phết phân bò. Một bên miệng hầm được chừa làm lối đi, có những cây nhỏ rất mong manh bắc qua lại. Anh ta thầm nghĩ họ mà bước lên lối đi, khung cây yếu ớt này sẽ gãy sụp, và chắc mẽm là sẽ té nhào xuống hầm than. Chậu đựng thức

ăn cũng như chỗ ngồi cũng được soạn sẵn như Sirigutta đã làm trước đây.

Sáng sớm Sirigutta cũng đến nhà bạn mình xem xét, và nhận thấy rằng mọi sự đều tốt. Khi ngoại đạo thỉnh Phật, người ta tụ tập rất đông. Nhóm tà kiến sẽ bảo:

- Ta sẽ chứng kiến sự thất bại của đạo sĩ Cồ-đàm.

Phái chánh kiến lại nói:

- Hôm nay đấng Đạo sư sẽ thuyết pháp rất hùng hồn, và chúng ta sẽ thấy oai lực cũng như ân huệ của Phật.

Ngày hôm sau, Thế Tôn đến cùng năm trăm Tăng chúng, Garahadinna cũng tiếp đón y như Sirigutta đã tiếp đón các ẩn sĩ lúc trước. Sau khi nói thầm trong

đầu những lời như Sirigutta đã nói thầm với các ẩn sĩ, anh ta đỡ bình bát của Thế Tôn và thỉnh Ngài vào nhà, không quên dặn Thế Tôn vào trước một mình, khi nào Ngài ngồi xuống rồi những vị khác mới vào sau. Anh ta còn nghĩ thêm nếu những vị sau thấy Thế Tôn vào trước và rớt xuống hầm than, chắc sẽ không dám tới gần, như vậy chỉ một mình Ngài bị bẽ mặt vì té xuống hầm. Anh ta tiến đến tận hầm than rồi bước lùi phía

sau một bước, và dừng lại cách một khoảng, bảo Thế Tôn:

- Xin mời Ngài tiến bước, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bước đi, đặt chân ngay trên hầm than. Ngay lúc ấy tấm thảm biến mất, và những đóa hoa sen to bằng bánh xe mọc lên tách hầm than ra làm hai. Thế Tôn đặt chân lên đài sen, tiến thẳng tới và

ngồi xuống Phật tòa đã sắp sẵn do thần lực. Các Tỳ-kheo cũng đi theo và ngồi xuống. Lòng nôn nóng như bị lửa thiêu đốt Garahadinna tiến đến Thế Tôn cầu xin:

- Bạch Thế Tôn, cho con quy ngưỡng.

Phật hỏi:

- Nghĩa là sao?

- Không có cháo, không có cơm hay thức ăn nào trong nhà cho năm trăm Tỳ-kheo. Con không biết phải làm sao?

- Nhưng ngươi đã làm gì?

Anh ta kể lại mưu đồ làm hại Thế Tôn. Phật hỏi tiếp:

- Ngươi vừa mới chỉ cho Ta đây là chậu đựng cháo, rồi cơm và các thứ, không phải thế sao?

- Con đã nói dối, thưa Ngài toàn là chậu không.

- Không sao, hãy đến nhìn, đầy cháo và thức ăn khác trong chậu.

Kim khẩu Thế Tôn vừa thốt "cháo" thì tức khắc chaó đày chậu, các thức ăn khác cũng thế.

Thấy được sự mầu nhiệm, lòng Garahadinna tràn ngập vui sướng và phát khởi tín tâm. Trong niềm tôn kính vô cùng, anh ta hết lòng phục vụ Tăng chúng do Phật lãnh đạo. Thọ thực xong, anh ta đỡ lấy bát của Phật và mong muốn ngài hồi hướng công đức. Phật

thuận tình và nói rằng:

- Những chúng sanh này, vì không được tuệ nhãn nên không biết công đức của Ta, của các đệ tử và Giáo đoàn Ta. Bởi vì không được tuệ nhanõ nên họ mù. Chỉ có người trí mới có mắt.

Và Ngài nói Pháp Cú:

(58) Như giữa đống rác nhớp, Quăng bỏ trên đường lớn, Chổ áy hoa sen nở, Thơm sạch đẹp ý người.

(59) Cũng vây giữa quần sanh, Uế nhiễm mù, phàm tục, Đệ tử, bậc Chánh Giác, Sáng ngời với tuệ trí.

Cuối câu kệ, tám mươi ngàn người được

Pháp nhãn thanh tịnh. Cả Garahadinna và Sirigutta đều chứng quả Tu-đà-hoàn, và cúng hết sự sản cho Giáo đoàn của Phật.

Đức Phật rời tòa trở về tinh xá. Chiều đến các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Kỳ diệu thay công hạnh của chư Phật! Những đóa sen mà có thể mọc vọt khỏi đống than cây keo nóng bỏng!

Thế Tôn đến, hỏi chuyện và cho các Tỳ- kheo biết:

- Này các Tỳ-kheo! Không phải bây giờ Ta là Phật mới có sự kỳ diệu hoa sen nở từ đám than hồng. Khi sự giác ngộ của ta chưa viên mãn, Ta chỉ là Phật vị lai, cũng đã có sự mầu nhiệm như thế.

Chư Tỳ-kheo muốn biết sự mầu nhiệm như thế nào nên thỉnh Phật nói. Ngài kể chuyện quá khứ:

Tôi sẽ vui lòng vào địa ngục Với chân trên, và đầu vục xuống hố sâu Tôi sẽ không làm điều bất chính nào Đồ tín cúng đây, Ngài nhận!

Và Đạo sư kể lại chi tiết Bổn sanh Khadirangara.

V. Phẩm Ngu 1. Nhà Vua và Người Nghèo Có Vợ Đẹp

Đêm dài cho kẻ thức...

Đức Phật dạy câu này khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến vua Ba-tư-nặc ở Kosala và một người.

Và một dịp lễ, vua Ba-tư-nặc ở Kosala cưỡi voi trắng Pundarika trang hoàng lộng lẫy diễu hành khắp thành. Đến lúc sắp giải tán, dân chúng bị ném đất loạn xạ, đập bằng gậy lung tung, nhưng vẫn nghễnh cổ nhìn xem. Nhà vua được phước báo nhu thế do bố thí, giữ giới và làm nhiều công đức.

Trên tầng lầu chót một tòa nhà bảy tầng có thiếu phụ vợ một người nghèo, mở cửa sổ nhìn vua, xong lui vào. Cô ta hiện ra trước mắt nhà vua như vầng trăng rằm rồi lẫn vào đám mây. Quá say đắm, nhà vua suýt té nhào khỏi lưng voi. Kết thúc thật nhanh cuộc diễu hành, vua trở về hoàng cung hỏi viên quan thân tín có

thấy thiếu phụ hay không, và ra lệnh dòi ông chồng. Ông ta hiểu ngay mạng sống bị đe dọa là vì cô vợ, nhưng không dám cãi lệnh. Ông ta dến hầu vua, và bị sung vào đội lính hầu. ông ta từ chối, xin trả tiền sưu nhưng không được.

Nhà vua muốn kết tội và giết ông ta để đoạt cô vợ. Phần ông ta vì sợ chết, cũng hết lòng phục vụ nhà vua. Lửa ái nơi vua càng lúc càng tăng. Vì không tìm thấy chút lỗi nào, vua bèn sai ông ta tìm cho được đất đỏ với bông súng màu đỏ và màu xanh, nếu không có mang về kịp giờ vua tắm sẽ bị tội chết.

Ông ta hốt hoảng về nhà, hối vợ cơm nước. Không kịp chờ cơm chín, ông vội múc đại gạo vừa mới sôi, lỏng bỏng như cháo, thêm một ít cà-ri vào giỏ, vội vàng lên đường. Khi ông vội vàng đi như thế

thì cơm cũng về chín tới. Ông để riêng một phần cơm ngon và bắt đầu ăn. Kịp có khách ông ta mời ăn luôn phần đã để dành. Ăn xong ông ta vứt một nắm cơm xuống hồ, súc miệng và lớn tiếng khấn nguyện long thần hồ này xin cho ngàn phước báo do bố thí thức ăn cho người khách và trăm phước báo do bố thí cơm gạo cho cá dưới hồ, tất cả đều hồi hướng đến long thần, và hãy mang đến cho ông đất đỏ với bông súng màu trắng và xanh. Ông lặp lại lời khẩn cầu đến ba lần.

Long vương ở đó nghe hết lời khấn, hóa thành ông lão đến gặp người lính hầu, hỏi lại kỹ. Sau khi nghe người lính hầu nói lại ba lần hồi hướng hết công đức bố thí, long vương bèn mang đất đỏ với bông súng đến.

Nhà vua sợ người lính hầu hoàn thành sứ

mạng, nên đã ra lệnh đóng cửa và niêm phong rất sớm. Do đó tuy người lính đến kịp lúc, vẫn không thể dâng vua đất và hoa được, dù đã xin lính gác mở cửa. Ông thất vọng, lòng ngổn ngang không biết tính sao.

Cuối cùng ông đặt tảng đất đỏ nơi ngạch cửa và treo bông súng lên cánh cửa, la to:

- Hỡi mọi người trong thành, xin làm chứng tôi đã hoàn thành sứ mạng vua giao phó. Vua đang tìm hết cách hại tôi một cách vô cớ.

Người lính hầu la lên ba lần như thế, bối rối không biết đi đâu ẩn trú; nghĩ đến chư Tăng giàu lòng nhân từ, liền đến tinh xá ngủ lại.

Nhà vua suốt đêm không thể nào chợp

mắt được vì lửa ái thiêu đốt tâm can. Vua chờ trời hé sáng để giết người chồng và mang người vợ về cung. Đang trằn trọc vua nghe được bốn âm thanh. Nguyên do là có bốn người bị đọa vào địa ngục rộng đến sáu chục dặm, bị nấu sôi sục như hạt gạo nấu hầm trong nồi nung suốt ba chục năm, xuống tận đáy địa ngục và sau ba chục năm nữa trồi lên miệng địa ngục, nhìn lẫn nhau, muốn đọc một câu kệ cũng không nỗi, chỉ bập bẹ vài chữ, rồi lại rơi tõm vào địa ngục trở lại.

Vua nghe những âm thanh trên sau nửa đêm. Hốt hoảng và sợ hãi, vua hoang mang không hiểu có phải mình đã tới số, hay chánh hậu tận mạng, hay vương quốc tận diệt, và thức luôn đến sáng. Trời sáng rồi, vua cho mời vị tư tế đến hỏi xem đó là điềm báo gì qua bốn âm thanh đã nghe là "Du, Sa, Na, So". Vị Bà-la-

môn tư tế hoàn toàn không biết gì về ý nghĩa, nhưng sợ lộ ra sự ngu dốt của mình sẽ mất hết lợi danh, nên đáp càn:

- Ồ! Trầm trọng lắm, tâu bệ hạ.

Vua hỏi dồn:

- Xin thầy nói rành mạch hơn!

- Có nghĩa là bệ hạ sắp lìa đời.

Vua càng kinh hãi, ú ớ hỏi tiếp:

- Không có cách nào ngăn được sao?

- Tâu bệ hạ, có. Xin Ngài đừng sợ. Trong ba bộ Vệ-đà chỉ rằng phải tế lễ nhiều sinh vật thì có thể cứu mạng bệ hạ.

- Ta phải tìm thứ gì?

- Một trăm voi, một trăm ngựa, một trăm bò đực, một trăm bò cái, một trăm dê, một trăm lừa, một trăm ngựa giống, một trăm cừu, một trăm gà, một trăm heo, một trăm con trai, một trăm con gái.

Sở dĩ vị Bà-la-môn đòi nhiều thứ như thế, vì chỉ nói tên thú rừng không, sẽ mang tiếng là muốn ăn thịt, do đó ông ta cần thêm voi, ngựa và người. Vua muốn cứu mạng mình với bất kì giá nào nên ưng thuận. (Theo Tương Ưng bộ kinh, mỗi loài lên đến năm trăm.Dân chúng xót thương la khóc nghe như tiếng trái đất nứt vỡ).

Hoàng hậu Mạt-lợi (Mallika) nghe tiếng kêu khóc inh ỏi, hỏi vua:

- Đại vương, làm sao mà các căn của Ngài hỗn loạn và mệt mỏi thế?

- Mạt-lợi! Bà không biết một con rắn độc lọt vào tai ta sao?

Và vua kể lại mọi sự. Hoàng hậu bảo thẳng với vua:

- Bệ hạ quả là kẻ thiếu trí. Trong kho không thiếu chi các món ngon vật lạ, bệ hạ cai trị cả hai vương quốc, nhưng thật sự bệ hạ lại là kẻ thiếu trí.

Vua ngạc nhiên hỏi lại, và được hoàng hậu giải thích:

- Có bao giờ bệ hạ nghe rằng phải hi sinh mạng người khác để cứu sống mình không? Chỉ vì người Bà-la-môn ngu xuẩn kia đã nói xằng mà xuýt chút nữa bệ hạ đẩy dân chúng vào bể khổ. Đức Đạo sư đang ngụ trong tinh xá gần đây, bậc Thầy của trời và người, bậc Thắng tri

của tam thế. Bệ hạ hãy đến thỉnh cầu Ngài chỉ giáo.

Nhà vua và hoàng hậu đến tinh xá gặp Phật. Được Phật hỏi vì việc gì mà đến muộn, nhà vua vẫn còn ám ảnh về nỗi sợ chết không thốt nên lời, chỉ đảnh lễ rồi đứng im đó, hoàng hậu Mạt-lợi thay lời trình bày và được Phật dạy:

- Âm thanh vua nghe được là tiếng rên siết của kẻ xấu ác bị khổ hình.

Vua tò mò hỏi:

- Bạch Thế Tôn, họ đã tạo nghiệp gì?

Phật kể lại:

Chuyện quá khứ - Lò Địa Ngục

Vào thời xưa khi con người sống đến hai chục ngàn tuổi, Phật Ca-diếp xuất hiện. Trên đường du hóa với hai mươi ngàn Tỳ-kheo lậu tận, Phật đến thành Ba-lanại. Dân trong thành từng nhóm hai, ba người hoặc đông hơn, cúng dường thức ăn. Lúc đó có bốn người con của một thương buôn giàu có, sản nghiệp mỗi người lên đến bốn trăm triệu,

và rất hòa thuận với nhau. Một hôm họ bàn với nhau sao không cúng dường, tạo công đức, giữ giới hạnh vì một vị Phật đang du hóa. Nhưng không ai tán đồng. Kẻ thì ưa chè chén say sưa, người thì đắm say trong cơm thịt béo bở hoặc của ngon món lạ nấu nướng cầu kỳ. Có tên còn đòi tung tiền mua chuộc vợ người và cướp đoạt để tiêu khiển. Cả bọn tán đồng ý kiến này và làm theo. Cứ như thế họ phạm tội tà dâm suốt hai chục ngàn năm, đến lúc mạng chung bị đọa vào địa ngục

A-tỳ, bị khổ hình đau đớn trong thời kỳ giữa hai vị Phật ra đời. Vì quả báo ác nghiệp chưa tiêu, tái sanh, họ lại bị đọa vào Thiết địa ngục lớn sáu mươi dặm. Sau khi chìm xuống tận đáy địa ngục ba chục ngàn năm, họ bị trồi lên cũng ba chục ngàn năm. Mỗi người đều mong muốn đọc lên một câu kệ, nhưng chỉ thốt được một vần đầu, rồi lại rơi vào Thiết địa ngục.

(Hết Chuyện quá khứ)

Phật hỏi nhà vua:

- Bệ hạ nghe được chữ gì?

- Bạch Thế Tôn, chữ "Du".

Phật liền đọc hết câu kệ mà kẻ chịu tội muốn thốt lên. Sau đó, Ngài bảo vua nói

tiếp các chữ còn lại, và bổ túc thành bốn bài kệ như sau:

Du: Tạo ác nghiệp một đời, Có của chẳng thi ân, Tài sản dù ức triệu, Không cứu nổi mạng thân.

Sa: Sáu chục ngàn năm dài, Tạo tác bao nghiệp ác, Địa ngục nung nấu sôi, Biết bao giờ được thoát?

Na: Chẳng có ngày được thoát, Thoát từ đâu có được? Do xa xưa mình đã, Gây bao điều ô trược.

So: Xin hứa chắc từ đây, Nếu tái sanh làm người, Quyết bố thí trì giới, Làm việc thiện đời đời.

Thế Tôn đọc và giải thích từng câu kệ. Vua nghe qua chuyển động cả tâm can. Hiểu rằng tội tà dâm quả thật là nghiêm trọng, sẽ bị đọa địa ngục trong thời kỳ giữa hai đức Phật, rồi qua Thiết địa ngục chịu khổ hình thêm sáu chục ngàn năm chưa chắc đã mãn. Nhớ lại mình cũng sắp phạm tội, vua tự hứa từ đây dứt hết lòng tham dục vợ người, và thưa với Phật:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay con mới biết đêm dài đối với kẻ thức.

Người lính hầu của vua ngồi gần đó cũng thưa:

- Bạch Thế Tôn, hôm qua con mới biết đường dài cho kẻ mệt.

Thế Tôn nối kết hai câu trên vào Pháp

Cú:

(60) Đêm dài cho kẻ thức, Đường dài cho kẻ mệt, Luân hồi dài, kẻ ngu, Không biết chơn diệu pháp.

Vua đảnh lễ Thế Tôn xong, trở về ra lệnh thả hết người và vật tế lễ. Họ được rưới nước trên đầu, trở về nhà và đồng thanh tán thán hoàng hậu Mạt-lợi, chúc bà được khang an trường thọ.

Buổi chiều chúng Tăng tụ họp trong Pháp đường bàn tán về trí tuệ của Mạtlợi. Đức Phật đang ở trong hương thất nghe được liền vào Pháp đường ngồi tòa báu Như Lai và kể:

Chuyện quá khứ

Vua Ba-La-Nại VàHoàng Hậu Dinnà

Xưa kia một hoàng tử đến khấn với vị thần cây đa, nếu được thần phù hộ lên ngôi báu sẽ lấy máu của một trăm vua và hoàng hậu xứ Diêm-phù-đề này tế thần. Khi vua cha băng hà, hoàng tử giữ lời hứa chinh phục các vua khác, từng người một đủ một trăm vua và hoàng hậu, đem đến gốc cây nọ định sẽ bắt uống thuốc độc cho chết, riêng hoàng hậu Dinnà của vị vua trẻ tuổi nhất được tha mạng vì đang có mang.

Thần cây sợ các hoàng tộc xứ Diêm-phùđề bị tiêu diệt, và rễ cây đa bị ô nhiễm do lòng tin mù quáng của hoàng tử. Tự nghĩ sức mình không đủ, thần cây liền cầu cứu các vị thần khác, nhưng đều bị từ chối. Thần đến trời Cakkavàla, rồi Tứ thiên vương cũng không nhận lời. Cuối

cùng đến trời Đế Thích, thần mạnh miệng quy cho Đế Thích chịu trách nhiệm về dòng máu hoàng tộc, do đó được Đế Thích, tuy không trực tiếp ngăn chặn hành động của hoàng tử, nhưng bày mưu cho thần. Thần sẽ khoác áo choàng đêm, ra khỏi cây, giả bộ cho vua thấy là muốn đi xa để vua cầm giữ lại. Lúc đó thần sẽ ra điều kiện cho vua là phải có mặt hoàng hậu Dinnà của vua Uggasena mới đúng với lời hứa khi trước. Và bà ta sẽ dạy giáo pháp cho nhà vua, đồng thời sẽ cứu mạng cho các vua và hoàng hậu này.

Thế là hoàng hậu Dinnà được đưa đến. Bà chỉ tiến tới trước chồng mình, vua Uggasena, đảnh lễ, dù rằng ông này đang ngồi ở vòng ngoài của một trăm vua thua trận. Vua Ba-la-nại bị xúc phạm, tỏ thái độ bất bình. Bà bèn nói:

- Tôi có bổn phận với bệ hạ không? Vị vua của tôi đây là người ban quyền lực cho tôi. Tại sao tôi có thể bỏ ông ta để đảnh lễ bệ hạ?

Thần cây hoan hô bà, tung hoa trước mắt đám đông tụ họp:

- Hoàng hậu thật khéo nói!

Vua Ba-la-nại bảo:

- Bà không đảnh lễ ta cũng được. Nhưng sao không đảnh lễ thần cây đây? Ông ta có quyền lực nhiệm mầu, đã ban cho ta quyền thống trị và uy lực của một vị vua.

- Tâu bệ hạ, bệ hạ đã chinh phục các vua này bằng tài sức của chính mình. Thần cây chẳng hề đánh bại họ rồi đưa về cho bệ hạ.

Bà nói tiếp:

- Bệ hạ bảo thần cây có quyền lực nhiệm mầu, thế bên trái của thần có một cây đang bốc cháy, sao thần không dùng phép tắt lửa đi!

Thần cây lại tung hô bà như trước:

- Hoàng hậu thật khéo nói!

Hoàng hậu vừa nói vừa khóc và cười. Vua cho bà mất trí.

Nhơn đó bà kể lại:

Chuyện quá khứ

Người Đàn Bà Giết Con Cừu

Thuở xưa tôi sinh vào một gia đình gia giáo. Bạn của chồng đến chơi, tôi nhờ nữ

tỳ mua thịt về nấu cơm đãi khách. Cô ta tìm khắp chợ không có. Vì thấy một con cừu nằm gần nhà, tôi cắt cổ làm thịt. Do ác nghiệp đó tôi chết đi bị đày vào địa ngục. Sau bao khổ hình, do quả báo chưa hết, đầu tôi bị cắt nhiều lần bằng số lông cừu. Nếu vua giết hết những người này để tế thần thì biết bao giờ mới hết khổ đau? Tôi đã khóc vì nhớ đến nỗi khổ trước kia.

Bà đọc kệ:

Do tội cắt cổ cừu, Đầu tôi phải rơi đổ, Nhiều lần bằng số lông, Của chú cừu khốn khổ. Nếu vua định giết chết, Chừng ấy số sinh linh, Biết làm sao lường hết, Nỗi thống khổ điêu linh.

Bà đã cười vì vui mừng thoát được khổ ách đó.

Thần cây lại tán thán bà. Vua giật mình vì suýt nữa đã phạm tội ác không biết bao giờ mời rửa sạch được. Vua ra lệnh thả hết các vua, đảnh lễ những người lớn tuổi và chào kính những người trẻ hơn mình, xin mọi người tha thứ cho mình, và cho họ trở về xứ sở.

(Hết Chuyện Quá Khứ)

Phật kể chuyện xong bảo chúng Tăng không phải bây giờ Mạt-lợi cứu mạng nhiều người mà trong kiếp trước bà cũng đã làm như thế. Lúc đó vua Ba-la-nại là vua Ba-tư-nặc, hoàng hậu Dinnà là Mạtlợi, và thần cây là Thế Tôn. Phật dayï tiếp rằng đoạt mạng sống của chúng sanh là không bao giờ đúng pháp mà con chịu

khổ ách lâu dài. Ngài đọc kệ:

Người nếu biết khổ đau, Bắt nguồn từ sự sống, Không còn đoạt mạng sống Của người, để chịu phiền.

2. Một Tăng Sinh Khó Dạy Tìm không được bạn đường...

Đức Phật dạy câu này tại Xá-vệ, liên quan đến đệ tử của Trưởng lão Đại Ca- diếp.

Trưởng lão lúc đó ngụ tại hang Pipphali, có hai đệ tử theo hầu. Một người làm tròn bổn phận, người kia luôn lẫn tránh công việc, thậm chí còn dành công trạng

của bạn đồng môn. Tức là khi bạn mình đã chuẩn bị nước tắm cho thầy xong, anh ta vội báo cho thầy để lập công. Anh bạn thấy thế liền chơi khăm một vố. Khi bạn lười di ngủ sau giờ cơm trưa, anh đun nước tắm cho thầy xong đổ vào vại dựng ở nhà sau, chỉ chừa lại một ít trong nồi đun.Thức dậy, bạn lười thấy nồi đun bốc hơi, đinh ninh nước đã đun xong và mang vào phòng tắm liền chạy đi báo thầy như mọi lần.

Trưởng lão bước vào phòng tắm, chẳng thấy nước, chỉ cho bạn lười. Hoảng hồn, anh vào nhà bếp cầm vá quậy trong nồi hơi thấy cạn queo. Anh bực mình mắng bạn là đồ đểu, và lúng ta lúng túng đến chỗ tắm ngoài sông múc nước. Đã thế trở về còn bị Trưởng lão gọi đến dạy bảo:

- Một Tỳ-kheo không được nói mình làm

xong khi không phải chính mình làm. Khi ta bước vào thấy không có nước ngươi lại bực mình cầm bình đi, một vị tăng không được hành động như thế.

Tăng sinh lười đó rất mực giận dữ, cho rằng chỉ vì mấy giọt nước mà thầy la mắng mình như thế. Ngày hôm sau anh không thèm theo thầy đi khất thực nữa. Trưởng lão phải đi với tăng sinh kia. Khi cả hai đi xa, tăng sinh man trá đi đến nhà cư sĩ hay hộ cho Trưởng lão, bảo rằng ngài khó ở, không đi bát được, và xin cúng dường thức ăn. Cư sĩ làm theo, anh ta nhận lấy và ăn hết một mình trên đường về tinh xá.

Hôm sau, Trưởng lão đến nhà cư sĩ, ông ta vui mừng thấy Ngài bình phục và còn bảo là thức ăn do ông ta cúng dường. Trưởng lão không thốt một lời, về tinh xá

răn đe anh đệ tử man trá:

- Ta biết hành động của ngươi hôm qua. Hạnh xấu này không phù hợp với một người đã từ bỏ thế gian. Ngươi không được ăn thực phẩm do gợi ý.

Tăng sinh lười bừng lên ác cảm đối với thầy mình. Anh nghĩ rằng chỉ vì mấy giọt nước thầy mắng mình là nói dối, bây giờ chỉ một nắm cơm của tín thí thầy cấm không cho ăn vì cho là mình đã gợi ý mưu toan, thầy còn cho huynh kia một bộ y; quả là thầy đối xử với mình quá tệ bạc, mình phải trả thù mới được. Thế rồi hôm sau trong khi Trưởng lão di khất thực, ở lại tinh xá một mình, anh ta lấy gậy đập hết đồ dùng để ăn uống, nổi lửa đốt lều cỏ của Trưởng lão, sau đó dùng búa đập nát tan những gì không cháy hết. Mạng chung anh ta đọa vào địa ngục A-

Tỳ.

Dân chúng đều bàn tán chuyện trên. Có một vị tăng rời Vương-xá đến Kỳ Viên viếng Phật, được Phật hỏi thăm sức khỏe trưởng lão Đại Ca-diếp liền thuật lại tự sự. Phật giải thích không phải lần đầu anh ta nổi giận vì bị khiển trách, mà trong tiền kiếp anh ta cũng đã từng làm như thế, và Phật kể:

Chuyện quá khứ

Con Khỉ Và Chim Singila

Thời xưa khi Phạm-ma-đạt cai trị Ba-lanại, một con chim Sigila làm tổ trên vùng Hy-mã-lạp-sơn. Một hôm, vào mùa mưa, một con khỉ đến đó run rẩy vì lạnh. Chim thấy vậy bèn đọc kệ:

Như người, này anh khỉ! Anh có đầu, tay chân, Lý do gì bào chữa, Không làm nhà che thân?

Khỉ nhận đúng như thế, nhưng biết không đủ trí khôn để cất nhà, bèn nói:

Này chim Singila, Đầu và tay chân ta, Tuy là giống người thật, Nhưng người thông minh thật, Còn ta tìm không ra.

Chim nghe qua hiểu ngay kẻ như thế không thể nào ở trong nhà, đáp với giọng khinh bỉ:

Kẻ nào không kiên định, Bộp chộp và gian dối, Không giữ được giới hạnh, Sẽ không được phúc lành. Này anh bạn khỉ ơi,

Hãy cố gắng tới nơi, Cố hết sức mình để Từ bỏ những thói xưa, Xây một lều cho khỏi Run lạnh vì gió mưa.

Khỉ bị mắng nhiếc, bừng giận, phen này quyết ra tay cho chim biết hạnh phúc là gì. Nó phá tan nát tổ chim tung ra gió. Chim thoát được bay mất khỉ tóm lấy tổ.

Rồi Thế Tôn hợp nhất những nhân vật trong Bổn Sanh:

- Khỉ lúc đó là Sa-di đốt nhà, chim Singila là Đại Ca-diếp. Này các Tỳkheo, đây không phải là lần đầu Sa-di đốt nhà vì bất bình khi bị khiển trách, trong tiền kiếp cũng đã làm như thế. Ca-diếp, đệ tử Ta, nên sống một mình hơn là với kẻ cuồng dại.

Và Thế Tôn nói với Pháp Cú:

(61) Tìm không được bạn đường, Hơn mình hay bằng mình, Thà quyết sống một mình, Không bè bạn kẻ ngu.

3. Kẻ Vận Rủi Trong Nhà

Con tôi, tài sản tôi...

Thế Tôn đã dạy câu trên khi ở Xá-vệ, liên quan đến chưởng khố A-nan.

3A. Chưởng Khố Keo Kiệt

Chưởng khố A-nan ở Xá-vệ, gia sản lên đến tám trăm triệu, nhưng lại là nhà đại keo kiệt, cứ mỗi nửa tháng, ông triệu tập

thân tộc và dạy con trai là Mulasiri ba điều:

- Đừng tưởng rằng tám trăm triệu là món tiền lớn.

- Có được của chớ bao giờ cho ai.

- Luôn luôn ráng kiếm thêm nhiều nữa. Nếu hơ hỏng tiền bạc để lọt qua kẽ tay, tuy từng chút những chắc chắn, của cải sẽ bay mất.

Và kết luận:

Xem kìa hương sắc phai dần, Kiến tha về tổ, chuyên cần làm sao! Ong kia hút mật siêng năng, Người khôn chăm sóc kỉ cang gia đình.

Sau đó ít lâu, ông chỉ chỗ năm kho của cải cho con trai rồi qua đời, bị ô danh vì tính keo kiệt. Ông đầu thai vào một trong số ngàn nhà Chiên-đà-la tại một ngôi làng kế Xá-vệ.

Vua hay tin phong cho con trai thừa kế ông làm chưởng khố.

3B. Kẻ Vận Rủi Trong Nhà

Ngàn gia đình này làm thuê kiếm sống. Nhưng kể từ ngày bà mẹ mang thai ông, họ không kiếm ra nổi, một đồng bạc cũng như một mẻo gạo để nuôi thân. Họ xì xào với nhau:

- Còn đang làm lụng mà đào ra không nổi một hột cơm, chắc phải có một tên vận đen trong chúng ta.

Họ chia ra hai nhóm, điều tra cặn kẽ, lòi ra tên xấu số đó, và đuổi mẹ ông đi. Từ lúc mang thai ông, bà phải vất vả lắm mới sống lây lất qua ngày, cuối cùng cũng sinh được bé trai. Tay, chân, mặt, mũi, miệng cậu bé không nằm đúng chỗ nên trông cậu bé thật quái dị, y như một tên quỷ đen đủi gớm ghiếc. Tuy vậy bà mẹ vẫn không bỏ rơi đứa con mang nặng đẻ đau, tình mẹ bao la. Bà rất chật vật để nuôi con, nếu mang theo ra đường thì chẳng nhận được gì, nếu để ở nhà thì còn được chút ít. Cậu bé lớn lên, và khi đến tuổi xin ăn được, bà đặt một miếng sành vào tay bảo:

- Mẹ con ta thật khốn đốn, cùng quẫn, mẹ không thể nuôi nổi con nữa. Con hãy đi xin, trong thành người ta bố thí cho người nghèo và du sĩ.

Cậu bé đi xin từng nhà. Cuối cùng đến nhà mà trong kiếp trước cậu là trưởng khố A-nan. Nhớ lại tiền kiếp, cậu bước thẳng vào trong, qua hết ba phòng mà chẳng ai trông thấy. Đến phòng thứ tư mấy đứa con nhỏ của trưởng khố Mulasiri hoảng sợ bật khóc. Đám gia nhân rượt đẩy cậu ta, đánh đuổi đi:

- Cút đi! Quái vật hết nước nói!

Rồi xô cậu vào đống rác.

Lúc bấy giờ Thế Tôn đi khất thực với Trưởng lão A-nan, và đến đúng nhà ấy. Để trả lời câu hỏi của Trưởng lão, Thế Tôn kể sự tình. Trưởng lão gọi Mulasiri đến, thế là đám đông tụ tập quanh. Mulasiri không nhìn ra ai khi Thế Tôn chỉ tên ăn mày. Thế Tôn bảo:

- Đó là cha ngươi.

Mulasiri không tin. Phật bảo tên ăn mày, tức chưởng khố A-nan, chỉ chỗ năm kho của cải. Cậu ta chỉ đúng. Mulasiri tin chắc và qui y Phật. Thế Tôn nói Pháp Cú cho đúng:

(62) Con tôi, tài sản tôi, Người ngu sanh ưu não, Tự ta, ta không có, Con đâu,tài sản đâu?

4. Kẻ Móc Túi

Người ngu nghĩ mình ngu ...

Thế Tôn dạy câu này ở Kỳ Viên, do

chuyện hai tên trộm không còn thân thiết với nhau nữa.

Họ vốn thân nhau từ lâu, một hôm cùng với đám đông đến Kỳ Viên nghe pháp. Một người chú tâm nghe Phật thuyết và chứng quả Dự lưu. Người kia rình cơ hội để giở trò, thấy một món đồ đáng giá năm farthing (1 farthing bằng 1/4 xu) trong chéo áo một thính chúng, liền bợ ngay. Như vậy tên trộm chuyên nghiệp vẫn có được bữa ăn nấu thường ngày trong nhà, còn người cải tà quy chánh thì bếp lạnh nồi không, lại còn bị vợ chồng tên trộm kia nhạo báng chê cười:

- Anh khôn ngoan quá, đến nỗi không còn tiền để nấu cơm mà ăn!

Biết rằng bạn đồng nghiệp cũ của mình là kẻ ngu, không phải là người trí, anh ta

cùng quyến thuộc đến Kỳ Viên, gặp Thế Tôn kể chuyện.

Phật dạy anh Pháp Cú:

(63) Người ngu nghĩ mình ngu, Nhờ vậy thành có trí. Người ngu tưởng có trí, Thật xứng gọi trí ngu.

5. Trí Ngu

Người ngu, dù trọn đời...

Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, do chuyện Trưởng lão Udàyi.

Khi các Đại Trưởng lão rời Pháp đường, Udàyi thường ngồi vào chỗ của

các vị ấy. Một hôm có vài khách tăng đến, thấy như thế cứ tưởng Udàyi là một Đại Trưởng lão. Họ hỏi ông vài câu về ngũ uẩn, và vài vấn đề khác. Vỡ lẽ ra ông chẳng biết gì, họ khinh bỉ bảo nhau:

- Tỳ-kheo này là ai mà cùng sống trong tinh xá với Phật, nhưng lại không biết đến cả ngũ uẩn, tứ đại và căn trần?

Rồi họ thưa với Phật, Thế Tôn bèn dạy Pháp Cú:

(64) Người ngu dù trọn đời, Thân cận người có trí, Không biết được chánh pháp, Như muỗng với vị canh.

6. Từ Trụy Lạc Tới Đức Hạnh

Người trí, dầu một khắc...

Đức Phật dạy câu này tại Kỳ Viên về ba mươi Tỳ-kheo Pàtheyyaka.

Thế Tôn đã thuyết pháp lần đầu tiên cho họ trong rừng Kappàsika, khi họ đang đi tìm người nữ.

Họ đều vâng theo lời của Phật: "Hãy đến, các Tỳ-kheo!" và nhận được y bát từ thần thông. Ai cũng giữ được Mười ba phạm hạnh, và sau một thời gian dài, họ trở về gặp Phật, nghe Phật thuyết về vô sanh. Trước khi rời chỗ ngồi, họ chứng A-lahán.

Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Chẳng bao lâu mà các vị này đã đắc pháp!

Phật nghe được liền dạy:

- Các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu ba mươi người bạn này phạm tội, mà trong tiền kiếp đã có. Nhưng khi nghe Maha Tundila thuyết pháp trong Bổn Sanh Tundila, họ được Pháp nhãn thanh tịnh và tuân giữ Ngũ giới. Chỉ có công đức này mà họ chứng A-la-hán ngay tại chỗ ngồi.

Và Phật nói Pháp Cú:

(65) Người trí, dầu một khắc, Thân cận người có trí, Biết ngay chân diệu pháp, Như lưỡi với vị canh.

7. Một Người Cùi Bị Thử Thách Phủ

Nhận Niềm Tin

Người ngu si thiếu trí...

Thế Tôn đã dạy như thế tại Trúc Lâm do chuyện người cùi Suppabuddha. Truyện này được kể trong kinh Udàna.

Người cùi Supabuddha ngồi vòng ngoài hội chúng nghe pháp và đắc quả Dự lưu. Anh ta muốn trình với Thế Tôn pháp lạc của mình, nhưng không dám bước vào giữa hội chúng. Đợi đến lúc mọi người đảnh lễ Phật xong, đi theo Phật một quãng ngắn và quay về, anh mới trở lại tịnh xá.

Trời Đế Thích thấy vậy muốn thử anh, liền bay đến, lơ lửng trên không, bảo anh:

- Suppabuddha, anh nghèo hèn, khốn khổ. Ta sẽ cho anh vô số của cải nếu anh chịu nói "Phật không phải là Phật, Pháp không phải là Pháp, Tăng không phải là Tăng. Ta đã chán ngấy Pháp, chán ngấy Tăng".

Anh cùi hỏi lại:

- Ông là ai?

- Ta là Đế Thích.

- Đồ ngu, không biết xấu hổ, ông không xứng đáng nói chuyện với ta. Ông bảo ta nghèo túng và khổ sở. Trái lại ta được an lạc với tài sản to lớn: Tín tài, giới tài, tấn tài, tàm quý tài, văn tài, xả tài, định huệ tài, cả bảy kho báu này là của ta.

Ai có kho báu này, Dù là nam

hay nữ, Không thể gọi nghèo khổ, Đời họ chẳng rỗng suông.

Đó là bảy kho báu đáng quý, người có được thì đối với chư Phật và Phật Độc Giác không phải là nghèo.

Đế Thích nghe xong, đến kể lại cho Thế Tôn, và được Phật dạy là dù tiền muôn bạc ức cũng không thể thuyết phục người cùi phủ nhận niềm tin nơi Phật, Pháp, Tăng.

Và người cùi Suppabuddha đến chỗ Phật, được Ngài đón tiếp thân tình. Anh trình với Phật pháp lạc có được, đứng lên rồi đi ra. Đi được một quãng, anh bị con bê cái húc chết. Con bê này nguyên là Dạ-xoa tái sanh làm bò trong một trăm kiếp, đã giết bốn chàng trai trẻ: người quyền thế Pukkusati, Bahiya daruciriya,

tên trộm ngoài vòng pháp luật Tambadathika, và người cùi Suppabuddha.

Chuyện quá khứ:

7A. Bốn Chàng Trai Và Cô Kỹ Nữ

Trong một tiền kiếp, bốn chàng trai này là con của một thương gia giàu có, và Dạ-xoa là một cô kĩ nữ tuyệt đẹp. Một hôm nọ dẫn cô đến vườn giải trí, hưởng lạc xong chiều đến, nghĩ rằng không ai ở đây ngoài họ, họ bàn nhau lấy lại một ngàn tiền đã trả, lột hết vàng giết cô ta rồi bỏ đi. Cô kĩ nữ nghe được, và khi bị giết, cô thề sau này sẽ thành Dạ-xoa, sẽ giết hại họ như họ đã giết hại cô. Và quả báo hiện ra y như thế.

Các Tỳ-kheo báo tin cho Phật về cái chết

của người cùi, và hỏi Phật kiếp sau anh ta sẽ như thế nào, vì sao anh ta bị bệnh cùi. Phật cho biết anh ta đã chứng quả Dự lưu và sanh trên cõi trời ba mươi ba và Phật kể:

Chuyện quá khứ:

7B. Chàng Trai Láo Xược

Trong một tiền kiếp, gặp vị Phật Độc Giác Tagarasikhi, anh cùi đã nhổ nước miếng vào ngài vì cống cao ngã mạn. Anh ta phải chịu khổ não rất lâu ở địa ngục, nhưng quả báo chưa hết anh tái sanh làm người cùi.

Phật giảng tiếp cho các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Mọi chúng sanh trên thế gian dều bị quả báo ác nghiệt do hành

nghiệp xấu ác.

Và Phật dạy thêm Pháp cú:

(66) Người ngu si thiếu trí, Tự ngã thành kẻ thù, Làm các nghiệp không thiện, Phải chịu quả đắng cay.

8. Một Nông Dân Bị Kết Tội Oan

Nghiệp làm không chánh thiện....

Câu này đức Phật dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến một nông dân.

Anh nông dân đang cày trên miếng ruộng gần thành Xá-vệ. Thấy Thế Tôn và Trưởng lão A-nan làm thị giả đi ngang,

anh đảnh lễ và tiếp tục cày. Thế Tôn không nói gì cả, Ngài đến chỗ túi tiền rơi - trước đó. Ngài quan sát thế gian thấy rõ túi tiền và mọi chuyện - chỉ cho A-nan và bảo:

- Hãy xem, A-nan, một con rắn độc!

A-nan thưa:

- Bạch Thế Tôn, con đã thấy, một con rắn độc chết người!

Anh nông dân nghe được, liền đến chỗ rắn, khi Phật và A-nan bỏ đi, định sẽ giết rắn. Nhưng đến nơi thấy túi tiền, anh chợt hiểu chắc Thế Tôn ám chỉ túi tiền là con rắn độc. Không cần biết đích xác những gì bên trong, anh đặt túi qua một bên, phủ đất lên và tiếp tục cày.

Trời sáng, nhà kia khám phá bị mất trộm, liền đuổi theo dấu bọn trộm, đến cánh đồng nơi chôn túi tiền, và thấy dấu chân anh nông dân. Đào đất, nhặt túi tiền lên xong, họ mắng nhiếc anh:

- Anh đã trộm nhà người và giờ đây anh làm bộ cày bừa, phải không?

Sau khi nện anh ta một trận đích đáng rồi, họ bắt dẫn anh lên kiện vua. Nghe qua sự tình vua ra lệnh xử tử. Quân lính trói thúc ké anh, kéo ra pháp trường, dọc đường còn đánh đập. Anh nông dân chỉ một bề lặp đi lặp lại:

- Hãy xem, A-nan, một con rắn độc!

- Bạch Thế Tôn, con đã thấy, một con rắn độc chết người!

Quân lính ngạc nhiên, hỏi anh ý nghĩa ra sao? Anh bảo sẽ giải thích nếu gặp được vua. Và anh được như ý. Trước mặt vua, anh kể lại mọi sự và xác nhận mình không phải kẻ trộm. Vua ngẫm nghĩ anh ta đã nêu danh Thế Tôn, bậc cao tột trong thế gian làm chứng, thì thật không đúng nếu kết tội, và vua quyết định dẫn anh đến gặp Phật để làm sáng tỏ vụ này.

Sau khi bạch Phật, dược Phật xác nhận câu chuyện xảy ra, cùng lời lẽ Phật đã thốt quả y như lời anh nông dân, vua hiểu hết tự sự. Chẳng qua là bọn trộm biết được một lối vào thành xuyên qua một suối nước bí mật. Họ đã đào một đường hầm đến nhà người giàu kia, trộm một số lớn tiền và vàng, rồi chạy thoát ra ngoài bằng con suối. Sau khi đánh lừa đồng bọn, một tên dấu riêng một túi tiền một ngàn đồng vào áo. Hắn cũng cùng

đồng bọn đến cánh đồng để chia của. Xong xuôi bọn chúng giải tán, và túi tiền đó rớt lại mà hắn không hề hay biết. Vua bèn kết luận:

Bạch Thế Tôn, nếu anh nông dân không nói tên một bậc như ngài để làm chứng, chắc không khỏi chết. Anh đã tự cứu mạng do lặp lại lời của Phật.

Đại vương, Ta đã nói như thế đến khi đó. Một người trí sẽ không hành động để phải hối hận.

Rồi Phật đọc Pháp Cú:

(67) Nghiệp làm không chánh thiện, Làm rồi sanh ăn năn, Mặt nhuốm lệ, khóc than, Lãnh chịu quả di thục.

9. Sumana - Người Làm Vườn

Và nghiệp làm chánh thiện...

Phật dạy câu này ở Trúc Lâm về người làm vườn Sumana. Mỗi ngày sáng sớm, người làm vườn Sumana hay dâng lên vua Bình-sa vương tám bó hoa nhài và nhận tám tiền mỗi bó. Nhưng hôm đó, trên đường mang hoa vào thành, anh thấy Đức Phật đang khất thực với chúng Tỳkheo đông đảo, phóng hào quang sáu màu, đầy hùng lực của một vị Phật. Anh nhận thấy thân Phật như một khối ngọc quý, một khối vàng ròng, với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của bậc đại nhân. Lòng phân vân không biết làm sao phục vụ, chợt thấy bó hoa, liền muốn dâng cúng Phật. Tuy biết rằng nhà vua có

thể cầm tù, giết hay trục xuất khỏi nước nếu không dâng hoa cho vua, anh vẫn muốn cúng cho Phật. Anh nghĩ tiếp nếu dâng hoa cho vua đi nữa, bất quá chỉ nhận tiền đủ kéo dài mạng sống trong kiếp này, trong khi dâng cúng Thế Tôn sẽ được an lạc, được cứu độ hằng triệu kiếp không kể xiết. Do đó, anh làm vườn dâng mạng sống của mình cho Phật.

Niềm tin kiên cố và lòng hoan hỷ, anh ta tung hoa lên. Ban đầu hai bó lơ lửng trên đầu Phật như một bảo cái, hai bó tiếp bên phải, rồi phía sau, rồi bên trái, rủ xuống như một tấm màn. Như vậy tám bó hoa vây bọc Thế Tôn bốn phía, cuống hoa hướng ra ngoài và cánh hoa hướng vào trong, trước mặt Phật như có cổng chào, và chung quanh như những phiến bạc. Hoa tuy là loài vô tình, nhưng cư xử như có trí khôn, không dạt về một bên, không

rơi xuống, đi theo khi Phật cử động, đứng yên khi Phật dừng lại. Hào quang tỏa ra hàng trăm tia từ thân Phật, trước và sau, phải và trái, và từ đỉnh đầu sáng rực. Không ai gặp Ngài mà bỏ đi. Họ nhiễu bên phải ba vòng quanh Ngài, tu hội đông như đám cây cọ chạy trước mặt Ngài. Cả thành náo động, chín mươi triệu dân bên trong với chín mươi triệu dân bên ngoài, không một người nào, dù đàn ông hay đàn bà không đến lễ với đồ cúng dường. Rống lên tiếng rống sư tử và vẫy lên hàng ngàn mảnh vải, đám đông khổng lồ đã diễn hành trước mặt Thế Tôn.

Để biểu dương hành động đáng quý của anh làm vườn, Thế Tôn tiếp tục đi qua thành một khoảng đường ba dặm theo nhịp trống định âm. Toàn thân anh ta tràn ngập năm điều hoan hỷ. Theo Thế Tôn

một khúc đường, anh lọt vào vùng hào quang của Phật như thể lao vào biển son, xưng tán Phật, đảnh lễ Ngài, và xách giỏ không về nhà.

Anh ta kể chuyện cho vợ nghe. Vợ anh ta quá ngu si không tin sự mầu nhiệm như thế, tru tréo lên mắng nhiếc chồng:

- Vua chúa thì cay nghiệt và tàn bạo. Bị chọc giận thế nào cũng ra lệnh chặt tay, chặt chân hay xử hình phạt khác. Ông làm như thế thì bao nhiêu trừng phạt sẽ trút xuống cho tôi!

Rồi mang con đến hoàng cung, cô gặp vua kể lể việc làm của chồng, và tuyên bố cho cô biết là cô bỏ chồng.

Vua Bình-Sa vương là thánh đệ tử của Phật. Ngay lần đầu gặp Phật vua đã

chứng quả Dự lưu, niềm tin kiên cố và tâm an bình. Vua hiểu người này quá ngu si, làm sao có thể tin một việc làm công đức như thế và ông giả vờ giận dữ quát lên:

- Mụ kia! Hắn đã dâng hoa của ta cho Thế Tôn à! Mụ bỏ hắn là phải. Ta sẽ xử sự với hắn. Dám cả gan dâng hoa của ta cho Thế Tôn. Nhờ nói thế, vua đuổi được cô ta về, rồi đến gặp Phật ngay, đảnh lễ Ngài và cùng đi. Phật biết tâm vua đang an bình, nên đi tiếp vào thành, kinh hành qua đường phố theo nhịp trống định âm, và dừng trước cổng hoàng cung. Vua đỡ bình bát và thỉnh Phật vào. Phật tỏ ý ngồi trên sân hoàng cung, vua liền ra lệnh dựng cấp tốc một lều che và Phật ngự giữa lều với chúng Tỳ-kheo chung quanh.

Tại sao Phật làm như thế? Vì nếu vào hoàng cung, dân chúng sẽ không thấy được Phật, do đó sẽ không biết được hành động thiện của người làm vườn (bởi vì chỉ chư Phật mới tuyên dương rộng rãi đức hạnh của người tốt. Còn người tầm thường có kể lại cái tốt của người cũng chỉ để lộ lòng đố kị).

Bốn cụm hoa vẫn còn lơ lửng bốn phía. Dân chúng phụng sự Phật, còn nhà vua dâng lên Phật và Tăng đoàn món ăn thượng vị. Thọ thực xong, Phật hồi hướng công đức và với bốn cụm hoa bao quanh như trước đây, Phật và đám đông hân hoan reo hò cùng về Tinh xá.

Vua tiễn Phật một đoạn đường rồi quay về gặp anh làm vườn. Hỏi thăm và được anh kể lại lời đã nói với Phật khi xưng tán Ngài rằng vua có thể giết hay đuổi

anh ra khỏi nước, vua khen anh là một bậc đại nhân và thưởng tám voi, tám ngựa và tám gia nhân, tám nữ tỳ và tám bộ châu báu lộng lẫy, tám ngàn đồng tiền, tám cung nữ trong hậu cung trang điểm đầy đồ trang sức, và tám làng chọn lọc.

Trưởng lão A-nan nghe tiếng reo hò hân hoan suốt ngày từ sáng sớm, thắc mắc không biết anh làm vườn được phước báo gì, hỏi Phật và được Phật đáp:

- Này A-nan! Hành động của người làm vườn không phải là việc nhỏ. Anh ta đã giao mang sống cho Ta và xưng tán Ta. Vì đặt niềm tin nơi Phật, anh ta sẽ không rơi vào đường khổ suốt trăm ngàn kiếp, mà còn được quả phúc ở cõi trời và cõi người, và sẽ thành vị Phật Độc Giác tên Sumana.

Khi Thế Tôn về đến Tinh xá, bước vào hương thất, hoa của Sumana rơi trên tường cổng.

Buổi chiều, các Tỳ-kheo bàn tán tại Pháp đường về anh làm vườn. Phật từ hương thất tiến đến, vào Pháp đường bằng một trong ba ngõ, ngồi vào tòa Như Lai, hỏi các Tỳ-kheo, nghe họ kể xong. Phật bảo:

- Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Chỉ nên làm việc gì đừng ân hận về sau, mỗi khi nhớ lại chỉ thấy hoan hỷ.

Và Phật nói Pháp Cú:

(68) Và nghiệp làm chánh thiện, Làm rồi không ăn năn, Hoan hỷ ý đẹp lòng, Hưởng thọ quả dị thục.

10. Upplavannà Bị Cưỡng Bức

Người ngu nghĩ là ngọt...

Nhân chuyện Uppalavannà, Thế Tôn đã dạy như trên tại Kỳ Viên.

Uppalavanà, đã lập nguyện với Phật Padumuttara, sau khi tạo công đức suốt một trăm ngàn kiếp từ loài trời đến loài người, mạng chung ở cõi trời vào thời Phật hiện tại, và tái sinh tại Xávệ là con gái một thương gia giàu có. Nước da cô như màu đài sen xanh nên có tên là Uppalavannà, tức Liên Hoa Sắc. Đến tuổi cập kê, tất cả các

vương tôn công tử nước Diêmphù-đề đến cầu hôn. Ông thương gia không biết giải quyết cách nào bèn bảo con gái đi tu. Dây là kiếp chót của cô trước khi chứng Niết-bàn nên lời của ông cha, như dầu đã được tinh chế trăm năm, rưới lên đầu cô. Do đó cô bằng lòng. Ông chuẩn bị những món quà đắt giá cho cô, và dẫn cô đến Ni đoàn, cô được nhận.

Chẳng bao lâu, cô được giao việc mở và đóng Bồ-tát đường. Thắp đèn và quét dọn xong, cô chăm chú nhìn ngọn đèn, chú tâm vào yếu tố của lửa, nhập định. Xuất định, cô chứng A-la-hán và đắc thần thông.

Sau đó cô hành hương khất thực trong xứ, trở về cô phải qua một khu rừng rậm. Thời đó các ni cô không bị cấm ở trong rừng. Họ dựng cho cô căn lều, đặt một giường và treo màn chung quanh. Ra khỏi rừng, cô đến Xá-vệ khất thực rồi trở về lều của mình. Lúc đó, một người Bàla-môn bà con với cô tên Ananda, đã đem lòng yêu cô từ khi cô còn ở thế gian, nghe cô đi khất thực, liền vaò rừng trước cô, trốn dưới trong lều.

Trở về lều, đóng cửa lại, cô lên gường ngồi, không thấy gì trong tối vì cô mới ở ngoài sáng vào. Cô vừa mới lên giường thì tên trẻ tuổi từ dưới gầm chun ra và leo lên. Cô la:

- Đồ điên! Chớ hại ta!

Nhưng tên kia, dù bị kháng cự, đã cưỡng

bức cô, và bỏ đi. Không thể chịu nổi sự đổi bại của hắn, đất nứt ra nuốt hắn và hắn bị đọa vào địa ngục A-tỳ.

Cô kể cho các ni cô việc đã xảy ra. Các Tỳ-kheo nghe ni cô kể lại bạch với Phật, và được Phật dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Kẻ ngu có thể là bất cứ ai, Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo ni, cư sĩ nam hay nữ, phạm tội ác thấy vui thích, sung sướng hay khoái lạc khi phạm tội, như thể được ăn mật, đường hay vị ngọt nào khác.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(69) Người ngu nghĩ là ngọt, Khi ác chưa chín muồi, Ác nghiệp chín muồi rồi, Người ngu chịu khổ đau.

Sau đó các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Ngay cả người đã thoát khỏi dục lạc rồi vẫn ưa thích khoái lạc tình ái và thỏa mãn dục vọng. Tại sao không? Họ đâu phải là cây Kolàpa hay ụ kiến, mà là con người bằng xương bằng thịt.

Phật nghe bèn dạy rằng:

- Này các Tỳ-kheo! Người đã giải thoát khỏi dục vọng, không ưa thích khoái lạc tình ái cũng không thỏa mãn dục vọng. Như một giọt nước rơi xuống lá sen, không thấm vào lá, cũng không đọng trên lá, nhưng lăn đi và rơi xuống, như hạt cải không bám vào đầu mũi kim, cũng không ở lại đó, mà lăn đi và rơi xuống. Cũng vậy, tình yêu đôi lứa không vướng bận tim người đã giải thoát khỏi

dục lạc thế gian.

Và Phật đọc Pháp Cú trong phẩm Bà-la- môn:

(401) Như nước trên lá sen, Như hạt cải đầu kim, Người không nhiễm ái dục, Ta gọi Bàla-môn.

Bấy giờ Phật mời vua Ba-tư-nặc đến bảo:

- Đại vương, trong giáo đoàn của Ta, thanh nữ và thanh niên gia giáo rời bỏ quyến thuộc và tài sản, từ bỏ thế gian, vào ngụ trong rừng. Đối với giới nữ trong rừng có thể có những người tâm địa xấu, bị lửa dục nung nấu, vô lễ và ngạo mạn với họ, cưỡng bức họ, làm uổng phí đời tu của họ. Như thế cần xây dựng chỗ cư trú cho Ni chúng trong

thành.

Vua tuân hành. Từ đó chư ni chỉ được ở trong thành.

(Xem tiếp Phần 2)

V. Phẩm Ngu (2) 11. Đạo Sĩ Lõa Thể Jambuka

Tháng tháng với ngọn cỏ...

Phật dạy như thế tại Trúc Lâm liên quan đến đạo sĩ lõa thể Jambuka.

Chuyện quá khứ

11A. Vị Tăng Ganh Tỵ

Xa xưa, thời Phật Ca Diếp, một cư sĩ tại làng nọ cất thất cho một trưởng lão tu và cung cấp tứ vật dụng suốt thời gian này, Trưởng lão đều đặn đến thọ thực tại nhà cư sĩ. Bấy giờ có một Tỳ-kheo đã dứt hết dục lậu, đi khất thực dừng trước nhà cư sĩ. Anh ta vui mừng mời vào, và cung kính dâng Ngài thức ăn hảo hạng và một chiếc y rộng:

- Thưa Tôn giả, xin Ngài nhuộm y này và đắp làm hạ y.

Rồi nói thêm:

- Tóc Ngài mọc dài, con sẽ tìm thợ cắt tóc cho Ngài, lúc trở về sẽ mua cho Ngài một cái giường.

Vị khách tăng trước thấy cư sĩ niềm nở đón tiếp vị mới đến, lòng bất mãn, ganh

ghét. Không chịu nổi sự ưu ái của vị cư sĩ đối với vị mới, buổi chiều, ông lại ngay chổ Trưởng lão nằm trên giường, nhiếc móc và lăng mạ bốn điều:

- Này khách huynh! Huynh nên ăn phân hơn là phần cơm trong nhà cư sĩ này. Huynh nên nhổ tóc mình với cái lược bằng cây thốt nốt hơn là để thợ cạo do cư sĩ mời về. Huynh đừng mặc quần áo thì tốt hơn là đắp hạ y do cư sĩ cúng. Huynh nằm dưới đất tốt hơn là nằm trên giường của cư sĩ cúng.

Trưởng lão không để ý đến lời lăng mạ, thầm mong người bạn ngu si này không bị tổn hại, và Ngài dậy sáng sớm đi nơi khác tùy thích.

Vị tăng đến trước cũng dậy sáng sớm, dọn dẹp thất như thường lệ rồi đi khất

thực. Nghĩ rằng Trưởng lão vẫn còn ngủ, ông đánh thức bằng cách gõ chuông bằng móng tay, rồi đi vào làng.

Cư sĩ chuẩn bị xong thức ăn đợi hai vị tăng đến. Chỉ thấy vị trước, anh ta hỏi:

- Thưa Tôn giả, Trưởng lão đến đâu rồi?

Vị tăng cũng ngạc nhiên hỏi lại:

- Đạo hữu hỏi chi lạ? Trưởng lão đến nhà anh hôm qua đó, ngay khi về thất đã vào phòng trong nằm ngủ. Dù tôi dậy rất sớm, ông ta cũng chẳng nghe thấy chổi quét, tiếng súc rửa bình nước uống và tiếng gõ chuông của tôi.

Cư sĩ không thể tin một vị Trưởng lão khả kính, thái độ trang nghiêm lại có thể ngủ đến giờ này, nghĩ rằng chắc vị tăng

trước thấy mình quan tâm đến vi Trưởng lão nên đã nói gì với Ngài rồi. Cư sĩ, rất khôn khéo, vẫn một mực cung kính phục vụ vị tăng, dâng thức ăn. Xong bữa anh cẩn thận rửa bát rồi đựng đầy thức ăn ngon với nước súp thượng vị, nhờ vị tăng chuyển cúng dường giùm Trưởng lão nếu có gặp Ngài. Vị tăng nhận bình bát nghĩ rằng Trưởng lão dùng thức ăn ngon như thế sẽ thích ở đây luôn, nên dọc đường ông ta ném bỏ thức ăn hết. Ông ta cũng đến chỗ ngủ Trưởng lão nhưng không thấy Ngài.

Vì phạm hành động xấu, định lực tu tập suốt hai mươi ngàn năm mất hiệu quả bảo vệ, nên ông mạng chung bị đọa xuống ngục A-tỳ, chịu đau khổ cùng cực trong thời kỳ giữa

hai đức Phật. Vào thời Phật hiện tại, ông tái sanh tại Vương Xá trong một gia đình thức ăn uống sung

túc.

Chuyện hiện tại

11B. Đạo Sĩ Lõa Thể Jambuka

Từ khi biết cậu bé không chịu nằm giường, không ăn thức ăn mà chỉ ăn phân của mình, cha mẹ cậu nghĩ rằng chắc còn nhỏ quá nên không biết gì. Nhưng lớn lên, cậu cũng không chịu mặc quần áo, nằm dưới đất và ăn phân của mình. Cha mẹ biết cậu không quen sống trong nhà, có lẽ hợp với các đạo sĩ lõa thể Ajivakas, nên mang cậu đến xin họ thu nhận vào giáo đoàn. Họ đồng ý, đặt cậu xuống một cái hố lút sâu tận cổ, kê ván qua xương đòn gánh của cậu rồi ngồi trên đó nhổ tóc cậu với lược thốt nốt.

Hôm sau, theo lời mời của cha mẹ cậu,

các đạo sĩ Ajìvakas vào làng bảo cậu đi theo, nhưng cậu từ chối. Năm lần bảy lượt thúc giục, cậu vẫn từ chối. Các đạo sĩ gởi thức ăn về, cậu cũng từ chối không ăn. Ngày qua ngày cậu vẫn không nghe lời họ. Một hôm, khi các đạo sĩ vào làng, hai đạo sĩ trong nhóm giả vờ đi theo rồi quay lại núp rình và bắt gặp cậu xuống hố xí lượm phân nặn từng cục bốc ăn. Các đạo sĩ nghe kể lại kinh quá bảo nhau:

- Trời đất việc làm của hắn quả là sĩ nhục! Nếu đệ tử của Sa-môn Cồ-đàm biết được, sẽ đồn xấu là các đạo sĩ Ajìvakas tu tập bằng cách ăn phân. Người này không thể ở với chúng ta được.

Rồi họ đuổi Jambuka khỏi giáo đoàn. Ban đêm cậu đến hố xí công cộng, chỗ

lõm của một tảng đá phẳng, ăn phân. Dân chúng đi cầu thấy cậu đứng lò cò trên tảng đá, co một chân đặt trên đầu gối, mở miệng rộng, mặt xoay về hướng gió, ngạc nhiên hỏi. Cậu đáp:

- Ta là người hớp gió không ăn gì hết.

- Nhưng sao Ngài lại đứng một chân?

- Ta nghiêm trì khổ hạnh, nếu đứng hai chân mặt đất sẽ rúng động. Ta đứng một chân co một chân đặt trên đầu gối cả đời, không bao giờ nằm.

Hầu như ai cũng tin lời cậu. Dân hai nước Anga và Magadha rất cảm động và thán phục, họ mang vô số thức ăn đến cho cậu, nhưng cậu không muốn nhận bất cứ thứ gì, và bảo họ:

Ta chỉ ăn gió, không ăn món khác. Nếu không, khổ hạnh của ta sẽ chấm dứt.

Dân làng một mực khẩn khoản cậu nhận, nhiều lần từ chối không được, cậu phải để vào đầu lưỡi một chút ngọn cỏ Kusa chấm với mật, bơ. mật mía, rồi đuổi họ đi:

- Rồi đó, các người hãy đi đi! Các người đã được hạnh phúc và cứu độ theo đúng nguyện vọng.

Cứ thế Jambuka sống năm mươi lăm năm, lõa thể, ăn phân, nhổ tóc và nằm dưới đất.

Phật quan sát thế gian thấy Jambuka đủ duyên lành chứng A-la-hán cùng các thần thông, tám mươi tư ngàn chúng sanh sẽ dược Pháp nhãn thanh tịnh và số

đông khác sẽ được cứu độ. Do đó hôm sau Phật vào Vương Xá khất thực và chiều đến thăm Jambuka. Các vị trời biết được, dùng thần lực làm mưa xuống rửa sạch nơi Jambuka đang ở. Tất cả năm trận mưa khác nhau rơi trên tảng đá ấy.

Đến nơi Phật gây một tiếng động nhẹ và gọi:

- Jambuka!

Đạo sĩ cứ nghĩ một tên xấu ác nào gọi mình nên hỏi lại cộc lốc:

- Ai đó?

Phật đáp:

- Một Tỳ-kheo.

- Ngài muốn gì, Đại Sa-môn?

- Cho ta ở lại đây chỉ một đêm.

- Đây không chỗ nào ở được, Đại Sa- môn!

- Jambuka, đừng nói thế. Cho Ta ở chỉ một đêm thôi! - Sa-môn tìm đoàn thể Samôn, người tìm đoàn thể người, thú vật tìm đoàn thể thú vật.

- Nhưng Ngài là một Sa-môn?

- Vậy thì bình đựng nước, muỗng gỗ, pháp cụ của Ngài đâu?

- Mọi thứ này Ta đều thường dùng, nhưng vì cồng kềnh khó đem theo từ chỗ này đến chỗ nọ, nên Ta sẽ lấy tại đây và đem theo khi rời nơi đây.

Jambuka bực dọc, hỏi gằn lại:

- Vậy khi rời đây, Ngài định đem theo à?

- Đừng lo, Jambuka! Hãy chỉ cho Ta chỗ nào ở được.

Jambuka vẫn một mực:

- Dạ không chỗ nào ở được, Đại Sa-môn!

Thấy một hang núi rất gần, Phật hướng về đó hỏi:

- Có ai ở trong đó không?

- Thưa không, Đại Sa-môn.

- Vậy Ta ở đó.

- Dạ hợp với Ngài, Đại Sa-môn.

Và Phật soạn tòa nằm trong hang núi và nằm nghỉ. Canh một Tứ Thiên Vương đến hầu hạ Phật, chiếu ánh sáng rực rỡ tứ phía. Jambuka trông thấy ngạc nhiên không hiểu ánh sáng gì. Canh hai vua trời Đế Thích phục vụ Thế Tôn. Jambuka thắc mắc không biết là ai. Canh ba và canh cuối là đại phạm thiên, với một ngón tay chiếu sáng một Cakkavàla, hai ngón tay chiếu sáng hai Cakkavàla, và mười ngón tay chiếu sáng toàn thể khu rừng. Jambuka không biết là ai.

Sáng sớm hôm sau, cậu đến gặp Phật, chào thân thiện, cung kính đứng một bên và hỏi về những vị đã trông thấy khi đêm. Được biết đó là những vị trời đến hầu hạ Phật, và Phật là bậc tối thượng hơn họ, Jambuka bèn thốt lên:

- Ngài là một bậc tuyệt diệu, Đại Samôn! Tôi ở đây suốt năm mươi lăm năm mà không một ai đến hầu hạ tôi, thời gian này tôi sống nhờ gió, đứng ròng rã mà không ai đến phục vụ mình.

Thế Tôn bảo:

- Jambuka, ngươi đã liên tiếp lừa dối đám đông ngu ngốc ở thế gian này, và bây giờ cố lừa dối Ta. Trong năm mươi lăm năm, thật sự có phải ngươi ăn phân, lõa thể, ngủ dưới đất và nhổ tóc với lược thốt nốt không? Nhưng ngươi đã gạt gẫm thế gian bảo rằng hớp gió, đứng một chân, không ngồi, không nằm. Bây giờ lại đang láo khoét với Ta. Đó là vì tư kiến thấp hèn, sai lầm mà ngươi đã chấp nhặt trong tiền kiếp, khiến mấy chục năm ngươi đã ăn phân, nằm dưới đất, lõa thể, nhổ tóc với cây lược thốt nốt. Chính đến

bây giờ ngươi cũng còn chấp vào tư kiến thấp hèn sai lầm.

- Nhưng, Đại Sa-môn, tôi đã làm gì trong tiền kiếp?

Trong khi Thế Tôn kể lại chuyện xấu ác kiếp trước, Jambuka rất xúc động và lòng cảm thấy khiêm hạ, sợ hãi tội lỗi to tát, cậu phủ phục trên đất. Thế Tôn ném một lá y để cho cậu khoát vào mình. Cậu chào Thế Tôn và kính cẩn ngồi một bên. Kể xong chuyện tiền kiếp, Phật thuyết pháp, và cuối bài pháp cậu chứng A-lahán cùng với thần thông. Cậu rời chỗ ngồi, đảnh lễ Thế Tôn và xin được nhận vào Tăng đoàn.

Trước đây do nhục mạ một Trưởng lão đã chứng A-la-hán với bốn điều, Jambuka bị đọa địa ngục A-tỳ, đau

khổ cùng tột, cho đến khi đại địa nâng cao một dặm ba phần tư. Nhưng quả báo của hành vi xấu ác chưa hết nên phải sống tủi nhục suốt năm mươi lăm năm. Bây giờ quả báo ác chấm dứt thì phước báo do công phu thiền định suốt hai mươi ngàn năm phục hồi, do đó Phật đã dang tay về phía Jambuka nói:

- Hãy đến, Tỳ-kheo! Hãy sống đời phạm hạnh!

Ngay đó tánh tướng một cư sĩ biến mất, ông đường đường là một Trưởng lão sau mươi tuổi, đầy đủ tám món cần dùng.

Ngày đó dân chúng hai nước Anga và Magadha đến cúng dường Trưởng lão Jambuka nhiều phẩm vật. Thấy Thế Tôn họ so sánh với Jambuka, và thắc mắc không biết ai lớn hơn. Phật đoán

biết ý nghĩ của họ liền bảo Jambuka giải nghĩa giùm. Trưởng lão thưa:

- Bạch Thế Tôn! Đây là việc con cần làm nhất.

Lập tức ông nhập Tứ thiền rồi xuất. Bay trên không cao bằng một cây thốt nốt, ông la lên:

- Bạch Thế Tôn, đấng Vô Thượng là Đạo sư của con, con là đệ tử của Ngài.

Rồi ông xuống đất đảnh lễ Thế Tôn, xong lại bay lên cao bằng hai cây thốt nốt, bằng ba cây, cho đến bảy cây thốt nốt, xác nhận mình là đệ tử của Thế Tôn rồi đáp xuống.

Đám đông thấy thế hết sức ca ngợi thần lực của chư Phật. Thế Tôn bảo họ rằng:

- Hàng chục năm ẩn sĩ này đã sống ở đây, để trên đầu lưỡi mút ngọn cỏ Kusa với thức ăn do các người mang đến, bảo rằng mình đã làm tròn bổn phận một ẩn sĩ khổ hạnh. Nhưng dù cho bây giờ ông kiêng ăn để tỏ lòng ăn năn hối hận, công phu khổ hạnh này không bằng một phần mười sáu ý tưởng đáng khen đã thúc đẩy ông ăn kiêng.

Vài Ngài đọc Pháp Cú:

(70) Tháng tháng với ngọn cỏ, Người ngu có ăn uống, Không bằng phần mười sáu, Người hiểu pháp hữu vi.

12. Quỷ Rắn Và Quỷ Quạ

Nghiệp ác đã được làm..

Thế Tôn dạy câu trên tại Trúc Lâm về chuyện một quỷ rắn.

Một ngày nọ, giữa hàng ngàn ẩn sĩ bện tóc, Tôn giả Trưởng lão Lakkhana và Tôn giả Trưởng lão Đại Mục-kiền-liên từ đỉnh núi Linh Thứu xuống thành Vương Xá định khất thực. Thấy một con quỷ rắn, Trưởng lão Mục-kiền-liên mỉm cười. Trưởng lão Lakkhana ngạc nhiên hỏi, và được Ngài đáp chờ đến trước Thế Tôn sẽ trả lời. Đến lúc đó Ngài mới cho biết là thấy một con quỷ rắn, đầu giống đầu người, khúc dưới giống rắn, nên gọi là quỷ rắn. Thân nó dài hai mươi lăm dặm. Lửa bốc từ đầu đến đuôi, từ đuôi đến đầu. Lửa từ đầu đốt hai bên thân, lửa từ hai bên thân đốt cả người. Người ta nói có hai con quỷ thân dài hai mươi lăm

dặm, còn các quỷ khác thân chỉ dài ba phần tư dặm. Hai con quỷ này Tôn giả Mục-kiền-liên đều thấy.

Một lần khác, Ngài Mục-kiền-liên thấy con quỷ quạ chịu khổ sở trên đỉnh ngọn Linh Thứu, Ngài hỏi hành động quá khứ của nó:

Lưỡi mi dài năm dặm, Đầu chín, thân hai lăm. Mi đã làm những gì, Để chịu khổ dường ấy?

Quỷ đáp:

Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôi luôn luôn chực sẵn, Trong thời Phật- Ca-diếp, Đoạt thức ăn chúng Tăng.

Chuyện quá khứ

12A. Con Quỷ Quạ

Thưa Tôn giả, thời Phật-Ca-diếp, dân làng thấy một nhóm Tỳ-kheo vào làng khất thực, đón tiếp ân cần, dâng chỗ ngồi trong nhà nghỉ, cúng cháo, thức ăn cứng, rửa chân và xức dầu cho các Tỳ-kheo. Trong khi chờ đến giờ sớt bát, họ ngồi nghe pháp. Hết thời pháp, họ sớt nhiều thức ăn ngon từ nhiều nhà đem đến, trao lại cho chúng Tăng.

Lúc đó, tôi là một con quạ đậu trên đòn dông nhà nghỉ, thấy thế, tôi ngậm ba miếng thức ăn trong bình bát của một dân làng và ăn hết. Thức ăn đó không thuộc về chúng Tăng, không cúng và trao đến chúng Tăng, chỉ đơn thuần là phần chúng Tăng ăn còn dư mà dân làng mang về nhà để ăn. Đó là tội lỗi của tôi ở kiếp trước. Quả báo là khi mạng chung tôi bị

đọa vào địa ngục A-tỳ, và sau đó vì quả báo chưa hết, tôi tái sanh lên đỉnh Linh Thứu làm quỷ quạ.

(Hết Chuyện Quỷ Quạ)

Trưởng lão lặp lại:

- Tôi mỉm cười vì thấy con quỷ rắn.

Đức Phật liền rời tòa đứng lên xác nhận lời của Trưởng lão Mục-kiền-liên là đúng. Chính Phật cũng gặp con quỷ ấy vào ngày Thành Đạo, nhưng vì lòng từ bi đối với người khác, Phật không nói ra bởi lẽ không tin lời Phật họ sẽ bị bất lợi. Các Tỳ-kheo nghe thế, xin Phật kể lại chuyện của quỷ ở kiếp trước.

Chuyện quá khứ

12B. Quỷ Rắn

Xa xưa, dân chúng dựng một lều cỏ bên bờ sông Ba-la-nại cho vị Phật Độc Giác. Ngài thường vào thành khất thực, và dân trong thành thì sáng và chiều mang hương hoa đến hầu Ngài. Họ hay giẫm lên đám ruộng của một nông dân. Anh ta cố ngăn cản họ, nhiều lần không được, và nghĩ rằng chỉ tại vì có lều của Phật Độc Giác, nên anh ta đập bể vò đựng thức ăn, nước uống, xong nổi lửa đốt lều cỏ, khi Ngài đã vào thành khất thực.

Trở về thấy lều ra tro, Ngài ra đi tùy thích. Dân trong thành mang hương hoa đến cúng như thường lệ, thấy lều đã cháy, thắc mắc không biết tôn sư của họ đi đâu. Anh nông dân, cũng đứng trong đám đông, thú nhận là mình đã đốt lều cỏ. Đám đông la lên bắt anh ta. Tất cả

chỉ vì tên ác ôn này mà họ mất đi đặc ân được gặp một vị Phật Độc Giác. Do đó họ lấy gậy đánh đập anh, lượm đá ném anh đến chết và anh bị đọa vào địa ngục A tỳ. Đến khi đại địa nâng cao một dặm, anh ra khỏi ngục, nhưng vì ác báo chưa hết, anh sanh làm quỷ rắn ở đỉnh Linh Thứu.

(Hết Chuyện Quỷ Rắn)

Từ chuyện đó, Thế Tôn dạy:

- Này các Tỳ-kheo, hành động xấu ác giống như sữa. Sữa không thể đông ngay khi vừa mới chảy ra, thì hành động xấu ác cũng không thể chín muồi ngay lập tức. Nhưng một khi đã chín muồi thì khổ đau như thế đấy.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(71) Nghiệp ác đã được làm, Như sữa, không đông ngay, Cháy ngầm theo kẻ ngu, Như lửa tro che đậy.

13. Quỷ Búa Tạ

Tự nó chịu bất hạnh...

Nhân chuyện quỷ búa tạ, Thế Tôn đã dạy câu trên tại Trúc Lâm.

Giống như truyện trước, Trưởng lão Mục-kiền-liên, từ đỉnh núi Linh Thứu xuống, sau khi đã đến chào Thế Tôn và cung kính ngồi một bên, mới cho Trưởng lão Lakkhana biết tại sao Ngài mỉm cười:

- Này huynh, tôi thấy một con quỷ cao ba

phần tư dặm. Có sáu mươi ngàn búa tạ cháy đỏ nóng rực vung lên và giáng xuống liên tục trên đỉnh đầu nó. Chặt xong đầu này thì mọc đầu khác. Tôi mỉm cười vì trong kiếp này chưa hề thấy một chúng sanh như thế.

Trong Petavatthu có một bài kệ, cùng với các bài kệ khác, nói về con quỷ này:

Sáu mươi ngàn búa tạ, Khắp mọi phương mọi nơi, Nhắm ngay đầu ngươi chặt, Lìa cổ, đầu liền rơi.

Thế Tôn nghe chuyện, bảo:

- Các Tỳ-kheo! Ta cũng thấy chúng sanh đó khi ngồi trên tòa Chánh Giác, nhưng vì lòng từ bi đối với người khác, Ta không nói ra, bởi lẽ không tin lời Ta họ

sẽ bị bất lợi.

Các Tỳ-kheo nghe thế, xin Phật kể chuyện làm của quỷ ở kiếp trước.

Chuyện quá khứ

Người Ném Đá Và Đệ Tử

Ngày xưa, có một người què thạo nghề ném đá sống ở Ba-la-nại. Ông thường ngồi trước cổng thành dưới gốc cây đa, ném đá vào lá cây cắt thành nhiều hình ngộ nghĩnh. Trẻ con trong thành thích ông làm cho chúng voi, ngựa. Bù lại chúng thưởng cho ông thức ăn cứng và mềm. Một hôm nhà vua đi đến vườn giải trí, ngang qua cây đa. Bọn trẻ bỏ chạy hết, để một mình ông què giữa đám chồi cây. Vua dừng chân lúc mặt trời đứng bóng và bước đi giữa đám rễ cây, mình

vua phủ đầy bóng râm từng lằn sọc dọc sọc ngang. Vua ngạc nhiên, nhìn lên, thấy lá cây đa bị cắt theo hình voi, ngựa. Được biết đó là công trình của ông què, vua gọi ông

đến bảo:

- Ta có một viên Tư tế ba hoa quá chừng. Chuyện không có gì hắn cũng bô lô ba la thật mệt. Ngươi có thể ném một hũ phân dê vào mồm hắn không?

Ông què thưa:

- Tôi làm được, đại vương! Xin cho phân dê, còn đại vương thì ngồi trước màn với ông Tư tế. Tôi ngồi sau và biết phải làm thế nào.

Nhà vua làm theo ý ông: dùng mũi dao khoét lỗ trên bức màn, và bất cứ lúc nào vị Tư tế mở miệng, ông đều ném vào một

viên phân dê xuyên qua lỗ khoét. Hết hũ phân dê, ông què lay màn ra hiệu cho vua. Vị Tư tế Bà-la-môn được vua khuyến cáo là đã nuốt hết nguyên hũ phân dê, nên từ đó về sau không dám mở miệng nói với vua. Nhờ tài khéo mà ông què được vua ban cho tám món quà và bốn ngôi làng to đẹp ở Đông, Tây, Nam, Bắc thành. Quan đại thần của vua, cố vấn về triều chính và thần thánh cho vua, biết được bèn làm kệ:

Khéo léo, tuyệt diệu thật! Nhưng tốt hay là xấu, Hãy xem, người què ném Được làng ở bốn bên.

Quan đại thần lúc đó chính là Thế Tôn.

Thấy người què thành công và thịnh vượng như thế, một tên kia đến xin học

nghề. Ban đầu ông què từ chối. Tên kia vẫn quyết tâm theo đuổi, nên chịu khó lau rửa chân tay cho người què thời gian lâu để lấy lòng. Quả vậy, người què truyền nghề cho hắn. Dạy xong ông hỏi hắn định làm gì. Hắn thành thật cho biết sẽ đánh một con bò hay một người nào đó rồi giết đi. Ông què lưu ý hắn về tiền phạt, một trăm tiền đối với con bò và một ngàn tiền đối với mạng người. Và ông khuyên hắn nên tìm ai không có cha mẹ để khỏi nộp phạt.

Hắn vâng lời, lên đường với túm đá trong nếp áo. Thấy một con bò cái, biết là nó có chồng nên hắn không bắn. Thấy một người, hiểu anh ta có cha mẹ nên cũng bỏ qua. Rồi hắn gặp một vị Phật Độc Giác tên Sunetta đang đi vào thành khất thực và biết rằng người này không cha không mẹ, hắn thử tài khéo của mình

bằng cách bắn vào tai của vị Phật Độc Giác. Hòn đá xuyên qua tai trái khiến Ngài đau nhức không thể đi khất thực tiếp tục. Do đó Ngài bay lên trời trở về lều cỏ gần thành và nhập Niết-bàn. Dân làng không thấy Ngài liền đến lều cỏ và than khóc trước nhục thân của Ngài. Tên ném đá cũng nhập bọn với dân làng, thấy thế liền thú nhận là chính mình đã bắn Ngài. Dân làng hô lên bắt tên ác nhân và đánh hắn chết ngay tại đó. Hắn bị đọa vào địa ngục A tỳ cho đến khi đại đia dâng cao một dặm. Vì nghiệp xấu ác chưa hết nên sau đó hắn tái sanh làm quỷ búa tạ trên đỉnh Linh Thứu.

Thế Tôn kể chuyện xong liền dạy:

- Này các Tỳ-kheo! Nếu một người ngu có tài khéo hay quyền lực sẽ rất tai hại, vì chính hắn làm khổ hắn.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(72) Tự nó chịu bất hạnh, Khi danh đền kẻ ngu. Vận may bị tổn hại, Đầu nó bị nát tan.

14. Citta Và Sudhamma

Ưa danh không tương xứng...

Ở Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy câu trên liên quan đến Trưởng lão Sudhamma. Truyện bắt đầu từ Macchikàsanda và kết thúc tại Xá-vệ.

Trưởng giả Citta ở thành Macchikàsanda, hài lòng vì cung cách của Trưởng lão Mahànàma trong nhóm năm vị Tỳ-kheo đang đi khất thực,

nên nhận bình bát và mời Ngài vào nhà dâng cúng thức ăn. Cuối bữa ăn ông nghe pháp và chứng quả Dự lưu. Có niềm tin vững chắc, ông xối nước vào tay phải của vị Trưởng lão, dâng cúng cả khu rừng Ambatàka với vườn giải trí trong đó, làm tinh xá cho Tăng đoàn. Ngay khi ông nói "Giáo đoàn của Phật được thành lập vững chắc", đại địa chấn động đến mé biển. Sau đó tinh xá mới được xây dựng thật nguy nga, mở rộng cửa đón tiếp các Tỳ-kheo từ bốn phương.

Hai Đại đệ tử của Phật nghe đồn đức tính của Citta nên đến Macchikàsanda để tỏ lòng quý trọng ông. Citta nghe tin liền đi nửa dặm đường chào đón, đưa hai Ngài về tinh xá, mời vào, làm tròn bổn phận với khách, và xin vị "Thống soái của niềm tin" cho ông nghe pháp. Tuy hành trình mệt nhọc, Ngài cũng nhận thuyết

bài kinh ngắn, và Citta chứng Nhị quả. Ông đảnh lễ hai vị Đại đệ tử và mời ngày hôm sau đến nhà thọ thực với một ngàn Tỳ-kheo đi theo. Xong ông đến mời vị tăng thường trú tại Macchikàsanda là Trưởng lão Sudhamma. Bất bình vì bị mời sau, Trưởng lão từ chối dù Citta cố nài nỉ. Sáng sớm hôm sau, trong lúc gia chủ Citta chuẩn bị phẩm vật tốt lành thì Trưởng Lão cũng khoát y ôm bát đến, không phải làm thực khách mà để xem gia chủ cúng dường ra sao. Dù gia chủ hết lòng mời ngồi, Trưởng lão vẫn đứng yên, bảo sắp sửa đi khất thực. Quan sát hết phẩm vật chuẩn bị cho hai Đại đệ tử, Trưởng lão tìm cách quấy rối gia chủ, nói rằng:

- Này gia chủ, món ăn của ông tuyệt diệu đấy, nhưng còn thiếu một món.

- Món gì, thưa Tôn giả?

- Bánh mè!

Gia chủ nổi nóng khiển trách khiến Trưởng lão cũng nổi giận:

- Đây là chỗ ở của ông, tôi sẽ đi.

Ba lần gia chủ cố thuyết phục ông ở lại, nhưng Trưởng lão quyết tâm ra đi, và đến Thế Tôn thuật lại lời lẽ của Citta và của ông.

Phật bảo:

- Ông là người thấp hèn, đã lăng mạ một thiện tín.

Thế Tôn chỉ quy lỗi về phía Trưởng lão và bắt ông đến gia chủ xin lỗi. Ông vâng

lời, trở lại nhà gia chủ xin lỗi, nhung gia chủ không chịu tha thứ. Bất mãn vì thất bại, Trưởng lão trở về chỗ Thế Tôn. Phật biết rằng thế nào gia chủ cũng tha thứ, nhưng vì hiểu tính Trưởng lão rất bướng bỉnh và kiêu căng, nên Ngài không nói ra, cứ để ông đi ba mươi dặm mà xin lỗi. Trưởng lão trở về, lòng kiêu căng giảm xuống. Rồi Phật mới cho một Tỳ-kheo cùng đi xin lỗi gia chủ, dạy rằng:

- Người tu không nên nhượng bộ tính kiêu căng và tật xấu của mình, khi cho rằng "Chỗ ở này của ta, tu viện này của ta, cư sĩ nam này của ta, cư sĩ nữ này của ta". Nếu nghĩ thế, tật xấu, tính kiêu mạn và tham dục khác sẽ tăng trưởng.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(73) Ưa danh không tương

xứng, Muốn ngồi trước Tỳ- kheo, Ưa quyền tại tinh xá, Muốn mọi người lễ kính.

(74) "Mong cả hai tăng tục, Nghĩ rằng chính ta làm, Trong mọi việc lớn nhỏ, Phải theo mệnh lệnh ta". Người ngu nghĩ như vậy, Dục và mạn tăng trưởng.

Nghe Phật quở, Trưởng lão Sudhamma cúi lạy Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng lên, đi nhiễu bên phải, và cùng đi tới vị Tăng đồng hành đến nhà gia chủ. Gia chủ Citta tha thứ cho ông và đến lượt mình xin tha thứ. Trưởng lão miên mật tuân giữ lời khiển trách của Phật, và chỉ trong vài ngày chứng A-lahán cùng các thần thông.

Cư sĩ Citta nghĩ rằng chưa gặp Thế Tôn đã chứng quả Dự lưu, rồi Nhị quả, vì vậy ông muốn đến gặp Thế Tôn. Ông ra lệnh thắng yên cương năm trăm xe bò chất đầy mè, gạo, mật, đường, y phục, ngọa cụ và những phẩm vật khác. Đồng thời nhắn với Tăng chúng. Ni chúng, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, ai muốn gặp Phật hãy đến, sẽ không thiếu thứ chi cho mọi người, dù thức ăn hay bất cứ món gì. Tăng, ni và nam nữ cư sĩ, mỗi nhóm năm trăm người. Họ và đoàn tùy tùng của riêng ông có ba ngàn người tất cả, không ai thiếu nước xúp, gạo hay thứ gì khác suốt cuộc hành trình ba mươi dặm, vì Citta chuẩn bị lương thực dư giả. Các vị trời biết ông lên đường, đặt tại mỗi dặm đường trạm phục vụ đại chúng, có cháo, thức ăn cứng, nước uống và những nhu cầu khác, không thiếu bất cứ món gì. Đi với tốc độ một dặm một ngày, được chư

thiên phục vụ, Citta và đoàn đến Xá-vệ trong một tháng. Với năm trăm xe bò đầy ắp như đã kể, chư thiên và người đều mang quà tặng đến, và ông chia sẻ.

Thế Tôn biết trước nên bảo A-nan:

- A-nan, khi bóng chiều ngã xuống, Trưởng giả Citta sẽ đến với năm trăm xe bò và đảnh lễ Ta.

- Bạch Thế Tôn, có phép mầu nào xảy ra không?

- Hoa trời sẽ rơi xuống như mưa, liên tục cho đến khi phủ ngập đến gối một vùng đất rộng tám karìsas.

Dân chúng trong thành truyền miệng nhau tin này. Họ dành chỗ đứng ở hai bên đường để không mất đặt ân được

thấy công đức của Citta.

Gần đến tinh xá, năm trăm Tỳ-kheo, đi trước dẫn đường. Riêng các nữ cư sĩ tiếng tăm được Trưởng giả mới đi phía sau, còn ông với năm trăm cư sĩ nam đi trước. Trưởng giả Citta đi vào con đường của chư Phật, nhìn nơi nào thì nơi đó rúng động. Dân chúng xì xào chắc đó là Trưởng giả Citta. Ông lọt vào vùng hào quang sáu màu của Phật, đến gần, gieo mình xuống sát mắt cá chân Phật và đảnh lễ Ngài. Ngay lúc đó, một trận mưa hoa rơi xuống đúng theo dự đoán của Thế Tôn, giữa muôn ngàn tiếng hoan hô vang dội.

Citta ở lại với Thế Tôn một tháng. Ông dâng chỗ ngồi cho Tăng chúng trong tinh xá và nhiều tặng phẩm, lo chỗ ở và chăm

sóc những vị đã cùng đi với ông. Không có một ngày nào ông đụng đến những thứ trong xe bò của mình, vì mọi thứ cúng dường đều lấy từ quà của trời, người mang đến. Cuối cùng ông phải thưa chuyện với Thế Tôn làm sao trút hết tặng phẩm trong xe bò ra để ông trở về nhà lấy phẩm vật của mình dâng cúng. Phật bảo A-nan dọn chỗ trống giao cho ông. Thế là ông hớn hở trở về nhà với năm trăm xe bò không, cùng ba ngàn người đi theo, trời người đứng lên đồng thanh cất tiếng:

- Tôn ông lại lên đường với xe không!

Nhưng dứt câu họ liền chất đầy bảy báu

lên xe. Như vậy khi Citta trở về, ông lo cho mọi người cũng chỉ với tặng phẩm trời người dành cho ông.

Trưởng lão A-nan thắc mắc hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn! Trưởng giả Citta đi suốt một tháng trường từ nhà đến tinh xá, ở lại tinh xá một tháng, trong thời gian đó mọi thời cúng dường chỉ dùng phẩm vật trời người dành cho ông. Nay lên đường về nhà với xe không, trời người lại chất đầy quả, và ông lo cho mọi người cũng chỉ với tặng phẩm đó. Như vậy có phải chỉ vì ông đến viếng Thế Tôn mà ông được tôn trọng như thế? Hay bất cứ nơi nào khác cũng thế?

Phật đáp:

- Này A-nan! Dù đến viếng Ta hay nơi

nào khác ông đều nhận được như thế. Vì cư sĩ này đủ niềm tin và giới hạnh, nên ở đâu cũng được quý trọng.

Và Ngài nói kệ sau, trong phẩm Tạp Lục:

(303) Tín tâm, sống giới hạnh Đủ danh xưng, tài sản, Chỗ nào người ấy đến, Chỗ ấy được cung kính.

Chuyện quá khứ

14A. Việc Làm Của Citta Ở Kiếp Trước.

Và Phật kể tiếp:

Citta đã từng phát nguyện dưới chân đức Phật Padumuttara. Trải qua một trăm ngàn kiếp luân hồi

giữa trời và người, ông tái sanh làm thợ săn thời đức Phật-Cadiếp. Một ngày mưa, khi đã lớn khôn, ông đi săn trong rừng với ngọn giáo. Thấy một Tỳ-kheo ngồi trong hang với thượng y kéo trùm đầu, nghĩ rằng Ngài đang hành thiền và cần thức ăn, ông chạy về nhà lấy cơm dâng cúng. Gặp vài Tỳ-kheo khác đang khất thực, ông cũng sớt bát. Trên đường trở lại hang, ông hái thêm nhiều loại hoa chất vào giỏ mang đến vị Tỳ-kheo đang ngồi, thưa:

- Bạch Tôn giả! Xin ban ơn cho con!

Ông lấy bình bát, sớt đầy thức ăn rồi đặt vào tay Ngài, xong dâng hoa lễ kính và

phát nguyện:

- Với thức ăn chọn lọc và hoa thơm này, lòng con rất đỗi vui mừng. Xin cho con cũng được vui mừng như vậy bất cứ chỗ nào tái sanh sau này, với nhiều quà tặng và mưa năm thứ hoa trên đầu.

Ông đã làm nhiều việc công đức trong đời, sau khi chết sanh lên cõi trời, chỗ của ông hoa trời mưa xuống ngập đỉnh gối. Kiếp hiện tại, ngày ông sanh ra và ngày ông đến đây, mưa hoa rơi xuống ông với nhiều tặng phẩm, bảy báu thì chất đầy xe. Đó là do phước báo việc làm trong tiền kiếp.

15. Sa Di Bảy Tuổi Được Lòng Mọi Người

Khác thay duyên thế lợi ...

Thế Tôn đã dạy như thế ở Kỳ Viên do chuyện Trưởng lão Vanavàsi Tissa.

Chuyện quá khứ

15A. Bà-La-Môn Nghèo

Chuyện bắt đầu tại Vương Xá, nơi sinh sống của Bà-la-môn Mahàsena, bạn của Bà-la-môn Vangata (cha của Ngài Xálợi-phất). Trưởng lão Xá-lợi-phất một hôm đi khất thực, thương hại Mahàsena nên dừng chân trước cửa nhà ông. Ông biết Ngài đến khất thực, nhưng vì nghèo túng, không có gì để cho, ông lánh mặt. Ngày khác, Trưởng lão lại đến, ông cũng trốn, chỉ mong có được món chi cúng cho Ngài. Chẳng bao lâu ông được toại nguyện.

Số là, trong một buổi tụng đọc, ông nhận được một bát cháo và một mảnh vải nhỏ. Nhớ đến Trưởng lão, ông muốn cúng cho Ngài. Trưởng lão đang thiền định, xả thiền và thấy Bà-la-môn, bèn khoác y ôm bát, đến nhà thì thấy ông đang đứng đó. Ông Bà-la-môn hài lòng, tiến đến đảnh lễ, chào mừng thân mật, mời vào trong nhà rồi lấy bát cháo của mình trút vào bát của Trưởng lão. Ngài chỉ nhận phân nửa cháo và lấy tay che bát lại.

Nhưng ông khẩn khoản:

- Tôn giả! Đây là một chút cháo, hãy ban cho tôi phước lại đời sau chớ không phải đời này. Tôi muốn cúng hết, không chừa lại.

Trưởng lão nhận hết cháo, ăn ngay tại chỗ. Đợi Ngài dùng xong, Bà-la-môn dâng miếng vải nói:

- Tôn giả! Tôi cũng xin đạt được chân pháp như Ngài.

Trưởng lão hứa khả:

- Sẽ được vậy, Bà-la-môn!

Rồi Ngài đứng lên, trở về Kỳ Viên. Trường hợp người Bà-la-môn đúng y như câu "Cúng dường dù đang nghèo túng đều làm tâm người an vui vượt bậc". Sau đó ông cảm thấy rất đỗi hoan hỷ, đầy ân tình với Trưởng lão.

Chuyện hiện tại

15B. Sa-Di Tissa

Chỉ vì cảm tình với Trưởng lão, chết đi ông Bà-la-môn đầu thai vào bụng vợ một thí chủ của Trưởng lão sống ở Xá-vệ.

Ngày khi biết mình mang thai, bà vợ cho chồng biết, và được săn sóc chu đáo, tránh những thức ăn quá nóng, quá lạnh hay quá chua. Bà ước được mời đến nhà năm trăm Tỳ-kheo do Trưởng lão Xá-lợiphất dẫn đầu, dâng chỗ ngồi, cúng cháo sữa và cơm liên tục; ngoài ra chính bà sẽ được khoác y vàng, ôm bát vàng, ngồi vòng ngoài hội chúng, và được chia ăn phần cơm dư thừa của số đông Tỳ-kheo như thế. (Đó là dấu hiệu con bà sinh ra sẽ thành Tỳ-kheo trong Tăng đoàn dưới sự lãnh đạo của Phật).

Bà được như ý. Sau mười tháng bà sinh một bé trai. Trước và sau khi sanh, thỉnh thoảng bà lại chiêu đãi năm trăm Tỳkheo do ngài Xá-lợi-phất dẫn đầu với cháo mật, sữa và cơm. (Có lẽ vì kiếp trước đứa bé là Bà-la-môn cúng dường cháo).

Buổi chiêu đãi vào ngày sanh nhật đứa bé, gia đình mặc cho nó y phục đẹp đẽ sau khi tắm nó từ sáng sớm, đặt nó vào giường thật lộng lẫy và đắp lên mình chiếc mền trị giá một trăm ngàn đồng.

Thấy Trưởng lão, đứa bé bảo là thầy mình, nhờ thầy mà được vinh dự như thế này. Và khi người ta ẵm nó lên đi thọ giới, nó lôi theo chiếc mền, ý muốn dâng cúng Trưởng lão. Mọi người không hiểu, kéo tay nó ra, nó khóc thét, họ đành để yên. Khi cúi lạy Trưởng lão nó mới chịu buông tay cho mền rớt xuống chân Ngài. Gia đình hiểu ý thưa:

- Tôn giả! Xin nhận quà dâng của đứa bé và truyền giới cho tôi tớ Ngài, kẻ đã lễ kính Ngài với chiếc mền đáng giá một trăm ngàn đồng.

Trưởng lão hỏi:

- Đứa bé tên gì?

- Xin lấy phần sau tên của Ngài.

- Vậy nó tên Tissa.

Upatissa chính là tên của Trưởng lão thuở xưa còn ở nhà.

Mẹ cậu bé quyết định không xen vào ước nguyện của con. Vào những ngày lễ tiếp theo, như ngày chia phần ăn, xỏ lỗ tai, nhận y phục và cạo tóc, mẹ cậu vẫn tiếp tục chiêu đãi năm trăm Tỳ-kheo do Xálợi-phất cầm đầu, với cháo mật, sữa và gạo.

Được bảy tuổi, cậu bé bảo mẹ muốn đi tu với Trưởng lão. Bà mẹ hoan hỷ, mời

Ngài đến nhà thưa ý định của cậu bé và xin phép dẫn cậu bé đến tinh xá chiều hôm đó. Và bà đã đến tinh xá với nhiều phẩm vật dâng cúng, rồi giao con trai cho Trưởng lão. Ngài dạy câu:

- Tissa, đời tu sĩ là một đời gian nan, muốn ấm thì bị lạnh, muốn mát thì bị nóng, ai đi tu cũng phải nhọc nhằn, còn con thì mảnh khảnh.

- Bạch Tôn giả! Con có thể làm bất cứ việc gì Ngài sai bảo.

- Tốt lắm!

Ngài dạy cậu thiền quán về năm yếu tố đầu của thân, chú tâm vào sự bất tịnh của thân, và cho cậu xuất gia.

(Nguyên pháp thiền quán gồm sự tự học

thuộc ba mươi hai yếu tố của thân, ai không thuộc nổi thì học năm yếu tố đầu. Chư Phật hành trì đủ pháp quán không thay đổi, nhưng có rất nhiều Tỳ-kheo, ni và cư sĩ nam, cư sĩ nữ đã chứng A-la-hán khi chỉ thiền quán về tóc và các phần tử khác. Những Tỳ-kheo chưa có kinh nghiệm thường làm cho các vị thú hướng A-la-hán không đắc được quả vị A-lahán. Vì lý do đó Trưởng lão chỉ dạy cậu bé một phần của pháp thiền quán trước khi thu nhận vào tăng đoàn, và sau đó truyền mười giới cho cậu).

Để mừng con được kết nạp vào Tăng đoàn, cha mẹ Tissa ở lại tinh xá bảy ngày và dâng cúng tăng chúng chỉ cháo mật, sữa và gạo, không món nào khác. Các Tỳ-kheo xầm xì không thể nào ăn hoài mỗi thứ cháo mật, sữa và gạo. Chiều thứ bảy cha mẹ Tissa ra về, và ngày thứ tám

cậu tân Sa-di đi theo các Tỳ-kheo khất thực.

Dân trong thành Xá-vệ biết tin, chờ Sa-di để dâng cúng. Họ lấy năm trăm miếng vải may nệm lót bát và sớt năm trăm bát cúng dường khi gặp Sa-di trên đường. Ngày hôm sau họ đến khuôn viên tinh xá cũng cúng dường giống như thế. Vậy là Sa-di nhận một ngàn bình bát với nệm lót, chú dâng tất cả lên Tăng chúng. (Đây là phước báo do kiếp trước chú Bà-lamôn cúng mảnh vải). Vì vậy các Tỳ-kheo gọi chú là Pindapàtadàyaka Tissa, tức thí chủ của Tissa.

Lại một hôm, trời lạnh, chú đi quanh tinh xá, thấy các Tỳ-kheo đang sưởi ấm chỗ này, chỗ nọ, cả trong phòng giữ lửa. Chú ngạc nhiên hỏi thăm sao không quấn mền mà phải

sưởi như thế. Các Tỳ-kheo cho

biết Tissa nhiều công đức có thể kiếm ra mền, còn họ thì không. Chú bèn cho loan tin khắp tinh xá ai cần mền thì đi theo chú để nhận, cũng chẳng cần suy nghĩ lấy mền ở đâu ra cho các Tỳ-kheo. Một ngàn vị đã theo chú đi từng nhà ngoại thành, và nhận được năm trăm mền. Vào thành người ta mang mền vải cho chú từ bốn phía. Một chủ tiệm có năm trăm mền trải trước mặt, một người đi ngang thấy bèn khuyên ông giấu đi. Chủ tiệm hỏi kỹ lại:

- Chú Sa-di nhận mền ra sao? Như quà tặng hay thế nào?

- Như quà tặng.

- Nếu thế thì tôi muốn cho thì cho, còn không thì thôi. Anh đi đi.

Người kia đi rồi, chủ tiệm vẫn không hết băn khoăn: "Có của để ngay tầm mắt người, nếu không cho cũng đáng hổ thẹn, nhưng nếu cất đi chắc cũng không bị trách móc. Trong năm trăm mền này có hai cái trị giá một trăm ngàn đồng đáng cho ta giấu cất". Thế là chủ tiệm xếp giấu cất. Chú Sa-di dẫn một ngàn Tỳ-kheo đến ngay tiệm. Ông chủ thấy chú sanh lòng quý mến, thầm nhủ "Ta cho cả trái tim ta còn được, huống hồ mấy cái mền". Thế là ông lôi luôn hai cái mền tốt để hết dưới chân chú, đảnh lễ và thưa:

- Tôn giả! Xin cho tôi được chia phần chân pháp mà Ngài đã thấy.

Sa-di Tissa hứa khả cho ông.

Vậy là chú nhận tất cả một ngàn chiếc mền và giao hết cho Tăng đoàn. Do đó

các Tỳ-kheo gọi chú là Kambaladàyaka Tissa, người tặng mền.

(Ngày đặt tên, chú bé tặng Trưởng lão một cái mền, lên bảy tuổi thành Sa-di nhận được một ngàn cái. Chỉ có Tăng đoàn của Phật mới từ một món cúng dường nhỏ đưa đến quả phúc lớn như thế).

Ở Kỳ Viên họ hàng của Tissa thường đến thăm hỏi. Chú thấy mình khó tu, nên đảnh lễ Thế Tôn xin đề tài thiền quán, rồi lấy y bát rời tinh xá, đi xa khoảng hai mươi dặm.

Dọc đường Tissa gặp một ông lão tại cổng làng, nhờ ông chỉ đường, chú đến trú tại một tu viện dành cho tăng sĩ ẩn cư trong rừng. Ông lão, vì mến mộ chú, dặn ngày mai vào làng khất thực, rồi quay về

báo cho dân làng biết, họ gọi chú là Vanavàsika Tissa, tức người ở rừng. Tissa vào làng được dân chúng mang phẩm vật tới cúng dường và đảnh lễ, ai cũng đứng lại mãi ngắm chú không muốn về. Họ cúi lạy dưới chân chú thỉnh cầu ở lại trong ba tháng, họ sẽ quy y Tam bảo, giữ năm giới và thực hành bổn phận Tám ngày chay. Chú nhận lời, chúc họ hạnh phúc và hết phiền não. Chú đều đặn đến đó khất thực, qua hai tháng chú chứng A-la-hán cùng các thần thông.

Bây giờ Giới sư của chú là Trưởng lão Xá-lợi-phất sau mùa nhập hạ vừa làm lễ Tự tứ xong, đảnh lễ Thế Tôn và xin đi thăm Tissa. Phật chuẩn y. Tôn giả cho Trưởng lão Mục-kiền-liên hay. Thế là cả hai, mỗi vị dẫn đầu năm trăm Tỳ-kheo cùng lên đường.

Tất cả các vị Đại đệ tử khác như Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ưu-ba-

li, Phú-lâu-na.., mỗi vị dẫn năm trăm Tỳ- kheo cùng đi theo, tổng cộng tất cả là bốn mươi ngàn Tỳ-kheo.

Họ đến ngay ngôi làng đó, hỏi thăm. Một cư sĩ nhìn ra tám mươi vị Đại đệ tử, đầu tiên là vị "Thống soái của niềm tin" là Ngài Xá-lợi-phất. Họ vui mừng bảo nhau mang nào giường, ghế, ngọa cụ, đèn và dầu. Rồi xếp hàng sau các Trưởng lão, họ cùng vào tu viện ẩn cư. Sa-di Tissa nhận ra Tăng đoàn, đỡ lấy y bát của vài vị Đại trưởng lão và làm bổn phận thường lệ với các Ngài.

Xếp đặt chỗ cho các Trưởng lão và cất y bát xong thì trời tối. Xá-lợi-phất bảo các cư sĩ về nghỉ. Họ xin được nghe pháp vì từ lâu không nghe. Trưởng lão bảo Tissa thuyết. Họ đồng thanh bảo Tissa không biết nói gì trừ hai câu cầu "Cầu quý vị

được hạnh phúc! Cầu quý vị hết phiền não!" Trưởng lão bèn hỏi lại chú:

- Sa-di! Làm thế nào người ta có thể được hạnh phúc? Có thể hết phiền não? Hãy giải thích.

Chú thưa:

- Dạ, vâng!

Rồi càm quạt đủ màu, chú lên pháp tòa thuyết giảng nghĩa lý kinh điển từ cạn đến sâu, là con đường đưa đến mức tối cao là quả vị A-la-hán, như cơn mưa rào rơi xuống không ngớt trên bốn châu, giảng rõ ý nghĩa của các bài kinh trong năm bộ A Hàm, và phân tích những thuộc tánh của con người như đức Phật đã trình bày, đó là Năm uẩn, Tứ đại, Căn và Trần. Chú nói tiếp:

- Chư Tôn giả! Hành như thế sẽ trở thành A-la-hán được hạnh phúc! Hành như thế sẽ trở thành A-la-hán hết phiền não. Ai không thoát khỏi phiền não sẽ hệ lụy với những thứ khác, đau khổ ở địa ngục và ở chỗ khác.

Trưởng lão khen ngợi:

- Tốt lắm, Sa-di! Ông đã giải thích kinh điển rất hay, giờ hãy ca ngâm!

Sa-di vâng lời.

Bình minh hôm sau, các thí chủ của Sa- di chia ra hai nhóm. Kẻ thì chê bai:

- Thật chưa thấy ai xử tệ như ông này. Làm sao mà ông ta thuyết pháp được như thế, khi ở tu viện đây đã lâu như ở với cha mẹ mà chẳng đọc một câu pháp nào

cho thính chúng có mặt nơi đây.

Người thì khen tặng:

- Chúng ta quả có phước, tuy chưa biết phân biệt giữa thiện và ác, nhưng biết phục vụ một vị thánh thiện như thế, để bây giờ nghe được pháp từ kim khẩu của Ngài.

Thế Tôn quan sát thế gian thấy thí chủ của Trưởng lão Vanavàsì Tissa chia thành hai nhóm bực bội và hoan hỷ như thế, người bực bội sẽ bị đọa địa ngục, nên Ngài muốn đến đó để họ hòa thuận với đệ tử của Phật, và như thế sẽ thoát khỏi phiền não.

Dân làng trước đó đã dựng một lều, chuẩn bị xúp, gạo.., xếp chỗ ngồi và chờ Tăng chúng nơi Tissa đến khất thực.

Đến giờ đi khất thực, chư Tỳ-kheo hỏi Tissa có đi cùng không. Tissa xin đi sau, khi đến giờ thích hợp. Đoàn Tỳkheo liền đắp y, mang bát lên đường vào làng. Đức Thế Tôn đắp y tại Kỳ Viên và trong chớp mắt xuất hiện, dẫn đầu trước Tăng chúng. Dân làng mừng rỡ reo lớn khi thấy đức Phật xuất hiện. Họ sung sướng dâng tòa ngồi cho Tăng chúng với Phật ngồi ở trước và cúng dường xúp với thức ăn cứng. Sa-di vào làng trước khi Phật cùng Tăng đoàn dùng bữa xong. Họ cung kính dâng thức ăn. Sa-di lấy đủ phần cần dùng rồi đến Thế Tôn dâng bình bát, Phật nhận bình bát đưa qua Trưởng lão Xá-lợi-phất, bảo:

- Hãy xem, Xá-lợi-phất, đây là bình bát của Sa-di ông.

Trưởng lão nhận bình bát, trao trả Sa-di

bảo:

- Hãy ngồi vào chỗ thường lệ và thọ thực đi!

Dân làng hầu hạ Phật với Tăng chúng xong, Phật hồi hướng theo lời họ thỉnh cầu:

- Phước may cho các ngươi, vì Sa-di đến nhà mà các ngươi được đặc ân gặp Xálợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp.. tám mươi Đại đệ tử. Cũng chỉ vì Sa-di này mà Ta đến đây. Các ngươi thật đại phước đã trông thấy Phật!

Dân làng cũng nhận thấy họ thật may mắn được hân hạnh thấy một Sa-di được chư Phật và chúng Tăng chiếu cố đến thế, được cúng dường vị Sa-di ấy như thế. Do đó, những người trước đây bực

bội liền sanh tâm hoan hỷ, những người đã hoan hỷ thì càng hoan hỷ hơn. Cuối lời hồi hướng nhiều người chứng quả Dự lưu, Nhị quả và Tam quả. Rồi Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng lên, ra về. Dân làng tiễn Phật một đoạn đường.

Dọc đường, đi bên cạnh Sa-di, Thế Tôn hỏi tên những nơi trước đây ông già cư sĩ chỉ cho chú. Sau cùng, mọi người đến chỗ chú đã ở. Phật leo lên đỉnh một ngọn núi và nhìn thấy đại dương, liền hỏi chú:

- Tissa! Khi chú đứng trên đỉnh núi và nhìn theo hướng này, chú thấy gì?

- Bạch Thế Tôn, con thấy đại dương.

- Chú nghĩ gì khi nhìn đại dương?

- Bạch Thế Tôn con nghĩ rằng, nước mắt

con đã khóc vì phiền muộn còn nhiều hơn nước bốn đại dương.

- Khéo nói lắm, Tissa! Đúng thế, nước mắt chú đã khóc khi phiền muộn còn nhiều hơn nước bốn đại dương.

Nói xong Thế Tôn đọc kệ:

Nước bốn biển vẫn còn ít ỏi, So lệ người muôn thuở đổ tuôn, Vì buồn rầu, đau khổ điên cuồng, Sao thế bạn, buông lung chi mãi?

Và Ngài hỏi tiếp:

- Tissa, chú ở đâu?

- Trong hang núi này, bạch Thế Tôn.

- Chú nghĩ gì khi ở đây?

- Bạch Thế Tôn, con nghĩ rằng, không biết bao nhiêu lần con đã chết và xác nằm trên đất này.

- Hay lắm! Hay lắm! Tissa, đúng vậy. Không có chỗ nào mà không có chúng sanh nằm xuống và chết đi.

Rồi Thế Tôn đọc chuyện Bổn Sanh Upasalhaka, trong quyển hai như sau:

Mười bốn ngàn xác thiêu ở đây, Của thổ dân Upasàlhakas, Không chỗ nào, không có người chết. Ở đâu có đạo pháp chánh chơn, Thì chúng sanh không bị não hại, Người người tự tri túc, điều phục, Chỗ thánh nhân vui sống an nhàn, Cõi bất tử, vắng

mặt thần chết.

(Thường tình ai cũng chết. Vì chỗ nào cũng có người chết, nên không ai chết rồi mà nằm chỗ chưa có người đã chết cả. Chỉ có Trưởng lão A-nan là trường hợp đặc biệt. Khi Ngài được một trăm hai mươi tuổi, quan sát thọ mạng của mình, thấy giờ xả thân sắp đến, Ngài tuyên bố: "Bảy ngày nữa ta sẽ chết". Dân cư hai bờ sông Rohinì, người bờ bên này, kẻ bờ bên kia đều giành bờ của mình cho Trưởng lão tịch. Muốn tránh sự gây gổ giữa hai bên vì mình, Ngài xác nhận dân hai bờ đều là ân nhân của Ngài. Đúng ngày, Ngài ngồi kiết già khoảng giữa sông, cao hơn mặt nước bảy cây thốt nốt, thuyết pháp cho dân hai bên bờ nghe xong bảo họ rằng thân Ngài sẽ tách ra làm hai, một nửa rơi trên bờ này, nửa kia rơi trên bờ kia. Rồi Ngài nhận định trên

yếu tố lửa. Lập tức những ngọn lửa từ thân Ngài bùng cháy, tách thân ra làm hai mỗi nửa rơi một bên bờ. Tiếng khóc than của dân chúng như đại địa nứt ra. Họ đau xót còn hơn lúc Phật nhập diệt. Suốt bốn tháng họ than tiếc: "Chừng nào vị từng mang y bát đức Đạo sư hãy còn, ta tưởng chừng như đức Đạo sư cũng còn. Nhưng nay Ngài đã ra đi!").

Phật lại hỏi sa-di tiếp:

- Tissa, nghe tiếng cọp beo hay dã thú khác, chú có sợ không?

- Con không sợ, bạch Thế Tôn! Trái lại, nghe tiếng dã thú, tình yêu núi rừng trỗi dậy trong con.

Và chú đọc sáu mươi bài kệ về rừng.

Thế Tôn sắp đi, hỏi chú muốn đi theo hay quay lại. Chú trả lời tùy theo ý thầy của chú. Ngài Xá-lợi-phất hiểu ý đệ tử, bảo chú hãy ở lại nếu muốn. Sa-di bèn đảnh lễ Thế Tôn, Tăng đoàn và quay gót. Thế Tôn trở về Kỳ Viên.

Tại Pháp đường có tiếng bàn tán về Sadi Tissa, từ khi sanh ra, chiêu đãi cúng dường, đi tu rồi nhận thức ăn, bát với nệm lót, mền. Ở đây nhiều lợi dưỡng, nhưng chú từ bỏ hết, vào rừng, chẳng đem theo bất cứ món ăn nào được mang đến. Tissa thật đã làm một điều khó khăn! Thế Tôn đến, nghe thế bèn dạy:

- Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Có một con đường dẫn đến lợi dưỡng, một con đường dẫn đến Niết-bàn. Có bốn hình phạt mở cửa cho Tỳ-kheo nào sống trong rừng và hành những phạm hạnh khác cốt

để được lợi dưỡng. Những Tỳ-kheo nào đi trên đường dẫn đến Niết-bàn, bỏ hết danh tiếng và lợi dưỡng có được, vào rừng phấn đấu, tu tập sẽ chứng quả A-lahán.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(75) Khác thay duyên thế lợi, Khác thay đường Niết bàn. Tỳkheo, đệ tử Phật, Hãy như vậy thắng tri. Chớ ưa thích cung kính, Hãy tu hạnh viễn ly.

VI. Phẩm Hiền Trí 1. Một Người Được Kho Báu Tinh Thần

Nếu thấy bậc hiền trí ...

Giáo lý này Thế Tôn dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Ràdha.

Trước khi trở thành Sa-môn, Ràdha là một Bà-la-môn nghèo ở Xá-vệ. Quyết định đi tu, anh đến tinh xá, làm đủ các việc: cắt cỏ, quét phòng, xách nước rửa mặt. Các Tỳ-kheo đối xử với anh tử tế, nhưng không chịu nhận anh vào Tăng đoàn. Kết quả là anh ngày càng ốm đi.

Một sáng nọ, Thế Tôn quan sát thế gian, thấy người Bà-la-môn có thể chứng quả A-la-hán. Ngài giả vờ dạo quanh tinh xá, đến chỗ Bà-la-môn hỏi:

- Bà-la-môn, anh làm gì ở đây?

- Bạch Thế Tôn, con làm mọi việc lớn

nhỏ cho các Tỳ-kheo.

- Anh có được đối xử tử tế không?

- Bạch Thế Tôn, có. Con được ăn thức ăn đầy đủ, nhưng quý thầy không cho con xuất gia.

Phật liền nhóm họp các Tỳ-kheo hỏi:

- Này, các Tỳ-kheo! Có ai nhớ một việc làm nào của Bà-la-môn kia không?

Trưởng lão Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, khi con khất thực ở thành Vương Xá, anh ta cúng cho con một muỗng đầy thức ăn của chính anh ta. Con nhớ rõ nghĩa cử đó.

- Này Xá-lợi-phất, một người đã làm một

việc như thế, không xứng đáng thoát khỏi phiền não sao?

- Thưa vâng, con sẽ thu nhận anh ta vào Tăng đoàn.

Sau khi gia nhập Tăng chúng, anh ta được một chỗ ngồi trong trai đường ở vòng ngoài. Cháo và những thức ăn khác lâu ngày khiến anh cũng phát chán.

Trưởng lão Xá-lợi-phất cho anh ta đi khất thực chung, thường xuyên răn nhắc, chỉ giáo:

- Con phải làm điều này, không nên làm điều nọ.

Vị Tỳ-kheo cung kính tuân theo, hành đúng như lời dạy, đến nỗi chỉ trong ít ngày chứng A-la-hán. Trưởng lão cùng

ông đến chỗ Thế Tôn, đảnh lễ và ngồi xuống. Phật đón tiếp thân thiện, hỏi:

- Xá-lợi-phất! Đệ tử ông có dễ dạy không?

- Vâng, Thế Tôn! Thầy dễ dạy, bất cứ lỗi gì con chỉ, thầy không hề chống trái.

- Xá-lợi-phất, nếu ông có đệ tử như Tỳ- kheo này, ông sẽ nhận có bao nhiêu người?

- Con sẽ nhận hết, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo bàn tán trong Pháp đường:

- Trưởng lão Xá-lợi-phất là người có lòng biết ơn. Một Bà-la-môn nghèo chỉ cúng cho ông một muỗng thức ăn, cũng biết ơn và cho xuất gia làm đệ tử. Lại

nữa Tôn giả Ràdha, người chịu khó nghe lời răn nhắc, đã có được một vị thầy kiên nhẫn chỉ dạy.

Phật nghe vậy bèn bảo:

- Các Tỳ-kheo! Đây không phải là lần đầu Xá-lợi-phất tỏ lòng biết ơn. Trong một tiền kiếp ông ấy đã từng như thế. Và đức Phật kể chuyện bổn sanh Alìnacitta như sau:

Alìnacitta, kẻ cường địch phải thảm bại, Alìnacitta bắt sống vua nước Kosala, người bất mãn quân mình. Cũng vậy, Tỳ-kheo tinh tấn, theo hướng dẫn đúng tu hành, Nhờ tu tập phạm hạnh, Niết-bàn đã đạt

đến, Khi chín muồi nhân duyên thời tiết, Sẽ cởi tháo hết mọi buộc ràng.

Phật bảo tiếp:

- Thuở ấy, Trưởng lão Xá-lợi-phất là con voi đơn độc, đã tặng con bạch tượng con cho đám thợ mộc, để đền ơn chữa chân đau.

Và Phật nhắc đến Tôn giả Ràdha:

- Các Tỳ-kheo! Khi một Tỳ-kheo được chỉ lỗi, vị ấy nên tuân hành giới luật như Ràdha.. Và khi bị khiển trách, không nên bất bình. Lý đáng còn phải xem người khiển trách mình như người chỉ cho kho báu.

Rồi Ngài nói Pháp Cú:

(76) Nếu thấy bậc hiền trí, Chỉ lỗi và khiển trách, Như chỉ chỗ chôn vàng, Hãy thân cận người trí! Thân cận người như vậy, Chỉ tốt hơn, không xấu.

2. Những Tỳ Kheo Ương Ngạnh

Những người hay khuyên dạy ...

Thế Tôn dạy câu này tại Kỳ Viên, liên quan đến các Tỳkheo Assajipunabbasuka. Nhưng chuyện bắt đầu từ Kìtàgiri.

Các Tỳ-kheo này là học trò hai vị Đại đệ tử, nhưng lại xấu ác và không biết hổ thẹn. Thời gian ở Kìtàgiri, họ trồng và sai người trồng cây cảnh và phạm đủ mọi

hạnh xấu. Họ quấy rầy gia đình, đòi các thứ cần dùng. Họ làm cho các Tỳ-kheo đàng hoàng trong tinh xá khó chịu.

Nghe được, Thế Tôn quyết định tẩn xuất họ khỏi Tăng đoàn. Ngài cho gọi hai Đại đệ tử đến với đồ chúng bảo:

- Hãy tẩn xuất kẻ không vâng lời. Nhưng khuyên răn và dạy dỗ những người biết vâng lời. Người hay khuyên răn và dạy dỗ bị kẻ ít trí ghét bỏ, nhưng được người có trí kính mến.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(77) Những người hay khuyên dạy, Ngăn người khác làm ác, Được người hiền kính thương, Bị người ác không thích.

Hai Đại đệ tử Xá-lợi-phất và Mục-kiềnliên khuyên răn và dạy dỗ các Tỳ-kheo. Một số vâng lời sửa đổi cố tật, một số hoàn tục, còn số khác bị trục xuất khỏi Tăng đoàn.

3. Trưởng Lão Xa-Nặc

Chớ thân với bạn ác ...

Tại Kỳ Viên, Thế Tôn dạy câu trên vì Trưởng lão Xa-nặc.

Có lần Trưởng lão Xa-nặc nhục mạ hai Đại đệ tử:

- Từ ngày cùng Thế Tôn đại xả ly, tôi chẳng thấy có ai khác, thế mà nay hai Trưởng lão này lại rêu rao "Ta là Xá-lợi-

phất, ta là Mục-kiền-liên, chúng ta là hai Đại đệ tử".

Nghe các Tỳ-kheo kể lại lời của Xa-nặc, Thế Tôn cho mời ông đến khiển trách. Ông im lặng được một hồi, nhưng sau đó tiếp tục chê bai hai Trưởng lão. Thế Tôn lại gọi và khiển trách ông lần thứ hai, lần thứ ba:

- Xa-nặc, hai Đại đệ tử là bạn tốt của ông, là bậc thượng nhân. Hãy làm bạn với những người tốt như thế, và chỉ học tập họ.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(78) Chớ thân với bạn ác, Chớ thân kẻ tiểu nhân, Hãy thân người bạn lành, Hãy thân bậc thượng nhân.

Nhưng Trưởng lão Xa-nặc, tuy nghe Phật dạy như thế, vẫn tiếp tục chê bai nhục mạ hai Trưởng lão như trước. Các Tỳkheo lại bạch với Phật và được Ngài dạy như sau:

- Các Tỳ-kheo! Bao lâu Ta còn sống, các ông sẽ không dạy nổi Xa-nặc. Tuy nhiên, sau khi Ta nhập diệt, các ông sẽ thành công.

Khi Thế Tôn sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả A-nan hỏi Phật phải đối xử với Trưởng lão Xa-nặc thế nào? Thế Tôn dạy phải mặc tẩn (Brahmadanda). A-nan đã y lời Thế Tôn, gọi Xa-nặc đến tuyên bố như thế. Ông lo âu buồn bã, cảm thấy thất thế, chớ không lên mặt như ba lần trước. Ông la lên:

- Tôn giả, xin đừng hại con!

Từ đó ông hết lòng chu toàn bổn phận, chẳng bao lâu chứng quả A-la-hán và các thần thông.

4. Trưởng Lão Đại Kappina

Pháp hỷ đem an lạc...

Thế Tôn đã dạy câu trên tại Kỳ Viên, liên quan đến Tôn giả Đại Kappina.

Chuyện quá khứ

4A. Thợ Dệt Và Gai Chủ

Xưa kia, Tôn giả Đại Kappina đã phát nguyện dưới chân Phật Padumuttara. Trải qua nhiều kiếp luân hồi, sau cùng Ngài xin làm thợ dệt chánh tại một làng

dệt gần Ba-la-nại. Lúc đó có một ngàn vị Phật Độc Giác đã ở tám tháng trong Hymã-lạp-sơn, xuống núi đến vùng lân cận Ba-la-nại để trú qua bốn tháng mưa, và tám vị được phái đến yết kiến vua để xin chỗ ở. Vua đang bận rộn chuẩn bị lễ Hạ Điền, nên trả lời thẳng thừng là không rảnh để lo, hẹn các vị trở lại vào ngày mốt, xong quay lưng về cung, không mời ngay cả một bữa ăn. Các vị bèn quyết định qua làng khác.

Tình cờ vợ người thợ dệt chánh đi đến Ba-la-nại, gặp các vị, đảnh lễ và hỏi thăm:

- Chư Tôn giả! Có việc gì mà các vị đến phi thời như thế?

Khi biết rõ mọi việc, và vốn thông minh, thành tín, bà liền mời các vị thọ trai vào

ngày mai. Dù sau đó biết các vị Phật lên đến một ngàn, bà vẫn đoán chắc với các vị là làng này có một ngàn thợ dệt, và mỗi người sẽ lo cho một vị, thực phẩm lẫn chỗ ở. Được các vị hứa khả, bà tức tốc về làng báo tin, rồi cho dựng rạp, sắp chỗ ngồi, chuẩn bị các món ăn thượng vị chờ đón. Cuối bữa ăn, bà cùng tất cả phụ nữ làng đảnh lễ các vị và

thưa thỉnh họ ở lại ba tháng. Được nhận lời, bà động viên dân làng, mỗi nhà một người xách búa, rìu, vào rừng đốn cây để dựng lều cỏ và lá. Mỗi nhà dựng một lều, có chỗ ở ban ngày và chỗ nghỉ ban đêm, tất cả một ngàn cái. Và dân làng đã cung ứng đầy đủ mọi nhu cầu của các vị trong ba tháng mưa. Đến ngày cuối, bà thuyết phục mỗi nhà cúng cho vị Phật đã nhập hạ trong lều của mình một bộ y đáng giá một ngàn đồng. Hết mùa an cư, các vị Phật cảm tạ, ra đi.

Do công đức này, dân làng dệt tái sanh làm một nhóm chư thiên ở cõi trời ba mươi ba. Hưởng hết phước báo cõi Trời, họ tái sanh làm những gia chủ ở Ba-lanại dưới thời Phật Ca-diếp. Thợ dệt chánh là con trai một tộc trưởng, vợ anh ta cũng là con gái một tộc trưởng. Các cô lập gia đình với các ông trước kia là chồng mình.

Ngày nọ, nghe tin Thế Tôn thuyết pháp, các gia chủ đưa vợ cùng đến tinh xá. Vừa vào cổng thì mưa trút xuống. Những người có họ hàng với Sa-di hay Tỳ-kheo trong tinh xá thì vào thất các vị ấy trú. Còn đám gia chủ này chịu trận vì không có thân nhân.

Gia chủ trưởng cằn nhằn với người của mình:

- Thật là kỳ cục! Những người đàng hoàng đứng đắn như chúng ta đây lâm vào hoàn cảnh như thế này, thật đáng xấu hổ!.

Và ông khuyên mọi người hùn tiền lại xây một tinh xá cho Phật. Gia chủ trưởng cúng một ngàn đồng, gia chủ khác mỗi người năm trăm, các bà vợ mỗi người hai trăm năm chục. Vì công trình quá qui mô, với một ngàn ngọn tháp bao quanh, nên nửa chừng hụt tiền họ phải đóng thêm một nửa số tiền nữa. Tinh xá hoàn tất, họ làm lễ khánh thành, cúng dường Phật và Tăng chúng suốt bảy ngày và tất cả hai mươi ngàn Tỳ-kheo mỗi vị một bộ y.

Riêng vợ của gia chủ trưởng cũng đóng góp như mọi người và với khôn ngoan bà phát tâm cúng dường thêm cho Phật một

bộ y màu hoa Anoja trị giá một ngàn đồng với một bó hoa Anoja, bà xin được đẹp và có tên như hoa Anoja ở kiếp sau. Phật hứa khả. Sau khi mạng chung, mọi người đều sanh thiên.

Chuyện hiện tại

4B. Vua Kappina Và Hoàng Hậu Anoja

Từ cõi trời, gia chủ trưởng tái sinh vào hoàng tộc xứ Kukkutavatì, tức vua Kappina. Những người khác đều làm quan trong triều. Vợ của ông thì tái sanh vào hoàng cung xứ Maddà trong thành Sàgala. Nước da bà y như màu hoa Anoja nên có tên là Anoja. Khi đến tuổi thành hôn, bà trở thành vợ vua Kappina, hoàng hậu Anoja. Các phụ nữ khác cũng sanh vào nhà các quan, mọi người đều hưởng vinh hoa phú quý,

y như vua, cũng cưỡi voi hoặc ngồi xe ngựa, cũng trang phục lộng lẫy, vì đời trước họ và vua đều cùng làm phước y như nhau.

Nhà vua có năm con ngựa: Vàla, Puppha, Vàlavàhana, Pupphavàhana và Supatta. Con Supatta dành cho vua và bốn con kia cho những người đưa tin. Một sáng, vua hạ lệnh

cho họ phóng ra bốn cửa thành tìm khắp trong hai, ba dặm xem có Phật, Pháp, Tăng không. Họ trở về không tin tức gì.

Ngày kia, vua cùng các cận thần cưỡi ngựa dạo hoa viên, thấy năm trăm thương nhân dáng mệt mỏi đang tiến vào thành. Vua cho vời họ lại hỏi thăm, biết đâu nghe được tin lành. Họ từ thành Xávệ đến, cách đây một trăm hai mươi dặm đường, và điều làm cho vua run lên với

năm cảm xúc vui mừng là họ báo tin đấng Giác Ngộ, đức Phật đã ra đời. Ngập ngừng một lát, vì không tự chế ngự nổi, vua lắp bắp hỏi lại cho chắc:

- Đạo hữu, quý vị nói gì?

- Đức Phật đã ra đời.

Lần thứ hai, rồi lần thứ ba vua nghe như thế, và tặng cho họ một trăm ngàn đồng, xong hỏi tiếp còn tin gì nữa không?

- Thưa Đại vương, Giáo pháp đã ra đời.

Cũng như lần trước, vua ngập ngừng vì không chế ngự được cảm xúc của mình, hỏi lại lần thứ hai, lần thứ ba, rồi cho một trăm ngàn đồng nữa. Và khi được nghe Tăng đoàn đã ra đời, họ lại được vua ban thêm một trăm ngàn đồng nữa.

Vua nhìn lại một nghìn cận thần của mình, hỏi:

- Đạo hữu, hạnh phúc của quý vị là gì?

Họ hỏi lại vua:

- Còn hạnh phúc của đại vương là gì?

- Phật đã ra đời, Pháp đã ra đời, Tăng đã ra đời. Ta không trở về cung điện nữa, vì Đạo sư, ta sẽ đi tu theo Ngài.

Họ đồng thanh thưa:

- Tâu đại vương, chúng tôi cũng xuất gia như Ngài.

Vua viết thông điệp trên một dĩa vàng, trao cho đám thương nhân và bảo họ:

- Hoàng hậu Anoja sẽ cho các ngươi ba

trăm ngàn đồng ngay khi nhận thông điệp này "Vương quyền nay giao trọn cho hoàng hậu, hãy an hưởng phú quý vinh hoa". Và nếu hoàng hậu hỏi ta ở đâu thì cho biết ta đã lên đường xuất gia theo Đạo sư.

Các cận thần cũng gởi thư về cho vợ tương tự như thế. Và vua tôi hơn một ngàn người ra đi.

Sáng sớm hôm ấy, Phật quán sát thế gian biết rõ sự việc như trên, và còn thấy trước là họ sẽ chứng A-la-hán với các thần thông, nên Ngài đến gặp họ. Giống như một Chuyển Luân thánh vương đến gặp thôn trưởng nhỏ, đức Phật đắp y ôm bát, lên đường đi suốt hai trăm dặm, đến ngồi bên bờ sông Candabhàgà, dưới một gốc đa và phóng hào quang

sáu màu. Trên đường đi, nhà vua và các quan gặp

một con sông tên Aravacchà sâu một dặm, rộng hai dặm, không có thuyền bè gì. Nếu cứ đi tìm thuyền bè thì già chết theo sau. Và với quyết tâm từ bỏ thế gian vì Tam Bảo, vua nguyện thần lực của Tam Bảo sẽ cho nước sông không còn là nước nữa. Rồi vua hướng về đức Phật, chú tâm:

- Ngài là đấng Giác Ngộ, Thế Tôn, bậc Chánh Biến Tri.

Trong khi chú tâm như vậy, vua và các quan trên lưng ngàn ngựa phi trên mặt sông như trên đá phẳng, không bị ướt dù chỉ đầu móng chân.

Qua sông rồi, vua tiếp tục gặp con sông khác tên là Nīlavàhanà, sâu nửa dặm, rộng nửa dặm. Mọi việc diễn ra y như trước, chỉ khác là lần này vua chú tâm

vào Pháp Bảo:

- Giáo pháp do Thế Tôn thuyết vi diệu thay!

Đến con sông thứ ba là Candabhàgà sâu một dặm, rộng một dặm. Lần này vua chú tâm vào Tăng Bảo:

- Tăng đoàn của Thế Tôn tối chơn chánh thay!

Qua sông rồi vua tiếp tục hành trình thì trông thấy hào quang sáu màu từ thân Phật phóng ra. Cành, thân, lá cây đa đều như bằng vàng. Vua nghĩ rằng ánh sáng này không phải của mặt trời, mặt trăng, rồng, thần Garuda (Kim xí điểu), mà vì vua quyết đi xuất gia theo Thế Tôn nên đã được đức Phật thấy biết. Vua lập tức xuống ngựa, nghiêng mình về phía hào

quang, đến chỗ Thế Tôn. Vua bước vào Phật quang như bị ngập trong biển son, đảnh lễ Thế Tôn rồi cùng một ngàn cận thần cung kính ngồi một bên.

Thế Tôn theo thứ lớp thuyết pháp. Cuối thời pháp, vua và các quan chứng quả Dự lưu, cùng đứng lên xin gia nhập Tăng đoàn. Phật quán sát, biết rằng những vị này trước đây cúng một ngàn y cho một ngàn vị Phật Độc Giác, và trong thời Phật Ca-diếp cũng cúng hai mươi ngàn bộ y cho hai mươi ngàn Tỳ-kheo. Như vậy họ sẽ được y bát do thần lực. Phật liền duỗi tay phải ra và nói:

- Hãy đến, chư Tỳ-kheo! Hãy sống đời phạm hạnh, đoạn tận phiền não.

Ngay đó họ đều được tám món cần dùng, thành các Trưởng lão trăm tuổi. Họ bay

lên không, đáp xuống đất đảnh lễ Đạo sư và ngồi xuống.

Về phần các thương nhân đến hoàng cung, gặp hoàng hậu đưa dĩa vàng. Họ thuật chuyện lại. Và khi họ lặp lại tin Phật, rồi Pháp, rồi Tăng ra đời, cũng y như vua, hoàng hậu chấn động cả thân tâm; mỗi tin như thế bà thưởng cho họ ba trăn ngàn đồng. Sau cùng nghe vua và các quan đều xuất gia thành Tỳ-kheo, hoàng hậu triệu tập phu nhân các quan, kể lại chuyện, và mọi người đồng hỏi hoàng hậu:

- Họ có nhắn gì không, thưa hoàng hậu?

- Họ giao toàn bộ tài sản, địa vị cho các bạn tự do an hưởng.

- Nhưng hoàng hậu định như thế nào?

- Nhà vua biết phú quý vinh hoa sẽ dẫn đến đau khổ, thì ta cũng vậy. Ai lại quỳ xuống liếm nước bọt của vua nhổ ra. Ta không cần vinh hoa phú quý, ta cũng sẽ lên đường theo đấng Đạo sư.

- Vậy chúng tôi cũng theo lệnh bà và xuất gia.

Và hoàng hậu ra lệnh chuẩn bị một ngàn xe ngựa rồi cùng các phu nhân lên đường. Cũng như vua trước đây, bà đến con sông đầu tiên, thắc mắc không biết làm sao, chỉ thị tìm dấu chân ngựa của vua, nhưng không thấy gì hết. Nghĩ rằng chắc vua tuyên bố "Vì Tam Bảo mà từ bỏ thế gian" và nhờ đó qua sông, hoàng hậu cũng nguyện y như vậy, và chú tâm về Tam Bảo lực, bà hạ lệnh cho một ngàn xe ngựa tiến lên qua sông như phi trên tảng đá phẳng. Cả đoàn và luôn cả vành xe

đều không ướt. Cũng thế, bà qua hai con sông còn lại.

Biết bà sắp đến, Thế Tôn biến hóa khiến các Tỳ-kheo vô hình, không ai thấy các Ngài ngồi quanh Phật, hoàng hậu đến gần trông thấy hào quang chiếu sáng, bà cũng nghĩ như vua trước đó. Gặp Thế Tôn bà đảnh lễ, cung kính đứng một bên thưa hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Con nghĩ Đại Kappina đã đến đây và thưa với Thế Tôn từ bỏ thế gian vì đấng Đạo sư. Hiện nay vua ở đâu xin chỉ cho chúng con.

Phật bảo:

- Hãy ngồi xuống! Các con sẽ gặp ông ta ngay đây.

Các bà rất vui mừng, vì nghĩ rằng ngồi đó sẽ thấy được chồng mình. Và họ ngồi xuống.

Thế Tôn thuyết pháp theo thứ lớp. Cuối bài pháp, hoàng hậu và đoàn tùy tùng đều chứng quả Dự lưu. Trưởng lão Đại Kappina và tùy tùng nghe Phật thuyết pháp cho các bà liền chứng A-lahán cùng các thần thông. Lúc đó Thế Tôn chỉ các Tỳ-kheo cho các bà. Sở dĩ Thế Tôn không chỉ các Tỳ-kheo ngay vì e rằng các bà thấy chồng mình đắp y vào, đầu trọc, sanh tâm phiền muộn không thể chứng được đạo quả. Khi niềm tin các bà đã vững chắc, Phật mới chỉ cho thấy các Tỳ-kheo lúc đó là bact A-la-hán. Và các bà đã sụp lạy trước các vị tân A-la-hán, thưa:

- Chư Tôn giả! Các Ngài bây giờ đã đạt

đến cứu cánh của đời tu.

Rồi họ đảnh lễ Thế Tôn, cung kính đứng một bên và xin được gia nhập Tăng đoàn. Vài Tỳ-kheo nghĩ rằng Thế Tôn sẽ giao cho Tỳ-kheo Ni Liên Hoa Sắc (Uppalavannà) nhưng Thế Tôn lại bảo họ đến Xá-vệ, vào tinh xá của Tỳkheo ni. Họ đi bộ suốt một trăm hai mươi dặm. nơi nào cũng được dân chúng đối xử tử tế và tôn kính. Họ được nhận vào Ni chúng và chứng A-la-hán. Thế Tôn dẫn một ngàn Tỳ-kheo bay lên không về Kỳ Viên.

Tại Kỳ Viên, Tôn giả Đại Kappina đến chỗ ở ban ngày và chỗ ngủ ban đêm thốt lên:

- Ôi hạnh phúc thay! Ôi hạnh phúc thay!

Các Tỳ-kheo nghe được báo cho Thế Tôn, nghĩ rằng chắc ông nói vì hạnh phúc quyền thế khi còn làm vua. Thế Tôn gọi Ngài đến hỏi tại sao lại nói về hạnh phúc của tình yêu và quyền thế. Ngài thản nhiên trả lời rằng chắc Thế Tôn thừa biết Ngài có thốt những lời như thế hay không. Thế Tôn liền bảo các Tỳ- kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Đệ tử Ta nói như thế không phải liên quan đến quyền lực. Ông ấy đang uống nước pháp và hạnh phúc trong chánh pháp. Niềm hoan hỷ của ông ấy liên quan đến Niết-bàn bất tử.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(79) Pháp hỷ đem an lạc, Với tâm tư thuần tịnh, Người trí thường hoan hỷ, Với pháp bậc

thánh thuyết.

5. Sa-Di Pandita

Người trị thủy dẫn nước..

Do chuyện Sa-di Pandita, Thế Tôn đã dạy như trên tại Kỳ Viên.

Chuyện quá khứ

5A. Đế Thích Và Người Nghèo

Thuở Phật Ca-diếp còn tại thế, Tăng đoàn gồm hai mươi ngàn Tỳ-kheo đã lậu tận. Một hôm Phật hướng dẫn họ đến Bala-nại. Dân chúng nghe tin, họp từng nhóm tám hoặc mười người cúng dường. Sau khi thọ thực Phật hồi hướng công

đức:

- Này các cư sĩ, trong thế gian này, có những người chính mình bố thí nhưng không khuyên người khác bố thí, như vậy họ được giàu có nhưng không có gia nhân. Có người khuyên người khác bố thí nhưng chính mình thì không, như vậy họ có gia nhân nhưng không có của cải. Cũng có người chính mình không bố thí và cũng chẳng khuyên người khác bố thí, như vậy họ chẳng có của cải, cũng chẳng có gia nhân, sống như người ăn cơm thừa canh cặn. Còn một hạng người nữa vừa tự mình bố thí, vừa khuyên người khác bố thí, họ được cả hai phước báu về của cải và gia nhân.

Lúc bấy giờ có một người trí đứng gần đó nghe thế phát tâm cúng dường Phật và cả hai mươi Tỳ-kheo. Được Phật nhận

lời thọ thực vào ngày mai, ông vào làng loan báo đến mọi người. Và với sự cổ động của ông, người xin cúng cho mười vị, kẻ hai mươi vị, một trăm vị, năm trăm vị. Ông ấy ghi số vào lá bối. Trong thành có một người rất nghèo, người ta gọi ông là "Ông hoàng nghèo" Mahàduggata, và ông cũng được mời cúng dường. Ông chỉ biết trả lời:

- Trời! Tôi mà làm được gì cho các Tỳkheo? Các Tỳ-kheo cần người giàu cúng cho họ, còn tôi, một mẻ gạo để nấu cháo cho ngày mai còn không đủ, thì có đâu cho các

Tỳ-kheo chứ?

Ông kia cố gắng giải thích thêm:

- Ông Mahàduggata ơi! Trong thành này nhiều người sống xa hoa, ăn uống những món đắt tiền, lụa là gấm vóc phủ thân,

trang sức kiêu kỳ, giường êm nệm ấm. Nhưng ông kiếm không lấp đầy bao tử. Có phải là ông chưa từng cho ai cái gì?

- Tôi cũng nghĩ thế, ông ạ!

- Vậy tại sao bây giờ ông không tạo công đức đi? Ông còn trẻ, mạnh khỏe, sao không bố thí cúng dường theo khả năng mình?

Xúc động, ông hoàng nghèo bảo ghi tên mình lá cúng cho một Tỳ-kheo. Nhưng ông kia cho rằng chỉ có một Tỳ-kheo thì viết lên lá làm chi, nên quên mất.

Ông hoàng nghèo về nhà cho vợ hay, và cả hai đồng lòng đi làm thuê để lo cúng dường. Ông đến một thương gia giàu, người đãi ba trăm Tỳ-kheo, được giao cho việc bửa củi. Ông thắt dây lưng chặt

và làm hết sức mình. Thương gia nhận thấy ông làm việc thật phi thường, ngạc nhiên hỏi, và khi biết được vì ông muốn có thức ăn để cúng dường, thương gia thán phục.

Bà vợ thì được vợ thương gia giao cho giã gạo. Bà giã xong, giần, sàng một cách hân hoan vui sướng như đang khiêu vũ. Và khi được biết lý do cũng là để có thức ăn cúng dường, vợ thương gia cũng rất thán phục.

Xong việc, phần ông nhận được bốn đấu gạo tiền công, và gấp bốn lần nữa do thương gia tốt bụng biếu thêm. Phần bà thì được một chén mật, một hũ sữa đặc, một lô gia vị và một đấu gạo. Vui mừng vì thấy mình đủ vật dụng cúng dường, họ dậy thật sớm chuẩn bị. Bà bảo ông đi tìm lá cà ri, ra chợ không có, ông phải đi dọc

bờ sông nhặt lá, ca hát vui vẻ, nghĩ bụng "Hôm nay, ta sẽ hân hạnh được cúng dường các Tỳ-kheo!". Một người câu cá gần đấy nghe tiếng ca hát đến hỏi thăm, và cho anh thêm cá.

Thế Tôn quan sát thế gian, biết chuyện tên các Tỳ-kheo được cúng dường đều viết trên lá, trừ vị của ông nghèo bị bỏ sót. Vậy không có Tỳ-kheo nào cho ông cúng dường sao? Đương nhiên là phải có, đó là Thế Tôn. Khi ông về nhà chuẩn bị nấu nướng thì ngai của Đế Thích nóng lên. Biết có chuyện, và biết rằng Phật dành phước cho ông hoàng nghèo, Đế Thích hóa hình đến nhà ông xin nấu giúp. Ông nghèo không có tiền trả công nên Đế Thích chỉ làm công đức, giành quyền nấu cơm và cháo, và bảo ông nghèo đi tìm vị Tỳ-kheo của ông. Người vận động đưa các Tỳ-kheo có tên trên lá

đến từng nhà, đến ông nghèo thì trả lời là quên mất. Ông như bị dao đâm vào bụng, đấm ngực khóc xin cho được một Tỳkheo. Dân chúng nghe kể, phiền trách người vận động, làm anh ta bối rối không biết tính thế nào cho ổn, chợt nhớ đến Thế Tôn, vội bảo ông nghèo đến tinh xá thỉnh Phật:

- Rất đông vua chúa, đại thần đang đợi trước hương thất, muốn thỉnh Phật mà chưa được. Phật rất thương người nghèo, anh cứ nói rõ và xin ban phước, chắc chắn sẽ được.

Ông nghèo làm theo, đến ngay hương thất. Phật mở cửa, đưa bình bát cho ông. Mọi người trông thấy đều há hốc miệng, trong khi lòng ông hớn hở như được làm Chuyển Luân thánh vương. Họ không dám đoạt bình bát của Phật trong tay

ông, nhưng dụ cho ông tiền. Ông đều từ chối hết.

Nhà vua biết tiền bạc không cám dỗ được ông nghèo, nên không ai lấy được bình bát của Phật đã trao ông ta nhưng vua vẫn cho là ông ta cúng dường chẳng đáng bao nhiêu, nên định bụng đến giờ ông ta dâng thức ăn, sẽ đưa Thế Tôn về cung cúng dường. Do đó vua đi theo Phật.

Tại nhà ông hoàng nghèo, Đế Thích đã nấu xong cháo, cơm, cà ri và những món khác, soạn sẵn chỗ ngồi cho Thế Tôn và ngồi chờ. Ông nghèo đưa Thế Tôn đến nhà và mời vào. Nhà cửa ông thấp lè tè, phải cúi đầu mới vào được. Nhưng đối với chư Phật thì chẳng bao giờ phải cúi đầu, mặt đất phải hạ thấp xuống, hoặc nhà phải nâng cao. Đây là phước báo do

sự bố thí của chư Phật, và khi các Ngài về thì mọi sự lại như cũ. Do đó Phật vào nhà vừa vặn, ngồi xuống ghế đã soạn. Lúc đó vua bảo Mahàduggata hãy giở cho thấy những thứ gì dọn cho Thế Tôn. Mở đồ đậy ra thì nào cháo, cơm và những thứ khác, hương thơm ngào ngạt bay khắp cả thành. Vua đành đảnh lễ Thế Tôn, thú thật ý định của mình, và xin ra đi vì sợ làm cho thí chủ khó chịu. Đế Thích dâng món ăn lên Thế Tôn và phục vụ Phật tận tụy. Thọ thực xong, Thế Tôn hồi hướng công đức và đứng lên ra về. Đế Thích ra hiệu cho ông nghèo đỡ bình bát của Thế Tôn và đi theo Phật.

Đế Thích quay về nhà ông nghèo, ngừng trước cửa và nhìn lên trời. Lập tức bảy báu mưa xuống, đổ đầy lu và hũ chỉ trong nhà ông nghèo mà thôi. Trẻ nhỏ phải bế ra ngoài vì không còn chỗ trống

để ở. Mahàduggata trở về, thấy vậy biết rằng đó là phước báo do sự cúng dường. Ông lên cung vua xin giao hết tài sản, phải một ngàn xe mới chở đủ. Tất cả đều chất đống trước sân hoàng cung, cao bằng cây thốt nốt. Vua chỉ cho dân chúng thấy, và hỏi họ có ai sở hữu bằng ngần này không. Họ nhìn nhận không ai bằng ông nghèo, và đồng lòng cử cho ông làm chưởng khố. Vua chỉ chỗ căn nhà vị chưởng khố trước đã ở, bảo ông dọn sạch cây cỏ để xây nhà cho ông. Khi nền nhà dọn sạch và bằng phẳng, lòi ra nhiều bình vàng bạc châu báu chạm nhau leng keng. Vua được báo, xác nhận:

- Lần trước, bảy báu từ trời mưa xuống đầy nhà là do sự cúng dường chư Phật thật sự toàn hảo. Lần này châu báu hiện ra cũng do công đức của ông. Vậy chỉ mình ông được hưởng.

Cất nhà xong, Mahàduggata cúng dường Phật và Tăng chúng bảy ngày. Sau khi mạng chung, ông sanh thiên. Hưởng hết phước lạc cõi trời suốt thời gian giữa hai vị Phật, ông tái sanh thời Phật hiện tại vào nhà một thương gia giàu có ở Xá-vệ, một cận sự của Trưởng lão Xá-lợi-phất.

Chuyện hiện tại

5B. Pandita, Sa Di Bẩy Tuổi

Khi mang thai ông hoàng nghèo, bà mẹ mơ ước được dâng cúng năm trăm Tỳkheo do Trưởng lão Xá-lợi-phất dẫn đầu, đồng thời đắp y vàng, ngồi vòng ngoài hội chúng và nhận thức ăn thừa của Tỳkheo. Ước mơ được thành tựu, bà chiêu đãi Tăng chúng bảy lần nữa. (Tương tự như truyện Tissa).

Đến ngày đặt tên, bà xin Trưởng lão truyền giới cho đứa bé. Được bà cho biết trong nhà này ai khờ khạo, điếc câm đều trở nên khôn ngoan từ ngày bà mang thai đứa bé, do đó Ngài đặt tên là Pandita Dàraka, nhà hiền trí.

Lên bảy chú muốn đi tu. Và y hệt Tissa chú được mẹ xin Trưởng lão dẫn đến tinh xá, rồi được Trưởng lão cạo tóc dạy thiền quán trên năm yếu tố đầu tiên của thân, đồng thời chú cũng được thu nhận vào Tăng đoàn. Cha mẹ Tissa ở lại bảy ngày cúng dường trong tinh xá rồi mới đi về.

Ngày thứ tám Trưởng lão dẫn chú vào làng, trễ hơn các Tỳ-kheo, vì Trưởng lão còn phải đi quanh khắp tinh xá dọn dẹp, quét tước, đổ đầy nước uống và nước rửa mặt, sửa lại giường ghế cho đúng chỗ,

cũng như đồ đạc vứt ném bừa bãi mất trật tự. Vì Ngài không muốn cho ngoại đạo vào tinh xá co dịp chê bai: "Hãy xem thói tật của đệ tử ẩn sĩ Cồ-đàm kìa!" Chú bé chưa biết cách đắp y ôm bát nên phải theo sát thầy, sau khi đã được thầy chỉ dạy.

Trên đường đi, chú thấy một rãnh nước dẫn vào ruộng, thắc mắc hỏi thầy. Thầy giải thích đó là vật vô tri nhưng con người có thể điều khiển, dẫn dắt đến bất cứ nơi nào theo ý muốn. Chú lại băn khoăn: Thế sao con người có trí lại không kiểm soát, điều phục tâm mình để chứng quả A-la-hán?

Đi thêm một quãng nữa, chú thấy người làm tên đang hơ mũi tên và gậy trên lửa và nheo mắt để uốn thẳng. Chú lại hỏi thầy và cũng băn khoăn sao những mũi

tên vô tri có thể uốn thẳng được bằng cách hơ lửa, trong khi con người có trí lại không thể kiểm soát và điều phục tâm mình để đạt quả A-la-hán?

Đi xa thêm một chút, chú thấy thợ mộc đang đeo căm, vành trục và những phần khác của bánh xe. Chú cũng thắc mắc y như trước: Nếu ta có thể lấy những mãnh gỗ vô tình này làm thành bánh xe chạy theo ý mình, thì tại sao ta cũng có trí nhưng không điều phục tâm ý để đạt đến quả vị A-la-hán.

Do đó chú thưa với Trưởng lão xin Ngài nhận lại y bát của Ngài vì chú muốn trở về. Trưởng lão không cho phép mình tự nghĩ "Chú nhỏ Sa-di này mới vào tăng đoàn mà đã nói năng như thể ta là ông Phật nhỏ hơn". Ngược lại, Ngài tùy thuận nhận lại y bát của mình, và còn

đưa chìa khóa thất vì sợ chú ở ngoài trời nguy hiểm. Chú còn dặn thầy nếu mang thức ăn về cho chú, chỉ xin thứ chú ưa thích, nếu do công đức của Ngài không được thì sẽ nhờ công đức của chú.

Chú Sa-di Pandita vâng lời thầy mở cửa thất thầy vào tọa thiền, quán về thân, điều phục tâm ý. Ngai Đế Thích bỗng nói lên, Ngài hiểu rõ mọi chuyện, bèn muốn đến đó giúp đỡ nên ra lệnh:

- Tứ thiên vương, hãy đuổi chim đang làm tổ trong vườn tinh xá, và gác bốn góc!

- Thần mặt trăng hãy giữ mặt trăng lại!

- Thần mặt trời hãy giữ mặt trời lại!

Rồi Đế Thích hiện hình người đi đến chỗ

treo sợi dây mở và đóng cửa, đứng gác. Không một tiếng động nào trong tinh xá trừ tiếng lá rơi. Tâm chú Sa-di an tĩnh, và chỉ trong khoảng bữa ăn, chú điều phục được tâm ý và chứng Tam quả.

Trong lúc đó, Trưởng lão đến nhà thí chủ Ngài biết rõ là rất kính mến Ngài để khất thực. Họ dâng thức ăn đúng món chú Sadi thích và xin Ngài thọ thực xong sẽ mang thức ăn về cho Sa-di. Trưởng lão nghĩ đệ tử mình chắc đói lắm, nên độ xong vội vàng về tinh xá.

Sáng sớm, Thế Tôn dùng điểm tâm xong đến tinh xá. Ngài thấy hết diễn biến về Sa-di Pandita, và cũng biết là chú sẽ chứng A-la-hán trước bữa ăn. Như thế, nếu Trưởng lão về đến tinh xá đưa thức ăn, sẽ gây trở ngại trong lúc chú đang thiền quán. Vì vậy, Thế Tôn đến chờ

Trưởng lão tại thất, và hỏi Ngài bốn câu:

- Xá-lợi-phất, ông mang gì thế?

- Bạch Thế Tôn, thức ăn.

- Thức ăn mang lại cái gì?

- Bạch Thế Tôn cảm thọ.

- Cảm thọ mang lại cái gì?

- Sắc chất, bạch Thế Tôn.

- Sắc chất mang lại cái gì?

- Bạch Thế Tôn, xúc.

Ý nghĩa như thế này: Một người đói được ăn, thức ăn sẽ làm hết đói và mang thọ lạc. Từ thọ lạc thân sẽ đẹp, tốt thêm, nên nói rằng từ thọ sinh sắc. Được sắc

thân như thế, người đó sanh tâm hoan hỉ, do đó khi ngồi hoặc nằm đều được xúc hoan hỉ.

Trong thời gian bốn câu hỏi và đáp liên tục thì chú Sa-di chứng A-la-hán cùng các thần thông. Thế Tôn lúc đó mới bảo Trưởng lão đưa thức ăn cho Sa-di. Trưởng lão vâng lệnh đến thất gõ cửa. Chú bước ra bưng lấy bình bát để qua một bên, cầm quạt lá cọ quạt cho Trưởng lão. Được thầy bảo ăn, chú mới ăn. Thế là chú bé bảy tuổi, đã là Sa-môn

vào ngày thứ tám, như một bông huệ nở tươi mát, ngồi xuống thực hành các pháp quán chiếu tự tâm, rồi thọ thực.

Rửa và cất bát xong, hai vị thần trả tự do cho mặt trời và mặt trăng. Tứ thiên vương thôi không gác bốn góc, Đế Thích cũng ngưng gác cửa, và mặt trời đang

giữa trưa bỗng lặn mất.

Các Tỳ-kheo bàn tán:

- Bóng đêm bất thường trùm xuống, mặt trời lặn giữa trưa, chú Sa-di mới vừa ăn sáng xong, vậy là sao nhỉ?

Phật đến, nghe họ kể lại, đáp rằng:

- Đúng vậy, các Tỳ-kheo! Khi chú Sa-di cố gắng đạt quả A-la-hán thì các vị thần giữ mặt trời, mặt trăng lại, đứng gác bốn góc tinh xá hay gác tại cửa; chính Ta, dù là Phật cũng không thể nghỉ ngơi, nên phải đến với đệ tử của Ta; người trí thấy người trị thủy dẫn nước, thợ làm tên uốn tên, thợ mộc đẽo gỗ, đã thiền quán trên các đề mục đó, và tự thắng mình chứng A-la-hán.

Và Phật đọc Pháp Cú:

(80) Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên nắn tên, Người thợ mộc uốn gỗ, Bậc trí nhiếp tự thân.

6. Vững Vàng Như Đá Tảng

Như đá tảng kiên cố ...

Tại Kỳ Viên, Thế Tôn đã dạy như thế, liên quan đến Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya.

Các Sa-di và những người khác chưa biết Trưởng lão nên thường kéo tóc, nắm tai, bẹo mũi, hỏi đố:

- Chú ơi! Chú không mỏi mệt vì đạo à? Đạo làm chú vui thích không?

Trưởng lão không bực bội, cũng không mích lòng. Các Tỳ-kheo thấy vậy xì xào với nhau, Thế Tôn nghe được liền bảo:

- Đúng thế các Tỳ-kheo! Người trừ hết lậu hoặc, không giận dữ hay bực bội, nhưng bình thản, không lay động như tảng đá kiên cố.

Và đọc Pháp Cú:

(81) Như đá tảng kiên cố, Không gió nào lay động, Cũng vậy, giữa khen chê, Người trí không giao động.

7. Yên Lặng Sau Cơn Bão

Như hồ nước sâu thẳm ...

Thế Tôn đã dạy như thế tại Kỳ Viên, liên quan đến mẹ của Kànà.

Mẹ của Kànà, một tín nữ đã chứng quả Dự lưu, gả con gái cho một người ở làng khác. Kànà có dịp về thăm mẹ được ít ngày thì chồng cô nhắn về. Cô chào mẹ, được mẹ cầm lại, bảo rằng:

- Con đã ở đây lây, sao lại về tay không?

Rồi bà làm bánh, ý cho cô có ít quà cáp đối với nhà chồng. Lúc đó có một Tỳkheo đến khất thực. Bà mời ngồi và cúng dường đầy bát. Vị ấy ra đi kể lại cho người khác nghe. Rồi người thứ hai, thứ ba, thứ tư đến khất thực, cả bốn người

đều được cúng dường bánh, nên hết bánh. Kaanaa phải ở lại. Chồng cô nhắn hai, ba lần, và cũng vì lý do đó cô không về được. Chồng cô không chờ nữa, lấy vợ khác. Nghe tin, Kànà cho rằng các Tỳ-kheo đã hại hạnh phúc của cô, do đó cô chửi bới, nhục mạ mọi Tỳ-kheo cô thấy. Các Tỳ-kheo không dám đi qua nhà cô nữa. Thế Tôn biết chuyện liền đến đó. Bà mẹ mời ngồi và cúng dường cháo và thức ăn cứng. Rồi Thế Tôn hỏi thăm Kànà, bảo gọi đến và hỏi:

- Kànà, tại sao thấy Ta con lại phiền não và khóc lóc?

Bà mẹ kể cho Thế Tôn biết việc nàng đã làm. Phật quay về phía cô, hỏi tiếp:

- Kànà, Ta nghe rằng đệ tử Ta tới nhà con khất thực và mẹ con cho họ bánh,

vậy họ có lỗi gì?

Cô sụt sùi đáp:

- Các Tỳ-kheo ấy không có lỗi, bạch Thế Tôn, chỉ có con có lỗi.

Rồi cô đảnh lễ Thế Tôn xin được tha thứ. Phật thuyết pháp cho cô và cô chứng quả Dự lưu. Thế Tôn trở về tinh xá, vua trông thấy khi Ngài đi ngang qua hoàng cung, nên xin được đảnh lễ. Vua hỏi thăm về Kànà va sau đó hỏi Phật:

- Bạch Thế Tôn, Ngài có làm ngưng được sự nhiếc móc của cô ta đối với các Tỳ-kheo hay không?

Phật đáp:

- Được, Đại vương! Cô ta đã hết nhiếc

móc, và đã làm chủ tài sản xuất thế gian.

- Bạch Thế Tôn, tốt lắm. Vậy con sẽ cho cô ta tài sản thế gian.

Đảnh lễ Thế Tôn xong, vua quay về cung, gởi cho cô một kiệu lớn, cho cô trang điểm lộng lẫy, nhận cô làm công chúa và thông báo kén phò mã. Một đại quý tộc cưới cô. Từ đó cô đặt người tại bốn cửa và cho phục vụ tất cả các Tỳkheo và Tỳ-kheo Ni. Cô còn muốn kiếm nhiều Sa-môn hơn nữa để phục vụ cúng dường nhưng không có. Thực phẩm cúng dường thì dồi dào, cả cứng lẫn mềm, luôn luôn có sẵn tại nhà và tuôn ra cửa như một trận lụt lớn.

Các Tỳ-kheo lại bàn tán tại Pháp đường về cô. Thế Tôn đến, nghe họ kể lại, bèn đáp:

- Các Tỳ-kheo! Đây không phải lần đầu mà trong tiền kiếp bốn Trưởng lão ấy cũng đã làm phiền Kànà. Cũng không phải lần đầu Ta thuyết phục cô ta mà trong tiền kiếp cũng đã như thế.

Các Tỳ-kheo xin Phật kể lại chuyện quá khứ, Thế Tôn bèn kể chuyện Bổn Sanh Babbu

Một con mèo tìm được, Con thứ hai xuất hiện. Con thứ ba, thứ tư, Hang này chúng tìm đến.

Bốn con mèo lúc đó là bốn Tỳ-kheo. Con chuột là Kànà và người thợ châu báu là Thế Tôn. Và Ngài nói Pháp Cú:

(82) Như hồ nước sâu thẳm, Trong sáng, không khuấy đục.

Cũng vậy nghe chánh pháp, Người trí hưởng tịnh lạc.

8. Một Lũ Lang Thang. Do chuyện năm trăm Tỳ-kheo, Thế Tôn đã dạy như trên tại Kỳ Viên. Truyện bắt đầu ở Veranjà.

Thế Tôn nhận lời mời của Bà-lamôn Veranjà đến Veranjà nhập hạ với năm trăm Tỳ-kheo. Nhưng Bà-la-môn bị Ma vương mê hoặc đến nỗi không hề nghĩ đến Phật, dù chỉ một ngày. Hơn nữa tại đây lại xảy ra nạn đói. Các Tỳ-kheo ra ngoài khất thực nhưng không nhận được gì và đói lả. Các nhà buôn ngựa sau đó có cho họ lúa ngựa. Trưởng lão Mụckiền-liên thấy họ đói quá, xin phép

đến Uttarakuru khất thực nhưng Thế Tôn không cho. Tuy thế các Tỳ-kheo không hề lo âu đến lương thực một ngày nào, mà chỉ lo tu để diệt trừ tham ái dục lậu.

Sau ba tháng, Thế Tôn báo cho Bà-lamôn Ngài ra đi, ông lễ kính Phật và được quy y. Xong, Phật và các Tỳ-kheo trở về Kỳ Viên. Dân Xá-vệ dâng đầy đủ thức ăn chào mừng Ngài trở về.

Thuở đó do lòng tốt của các Tỳ-kheo mà năm trăm ăn mày sống trong vòng rào tinh xá. Ăn xong thức ăn thừa của các Tỳ-kheo rồi họ nằm lăn ra ngủ. Thức dậy, họ chạy ra bờ sông la hét, nhảy nhót, vật lộn đùa giỡn. Khi ở bên trong hang, ở bên ngoài tinh xá, họ đều chẳng được tích sự gì, chỉ có bê bối.

Trong Pháp đường, các Tỳ-kheo bàn tán,

có vẻ không bằng lòng. Lúc gặp nạn đói ở Veranjà họ đây có lôi thôi, nhưng bây giờ ăn uống đủ thứ họ lại buông lung phóng túng, đủ kiểu tai hại. Còn các Tỳkheo thì ở Veranjà và ở đây đều sống yên bình, và tĩnh lặng.

Thế Tôn vào Pháp đường hỏi các Tỳ- kheo, nghe kể lại, bèn bảo:

- Trong những kiếp trước họ cũng hành động như thế. Họ vốn là năm trăm con lừa uống cặn nước nho thừa của năm trăm ngựa giống Sindh, nước đó đã pha thêm với nước lã rồi lọc qua một cái khăn, một thứ nước tồi tàn, nhạt nhẽo không còn mùi vị gì. Uống xong, chúng say sưa, la hí vang rân.

Một miếng rượu nhạt thừa, Làm lừa say nghiêng ngửa. Ngựa

Sindh chẳng chuếch choáng, Dù uống rượu tốt ngon. Tây đại vương, cũng thế! Người ngu dễ dàng say, Người trí luôn điềm đạm, Rượu ngon chẳng chuyển lay.

Và Thế Tôn nói tiếp:

- Như thế, này các Tỳ-kheo! Người hiền từ bỏ tham dục xấu ác, và không giao động dù vui hay buồn.

Rồi Ngài đọc Pháp Cú:

(83) Người hiền bỏ tất cả, Người lành không bàn dục, Dầu cảm thọ lạc khổ, Bậc trí không vui buồn.

9. Chồng Và Vợ

Không vì mình, vì người ...

Thế Tôn đã dạy câu này tại Kỳ Viên, liên quan đến Trưởng lão Dhammika.

Tại Xá-vệ, một cư sĩ sống đời chánh trực, muốn đi tu, một hôm thân mật báo cho vợ biết. Bà vợ xin chồng đợi sinh con xong. Đợi đến khi đứa bé biết đi, ông lại nói nữa. Bà vợ lại bảo đợi nó trưởng thành. Đối với ông, cho phép hay không, không thành vấn đề vì lòng ông đã giải thoát đau khổ của chính mình.

Rồi ông xuất gia, thành Sa-môn. Nhận đề tài thiền quán, ông nỗ lực tu tập và đạt được tuyệt đích của đời tu. Ông trở về

Xá-vệ, tìm gia đình và thuyết pháp cho con. Anh ta đi tu và cũng chứng A-lahán. Bà vợ thấy ở nhà không còn ai nữa, nên cũng phát tâm đi tu, và cũng chẳng bao lâu chứng A-la-hán.

Tại pháp đường các Tỳ-kheo thảo luận, và được Phật dạy:

- Các Tỳ-kheo! Người trí không trông mong thành đạt dù cho mình hay cho người khác. Người chơn chánh chỉ tìm đường nương tựa vào giáo pháp.

Và nói Pháp Cú:

(84) Không vì mình, vì người. Không cầu được con cái, Không tài sản quốc độ, Không cầu mình thành tựu, Với việc làm phi pháp. Vị ấy thật trì

giới, Có trí tuệ, đúng pháp.

10. Ít Người Đến Bờ Kia

Ít người giữa nhân loại ...

Thế Tôn đã dạy như thế khi ngụ tại Kỳ Viên, liên quan đến vấn đề nghe pháp.

Dân cư tại một con đường ở Xá-vệ rủ nhau đi cúng dường, và quyết định ở lại suốt đêm nghe pháp, nhưng họ không thể nghe cả đêm được. Vài người đã bị dục tình chi phối và đã bỏ về nhà, một số thì lo hờn lo giận, những người khác thì hôn trầm dã dượi, ngồi ngủ gà ngủ gật, không một giọt pháp nào lọt vào tai.

Các Tỳ-kheo bàn tán về chuyện trên

trong pháp đường. Thế Tôn nghe được liền dạy:

- Các Tỳ-kheo! Chúng sanh trong thế gian hầu hết đều dính mắc vào tam độc. Rất ít người qua được bờ bên kia.

Và Ngài đọc Pháp Cú:

(85) Ít người giữa nhân loại Đến được bờ bên kia. Còn số người ở lại Xuôi ngược chạy bờ này.

(86) Những ai hành trì pháp Theo chánh pháp khéo dạy Sẽ đến bờ bên kia Vượt ma lực khó thoát.

11. Từ Bỏ Đen Tối

Kẻ trí bỏ phép đen ...

Câu này Thế Tôn dạy tại Kỳ Viên, liên quan đến năm mươi Tỳ-kheo đến thăm.

Năm mươi Tỳ-kheo đã nhập hạ tại nước Kosala xong, giải hạ đến viếng Thế Tôn. Họ đảnh lễ Ngài và cung kính ngồi một bên.

Thế Tôn lắng nghe kinh nghiệm hành trì của họ và dạy họ Pháp Cú:

(87) Kẻ trí bỏ pháp đen Tụ tập theo pháp trắng Bỏ nhà, sống không nhà, Sống viễn ly khó lạc.

(88) Hãy cầu vui Niết bàn Bỏ

dục, không sở hữu, Kẻ trí tự rửa sạch Cấu uế từ nội tâm.

(89) Những ai với chánh tâm, Khéo tu tập giác chi, Từ bỏ mọi ái nhiễm, Hoan hỷ không chấp thủ, Không lậu hoặc, sáng chói, Sống tịch tịnh ở đời.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.